

MỤC LỤC

VII. TRỞ LẠI ĐẢO ROYALE.....	2
IX. ĐẢO SAINT-JOSEPH - CÁI CHẾT CỦA CARBONIERI.....	45
X. ĐẢO QUỲ - CHIẾC GHE CỦA DEIFLUS	80
XI. TỪ GIÃ NƠI NGỤC TÙ	143
XII. GEORGETOWN	150

VII. TRỞ LẠI ĐẢO ROYALE

Như vậy quả thật là nhờ một phép màu mà tôi được trở lại đảo Royale với chế độ phạm nhân chịu án bình thường. Tôi rời Royale ra với một án tám năm tù cấm cố và nhờ liều thân cố che một người bị nạn, mười chín tháng sau, tôi lại được trở về.

Tôi đã gặp lại các bạn cũ: Dega, vẫn làm kế toán, Galgani đi phát thư, Garbonieri, đã được trắng án sau vụ tôi vượt ngục, Graldet, Bourset thợ mộc, cùng hai anh em Đẩy Xe: Naric và Quenier, Chatal ở bệnh xá, người đã đồng lõa với tôi trong chuyến vượt ngục đầu tiên, và Maturette vẫn ở đảo Royale làm phụ y tá.

Tất cả bọn lục lâm vùng rừng núi đảo Corse cũng còn cả đây: Essari, Vicioli, Cesari, Razori, Fosco, Maucuer và Chapa đã từng làm cho La Griffe bị chết chém vì câu chuyện chứng khoán ở Marseille. Tất cả các minh tinh của những vụ tội phạm từ năm 27 đến năm 35 đều còn tại đây.

Marino, người đã giết Dufréne, vừa chết bệnh cách đây một tuần. Ngày ấy, lũ cá mập đã được một bữa thịnh soạn. Một chuyên viên bậc nhất về đá quý của thủ đô Paris đã được dọn cho chúng chén.

Barrat, biệt danh là “Nữ diễn viên”, còn là nhà triệu phú kiêm vô địch quần vợt ở Limoges, kẻ đã giết một người tài xế cùng cậu bạn thân, quá thân là khác, của y. Barrat là trưởng phòng thí nghiệm và là dược sĩ của bệnh viện đảo Royale. Một bác sĩ có tính hay bông lơn nói rằng, ở đảo, người ta bị bệnh lao theo quyền cộ về.

Tóm lại, việc tôi trở về đảo Royale chẳng khác nào một phát đại bác. Tôi trở lại nhà giam những kẻ cứng đầu, vào một buổi sáng thứ bảy. Gần như ai nấy đều có mặt đông đủ, và mọi người không từ ai, đều đến chào tôi, hết sức niềm nở. Cả cái anh thợ sửa

đồng hồ, vốn câm nín không nói bao giờ từ cái buổi sớm trứ danh mà anh ta suýt bị chết chém vì nhầm lẫn, cũng đến chào tôi.

- Thế nào, các bạn, khỏe cả chứ!

- Khỏe cả, Papi ạ, hoan nghênh cậu đã trở về.

- Chỗ của cậu vẫn còn đấy, Grandet nói. Từ khi cậu đi vẫn để trống.

- Cảm ơn tất cả. Có gì mới không?

- Có một tin vui.

- Gì vậy?

- Đêm qua, trong nhà xí, trước mấy cái ống thoát nước, người ta đã tìm thấy thằng cha dạo nọ treo lên ngọn dừa để rình và tổ giác cậu, bị giết chết. Chắc một người bạn thân của cậu vì không muốn để gặp mặt thằng cha ấy đã tiết kiệm hộ cậu cái việc ấy.

- Tớ rất muốn biết cậu đó là ai để cảm ơn.

- Chắc sẽ có ngày cậu ấy sẽ nói ra với cậu thôi. Vào giờ điem danh sáng nay, người ta thấy thằng cha ấy bị một nhát dao vào tim. Chẳng ai trông thấy hay nghe thấy gì cả.

- Thế là hơn. Còn bài bạc ra sao?

- Vẫn vậy. Chỗ của cậu vẫn còn đấy.

- Hay lắm. Thế thì có thể bắt đầu sống trở lại cái cảnh khổ sai chung thân rồi. Chẳng biết chuyện này sẽ chấm dứt ra sao và vào lúc nào.

- Papi này, thật tình bọn tớ choáng người đi khi biết là cậu phải lãnh tám tám lịch. Bây giờ cậu đã trở về đây, tớ nghĩ rằng trên đảo này, không ai lại có thể từ chối, không chịu giúp đỡ cậu về bất cứ việc gì, dù mạo hiểm đến mấy.

- Ông chỉ huy gọi anh đấy, - một tên lính da đen nói.

Tôi theo hắn ra. Ở vọng gác, có vài tên canh sát nói vui vài câu với tôi. Tôi theo tên đến gọi tôi và gặp thiếu tá Prouillet.

- Khỏe chứ, Papillon?

- Thưa chỉ huy, khỏe.

- Tôi mừng thấy anh được đặc xá, và tôi cũng khen anh về hành động can đảm của anh đối với đứa con gái nhỏ của người bạn đồng sự của tôi.

- Xin cảm ơn ông.

Tôi giao cho anh việc chăn trâu cho đến lúc anh được trả về với việc đồ thùng và được quyền đi câu.

- Nếu điều này không có gì phiền đến ông nhiều quá tôi xin tuân lệnh.

- Đây là việc của tôi. Giám thị của xưởng không còn ở đây, còn tôi trong ba tuần nữa, tôi cũng về Pháp. Thế là mai, anh đến nhận việc nhé.

- Thưa chỉ huy, tôi không biết cảm ơn ông bằng cách nào.

- Bằng cách chờ một tháng nữa rồi hãy tìm cách vượt ngục, được không? - Prouillet vừa cười vừa nói.

Trong phòng giam, tôi thấy vẫn những người ấy, với cách sinh hoạt hàng ngày vẫn như trước khi tôi đi. Những dân mê cờ bạc thuộc một loại người riêng biệt, chỉ suy nghĩ và sống vì bài bạc. Những ai có một thằng “bạn trẻ” thì cùng ở, cùng ăn, cùng ngủ với nó. Đây là những cặp vợ chồng thật sự, và sự đam mê cùng tình yêu giữa đàn ông với nhau chiếm hết tâm tư của họ, cả ngày lẫn đêm. Cũng có những cảnh ghen tuông, những dục vọng không kiềm chế nổi, làm cho “chồng” và “vợ”, cứ rình mò lẫn nhau và gây ra những vụ giết người không sao tránh khỏi nếu một trong hai “vợ chồng” chán người kia và bay đi tìm những mối tình mới.

Tuần qua, vì người đẹp Charlie (tức Barrat), một tù nhân da đen tên là Simplon đã đâm chết một người tên là Sidero. Đây là người thứ ba bị Simplon đâm chết do yêu Charlie.

Tôi về trại mới được vài giờ đã có hai thằng cha đến tìm tôi.

- Này, Papillon, tôi muốn biết Maturetté có phải là của anh không?

- Hỏi để làm gì?

- Tôi có lý do riêng của tôi.

- Anh hãy nghe tôi nói. Maturette đã vượt ngục đi với tôi một chuyến dài 2500 kilômét, và cậu ấy đã xử sự như một người đàn ông chân chính. Tôi chỉ nói với anh có vậy thôi.

- Tôi muốn biết cậu ấy có thuộc về anh không?

- Không, tôi không hề biết Maturette trong vấn đề tình dục. Tôi quý trọng cậu ấy như một người bạn thân, ngoài ra, tôi không quan tâm đến cái gì hết trừ phi có ai muốn hãm hại cậu ấy.

- Nếu có ngày cậu ấy là vợ tôi thì sao?

- Lúc đó nếu cậu ấy bằng lòng, thì tôi không xen vào làm gì. Nhưng nếu anh hãm dọa cậu ấy để buộc cậu ấy theo anh, thì anh sẽ có chuyện với tôi đấy.

Những kẻ đồng tình luyến ái thì dù bị động hay chủ động, đều như nhau, vì cả hai loại người đó khi đã đam mê rồi thì chẳng còn nghĩ đến cái gì khác. Tôi đã gặp cậu người Ý có cái plan bằng vàng cùng đi một chuyến tàu với tôi. Cậu ta đến chào tôi. Tôi hỏi:

- Cậu vẫn ở đây à?

- Tôi đã xoay đủ cách. Mẹ tôi gửi cho tôi 12000 francs, thằng lính lấy công sáu ngàn, tôi chi mất bốn ngàn để khỏi bị nhốt, tôi lại được đưa đi chiếu X quang ở Cayenne rồi cũng chẳng được việc gì. Sau đấy tôi lại bị buộc tội là đã làm một người bạn bị thương. Anh biết nó đấy, nó là Razoni, dân kẻ cướp đảo Corse đấy.

- Ủ! rồi sao nữa?

- Nó thỏa thuận với tôi, nó tự gây ra một vết thương ở bụng, và tôi sẽ ra tòa án binh với nó, nó thì là người buộc tội, còn tôi là người có tội. Bọn tôi còn không được lên đảo nữa. Chỉ có 15 ngày là xong hết. Tôi lãnh án sáu tháng cấm cố. Ấy là chuyện ở năm ngoái. Anh còn không biết tôi ở đấy nữa cơ. Papi ơi, tôi chịu hết nổi rồi. Tôi muốn tự vẫn đi cho xong.

- Thà chết trong một chuyến vượt ngục còn hơn, ít ra cậu được chết tự do.

- Anh nói đúng, tôi đã sẵn sàng để làm đủ mọi việc. Anh có tính chuyện gì, cho tôi biết với nhé.

- Đồng ý.

Cuộc sống ở đảo Royale cứ tiếp tục. Và tôi đã đi chăn trâu. Tôi phải trông một con trâu đực tên là Brutus. Nó nặng hai tấn, khét tiếng là dữ: nó đã giết hai con trâu đực. Viên giám thị Angosti, chuyên trách phần công việc này, nói với tôi: “Đây là lần cuối cùng. Nó còn giết một con nữa là phải thịt nó thôi”. Sáng nay, tôi làm quen với Brutus. Anh chàng da đen người Martinique vẫn chăn dắt nó, phải ở lại một tuần để chỉ dẫn cho tôi. Tôi đã kết thân được với Brutus ngay từ đầu bằng cách đá vào mũi nó: cái mũi to và dài của nó ưa liếm chất mặn. Rồi tôi cho nó vài trái xoài ương mà tôi hái được ở vườn bệnh viện. Tôi thắng nó vào một chiếc xe bò thô sơ, xứng với cái xe bò cổ lỗ của các đời Vua Lười Biếng xa xưa, và dắt nó đi.

Trên xe, có một thùng ton-nô chứa ba ngàn lít nước. Công việc của tôi cùng anh bạn Brutus là xuống bờ biển, đổ nước vào thùng rồi chở lên cái dốc khủng khiếp này đến tận bãi bằng. Tối đó, tôi mở nắp cho nước chảy vào các cống rãnh cuốn cho hết chất bẩn còn lại từ buổi sớm. Tôi bắt đầu làm từ sáu giờ, khoảng chín giờ thì xong việc.

Sau bốn ngày, anh chàng người Martinique tuyên bố là tôi đã có thể xoay sở một mình được. Chỉ có một chuyện phiền: năm giờ sáng, tôi đã phải bơi đi tìm Brutus trôn trong ao, vì nó không muốn làm việc. Điểm yếu của nó là ở lỗ mũi cho nên tôi đặt một cái vòng xuyên qua mũi nó, và thường xuyên buộc với một đoạn dây dài 50 phân. Khi tôi tìm được nó, nó lủi đi, lặn xuống nước rồi nhô lên ở một chỗ xa hơn. Đôi khi tôi mất cả tiếng đồng hồ mới tóm được nó trong cái ao nước tù hãm hôi tanh, đầy những sâu bọ và hoa súng. Tôi cáu kỉnh rửa mặt mình: “Đồ khốn nạn. Đồ mặt dày? Cứng đầu cứng cổ đến thế nữa! Mà có chịu ra không thì bảo!” Nó chỉ chịu nghe khi tôi đã nắm được sợi xích của nó. Còn chửi rửa, nó cóc cần. Nhưng cuối cùng, khi nó ra khỏi ao thì nó lại trở thành bạn của tôi.

Tôi có hai cái can trước kia đựng mỡ, nay dùng để chứa nước ngọt. Tôi bắt đầu tắm cho hết nước nước nhớt nhúa ở ao. Khi tôi sát xà-phòng và kỳ cọ cẩn thận cho mình rồi, còn lại đến hơn nửa thùng nước ngọt, tôi lấy nắm xơ dừa để cọ rửa cho Brutus. Tôi kỳ cọ thật kỹ những chỗ kín của nó, vừa cọ vừa dội nước. Thế là Brutus cọ đầu vào tay tôi rồi tự nó đến đứng trước cang xe. Không bao giờ tôi dùng gậy nhọn thúc nó đi như anh chàng người Martinique vẫn làm. Chắc nó cũng biết ơn tôi, vì với tôi, nó rảo bước nhanh hơn. Có một con trâu cái nhỏ rất đẹp mê Brutus. Nó luôn đi bên cạnh chúng tôi. Khác với anh chàng kia, tôi không xua đuổi nó - tôi để cho nó hôn Brutus và theo chúng tôi đi bất cứ đâu. Ví dụ, khi chúng hôn nhau, tôi không phá bao giờ, và Brutus đã chịu ơn tôi, vì nó đã kéo ba ngàn lít nước với một tốc độ nhanh không ngờ. Hình như nó muốn dành lại khoảng thời gian nó đã làm mất đi những khi dừng lại liếm láp Marguerite (đó là tên con trâu cái).

Hôm qua, trong buổi điểm danh sáu giờ, có một câu chuyện bê bối nho nhỏ do Marguerite gây ra. Hình như anh chàng da đen người Martinique đã leo lên một bức tường thấp và ở đó ngày nào chàng ta cũng hôn hít Marguerite. Bị lính gác bất ngờ tóm được, cậu ta lĩnh mười ngày xà-lim. Về tội “giao cấu với súc vật”. Theo đúng quy chế chính thức. Thế mà hôm qua, khi điểm danh, Marguerite lại dẫn xác vào trại, cô nàng đi ngang qua hơn sáu chục người và đến trước anh chàng da đen, cô nàng chổng mông lại, giơ đít ra cho chàng kia. Ai nấy đều cười phá lên và chàng da đen xấu hổ đến xám mặt.

Mỗi ngày tôi phải ba lần đi chuyển nước. Lâu nhất là việc chờ hai người phụ tôi đổ nước vào đầy thùng chứa, nhưng công việc cũng khá nhanh. Đến chín giờ, tôi đã xong việc, được quyền đi câu.

Tôi đã liên minh với Marguerite để kéo Brutus ra khỏi ao. Cứ gãi vào tai là cô ta ghé ọ, nghe giống như thằng ngựa cái động đực. Và Brutus tự động lên khỏi ao. Tuy tôi không phải tắm rửa cho mình nữa, tôi vẫn cọ rửa cho nó, còn cẩn thận hơn trước. Sạch sẽ, không còn bị mùi hôi hám của nước ao tù bám suốt đêm trong

lúc nó ngủ ở ao, nó càng được Marguerite ưa thích hơn và điều đó làm cho nó linh hoạt hẳn lên.

Từ bờ biển đi lên, lưng chừng dốc, có một khoảng bằng; ở đấy có một hòn đá to. Brutus quen nghỉ xả hơi năm phút ở chỗ đó, tôi lấy đá chèn bánh xe lại: làm như vậy, nó yên tâm nghỉ ngơi hơn. Nhưng buổi sáng hôm đó, một con trâu khác, tên là Danton, cũng to như Brutus, nấp sau những cây dừa nhỏ chỉ có lá không, bởi vì đây là một vườn ươm cây. Chờ sẵn chúng tôi tại đấy Danton xô ra tấn công Brutus. Con này nhảy sang bên, tránh được cú đánh, con kia đụng phải cái xe. Một bên sừng của nó cắm vào thùng ton-nô. Danton cố hết sức để gỡ sừng ra, tôi tháo dây thắng cho Brutus ra khỏi càng xe. Thế là Brutus chạy lấy đà lên phía trên cao, ít ra cũng chừng 30 mét rồi phi nước đại lao vào Danton. Không biết vì sợ hay do tuyệt vọng, trước khi con trâu của tôi tới được chỗ nó, con Danton đã giật được sừng ra khỏi thùng tuy một mẫu sừng bị gãy còn mắc tại đấy, nhưng Brutus không hãm lại kịp thời nên xô vào và lật đổ cái xe.

Đến đây tôi được chứng kiến một chuyện kỳ quái nhất. Brutus và Danton đã chạm sừng vào nhau mà không xô đẩy nhau, chúng chỉ cọ cặp sừng kèch xù của chúng vào nhau thôi. Dường như chúng nói với nhau, nhưng chúng lại không kêu rống lên mà chỉ thở phì phò. Con trâu cái từ từ leo lên dốc, theo sau là hai con đực. Thỉnh thoảng hai con này dừng lại, cọ đầu và đan sừng vào nhau. Thấy lâu lắc quá, Marguerite rên rỉ một cách uể oải rồi lại đi về phía bãi bằng ở trên đảo. Hai con vật khổng lồ kia vẫn đi song hàng, theo sau.

Sau ba lần dừng lại với những nghi thức như vậy, chúng tôi đã lên tới bãi bằng. Chỗ chúng tôi đứng lại ở trước cây đèn pha là một khoảng trống dài chừng ba trăm mét. Một phía là trại tù, bên trái và bên phải là hai tòa nhà của bệnh viện: một cho tù nhân, một cho cảnh binh. Danton và Brutus vẫn đi phía sau cách hai mươi bước. Còn Marguerite, nó bình thản đến giữa khoảng đất và dừng lại. Hai con trâu thù địch tiến lên ngang nó. Thỉnh thoảng nó lại rống lên một tiếng dài nghe ai oán và rõ ràng là kêu gọi. Hai con kia lại chạm sừng vào nhau một lần nữa nhưng lần này tôi có

cảm giác là chúng thật sự nói chuyện với nhau vì lẫn với hơi thở của chúng, có cả những âm thanh chắc chắn là có một ý nghĩa nào đó.

Sau cuộc nói chuyện này, một con trâu chậm chạp đi về phía bên phải, còn con kia về phía trái. Chúng đến đứng tận hai đầu khoảng trống. Marguerite vẫn đợi ở chính giữa. Tôi hiểu ngay: đây là một cuộc quyết đấu tay đôi theo đúng thể thức, được cả hai phía chấp nhận, trong đó con trâu cái sẽ là chiến lợi phẩm. Con trâu cái non tơ cũng có vẻ đồng ý, nó còn tỏ ra hãnh diện chẳng kém hai chàng mê gái sắp đánh nhau vì cô nàng.

Marguerite cất tiếng rống lên hai con trâu đực mới lao vào nhau. Trong đoạn đường mà mỗi con vượt qua, mỗi phía dài độ một trăm năm mươi mét, không cần phải kể rằng cái khối nặng hai ngàn ki-lô của chúng được nhân lên gấp bội với tốc độ chạy của chúng. Hai cái đầu va phải nhau, mạnh đến nỗi cả hai chết lặng đi đến năm phút. Con nào cũng khuyu xuống. Brutus đã hồi sức lại trước và dậy được, nó phi về chỗ cũ. Cuộc chiến đấu kéo dài hai giờ. Lính gác muốn giết chết Brutus, nhưng tôi không chịu, và đèn lúc chạm sừng. Danton bị gãy rời hẳn đoạn sừng bị hỏng khi mắc vào chúng ton-nô. Nó bỏ chạy, Brutus đuổi theo. Cuộc chiến đấu còn kéo dài sang ngày hôm sau. Chúng chạy qua chỗ nào: vườn tược, nghĩa địa, xưởng giặt, thì chỗ đó bị tàn phá tan tành. Chỉ sau khi đã quần nhau suốt đêm, mãi tận sớm hôm sau, lúc bảy giờ sáng, Brutus mới dồn được Danton vào chân tường lò sát sinh ở gần bờ bể và tại đây, nó đã dùng sừng đâm thủng bụng con Danton. Để kết thúc hẳn địch thủ, Brutus lăn đi lăn lại hai lần để cho sừng xoáy sâu vào bụng con Danton và con này đã ngã gục xuống chết, trong một suối máu lẫn với lòng ruột. Cuộc chiến đấu giữa hai con vật khổng lồ làm Brutus kiệt sức đến nỗi tôi phải đỡ sừng cho nó, nó mới đứng lên được. Nó loạng choạng rời khỏi nơi ấy theo con đường ven bờ biển và con Marguerite đã tới đi bên nó, dùng cái đầu không có sừng của mình để đỡ cái cổ đồ sộ của anh bạn thắng cuộc.

Tôi không được chứng kiến đêm tân hôn của chúng, vì tên lính gác coi đàn trâu đồ tội cho tôi là đã cởi dây thắng cho Brutus

nên tôi bị mất việc chăn trâu: Tôi xin được gặp chỉ huy để nói chuyện về Brutus.

- Chuyện xảy ra thế nào vậy, Papillon? Phải giết Brutus thôi, nó nguy hiểm quá. Nó đã giết mất ba con trâu tốt rồi.

- Thưa, tôi đến để xin ông hãy cứu lấy Brutus. Người gác trông coi việc trông trọt, chuyên lo lũ trâu không hiểu gì hết. Xin ông cho phép tôi được kể lại là Brutus đã tự vệ chính đáng ra sao

Viên trại trưởng mỉm cười:

- Tôi nghe đây.

- Như vậy, như ông chỉ huy đã thấy, con trâu của tôi bị tấn công trước. - Sau khi kể các chi tiết, tôi kết luận như vậy. - Hơn thế nữa, nếu tôi không cỡi dây cho Brutus thì con Danton đã đâm chết nó mà nó không thể chống đỡ được vì nó còn bị buộc vào còng xe.

- Đúng vậy- trại trưởng nói.

Vừa lúc đó người gác kia tới.

- Xin chào thiếu tá. Còn Papillon, tôi đang tìm anh, vì sáng nay anh đi trên đảo như đi làm vậy, mà anh lại không có việc làm.

- Thưa ông Angosti, tôi đi ra để xem có thể ngăn không cho hai con trâu đánh nhau được không, nhưng chẳng may, cả hai con đã điên tiết lên cả rồi.

- Có thể là như thế, nhưng bây giờ anh không chăn trâu nữa, tôi đã nói với anh rồi. Vả lại, sớm chủ nhật này, cũng phải mổ nó để lấy thịt cho trại giam.

- Ông không làm thế được.

- Anh không thể ngăn tôi đâu.

- Tôi không thể ngăn ông nhưng thiếu tá ngăn được. Nếu thế cũng chưa đủ tôi sẽ nhờ bác sĩ Germain Guibert can thiệp để cứu Brutus.

- Anh xen vào chuyện này để làm gì?

Vì chuyện này có dính dáng đến tôi. Chính tôi chặn dắt con trâu, và nó là bạn của tôi.

- Trâu mà là bạn của anh à? Anh giống với tôi đấy hả?

- Ông Angosti, xin phép ông, ông cho tôi nói một chút chứ?

- Thì cứ để cho anh ta bênh vực con trâu của anh ta xem, - ông thiếu tá nói.

- Được anh nói đi.

- Ông có tin là súc vật cũng nói với nhau được không, ông Angosti?

- Sao lại không, nếu chúng muốn giao thiệp với nhau?

- Nếu vậy thì Brutus và Danton đã cùng thỏa thuận là sẽ đấu với nhau.

Rồi tôi kể lại sự việc một lần nữa, từ đầu đến cuối.

- Trời đất quỷ thần - viên gác người Corse nói.

- Anh thật đến là kỳ cục, Papillon ạ. Anh thu xếp làm sao với Brutus thì làm, nhưng lần sau nó còn giết một con nào nữa, thì không ai, kể cả thiếu tá, có thể cứu được mạng nó. Tôi lại để anh đi coi trâu vậy. Nhưng phải bắt Brutus làm việc đi.

Hai ngày sau, chiếc xe đã được thợ ở công xưởng sửa lại, và Brutus, với cô vợ chính thất là Marguerite kèm bên, lại tiếp tục công việc chuyên chở nước hàng ngày. Còn tôi, mỗi lần đến nơi nghỉ, khi chiếc xe đã được chèn đá cẩn thận, tôi lại hỏi, “Danton đâu rồi, Brutus?” Và con vật khổng lồ kia, kéo mạnh chiếc xe, chân bước lằng lằng, với tư thế của kẻ chiến thắng, đi một mạch về tới nơi.

Cuộc nổi loạn ở đảo Sant-Joseph

Tình hình trên các đảo cực kỳ nguy hiểm do cảm giác tự do giả tạo mà đám tù nhân được hưởng. Tôi buồn khi thấy mọi người đều thu xếp cảnh sinh hoạt để sống cho thật an nhàn. Người thì

đợi ngày mãn hạn tù, kẻ thì chẳng làm gì, chỉ ngập ngựa trong những thói hư tật xấu của mình.

Đêm đó, tôi nằm dài trên văng, phía cuối phòng có một sông bạc lớn đến nỗi cả hai bạn tôi, Carbonieri và Grandet, phải cùng điều khiển mới nổi. Một người trông không xuể. Tôi thì đang ôn lại những hồi ức của dĩ vãng. Những kỷ niệm ấy không chịu đến với tôi: cứ như thể chưa hề bao giờ có cái phiên tòa đại hình ấy. Tôi cố hết sức làm cho sáng tỏ những hình ảnh mơ hồ của cái ngày tiền định nọ, nhưng vẫn không thấy rõ nét một nhân vật nào. Chỉ có viên chương lý hiện ra với tất cả sự thật tàn nhẫn. Tiên sư đời. Tôi tưởng đã hoàn toàn thắng được số kiếp khi tôi đến Trinidad, ở với gia đình Bowen. Mi đã yểm bùa gì cho ta để đến nỗi sáu chuyến vượt ngục rồi mà ta vẫn chưa được tự do, hỡi quân đểu cằng? Qua chuyến thứ nhất, khi nhận được tin tức của ta do phạm nhân kể lại, mi có ngủ yên được không? Ta muốn biết, mi có sợ không hay mi chỉ bức tức vì thấy con mồi của mi đã sống chuồng sau 43 ngày đi trên đường đến cái nơi thối nát mà mi đày ta đến? Tôi đã phá được cái lồng. Nghiệp chương nào đã đeo đuổi tôi để tôi phải trở về nhà tù này mười một tháng sau? Có thể Trời đã trừng phạt tôi vì đã dám khinh thường cuộc sống nguyên thủy nhưng đẹp để biết bao mà tôi có thể kéo dài mãi mãi chừng nào tôi còn muốn?

Lali và Zoraima, hai mối tình của tôi, cái bộ lạc không có cảnh sát, không có luật lệ gì ngoài sự hiểu biết lẫn nhau tương tận giữa những con người làm thành viên của nó. Phải, tôi về đây chỉ tại tôi thôi, nhưng tôi cũng chỉ tự cho mình phải nghĩ đến một điều duy nhất là vượt ngục, vượt ngục hay là chết: Nếu như mi biết rằng ta đã bị bắt và phải trở lại nơi lưu đày, mi sẽ lại nở nụ cười chiến thắng như tại phiên tòa đại hình nọ và mi sẽ thâm nhủ: “Thế là đẹp rồi, nó lại phải đi trên con đường đến nơi ruộng nát mà ta đã đặt nó vào!”. Nhưng mi đã lầm. Không bao giờ tâm hồn ta, trí óc ta thuộc về con đường ô nhục ấy đâu. Mi chỉ nắm được thân thể ta thôi, những tên lính gác của mi, cả hệ thống lao tù của mi mỗi ngày hai lần ghi nhận là ta có mặt; với mi, thế là đủ. Sáu giờ sáng: “Papillon đâu?” - “Có tôi”. Sáu giờ chiều: “Papillon? – “Có tôi”. Mọi việc thế là ổn rồi. Chúng ta tóm được nó đã gần sáu năm,

chắc nó đã bắt đầu rửa ra rồi, chỉ cần chút xíu nữa là có ngày chuông sẽ gọi lũ cá mập đến tiếp nhận nó với đầy đủ nghi thức, trong bữa tiệc hàng ngày mà chế độ đào thải theo lối giữa cho mồn của mi vẫn cho không lũ cá nọ.

Mi nhầm rồi, những tính toán của mi không đúng đâu. Sự hiện diện về vật chất của ta không liên quan gì đến sự tồn tại về tinh thần của ta. Mi có muốn ta nói cho mi biết điều này không? “Tôi không thuộc về chốn lao tù này, tôi không bị đồng hóa chút nào với những thói quen của các bạn tù, ngay cả với những bạn tù thân thiết nhất. Tôi là người luôn luôn có mặt trong các chuyến vượt ngục”.

Tôi đang đối thoại với kẻ buộc tội tôi ở tòa đại hình thì có hai người đến gần vớng tôi.

- Cậu ngủ à, Papillon?

- Chưa.

- Chúng tớ muốn nói chuyện với cậu.

- Cứ nói đi, không có ai ở đây, nói nhỏ nhỏ, không ai nghe được đâu.

- Thế này nhé. Chúng tớ đang chuẩn bị một cuộc nổi loạn.

- Kế hoạch của các anh ra sao?

- Chúng tớ giết hết bọn A-rập, bọn lính gác, tất cả vợ con bọn lính vì đây là những mầm mống của sự thoái nát. Để làm được như vậy, tớ đây, Arnaud, bạn tớ, Hautin, và bốn người nữa, đã thỏa thuận sẽ tấn công kho vũ khí của bọn chỉ huy. Tớ làm việc ở đây, tớ chuyên bảo trì vũ khí cho tốt. Có hai mươi ba khẩu súng máy và hơn tám mươi khẩu súng trường mát-cơ-tông và Lebel. Chúng tớ bắt đầu hành động từ...

- Thôi, đừng nói thêm gì nữa. Tôi không tham gia đâu. Tôi cảm ơn các anh đã tin tôi nhưng tôi không tán thành.

- Bọn tớ nghĩ cậu sẽ nhận chỉ huy cuộc nổi loạn này. Cậu cứ để tớ nói hết các chi tiết bọn tớ đã nghiên cứu và cậu sẽ thấy là

không thể nào thất bại được. Chúng tớ chuẩn bị việc này đã năm tháng nay. Đã có hơn năm mươi người tán thành chúng tớ.

- Đừng kể tên ai ra, tôi từ chối việc chỉ huy, và cũng không muốn tham gia vào việc này.

- Sao vậy? Cậu phải giải thích cho bọn tớ sau khi bọn tớ đã tin cậu và kể hết cho cậu nghe.

- Tôi không yêu cầu các anh kể cho tôi nghe dự định của các anh. Sau nữa, ở đời, tôi chỉ làm điều gì người khác muốn. Vả lại, tôi cũng không phải là một kẻ giết người hàng loạt. Tôi có thể giết chết kẻ nào làm điều gì có hại đối với tôi chứ tôi không giết đàn bà trẻ con, họ chẳng làm gì hại đến tôi cả. Điều nghiêm trọng nhất, các anh không thấy ra, và tôi sẽ nói cho các anh thấy là: dù cuộc nổi loạn của các anh đạt được kết quả, các anh cũng thất bại.

- Sao vậy?

- Bởi vì việc chính, tức thoát ra khỏi chốn lao tù, sẽ không thực hiện được. Cho là có một trăm người tham gia cuộc nổi loạn, họ sẽ đi bằng cách nào? Trên đảo chỉ có hai chiếc xuồng. Cả hai chiếc chở hết mức cũng không được hơn bốn mươi người. Còn sáu mươi người còn lại, các anh tính sao?

- Chúng ta sẽ ở trong số bốn mươi người đi trên hai chiếc xuồng đó.

- Các anh tưởng thế thôi. Những người khác không ngốc hơn. các anh đâu, họ cũng có súng như các anh, và nếu mỗi người ấy biết suy nghĩ một chút xiu, thì khi anh nói với những người ấy rằng họ sẽ bị bỏ lại, hai bên chắc sẽ bắn nhau để dành quyền được đi trên xuồng. Điều quan trọng hơn nữa là hai chiếc xuồng đó sẽ không có nước nào muốn nhận, vì điện tín sẽ báo tin này cho tất cả các nước mà các anh có thể đến được, và báo ngay từ trước khi các anh đến nữa, nhất là với số người chết đông đảo mà các anh để lại. Các anh đến đâu cũng sẽ bị giữ lại lại và bị trao trả cho nước Pháp. Các anh biết là tôi từ Colombia trở về chứ, tôi biết rõ điều tôi nói. Tôi bảo đảm với các anh là sau chuyện ấy, ở đâu người ta cũng trả các anh về.

- Thôi được. Thế là cậu từ chối phải không?
- Phải.
- Lời cuối cùng của cậu đấy chứ
- Quyết định không thay đổi của tôi đấy.
- Vậy chúng tớ chỉ còn rút lui thôi.
- Chờ một chút đã, Tôi xin các anh đừng nói về dự định ấy với bất cứ bạn nào của tôi.
- Sao vậy?
- Vì tôi biết trước là họ sẽ từ chối, cho nên các anh đừng nói mà mất công.
- Được lắm.
- Các anh không thể từ bỏ kế hoạch này được sao?
- Thật tình mà nói, không được đâu, Papillon ạ.
- Tôi không hiểu nổi lý tưởng của các anh là gì, bởi vì tôi đã nói một cách rất đứng đắn với các anh là dù cuộc nổi loạn có thành công, các anh cũng không được tự do.
- Chúng tớ chỉ muốn trả thù. Và bây giờ cậu đã giải thích cho chúng tớ thấy là không thể đến đâu được, rằng không nước nào tiếp nhận chúng tớ, vậy, chúng tớ sẽ vào rừng và tụ tập thành một toán ở rừng vậy.
- Tôi hứa với các anh là sẽ không nói việc này ra với ai, ngay cả bạn chí thân.
- Chúng tớ cũng tin như vậy.
- Tốt. Một điều cuối cùng nữa: các anh tin cho tôi biết trước tám ngày để tôi đến đảo Saint-Joseph chứ không ở đảo Royale khi sự việc xảy ra.
- Cậu sẽ được báo trước kịp thời để có thể chuyển đến đảo khác.
- Tôi không thể làm gì để các anh thay đổi ý kiến được sao? Các anh có thể phối hợp với tôi làm điều gì khác được không?

Chẳng hạn, ăn cắp bốn khẩu súng trường, và vào một đêm nào đó, tấn công vọng gác ca-nô, không giết ai cả, chỉ lấy một chiếc xuồng rồi cùng nhau trốn đi.

- Không, chúng tớ đã chịu đựng quá nhiều rồi. Cái chính đối với chúng tớ là trả thù, dù có phải chết.

- Thế còn những đứa nhỏ, những người đàn bà thì sao?.

- Tất cả đều cùng một lò, cùng một giòng máu mà ra. Tất cả phải chết.

- Thôi đừng nói chuyện này nữa.

- Cậu không chúc chúng tớ được may mắn?

- Không, tôi chỉ nói với các anh là hãy thôi việc ấy đi, có nhiều việc đáng làm hơn cái chuyện tôi tặc đó.

- Cậu không chấp nhận quyền được trả thù?

- Có chứ, nhưng không phải là bằng cách sát hại những người vô tội. Chào các anh.

- Chào cậu. Vậy là chúng ta không hề nói gì với nhau đấy nhé, phải không, Papi?

- Đồng ý.

Cả Hautin và Arnaud đã rút lui. Chuyện này thật là tức cười. Hai thằng cha đúng là khùng ngoài ra lại còn năm sáu chục thằng khác có liên can, rồi đến giờ H số ấy còn lên tới một trăm nữa. Thật là chuyện quái đản. Trong số các bạn tôi không hề có ai dấn động gì đến việc này. Như vậy là hai thằng cha nọ chắc chỉ bàn với bọn trưởng giả thôi. Không hề có những tay thuộc giới giang hồ tham gia vụ này. Điều nghiêm trọng hơn nữa, là những kẻ trưởng giả giết người lại là những tên sát nhân thật sự, những kẻ giết người trong giới giang hồ thì khác hẳn.

Trong tuần này, tôi đã điều tra rất kín đáo về Arnaud và Hautin. Hình như Arnaud lãnh oan án chung thân về một tội không đáng tới mười năm tù. Các bồi thẩm kết tội hắn nặng như vậy do năm trước, anh của hắn đã bị chết chém vì giết một cảnh sát. Còn hắn thì do công tố viên nói nhiều đến người anh của hắn

để tạo một không khí thù địch, nên hắn bị xử án nặng ghê gớm đến thế. Hắn lại còn bị tra tấn rất tàn nhẫn trong lúc bị bắt, cũng vẫn do những việc làm của người anh.

Hautin chưa được hưởng tự do bao giờ, hắn ở tù từ năm lên chín. Vào hồi mười chín tuổi, hắn đã giết một người ngay trước khi ra khỏi nhà trường giới một ngày để đăng lính hải quân, với mục đích thoát khỏi tù. Hắn ta có lẽ cũng hơi điên, vì dự định của hắn hình như là sang Venezuela, vào làm việc tại một mỏ vàng bên đó rồi sẽ tìm cách tự làm cho gãy một chân để được hưởng một khoản tiền bồi thường lớn. Cái chân đó bị tê cứng do hắn tự chích thuốc gì tôi không rõ, từ hồi ở Saint- Martin-de-Ré.

Có sự thay đổi bất ngờ. Sáng nay, trong buổi điểm danh, Arnaud, Hautin và em của Matthieu Carbonieri đã bị gọi đi. Cậu em tên Jean, là thợ làm bánh mì, nghĩa là làm việc tại bến cảng, gần nơi thuyền đậu. Họ bị chuyển đi đảo Saint Joseph mà không được giải thích gì, và cũng không có lý do rõ rệt. Tôi cố tìm hiểu. Không ai biết chút gì, thế mà Arnaud trông coi vũ khí đã bốn năm rồi, còn Jean Carbonieri là thợ làm bánh mì đã năm năm. Không thể là chuyện ngẫu nhiên.

- Chắc phải có rò rỉ ở đâu, nhưng rò rỉ như thế nào và đến mức nào?

Tôi quyết định bàn chuyện đó với ba người bạn thân: Matthieu Carbonieri, Grandet và Galgani. Cả ba đều không biết chút gì. Thế là Arnaud và Hautin chỉ rủ rê những tay sừng sỏ không thuộc giới giang hồ.

- Vậy thì sao bọn họ lại nói với tớ?

- Bởi vì tất cả ai ai cũng biết là cậu tính vượt ngục với bất kỳ giá nào.

- Nhưng không phải với giá đó.

- Bọn ấy không hiểu nỗi sự khác biệt.

- Thế còn thằng Jean, em cậu?

Làm sao mà biết được vì lý do gì nó lại đâm đầu vào làm cái việc ngu ngốc đó.

- Có thể có thằng kéo nó vào cuộc rồi quay ra giao động, và thằng em cậu không biết gì cả chẳng?

Sự việc diễn biến thật mau lẹ. Đêm ấy Girasolo bị giết khi vào nhà cầu. Áo của anh da đen chặn trâu người Martinique có dính máu. Mười lăm ngày sau một cuộc điều tra chớp nhoáng diễn ra và qua lời khai của một tên da đen khác bị cách ly, anh chặn trâu bị một tòa án đặc biệt kết án tử hình.

Một gã giang hồ nhiều tuổi, tên là Garvel, dân Savoie, đến nói chuyện với tôi ở chỗ giặt áo quần ở ngoài sân.

- Papi này, tớ khó chịu quá vì tớ đã giết Girasolo. Tớ muốn cứu thằng nhỏ nhưng lại sợ bị chặt đầu. Phải trả cái giá ấy, thì tớ không nói đâu. Nếu nghĩ lại cái mẹo nào chỉ bị độ ba hay năm năm thì tớ tự thú rồi.

- Án khổ sai của anh là bao nhiêu?

- Hai mươi năm.

- Anh đã ngồi được bao nhiêu lâu rồi?

- Mười hai năm.

- Anh hãy bằng lòng chịu án chung thân đi, như vậy anh không phải vào nhà lao cấm cố.

- Biết làm sao bây giờ?

- Cứ để tôi nghĩ đã. Đêm nay tôi sẽ nói với anh.

Tôi đến, tôi nói với Garvel:

- Anh không thể tự thú và nhận đã làm việc đó được!

- Sao vậy?

- Anh có thể bị án tử hình. Chỉ có một cách để tránh nhà lao cấm cố là lĩnh án chung thân. Anh cứ tự thú đi. Lý do: lương tâm anh không cho phép anh để một người vô tội bị chết oan. Anh hãy tìm một cảnh binh người Corse để nhờ bào chữa cho anh. Tôi sẽ nói cho anh biết tên người đó, để tôi hỏi ý nó trước đã.

- Phải làm mau mau mới được. Không nên để thằng cha bị chặt đầu quá nhanh. Anh hãy cho hai ba ngày nữa.

Tôi đã bàn việc này với viên giám thị Collona. Anh ta đã mách cho tôi một ý kỳ: tôi sẽ dẫn hắn đến gặp thiếu tá chỉ huy. Và tôi nói là Garvel xin tôi bênh vực hắn, đưa hắn đến gặp ông để nhận tội. Tôi bảo đảm với hắn rằng, với hành động cao thượng này, không thể kết án tử hình hắn được, nhưng hắn cũng biết trường hợp của hắn là nghiêm trọng, và đã tính trước là sẽ lãnh án chung thân.

Mọi việc đều diễn ra một cách ổn thỏa. Garvel đã cứu được cậu oản da đen, cậu này được thả ngay lập tức. Kẻ làm chứng giả để buộc tội hắn lãnh một năm tù còn Garvel thì chung thân..

Hai tháng đã trôi qua. Bây giờ, khi mọi việc đã chấm dứt, Garvel mới kể cho tôi nghe đầu đuôi câu chuyện Girasolo, sau khi nhận lời tham gia cuộc nổi loạn và được biết những chi tiết của âm mưu này, đã tố cáo Arnaud, Hautin và Carbonieri, may mà nó không biết thêm tên ai.

Được nghe tố cáo cái chuyện tày đình này, bọn cảnh sát không tin. Tuy vậy, để phòng ngừa, chúng cũng chuyển đi Saint-Joseph ba tên tù bị nêu tên đó, nhưng không nói gì với chúng, không lục vấn chúng và không làm gì cả.

- Còn cậu Garvel, vì sao cậu giết nó?

- Tớ viện cớ là nó đã ăn cắp plan của tớ. Rằng chỗ tớ nằm đối diện với chỗ nó - đó là sự thật - và ban đêm, tớ lấy plan ra giấu vào cái mền vắn để gói đầu. Có đêm tớ đi cầu, khi tớ về chỗ thì plan của tớ bị mất. Lúc bấy giờ, quanh chỗ tớ, chỉ có một người thức, đó là Girasolo. Bọn lính tin cách giải thích của tớ. Họ cũng không nói cho tớ biết là nó đã tố giác một vụ nổi loạn.

- Papillon! Papillon ra điểm danh! - Ngoài sân có tiếng gọi.

- Có tôi đây.

- Thu xếp đồ đạc. Lên đường đi Saint-Joseph ngay bây giờ.

- Chà! Mẹ kiếp!

Chiến tranh vừa nổ ra ở Pháp. Tình hình buộc phải có một kỷ luật mới: những viên chức đầu ngành mà để xảy ra một cuộc vượt ngục là bị cách chức ngay.

Tù nhân nào bị bắt khi đang vượt ngục, sẽ bị tử hình. Việc vượt ngục bị coi như có động cơ muốn gia nhập các lực lượng của phe Nước Pháp Tự do đang phản bội tổ quốc. Việc gì cũng có thể dung thứ được, chứ vượt ngục thì dứt khoát là không.

Thiếu tá Prouillet đi đã được hai tháng. Tôi chưa biết người chỉ huy mới, mà cũng chẳng biết làm gì. Tôi chào các bạn. Tám giờ, tôi đã ở trên tàu đi Saint-Joseph.

Bố của Lisette không còn ở trại Saint-Joseph nữa. Tuần qua, ông đã cùng gia đình dời đi Cayenne. Chỉ huy tàu giao ngay tại bến cho tên lính trực cùng với giấy tờ kèm theo.

- Anh là Papillon hả?

- Thưa thiếu tá, vâng.

- Anh là một nhân vật kỳ cục lắm - Ông ta vừa nói vừa lật giấy tờ của tôi ra xem.

- Tại sao tôi lại là kỳ cục?

- Bởi vì một mặt, anh bị ghi là nguy hiểm về mọi phương diện, nhất là có một lời ghi chú bằng mực đỏ : “thường xuyên chuẩn bị vượt ngục” rồi lại, có ghi thêm: “bị cá mập bao vây, vẫn cố cứu con gái thiếu tá chỉ huy đảo Saint-Joseph”. Tôi có hai con gái nhỏ, Papillon à, anh có muốn gặp chúng không?

Ông gọi hai đứa trẻ, lên ba và năm tuổi vào phòng làm việc của ông. Cả hai đều có mái tóc vàng, đi vào theo sau chúng là một tên A-rập còn trẻ, mặc toàn trắng và một phụ nữ tóc đen, rất xinh.

- Em ơi, em thấy người này không, anh ta đã cố cứu Lisette, con đỡ đầu của em, đấy.

- Ôi! Cho tôi được bắt tay anh nào, - người thiếu phụ nói.

Bắt tay một người tù khổ sai! Tính hồn nhiên và cái cử chỉ tự phát của bà ta làm tôi cảm động.

- Phải, tôi là mẹ đỡ đầu của Lisette. Chúng tôi rất thân với gia đình Frandoit. Thế mình có định làm gì cho anh này không, hả mình?

- Anh ta phải về trại giam đã. Rồi anh sẽ cho tôi biết anh muốn tôi phân cho anh việc gì nhé.

- Xin cảm ơn thiếu tá, cảm ơn bà. Xin ông cho tôi biết lý do vì sao tôi phải chuyển đến Saint-Joseph. Đối với tôi, đó gần như là một hình phạt.

- Theo tôi nghĩ thì không có lý do gì. Chẳng qua ông chỉ huy mới sợ anh vượt ngục.

- Ông ấy nghĩ không sai.

- Các hình phạt đối với những ai để tù vượt ngục đã được tăng lên. Trước chiến tranh, có khả năng bị mất một lon; bây giờ, đó là điều tất nhiên rồi, chưa kể các hình thức khác nữa. Vì vậy ông ta đưa anh đến đây, ông ta thà để anh vượt ngục từ Saint-Joseph không thuộc phạm vi của ông, còn hơn là từ Royale là nơi ông phải chịu trách nhiệm.

- Thưa thiếu tá, ông phải ở đây bao nhiêu lâu?

- Mười tám tháng.

- Tôi không thể nào chờ lâu đến thế được, nhưng tôi sẽ kiếm cách trở về Royale để khỏi phương hại đến ông.

- Cám ơn anh, - vợ ông ta nói. - Tôi rất sung sướng thấy anh xử sự cao thượng như vậy. Anh cần gì, cứ đến đây đừng ngần ngại. Ba này, ba ra lệnh cho vọng gác để Papillon có thể đến gặp em khi nào anh ta yêu cầu nhé.

- Được thôi, em yêu. Mohammed, đi theo Papillon về trại, còn anh, anh có thể chọn phòng anh muốn ở.

- Ồ, tôi thì rất dễ: tôi xin ở nhà giam những tù nguy hiểm.

- Điều đó không khó, thiếu tá cười, đoạn viết mấy chữ vào một tờ giấy đưa cho Mohammed.

Tôi rời căn nhà vừa là nhà ở vừa là văn phòng của thiếu tá bên bến tàu, đó là nhà ở trước đây của Lisette. Tôi đi về trại, theo sau là tên A-rập trẻ. Chỉ huy trạm gác là một người Corse, rất hung hãn, y là tay chuyên giết người mà ai cũng biết. Tên y là Filissari.

- Papillon, anh đến rồi đấy hả? Anh biết tính tôi đấy, tốt thì thật tốt, xấu cũng thật xấu. Anh đừng giở trò vượt ngục với tôi nhé, vì anh mà thất bại là tôi giết anh như giết con gián vậy. Hai năm nữa, tôi sẽ về hưu. Vì vậy bây giờ không phải là lúc gặp chuyện phiền toái.

- Ông biết rằng tôi vốn là bạn của tất cả những người Corse. Tôi không nói với ông là tôi sẽ không vượt ngục, nhưng nếu tôi vượt ngục, tôi sẽ thu xếp để việc đó không xảy ra vào phiên trực của ông.

- Vậy thì được, Papillon. Chúng ta không phải là kẻ thù của nhau rồi. Anh cũng hiểu đấy, bọn trẻ họ có thể chịu đựng những chuyện bực mình do một cuộc vượt ngục gây ra, còn tôi thì anh lạ gì? Với tuổi tôi, lại sắp về hưu nữa! Rồi, thế là hiểu nhau nhé. Còn bây giờ thì về chỗ ở đã chỉ định.

Thế là tôi lại vào trại, trong một văn phòng giống y như ở đảo Royale, chứa từ một trăm đến một trăm hai tù nhân. Ở đấy có thằng Pierrot rồ, Hautin, Arnaud và Jean Carbonieri. Đáng lẽ tôi phải về cùng nhóm với Jean vì nó là em Matthieu nhưng Jean không có cỡ như Matthieu, và do nó đánh bạn với Hautin. Arnaud tôi thấy không hợp. Cho nên, tôi gạt nó ra và về ở với Carrier, người Bordeaux, còn gọi là thằng Pierrot rồ.

Đảo Saint-Joseph hoang đã hơn đảo Royale, hơi nhỏ hơn Royale một chút nhưng vì dài hơn, nên trông như lớn hơn. Trại ở lưng chừng cao điểm của đảo, giữa hai khoảng đất bằng làm thành hai tầng kế tiếp nhau. Trại giam ở tầng thứ nhất; còn ở tầng trên là nhà lao cấm cố trứ danh mà mọi người ghê sợ. Nhân tiện cũng xin nói là phạm nhân bị giam cấm cố hàng ngày vẫn được đi tắm một giờ. Hy vọng rằng việc đó sẽ còn tiếp tục.

Hàng ngày, vào buổi trưa, tên A-rập làm việc cho thiếu tá đưa đến cho tôi ba cái cà-mèn xếp lồng vào một miếng sắt dẹt ở đầu có tay xách bằng gỗ. Hắn để ba ngăn cà-mèn lại và lấy những ngăn cà-mèn hôm trước về. Bà mẹ đỡ đầu Lisette hàng ngày gửi cho tôi những món mà bà đã nấu nướng cho gia đình bà ăn.

Chủ nhật, tôi đến thăm và cảm ơn bà. Tôi ở đây cả buổi chiều để chuyện trò với bà và chơi với các con bà, vuốt mớ tóc vàng của chúng, tôi tự nhủ, nhiều khi khó mà biết đâu là bốn phận của mình. Nguy cơ đang đè nặng lên gia đình này trong trường hợp hai thằng ngu kia vẫn giữ ý định thật là ghê gớm. Girasolo đã tố giác câu chuyện ra rồi mà bọn lính chẳng tin. Đến nỗi chúng không chịu tách mấy thằng kia ra, mà chỉ chuyển chúng đến Saint-Joseph. Nhưng nếu tôi nói thêm một câu để người ta tách chúng riêng ra từng thằng một, hóa ra tôi lại xác nhận sự kiện là có thật, cùng tính chất nghiêm trọng của chuyện tố giác nọ. Nếu thế thì phản ứng của cai tù sẽ ra sao? Tốt hơn cả là câm miệng lại.

Ở trại, Arnaud và Hautin hầu như không nói với tôi. Thế lại hóa hay, chúng tôi đối xử với nhau nhã nhặn nhưng không thân mật, Jean Carbonieri không nói chuyện với tôi, nó tức vì tôi đã không về ở cùng nhóm với nó. Chúng tôi có bốn người: Pierrot rồ, Marquetti, đã từng đoạt giải nhì trong cuộc thi vĩ cầm ở Roma, nhiều khi cậu ta chơi đàn mấy giờ liền, làm tôi cũng buồn mang mác, và cả Marsori, dân Corse, vùng Sète, cũng vậy.

Tôi không nói gì với ai, tôi có cảm giác là ở đây cũng không ai biết gì về cuộc chuẩn bị nổi loạn bị dang dở ở đảo Royale. Họ còn giữ những ý định ấy không? Cả ba đang làm lao dịch nặng nhọc. Họ phải kéo lê dưới nước những tảng đá to để xây một hồ bơi ngoài biển. Một tảng đá to được buộc chặt bằng xích, một sợi dây khác từ mười lăm đến hai mươi mét được nối vào đáy ở bên phải và bên trái. Mỗi tù nhân chẳng dây kéo của mình vào thân hay vào vai, móc dây đó vào một khâu của sợi xích dài. Rồi cùng một lúc, y như những con vật, họ phải kéo các tảng đá đến nơi đã định. Dưới trời nắng chói chang, đây là một công việc nặng nhọc và chán ngấy.

Có tiếng súng trường, súng mát-cơ-tông và súng ngắn nổ vang ở phía bên tàu. Tôi hiểu ngay, lũ điên khủng đã hoạt động. Việc gì đã xảy ra vậy? Ai thắng? Tôi ngồi trong phòng, không động đây. Những tay tù sùng sỏ đều nói: “Họ nổi loạn rồi!”.

- Nổi loạn à? Nổi loạn thế nào? - Tôi cố tình tỏ ra cho mọi người thấy là tôi không biết gì. Jean Carbonieri hôm đó không đi làm, sáng lại gần tôi, mặt tuy râm nắng mà vẫn tái mét như đã chết rồi. Nó nói lí nhí, “Nổi loạn đấy, anh Papi ạ”. Tôi lạnh lùng hỏi nó: “Loạn gì? Tao không biết”.

Tiếng súng mát-cơ-tông vẫn tiếp tục nổ. Pierrot rồ chạy vào phòng.

- Nổi loạn nhưng hình như thất bại thì phải. Thật là một lũ điên! Papillon, mở dao ra đi. Ít ra ta cũng phải giết được thật nhiều lính rồi có chết mới chết.

- Phải, - Carbonieri nói, - phải giết càng nhiều lính càng tốt. Chissilia lấy ra một con dao cạo. Người nào cũng lăm lăm một con dao đã mở sẵn.

Tôi nói với họ:

- Đừng có xử sự như những thằng ngu. Chúng ta có bao nhiêu mông?

- Chín.

- Bầy cậu hãy bỏ vũ khí xuống. Cậu nào hăm dọa lính gác, tôi sẽ giết ngay. Tôi không muốn bị bắn như thỏ trong căn phòng này. Cậu có tham gia vào vụ này không?

- Không.

- Còn cậu?

- Cũng không.

- Thế cậu này?

- Tôi chẳng biết nép tẽ gì cả.

- Tốt. Chúng ta ở đây đều là dân giang hồ, không ai biết gì về cuộc nổi loạn của bọn trường giả cả. Hiểu không nào?

- Được rồi.

- Đưa nào đi tố giác và nhận rằng có biết ít nhiều điều gì là sẽ bị bắn chết ngay đây. Bởi vậy, thằng nào ngờ nghếch nói ra là chẳng ăn cái giải gì đâu. Các cậu vút cả vũ khí vào thùng phân đi. Bọn lính chắc cũng sắp đến đây rồi.

- Thế nhờ cánh tù thắng thì sao?

- Nếu cánh tù thắng, ta cứ để cho chúng thu xếp và hoàn thành chiến thắng của chúng bằng một cuộc vượt ngục. Còn tôi, với cái giá này, tôi không ham. Các cậu thì sao?

- Chúng tôi cũng vậy, - tám người kia cùng đồng thanh nói, kể cả Jean Carbonieri.

Tôi không hó hé về những gì tôi vừa nhận thấy: không còn tiếng súng nổ nữa, và như thế nghĩa là cánh tù đã thất bại. Quả thật là cuộc tàn sát đã được dự tính từ trước chưa thể nào mới đến giờ này mà đã xong xuôi được

Bọn lính vừa chạy như điên đến, vừa dùng báng súng, gậy, và chân thúc mấy người tù đi chuyển đá về.

Chúng lừa họ vào căn nhà kế bên rồi cũng vào trong đó luôn. Đàn ghi-ta, măng-đô-lin, bàn cờ vua, cờ đam, đèn dầu, ghế băng, các chai đựng dầu, đường, cà phê, quần áo trắng, tất cả đều bị chà đạp phá hủy và bị vát ra ngoài. Bọn lính đập phá tất cả những gì mà quy chế không chính thức cho phép các phạm nhân được giữ.

Có hai tiếng súng nổ, chắc chắn là tiếng súng ngắn. Trại giam có tám tòa nhà. Bọn lính hành động như vậy ở cả tám tòa nhà, thỉnh thoảng còn dùng báng súng để phá. Một người trần truồng, rõ ràng là bị bọn lính giải về xà-lim để đánh cho như tử, đã chạy về phía nhà giam.

Bọn chúng đã đến các nhà ở phía trước và bên phải chỗ chúng tôi. Bây giờ chúng đang ở nhà thứ bảy. Chỉ còn lại căn nhà của chúng tôi. Cả chín đứa chúng tôi ai nấy đều vẫn ngồi yên ở chỗ của mình. Những người đi làm ở ngoài cũng chưa ai về. Người nào cũng chết dí tại chỗ của người nấy. Không ai nói gì. Miệng tôi khô

rang, tôi đang nghĩ: “Mong cho đừng có thằng khốn nào lợi dụng lúc hỗn quân hỗn quan này để hạ thủ mình một cách vô tội vạ”.

- Chúng nó đến đây rồi kia, - Carbonieri nói, hấn không còn hồn vía nào nữa.

Bọn lính, hơn hai mươi tên, ủa vào, súng mứt cơ- tông hay súng ngắn lăm lăm trong tay sẵn sàng nhả đạn. Filissari la lối:

- Này, chúng mày chưa cởi hết quần áo ra à? Còn chờ gì nữa, đồ chó chết? Chúng mày sẽ bị bắt cả lũ.

- Cởi hết quần áo ra, chúng ta không muốn lột quần áo ở xác chúng mày ra.

- Thưa ông Fillissari...

- Câm mồm đi, Papillon. Đừng có xin tha tội ở đây. Cái chuyện chúng mày bày đặt ra nó quá ư nghiêm trọng. Ở trong phòng tù nguy hiểm này, chắc chắn cả bọn chúng mày đã tham gia.

Mắt y trợn trừng lên vằn đỏ những tia màu, ánh mắt tràn đầy sát khí.

- Chúng tôi có quyền, Pierrot nói.

Tôi quyết định đánh bài liêu.

- Tôi ngạc nhiên thấy một người Corse như ông mà lại đi tàn sát những người vô tội? Ông muốn bắn hả? Được, không cần phải dài giòng làm gì, chúng tôi không thiết nữa đâu. Ông bắn đi, bắn cho mau đi. Trời đất ơi! Tôi tưởng ông cũng là một con người chứ, ông Filissari kia, một đệ tử chân chính của Napoléon! Nhưng tôi đã lầm. Cũng chẳng sao. Thậm chí tôi cũng những muốn nhìn thấy ông khi ông bắn chúng tôi nữa cơ. Tôi quay lưng lại đây. Này, các cậu quay lưng cả lại để người ta không nói là chúng mình định tấn công họ.

Và tất cả mọi người như một, đã quay lưng lại bọn lính. Bọn họ sững sờ trước thái độ của tôi, càng ngạc nhiên hơn vì trước đây (việc này về sau tôi mới biết) Filissari đã bắn chết hai phạm nhân ở các nhà khác.

- Mà mày còn muốn nói gì nữa không, Papillon?

Vẫn quay lưng lại, tôi đáp:

- Chuyện nổi loạn này, tôi không tin chút nào. Sao lại nổi loạn? Để giết lính à? Rồi vượt ngục? Rồi đi đâu? Tôi đây, là chuyên viên vượt ngục, tôi từ ở rất xa, tận Colombia trở về. Tôi thử hỏi có nước nào lại chứa chấp những kẻ giết người rồi vượt ngục? Tên cái nước ấy là gì vậy? Đừng có ngu như thế, không một ai xứng đáng với danh hiệu một con người lại dính vào chuyện này làm gì.

- Mày, thì may ra có thể như thế, nhưng còn Carbonieri? Tao chắc chắn nó có tham gia, vì sáng nay thằng Arnaud và thằng Hautin ngạc nhiên thấy nó báo bệnh để không đi làm.

- Ông tưởng thế thôi, tôi bảo đảm là như vậy. - Và tôi quay mặt lại với y. - Tôi nói để ông hiểu ngay nhé. Carbonieri là bạn tôi, anh ta biết mọi chi tiết về chuyến vượt ngục của tôi, anh ta không có ảo tưởng gì hết, anh ta biết rõ hậu quả của một cuộc vượt ngục bằng cách nổi loạn.

Đúng lúc đó, thiếu tá chỉ huy đến. Ông ta đứng bên ngoài. Filissari đi ra. Thiếu tá gọi:

- Carbonieri.

- Có tôi.

- Cho nó vào xà lim nhưng không được ngược đãi. Giám thị này, đi theo nó. Tất cả đi ra ngoài hết, chỉ các giám thị trưởng ở lại đây thôi. Đưa tất cả các tù nhân còn rải rác ở đảo về trại. Không được giết ai, cho tất cả về trại, không trừ một ai.

Thiếu tá chỉ huy trại, viên chỉ huy phó và Filissari cùng bốn lính gác bước vào phòng giam. Thiếu tá nói.

- Papillon, có một việc rất nghiêm trọng vừa xảy ra. Với tư cách chỉ huy trại giam, tôi có trách nhiệm rất nặng nề. Trước khi có vài biện pháp đối phó, tôi cần biết ngay một số tin tức. Tôi biết là trong thời điểm ngặt nghèo này, anh sẽ từ chối không nói chuyện riêng với tôi, vì thế, tôi đã đến đây. Giám thị Ductos đã bị giết. Bọn chúng còn muốn lấy vũ khí cất ở nhà tôi để làm một cuộc

nổi loạn. Tôi chỉ có vài phút thôi, tôi tin anh. Tôi hỏi ý kiến anh về việc này, thế nào?

- Nếu có nổi loạn, sao chúng tôi không biết gì cả? Sao không ai nói gì với chúng tôi? Có bao nhiêu người liên quan đến vụ này? Tôi đặt ra ba câu hỏi đó với ông thiếu tá và tôi sẽ trả lời, nhưng trước tiên, ông phải cho tôi biết, là sau khi họ giết giám thị và đoạt được súng của ông ấy rồi, tôi đoán chắc vậy, có bao nhiêu người đã hành động?

- Ba người.

- Đó là những ai?

- Arnaud, Hautin và Marceau.

- Tôi hiểu rồi. Dù ông muốn hay không, ông nghĩ thế nào tùy ý nhưng không có cuộc nổi loạn nào cả.

- Papillon, anh nói láo. - Filissari nói - Cuộc nổi loạn này đáng lẽ xảy ra ở đảo Royale, Girasolo đã tố giác, chúng tôi không tin là có. Nhưng bây giờ, rõ ràng những gì nó nói ra là đúng. Vậy là anh có ý bịp chúng tôi Pappillon!

- Nếu như ông nói là đúng, thì tôi đây, tôi là thằng đi tố cáo chẳng, rồi cả Pierrot rồi nữa, rồi Carbonieri và Galgani cùng tất cả cánh lục lâm Corse ở đảo Royale, rồi cả cánh giang hồ nữa. Bất chấp những sự việc đã xảy ra tôi vẫn không tin vào chuyện ấy. Nếu có cuộc nổi loạn, thì chúng tôi cầm đầu chứ không có ai khác.

- Anh nói chuyện gì mà lạ vậy? Không có ai liên quan đến việc này sao? Vô lý.

- Thế hành động của những kẻ khác là thế nào? Có ai ngoài ba thằng khùng ấy làm gì không? ở đây, có ai nhúc nhích chân tay để chiếm vọng gác có bốn giám thị có súng, lại có cả ông xếp Filissari cũng có súng mút-cơ-tông nữa không? Có bao nhiêu tàu ở Sain-Joseph nào? Chỉ có một chiếc sà-lúp thôi? Thế là một sà-lúp dùng cho sáu trăm người à? Chúng tôi có ngu đâu? Rồi giết người để vượt ngục? Cứ cho là có hai mươi người đi được, thì rồi cũng sẽ bị bắt và phải đầu hàng ở bất cứ chỗ nào. Thưa thiếu tá, tôi không

biết người của ông hay chính tay ông giết bao nhiêu tù, nhưng gần như chắc chắn đây là những người vô tội.

Và bây giờ lại đi phá tất cả các đồ đạc mà chúng tôi có được là nghĩa lý gì? Các ông tức giận có lý đấy, nhưng xin các ông đừng quên rằng ngày mà các ông không để cho đời sống của tù nhân được dễ chịu đôi chút, thì ngày đó đúng là sẽ có một cuộc nổi loạn, một cuộc nổi loạn của những kẻ tuyệt vọng, nổi loạn để cùng tự vẫn với nhau, đã chết thì chết chìm cả một thể: lính cũng như tù. Thưa ông Dutain, tôi nói với ông hết sức thành thật đấy, tôi cho là ông đáng được đối xử như vậy, chỉ vì ông đã đến tìm chúng tôi hỏi rõ tình hình trước khi quyết định. Xin ông để cho chúng tôi được yên.

- Thế còn những thằng đã liên quan đến vụ này? Filissan lại nói.

- Đó là việc các ông phải tìm ra. Chúng tôi không biết gì cả, về chuyện này, chúng tôi không giúp được gì cho các ông đâu. Tôi xin nhắc lại, đây là chuyện điên rồ của những thằng trưởng giả, chúng tôi không dính dáng vào đấy.

- Ông Filissarn, khi nào người ở phòng tù nguy hiểm này về hết, ông khóa cửa lại cho đến khi có lệnh mới. Đặt hai người gác ở cửa, không được đánh đập ai và đừng có phá phách các thứ của họ. Đi thôi!

Nói đoạn ông ta bỏ đi cùng với cả bọn cảnh sát.

Phào! Phào! Hú vía!

Vừa đóng cửa lại. Filissari vừa nói với tôi:

- Phúc tổ cho mày là tao lại là dân Corse!

Chưa đầy một giờ sau, gần hết những người thuộc căn nhà của chúng tôi đã về cả. Chỉ thiếu mười tám người: bọn gác đã nhận ra rằng trong lúc hốt hoảng cuống quýt họ đã nhốt lầm mấy người này vào một nhà khác. Khi tất cả đã cùng trở về, ở đâu về đó, chúng tôi mới biết rõ sự việc đã xảy ra như thế nào, vì tất cả những người đó đều đang đi làm cỏ-vê. Một anh kẻ trộm người Saint-Etienne đã thăm thì kể với tôi:

- Papi này, anh thử tưởng tượng là chúng tôi đang kéo một tảng đá nặng gần một tấn trên quãng đường dài gần bốn trăm mét. Con đường kéo đá không có đoạn nào gay go lắm, và chúng tôi đến một cái giếng cách nhà trại trưởng chừng năm mươi mét. Cái giếng vẫn là nơi nghỉ chân từ trước đến nay. Nó vừa có bóng dừa mát, lại ở giữa đoạn đường phải đi tiếp. Cho nên chúng tôi đã dừng lại như mọi ngày, chúng tôi kéo một xô nước giếng mát lịm lên uống, có mấy thằng thấm nước vào khăn để che lên đầu. Mỗi lần nghỉ thường là mười phút, thằng lính gác cũng đến ngồi ở thành giếng. Hắn bỏ mũ ra, đang lấy khăn tay ra lau đầu và mặt thì Arnaud từ đằng sau tới tay cầm một cái cuốc, buông thông xuống cho nên không ai biết mà báo cho thằng lính đề phòng. Giờ cuốc lên và dùng phía lưỡi bén bổ vào giữa đầu người lính chưa mất đến một giây đồng hồ. Đầu bị tách ra làm hai mảnh, người lính ngã sòng soài ra đất không kêu được một tiếng. Hautin đã đứng sẵn từ trước ở đó, chộp ngay lấy khẩu mút-cơ-tông, còn Marceau thì cởi thắt lưng và lấy khẩu súng ngắn. Có súng trong tay, Marceau quay lại nói với cả bọn tù: “Đây là một chóc nổi loạn, ai theo chúng tôi, thì đi cùng chúng tôi”. Không có một tên giữ chìa khóa nào nhúc nhích hay kêu la, không có tù nhân nào tỏ ý muốn theo họ”

Cậu ta kể tiếp:

- Arnaud nhìn chúng tôi khắp lượt rồi nói: “Đồ hèn! Cả lũ chúng mày ấy. Rồi chúng tao sẽ cho chúng mày thấy đã làm người thì phải thế nào?” Arnaud lấy khẩu mút-cơ-tông từ tay Hautin rồi cả hai chạy về phía nhà thiếu tá. Marceau ở lại nhưng đứng tách riêng ra một bên. Cậu ta cầm một khẩu súng ta và ra lệnh: “Không được động đây, không được nói, không được la hét. Còn bọn A-rập kia, nằm úp sấp xuống đất”. Ở chỗ tôi đứng, tôi nhìn thấy rõ lắm.

Arnaud đang lên bậc thềm nhà thiếu tá thì thằng A-rập giúp việc ở đây mở cửa đi ra, với hai đứa bé gái, một đứa dắt tay, một đứa bế bên hông. Cả hai bên đều sưng sốt, thằng A-rập đang bế đứa bé đá cho Arnaud một cái. Arnaud muốn giết hắn nhưng hắn đã thẳng tay đưa đứa bé ra để đỡ. Không ai kêu la, cả thằng A-rập

lần những người khác. Khẩu mút-cơ-tông chĩa vào thằng A-rập đến bốn năm lần, ở đủ các góc độ khác nhau. Cứ mỗi lần như thế là đứa bé lại bị giơ ra trước nòng súng. Hautin không leo lên bậc mà đứng bên kéo ống quần của thằng A-rập. Thấy mình sắp ngã đến nơi, nó quăng cả đứa bé gái vào khẩu mút-cơ-tông của Arnaud. Bị mất thăng bằng trên bậc thang, Arnaud, đứa bé gái, thằng A-rập bị Hautin kéo chân, tất cả đều ngã đè lên nhau lỏng chỏng. Lúc đó mới có những tiếng la hét đầu tiên, trước hết là của hai đứa bé, rồi của thằng A-rập, rồi tiếng chửi rủa của Arnaud và Hautin. Thằng A-rập, nhanh tay hơn hai gã kia, đã nhặt được khẩu súng nhưng nó chỉ nắm được cái nòng, lại nắm bằng tay trái. Hautin lại tóm được cẳng hắn. Còn Arnaud thì nắm lấy cánh tay phải của hắn và bẻ xoắn lại. Thằng A-rập ném khẩu mút-cơ-tông ra cách xa mười mét.

Trong khi cả ba xông tới để cướp khẩu mút-cơ-tông, thì có tiếng súng nổ lần đầu tiên, do người lính coi tù đi quét lá bắn tới. Ông thiếu tá hiện ra ở cửa sổ và bắn phát một, vì sợ bắn phải thằng A-rập, nên ông ta chỉ nhằm vào chỗ khẩu mút-cơ-tông rơi. Hautin và Arnand chạy trốn về phía trại theo con đường ven bờ biển, và vẫn bị súng bắn theo. Hautin chân bị tê cứng nên chạy không được nhanh, và đã bị hạ trước khi tới mép nước. Còn Arnaud thì lội xuống nước, khoảng giữa chỗ tù tắm và hồ bơi của lính. Chỗ ấy lúc nào cũng đầy cá mập. Arnand bị bao vây giữa những phát súng của một tên lính nữa vừa đến trợ lực và một tên lính coi tù đi quét lá. Y nấp sau một tảng đá to.

- Đầu hàng đi, sẽ được sống, - bọn lính kêu to.

- Không bao giờ, - Arnaud đáp lại, - tao thà cho cá mập phanh thây còn hơn là nhìn thấy bộ mặt khả ố của chúng mày.

Và y lội xuống biển, thẳng vào chỗ lũ cá mập tập trung ở đấy. Hình như y bị trúng một viên đạn vì y có dừng lại một lát. Thấy thế, bọn lính tiếp tục bắn. Arnaud lại đi chứ không bơi, thân trên trên y còn nhô lên trên mặt nước thì lũ cá mập đã tấn công y. Trông rất rõ y đâm một con cá mập đã phóng nửa người lên mặt nước để lao vào y. Rồi y đã bị phanh xác ra - hiểu theo nghĩa đen -

vì lũ cá mập kéo tứ phía mà không cần đứt chân tay y ra được. Chưa đầy năm phút sau y đã biến mất.

Bọn lính đã bắn ít ra là một trăm phát súng xuống chỗ Arnaud và lũ cá mập đang quần nhau. Chỉ có một con cá mập bị chết; nó đã dạt vào bờ, ngửa bụng lên.

Thấy bốn phía đều có cảnh binh kéo tới, Marceau vát súng xuống giếng, hòng cứu lấy mạng mình, nhưng bọn A-rập đã đứng lên, dùng gậy và tay nắm, chân đá, dồn hấn về chỗ bọn lính, nói rằng nó có ở trong cuộc. Tuy hấn bê bết máu và đã giơ tay lên, bọn lính cũng dùng súng lục và müt-cơ-tông bắn vào hấn, và cuối cùng, một tên lính còn cầm đầu nòng khẩu müt-cơ-tông phang báng súng vỡ đầu ra cho chết hấn.

Bọn cảnh binh cũng xả đạn vào Hautin. Có cả thấy ba mươi tên, mỗi tên bắn sáu phát, và chúng đã cho cậu này ăn trước sau hơn một trăm ha mươi phát đạn. Filissari bắn chết những đứa bị bọn A-rập tố cáo là đã nhúc nhích định theo Arnaud nhưng sau lại chùn bước.

Đó là chuyện bịa đặt một trăm phần trăm vì tuy có thể có những thằng đồng lõa, song không hề có một ai cựa quậy cả.

Đã hai ngày hôm nay, tất cả những tù nhân bị nhốt trong mấy căn phòng giam dành riêng cho từng loại rồi không ai được ra đi làm. Ở cửa, lính gác cứ hai giờ thay phiên một lần. Giữa các nhà, lại có những lính gác khác. Cấm nói từ nhà này sang nhà kia. Giữa hai hàng vồng là lối đi; đứng tại lối đi đó, hơi chéch một chút, có thể nhìn ra sân qua cửa sắt. Có cả những cảnh binh được đưa từ đảo Royale đến để tăng cường. Không một tù nhân nào được ở bên ngoài. Kể cả bọn A-rập giữ chìa khóa cũng vậy. Tất cả đều bị nhốt. Thỉnh thoảng, có một người trần truồng theo sau là lính, bị đưa đến khu xà lim giam tù bị phạt nhưng không thấy có tiếng kêu la hay tiếng đánh đập. Bọn lính thường đứng nhìn vào trong qua các cửa sổ bên hông nhà. Ở mỗi cửa ra vào, có hai lính gác, một ở bên trái, một ở bên phải. Thời gian gác ngắn, chỉ hai giờ nhưng họ không bao giờ ngồi, cũng không đeo súng lên vai: khẩu müt-cơ-tông tì vào cánh tay trái, luôn sẵn sàng nhả đạn.

Tù nhân quyết định đánh bài poker, từng nhóm năm người một. Không đánh bài Marseillaise, cũng không chơi những thứ bài ăn lớn vì như thế quá ồn ào. Marquetti đang kéo một bài sonate của Beethoven cũng bị ngăn lại.

- Không được chơi thứ nhạc ấy nữa, lính chúng tôi đang có tang.

Một không khí căng thẳng khác thường đè nặng không phải chỉ trên trại giam mà trên toàn trại. Không có cà phê, không có súp. Buổi chiều chỉ có một mẩu bánh mì, trưa thịt hộp, chiều thịt hộp, bốn người một hộp. Vì các thứ đồ lặt vặt của chúng tôi không bị phá hủy, nên chúng tôi có cà phê và thực phẩm: bơ, dầu, bột mì, v.v.... Các nhà khác không còn gì. Khi chúng tôi đun nước pha cà phê và khói ở trong nhà xí bay ra, một tên cảnh binh bắt tắt lửa đi. Người đun nước là một tù nhân thuộc giới giang hồ trở về già, người Marseille, tên là Niston, thường pha cà phê để bán.

Lão đã trả lời lính gác một cách xác xược:

- Anh có muốn tắt lửa thì vào mà tắt lấy đi.

Thế là tên lính bắn qua cửa sổ mấy phát súng. Cà phê và lửa đành biến vội. Niston bị trúng đạn vào chân. Mọi người đều cảm thấy quá căng và tưởng lính bắt đầu bắn chúng tôi nên ai nấy liền nằm sấp xuống đất.

Chỉ huy phiên gác vào giờ đó lại vẫn là Filissari. Y chạy như điên đến, theo sau có bốn lính. Người lính vừa bắn xong, góc vùng Auvergne, đang trình bày sự việc xảy ra. Filissari chửi anh ta bằng tiếng Corse, còn anh nọ không nghe được gì, chỉ biết nói:

- Tôi không hiểu gì cả.

Chúng tôi lại lên vồng ngồi. Chân Niston bị chảy máu.

- Đừng nói là tôi bị thương. Chúng nó sẽ khử tôi luôn ở ngoài đó mất.

Filissari đến gần cửa sắt. Marquetti nói gì với y bằng tiếng Corse.

- Cứ làm cà phê, chuyện này sẽ không xảy ra nữa. Nói xong y bỏ đi.

May cho Niston là viên đạn không nằm trong chân: gặp đoạn cơ bắp, nó ra ở phía nửa chân bên kia. Bọn tôi buộc ga rô cho lão, máu ngừng chảy và sau đó lão được băng bó với nước giấm.

- Papillon, ra đây - Lúc bảy giờ đã tám giờ rồi: bên ngoài trời tối đen..

Tôi không biết mặt người lính đã gọi tôi, có thể đấy là một người gốc Bretagne.

- Tại sao tôi lại phải ra ngoài vào giờ này? Tôi chẳng có việc gì ở ngoài ấy cả.

- Thiếu tá muốn gặp anh.

- Bảo ông ta đến đây. Tôi không ra đâu.

- Anh từ chối không đi hả?

- Phải, tôi từ chối không đi đấy.

Các bạn tôi vây thành một vòng quanh tôi. Người gác nói qua cánh cửa vẫn đóng kín. Marquetti ra cửa nói:

- Chúng tôi không để Papillon ra khỏi đây nếu không có thiếu tá.

- Thì chính ông ta cho kiếm Papillon đấy mà.

- Vậy thì bảo ông ấy cứ lại đây.

Một giờ sau, hai tên lính trẻ đến trước cửa phòng có tên A-rập giúp việc ở nhà thiếu tá đi theo. Tên này đã cứu ông và ngăn chặn được cuộc nổi loạn.

- Papillon ơi, tôi là Mohammed đây. Tôi đến tìm anh, thiếu tá muốn gặp anh, ông ấy không thể đến đây được

Marquetti nói với tôi:

- Papi này, thằng cha ấy mang súng mút-cơ-tông đấy.

Tôi ra khỏi vòng người do các bạn tôi vây thành và lại gần cửa. Quả thật Mohammed đang cầm trong tay một khẩu súng

trường. Một tên tù khổ sai lại được chính thức mang súng trường? Chuyện khó tin lại có thật.

- Đi thôi, tên A-rập nói. Tôi đến đây để cùng đi theo anh và để bảo vệ anh, nếu cần.

- Nhưng tôi không tin là cần.

Tôi ra ngoài, Mohammed đi cạnh tôi, có hai tên lính đi theo sau. Tôi đến sở chỉ huy. Đi ngang qua vọng gác ở ngoài cổng trại. Filissari nói với tôi:

- Papillon, tôi mong anh không có gì phải phàn nàn về tôi đây.

- Riêng tôi thì không có gì, trong phòng giam tù nguy hiểm cũng không ai có gì phàn nàn về ông. Còn ở chỗ khác thì tôi không biết.

Chúng tôi đi xuống nhà thiếu tá. Căn nhà và bến tàu được thấp đèn đất cốt tỏa ánh sáng ra xung quanh nhưng chẳng được bao nhiêu. Trong khi đi đường. Mohammed đưa cho tôi một bao thuốc lá Gauloises.

Khi bước vào gian phòng được hai cây đèn đất chiếu sáng, tôi thấy có thiếu tá chỉ huy đảo Royale, viên chỉ huy phó của ông ta, thiếu tá chỉ huy Saint-Joseph, viên chỉ huy và viên chỉ huy phó của nhà lao cấm cố trên đảo Saint-Joseph.

Bên ngoài tôi thấy bốn tên A-rập, và có bốn cảnh binh giám sát. Tôi nhận ra hai tên thuộc toán cò-vê hữu quan.

- Papillon đến rồi ạ - Tên A-rập nói.

- Chào anh, Papillon, - thiếu tá trại trưởng Saint- Joseph nói.

- Chào ông.

- Anh ngồi xuống ghế này.

Tôi ngồi đối mặt với tất cả mọi người. Cửa phòng để mở, trông vào bếp, tôi thấy bà mẹ đỡ đầu Lisette giơ tay thân mật chào tôi.

- Papillon này, - thiếu tá trại trường Royale nói, anh được thiếu tá Dutain coi là người có thể tin cậy được. Anh đã chuộc tội bằng cách cố cứu sống đứa con đỡ đầu của bà ấy. Tôi thì chỉ biết anh qua những báo cáo chính thức, coi anh là một tù nhân nguy hiểm về mọi mặt. Tôi muốn bỏ qua các báo cáo ấy và tin vào ông Dutain đồng sự của tôi. Chắc chắn rồi sẽ có một phái bộ đến đây để điều tra, và các tù nhân các loại ai cũng phải khai ra những điều gì mình biết. Chắc chắn là anh và một vài người nữa, có uy tín lớn đối với các tù nhân, và họ sẽ răm rắp nghe lời anh. Chúng tôi muốn biết ý kiến anh về cuộc nổi loạn và cả những điều mà anh đã ít nhiều thấy trước là những người trong khối anh, rồi sau đó là những người khác, có thể khai ra.

- Tôi không có gì để khai ra cả, cũng không có bốn phạm gây ảnh hưởng gì đối với lời khai của những người khác. Nếu có một phái bộ đến để điều tra thật sự, thì trong tình hình hiện nay, các ông sẽ bị cách chức hết.

- Anh nói gì lạ vậy, Papillon? Tôi và các đồng sự của tôi ở Saint-Joseph đã ngăn chặn được cuộc nổi loạn kia mà!

- Có lẽ riêng ông, ông sẽ thoát được, nhưng các ông chỉ huy ở Royale thì không thoát được đâu.

- Anh hãy nói cho rõ đi nào. - Hai viên chỉ huy ở đảo Royale đứng lên rồi lại ngồi xuống.

- Nếu các ông cứ chính thức nói là có cuộc nổi loạn, các ông đều sẽ lãnh đủ. Nếu các ông chịu chấp nhận các điều kiện của tôi, tôi sẽ cứu tất cả các ông trừ Filissari.

- Điều kiện gì?

- Thứ nhất, sinh hoạt ở đây phải trở lại nếp bình thường ngay lập tức, bắt đầu từ ngày mai. Chỉ khi nào chúng tôi nói chuyện được với nhau bình thường, chúng tôi mới tác động được vào mọi người về những điều phải khai với ban thanh tra. Có đúng không nào?

- Đúng - Dutain nói. - Nhưng tại sao lại phải cứu chúng tôi?

- Bởi vì từ đảo Royale, các ông không phải chỉ huy đảo Royale mà chỉ huy cả ba đảo nữa.

- Đúng.

- Và các ông đã được Girasolo báo cáo là có một cuộc nổi loạn đang được âm mưu chuẩn bị. Cầm đầu là Hautin và Arnau chứ gì.

- Cả Carbonieri nữa, tên lính gác nói.

- Không, điều đó là sai. Girasolo có thù riêng với Carbonieri từ khi còn ở Marseille. Nó đã tố giác thêm anh ta một cách vô căn cứ. Nhưng các ông có tin là có nổi loạn đâu. Tại sao vậy? Vì hẳn nói là cuộc nổi loạn này nhằm mục đích giết đàn bà, trẻ con, bọn A-rập và các cảnh binh. Điều đó có vẻ khó tin. Mặt khác, ở Royale có tám trăm người mà chỉ có hai chiếc sà-lúp, còn ở Saint-Joseph có sáu trăm người mà chỉ có một chiếc sà-lúp. Không một người chín chắn nào lại đi chấp thuận một mưu đồ như thế.

- Làm sao anh biết được tất cả những điều đó?

- Đây là việc của tôi. Nhưng nếu các ông cứ nói mãi về cuộc nổi loạn, dù cho các ông có thủ tiêu tôi đi, và nhất là khi các ông làm thế thật, thì tất cả những điều ấy sẽ lộ rõ và sẽ được chứng minh rành rọt. Do đó trách nhiệm sẽ thuộc về đảo Royale, đã chuyển những người kia đi Saint-Joseph, lại không tách rời họ ra. Quyết định hợp lý duy nhất - cho nên nếu cuộc điều tra thấy được thì các ông sẽ không tránh khỏi những hình thức kỷ luật nặng nề đấy - là đưa người này đến đảo Quỷ, người kia đến Saint-Joseph. Nhưng tôi vẫn thừa nhận là khó có thể tin được câu chuyện đó do lũ điên rồ ấy bày ra được. Tôi nhấn mạnh là nếu các ông nói đến nổi loạn, các ông sẽ sa lầy đấy. Vậy nếu các ông chấp nhận điều kiện của tôi, thì thứ nhất là, như tôi đã nói, mọi việc phải trở lại bình thường ngay từ ngày mai; thứ hai, tất cả những ai bị nhốt vào xà lim vì tình nghi có âm mưu nổi loạn phải được thả ngay - cũng không được tra hỏi những người đó về phần đồng lõa của họ trong cuộc nổi loạn, bởi vì không làm gì có nổi loạn; thứ ba là ngay bây giờ, Filissari phải được đưa tức khắc về đảo Royale trước hết để đảm bảo an toàn cho chính ông ta: bởi vì một khi không hề có nổi loạn thì làm thế nào biện bạch được việc giết chết ba người

kia? Sau nữa vì ông ta là một kẻ giết người ti tiện, và khi sự việc xảy ra ông ta đã hành động trong một tâm trạng sợ hãi đến cùng cực: ông ta toan giết chết tất cả mọi người, kể cả chúng tôi ở trong phòng giam. Nếu các ông chấp nhận những điều kiện đó, tôi sẽ thu xếp để tất cả mọi người đều phát biểu là Arnaud, Hautin và Marcean đã hành động với mục đích làm sao gây ra thật nhiều tai họa trước khi chết. Những gì họ làm không thể lường trước được. Họ không có tòng phạm, không hề tâm sự với ai. Theo nhận xét của toàn thể phạm nhân, đó là những kẻ đã quyết định tự vẫn bằng cách ấy, giết càng nhiều người càng tốt, trước khi họ bị giết: mục đích của họ là làm sao khiêu khích cho lính bắn vào họ. Nếu các ông ai muốn, tôi xin vào trong bếp để các ông bàn luận và trả lời cho tôi sau.

Tôi đi vào bếp và đóng cửa lại. Bà Dutain bắt tay tôi và đưa cà phê với cả rượu cô nhắc chó chúng tôi uống. Tên A-rập Mohammed nói: Anh không nói gì cho tôi à?

- Đó là việc của ông thiếu tá. Một khi ông ấy đã giao súng cho cậu, tức là ông ấy định tha tội cho cậu đấy

Bà mẹ đỡ đầu của Lisette nhẹ nhàng nói với tôi:

- Các ông ở đảo Royale lần này thì lãnh đủ nhé. Tất nhiên rồi, thừa nhận có cuộc nổi loạn ở Saint-Joseph mà ai cũng bắt buộc phải biết rõ, trừ ông chồng bà, đối với họ dễ quá.

- Papillon này, tôi nghe được hết và tôi hiểu ngay là anh muốn làm điều tốt cho chúng tôi.

- Đúng vậy, thưa bà Dutain.

Cửa mở ra và một lính vào gọi.

- Papillon, qua đây.

- Anh ngồi xuống đi, - thiếu tá chỉ huy đảo Royale nói. - Sau khi bàn luận với nhau, chúng tôi nhất trí kết luận là anh nói đúng: không hề có nổi loạn. Ba tù nhân đó đã quyết định tự vẫn và trước khi chết, họ cố giết được càng nhiều người càng tốt. Vậy là mai mọi việc hàng ngày sẽ lại như cũ. Ngay đêm nay, ông Filissari sẽ được chuyển về đảo Royale. Giải quyết trường hợp của ông ta là việc của

chúng tôi, nên chúng tôi cũng không yêu cầu anh cộng tác với chúng tôi. Chúng tôi trong vấn đề này chỉ mong anh giữ lời hứa.

- Các ông cứ tin ở tôi. Xin chào các ông.

- Mohammed và hai ông giám thị hãy đưa Papillon về phòng. Và mời ông Filissari vào đây. Ông ta sẽ đi với chúng tôi về đảo Royale ngay.

Trên đường về, tôi nói với Mohammed rằng tôi hy vọng là anh ta sẽ được thả. Anh ta cảm ơn tôi.

- Bọn chỉ huy muốn cậu làm gì thế?

Trong cảnh im lặng hoàn toàn, tôi kể lại rõ ràng và tỉ mỉ từng câu một, những gì đã xảy ra.

- Nếu có ai không đồng ý hay có gì chỉ trích những gì tôi đã nhân danh tất cả mà thỏa thuận với các cấp chỉ huy ở đây, xin cứ nói ra.

Tất cả đều nhất trí tán thành.

- Cậu cho rằng họ tin là không còn ai liên quan đến vụ này sao?

- Không đâu, nhưng nếu họ không muốn bị cách chức thì họ bắt buộc phải tin như vậy. Cả chúng ta nữa, nếu chúng ta không muốn gặp chuyện rắc rối, chúng ta cũng phải tin như vậy.

Bảy giờ sáng hôm nay, tất cả các tù nhân bị giam ở xà lim đều được thả về chỗ cũ. Có trên một trăm hai mươi người. Chưa ai đi làm nhưng tất cả các phòng giam đều được mở cửa và ngoài sân đầy những tù nhân được tự do hút thuốc, thoải mái chuyện trò, ngồi ngoài nắng hay trong bóng râm. Niston đã được đưa đi bệnh viện. Carbonieri cho tôi biết là có những tấm bìa ghi hàng chữ: “Tình nghi tham gia vào vụ nổi loạn” được treo trước cửa ít ra từ tám mươi đến một trăm xà-lim.

Lúc này đây, được tập trung đông đủ, chúng tôi mới biết rõ sự thật. Filissari chỉ giết có một người, những người khác bị hai tên lính trẻ giết, hai tên này bị mấy phạm nhân giết, trong bước đường cùng: tưởng mình sắp bị giết, các phạm nhân này đã cầm

dao lao bừa vào lính, cố giết lấy một người trước khi chết. Thế là một vụ nổi loạn thật sự may sao đã phá sản ngay từ đầu để trở thành một cuộc tự vẫn kỳ quặc của ba tù nhân khổ sai: đây là luận đề hình thức được mọi người, cả ban Quản trị lẫn tù nhân, công nhận. Còn lại là truyền thuyết hay chuyện thật, tôi không biết nói thế nào cho chính xác.

Hình như việc mai táng ba người bị giết ở trại cùng với Hautin và Marceau được tiến hành như sau: vì chỉ có một cỗ quan tài có rãnh trượt để thả các thi hài xuống biển, nên bọn lính đặt tất cả các xác chết xuống lòng thuyền rồi cả năm cái xác được ném bằng tay xuống cho cá mập. Khi tiến hành việc liệm xác, họ tính rằng, trong lúc những thi thể ném xuống trước đang bị cá mập cắn xé thì những thi thể ném sau đã được buộc đá vào chân có đủ thời gian chìm sâu xuống nước. Tôi được nghe kể lại rằng không có cái xác nào chìm xuống nước cả, và cả năm cái xác đó, được liệm vải trắng vào lúc chập choạng tối, đã nhảy múa như những con rối thật sự, được miệng và đuôi lũ cá mập đưa đẩy trong một bữa tiệc thịnh soạn xứng với Nabuchodonozor. Cảnh tượng hãi hùng đó đã làm cho đám tù chèo thuyền và đám lính gác hết hoảng tháo lui

Một ban thanh tra đã tới, ở lại gần năm ngày trên đảo Saint-Joseph, và hai ngày trên đảo Royale. Tôi không bị tra hỏi riêng mà cũng chỉ như mọi người. Qua thiếu tá Dutain, tôi biết là mọi việc đều êm thấm. Filissari được nghỉ phép chờ ngày về hưu, như vậy là lão ta sẽ không trở lại đảo này nữa. Mohammed được ân xá hoàn toàn, và thiếu tá Dutain được gán thêm một lon.

Vì thế nào cũng có những kẻ không được vừa lòng nên hôm qua, một tù nhân người Bordeaux đã hỏi tôi:

- Giúp đỡ cho bọn coi tù như vậy, phỏng chúng ta có được xơ múi gì?

Tôi nhìn thẳng vào y:

- Chẳng được gì mấy: chỉ có độ năm, sáu chục tù không bị giam vào ngục cấm cố về tội tòng phạm, cậu thấy thế là không có gì hả?

May mắn là cơn giông tố đó đã dịu dần. Một sự thỏa thuận ngầm giữa cai tù và tù đã hoàn toàn vô hiệu hóa ban thanh tra trừ danh nọ, mà có lẽ chính ban thanh tra cũng chỉ mong sao mọi việc được ổn thỏa cho rồi.

Về phần tôi, tôi chẳng được gì cũng chẳng mất gì nếu không nói đến sự biết ơn của các bạn tôi đã không phải chịu đựng một kỷ luật khát khe hơn. Trái lại, lao dịch kéo đá đã được bãi bỏ. Đó là một lao dịch kinh khủng. Bây giờ trâu kéo đá, tù nhân chỉ xếp đá vào chỗ đã định. Carbonieri được trả về lò bánh mì. Tôi tìm cách trở về đảo Royale. Ở đây thì không có công xưởng nên không thể đóng bè được.

Việc Pétain lên cầm quyền ở Pháp làm quan hệ giữa tù nhân và giám thị nặng nề thêm. Tất cả các nhân viên thuộc chính quyền đều lớn tiếng tuyên bố theo phái Pétain, và có một lính gác người Normandie đã nói với tôi:

- Cậu có muốn nghe tôi nói với cậu điều này không, Papillon? Tôi chưa bao giờ theo phái Cộng hòa cả. Ở đảo, không ai có máy thu thanh và không ai biết được tin tức gì. Ngoài ra, lại có tin đồn là chúng tôi tiếp tế cho tàu ngầm Đức ở Martinique và Guadeloupe. Thật không sao hiểu nổi. Luôn luôn nổ ra những cuộc tranh luận.

- Mẹ kiếp! Cậu có muốn tớ nói cho cậu biết không, Papi? Bây giờ mới là lúc nổi loạn, để trao các đảo cho nước Pháp của De Gaulle.

- Cậu cho là ông Charlot cao kều ấy cần nơi giam tù khổ sai à? Để làm gì?

- Thì để có được hai ba ngàn quân chứ còn sao?

- Những thằng hủi, những thằng ngớ ngẩn, lao phổi, kiệt lý hả? Cậu không đùa đấy chứ? Ông ta không ngốc đến nỗi phải ôm lấy lũ tù khổ sai đâu.

- Thế hai ngàn tù còn khỏe mạnh thì sao?

- Đấy lại là chuyện khác. Đúng là người, nhưng không phải là những người có khả năng cầm súng. Cậu tưởng chiến tranh

giống như đi ăn cướp đây hả? Ăn cướp chỉ mười lăm phút là xong, chiến tranh kéo dài hàng năm. Muốn trở thành một chiến sĩ tốt, phải có lòng tin của người yêu nước. Cậu có tin hay không mặc cậu, tớ không muốn ở đây có lấy một thằng nào dám hy sinh thân mình cho nước Pháp.

- Hy sinh làm quái gì, sau khi nước Pháp đã đối xử với chúng ta như thế này?

- Cậu đã thấy tớ nói có lý chưa? May mà ông Charlot cao kêu đã có những người khác các cậu để tiến hành chiến tranh. Nhưng cũng phải nhớ là bọn Đức khôn nạn đang ở trên đất nước chúng ta! Lại có những thằng Pháp đi với tội chúng nữa. Tất cả quan và lính ở đây, không trừ ai, đều nói là chúng ủng hộ Pétain.

Bá tước Bérac nói: “Giá có thể liều thân đánh nhau với Đức thì đó cũng là một cách để chúng ta chuộc tội”.

Thế là sinh ra cái hiện tượng sau đây: trước kia chưa có tù nhân nào nói đến việc chuộc tội. Thế mà bây giờ tất cả mọi người, từ dân giang hồ đến dân trưởng giả, tất cả các phạm nhân khổ sai khôn khổ ấy đều thấy lóe lên một tia hy vọng.

- Thế để được gia nhập vào hàng ngũ của De Gaulle, chúng mình sẽ nổi loạn chứ hả Papillon?

- Đáng tiếc là tớ chẳng cần phải chuộc tội đối với bất cứ ai cả. Tớ ngồi xồm lên cái công lý của nước Pháp với cái mục “phục hồi nhân phẩm” của nó. Tớ sẽ tự tay mình chứng minh là tớ đã “phục hồi nhân phẩm” rồi. Nhiệm vụ của tớ là vượt ngục, để khi được tự do, sẽ trở thành một người bình thường, sống trong xã hội mà không gây nguy hại gì cho xã hội đó. Tớ không tin rằng một con người có thể chứng minh một cái gì khác bằng một cách gì khác được. Tớ sẵn sàng tham gia bất cứ hành động nào để đạt mục đích vượt ngục. Trao quần đảo này cho ông Charlot cao kêu không phải là việc của tớ, và tớ chắc rằng ông ta cũng chẳng thiết. Vả lại nếu ta làm như vậy, cậu có biết những thằng cha ngồi trên chóp bu sẽ nói gì không? Rằng chúng mình chiếm đảo để được tự do, chứ không phải để làm một nghĩa cử vì nước Pháp tự do. Mà cậu nào có biết ai đúng, ai sai. De Gaulle hay Pétain? Tớ thì tớ chẳng biết

cái cóc khô gì cả. Đất nước bị chiếm đóng, tớ cũng đau khổ như mọi người dân thường, tớ nghĩ đến những người thân của tớ, đến bố mẹ, đến các chị em tớ, đến các cháu tớ.

- Chúng ta lo lắng như vậy cho cái xã hội chẳng thương xót gì chúng ta ấy làm quái gì nhỉ.

- Điều ấy cũng là bình thường, vì bọn cảnh sát và bộ máy luật pháp của nước Pháp, bọn hiến binh, bọn cảnh sát, chúng không phải là nước Pháp. Đây là cả một tầng lớp riêng biệt, gồm những kẻ tâm địa hoàn toàn méo mó. Bây giờ có biết bao nhiêu kẻ như thế sẵn sàng trở thành đầy tớ cho bọn Đức? Tớ cá với cậu là cảnh sát Pháp đang bắt bớ đồng bào của chúng để giao cho bọn cầm quyền Đức. Thôi nhé. Tớ đã nói và tớ nhắc lại rằng tớ không tham gia vào một cuộc nổi loạn, với bất cứ lý do gì. Trừ phi là để vượt ngục, nhưng cũng còn phải xem vượt ngục như thế nào đã.

Những cuộc tranh cãi rất gay gắt đã nổ ra giữa các phe phái trong trại. Kẻ ủng hộ De Gaulle, kẻ ủng hộ Pétain. Thật ra chẳng ai hiểu gì cả, vì như tôi đã nói, cả giám thị lẫn tù nhân, không ai có cái máy thu thanh nào. Tin tức có được đều do các tàu đi ngang qua đem đến cho chúng tôi một ít bột mì, rau khô và gạo. Đối với chúng tôi, chiến tranh đứng từ xa như vậy mà nhìn, thật khó hiểu.

Nghe đâu như có một người đến Saint-Laurent-du-Maroni để tuyển mộ lính cho lực lượng tự do. Tù nhân chẳng biết gì hết, chỉ biết một điều là bọn Đức đóng khắp nước Pháp.

Có một sự kiện vui vui: một linh mục đến đảo Royale có thuyết giảng sau khi làm lễ. Ông ta nói:

- “Nếu các đảo bị tấn công, các anh sẽ được phát súng để giúp các giám thị bảo vệ đất đai của nước Pháp” Chuyện thật mười mươi đấy. Ông cha ấy ngộ nghĩnh thật, và không biết ông ta hiểu về chúng tôi ra thế nào mà lại đi thuyết giảng như vậy được. Chắc ông ta đánh giá trí khôn của chúng tôi chẳng cao chút nào. Kêu gọi tù nhân đi bảo vệ nhà giam của họ. Thật là chuyện kỳ quặc khó nghe nổi.

Đối với chúng tôi, chiến tranh có nghĩa là: người gác tăng gấp đôi từ lính quèn đến chỉ huy trưởng và chánh giám thị; rất nhiều thanh tra, một số thanh tra nói giọng Đức hay giọng Alsace rất rõ; rất ít bánh mì: chỉ còn bốn trăm gam; rất ít thịt.

Chỉ có một thứ được tăng là giá biểu phải trả cho một cuộc vượt ngục thất bại: tử hình. Vì thêm vào bản án về tội vượt ngục là: “mưu toan chạy sang hàng ngũ những kẻ thù của nước Pháp”.

Tôi ở đảo Royale đã được bốn tháng nay. Tôi đã có một người bạn lớn là bác sĩ Germain Guibert. Vợ bác sĩ, một người đàn bà khác thường, đã nhờ tôi trông cho bà một vườn rau để giúp bà sống được trong cái chế độ ăn uống hạn chế này. Tôi đã trông trong vườn của bà nào rau xà lách, nào cải củ, đậu đũa, nào cà chua, và cà tím. Bà rất khoái và coi tôi như một người bạn tốt

Ông bác sĩ này không bao giờ bắt tay một viên giám thị, bắt kẻ ở cấp bậc nào, nhưng lại thường bắt tay tôi và một vài tù nhân khác mà ông đã biết rõ và đem lòng quý trọng.

Sau này, khi được tự do, tôi đã liên hệ lại với bác sĩ Germain Guibert qua bác sĩ Rosenberg. Ông đã gửi cho tôi một tấm hình ông chụp cùng với vợ trên bến Canebière ở Marseille. Ông đã chết ở Đông Dương vì cố cứu một thương binh rơi lại phía sau. Ông là một con người phi thường và vợ ông cũng tương xứng với ông. Năm 1976, khi về Pháp, tôi định đến thăm bà. Sau tôi lại thôi vì bà đã không viết thư cho tôi sau khi bà cho tôi một giấy chứng nhận mà tôi cần xin bà. Từ đó, tôi không được tin tức gì của bà nữa. Tôi không biết lý do của sự im lặng này, nhưng trong đáy lòng tôi vẫn giữ mãi một niềm tri ân sâu sắc đối với cả hai ông bà về cách họ đối xử với tôi trong gia đình họ ở Royale.

Vài tháng sau, tôi đã có thể trở về đảo Royal rồi

IX. ĐẢO SAINT-JOSEPH - CÁI CHẾT CỦA CARBONIERI

Ngày hôm qua, Matthieu Carbonieri bạn tôi đã bị một nhát dao trúng tim. Vụ giết người đã kéo theo một loạt những vụ giết người khác. Anh ta đang tắm trần truồng ở xưởng giặt, và khi bị dao đâm, mặt còn đầy xà phòng. Khi đang tắm gương sen, chúng tôi có thói quen mở sẵn dao và dũa dưới quần áo, để kịp thời lấy được ngay nếu có người nào vẫn được coi là kẻ thù của mình bất thần ập đến. Vì lần này không làm như vậy nên anh đã thiệt mạng, kẻ giết bạn tôi là một tên Armeni, suốt đời làm mướn.

Được thiếu tá cho phép, và có một người phụ giúp tôi đưa xác anh xuống tận bên. Anh ta nặng ký nên khi xuống dốc, tôi phải nghỉ ba lần. Tôi buộc vào chân anh ta một tảng đá to và chẳng bằng một sợi dây thép thay cho sợi dây thừng thường lệ. Làm như vậy, cá mập không thể cắn đứt dây được và xác anh sẽ chìm xuống đáy mà không bị chúng ăn.

Chuông nhà thờ vang lên khi chúng tôi đến bên tàu. Đã sáu giờ chiều. Mặt trời lặn ở cuối chân trời. Chúng tôi lên ca nô. Trong cái hòm thường ngày, được dùng cho tất cả mọi người, nắp đã được đẩy lại Matthieu nằm yên trong giấc ngủ vĩnh viễn. Với anh ta thế là hết.

“Chèo đi nào”, - viên cảnh binh cầm lái nói. Chưa đầy mười phút, chúng tôi đã tới dòng lạch chảy giữa hai đảo Royale và Saint-Joseph. Tự nhiên, tôi thấy cổ nghẹn lại. Cả chục cái vây cá mập nhô lên khỏi mặt nước, quay vòng rất nhanh trong một khoảng chật hẹp chưa tới bốn trăm mét. Bọn cá ăn thịt tù đây. Chúng đến thật đúng giờ hẹn và điểm hẹn chính xác. Cầu trời cho chúng không đớp kịp bạn tôi. Các mái chèo đã được dựng đứng, để chào vĩnh biệt. Cái quan tài đã được nâng lên. Thi hài của

Matthieu, liệm trong mấy cái bao bột mì, bị sức nặng của tảng đá lớn lôi theo, đã trượt nhanh xuống biển.

Kinh khủng quá! Cái thi hài vừa rơi xuống nước, tôi tưởng nó chìm nghỉm thì nó lại bị dội lên mặt nước do bảy, mười hay hai mươi con cá mập - ai biết được, nâng bổng lên. Trước khi chiếc thuyền quay mũi, những bao bột mì liệm xác đã bị rách tan nát và một điều không sao hiểu được đã xảy ra. Matthieu đứng thẳng trên mặt nước chừng hai, ba giây. Cánh tay phải đã mất. Nửa thân người anh tiến thẳng về phía thuyền rồi bị một cái xoáy rất mạnh hút xuống, anh đã biến mất. Lũ cá mập lao vun vút ở phía dưới và phải đẩy thuyền, làm một người mất thăng bằng suýt ngã xuống nước.

Tôi bước chậm chạp đi từ bến về trại. Không ai đi theo tôi. Tôi mang cái cáng trên vai và tới quãng bằng nơi con Brutus tấn công con Danton dạo nọ. Tôi dừng lại và ngồi xuống. Trời đã tối, nhưng bảy giờ môi có bảy giờ. Về phía Tây, bầu trời còn le lói vài tia sáng nhạt của vầng dương đã khuất dưới chân trời. Còn lại là một màu đen tối, chỉ thi thoảng mới có ánh đèn pha của đảo quét thành một đường sáng. Lòng tôi nặng trĩu. Rõ khi! Mà đã muốn xem đám ma, lại là đám ma bạn mây nữa! Thì mây đã được xem, lại được xem kỹ nữa còn gì! Có cả tiếng chuông tiếng chiếc dây đủ lệ bộ: mọi thứ! Mây đã được hài lòng rồi chứ? Cái tật tò mò bệnh hoạn của mây được thỏa mãn rồi còn gì? Bây giờ còn cái việc thanh toán thằng khốn đã giết bạn mây vào lúc nào? Đêm nay. Tại sao lại đêm nay? Chưa được đâu. Hãy còn sớm quá, thằng cha chắc hẳn đang thủ thế đề phòng hết mức. Nhóm của hắn có đến mười thằng. Tôi không thể để cho mình mắc bẫy, tự dẫn xác đến cho chúng hạ thủ. Nhưng cũng không thể để cho chúng tranh thủ đánh phủ đầu trước được. Thử tính xem tôi có thể có bao nhiêu người trợ thủ nào? Có bốn người, kể cả tôi là năm. Được! Phải thanh toán nó và nếu có thể, tôi sẽ xin chuyển sang đảo Quỷ. Tại đây, không cần bè, không cần chuẩn bị gì cả; chỉ hai bao dừa khô, là tôi lao xuống biển được rồi. Khoảng cách đến bờ biển tương đối gần, bốn mươi ki-lô-mét theo đường chim bay. Tính thêm sóng gió và nước thủy triều, cho là một trăm hai mươi ki-lô-mét đi. Còn lại

là vấn đề chịu đựng được hay không. Tôi còn khỏe, và hai ngày cưỡi lên túi dừa, lên đên trên biển chắc tôi sẽ chịu được.

Tôi nhấc cáng và lên đường về trai. Đến cửa, tôi bị lục soát, một việc khác thường. Chưa bao giờ tôi bị như vậy. Tên lính gác đoạt con dao của tôi.

- Ông muốn tôi bị giết hả? Tại sao ông lại lấy dao của tôi? Ông có biết làm như vậy là ông giết tôi không? Tôi mà chết là tội ông đấy.

Không ai trả lời tôi, từ lính gác đến bọn A rập giữ chìa khóa. Họ mở cửa và tôi bước vào phòng: "Sao tối mò thế này? Mọi ngày có ba cái đèn, sao hôm nay lại chỉ có một?"

Grandet kéo tay áo tôi.

- Papi lại đây.

Căn phòng không ồn ào lắm. Hình như có việc gì nghiêm trọng sắp xảy ra hoặc đã xảy ra.

- Tôi bị tước mất dao rồi. Bọn nó khám tôi lấy luôn.

- Đêm nay cậu không cần đến nó.

- Sao vậy?

- Thành Armeni và bạn nó đã ở trong nhà tiêu.

- Chúng làm gì ở trong ấy?

- Chúng chết rồi.

- Ai giết chúng?

- Tớ.

- Mau nhỉ. Còn những đứa khác thì sao?

Trong nhóm chúng còn bốn đứa. Paulo đã hứa danh dự với tớ là chúng sẽ không làm gì, chúng chờ gặp cậu để hỏi xem cậu có bằng lòng cho chuyện này chấm dứt ở đây không.

- Đưa cho tớ con dao.

- Đây cầm lấy dao của tớ. Ra nói chuyện với bọn đó đi, tớ ở lại đây.

Tôi tiến lại phía nhóm của họ. Mắt tôi lúc này đã quen dần với bóng tối lơ mơ. Rồi tôi cũng nhận ra nhóm họ. Bọn họ đang đứng túm tụm vào nhau, trước vũng.

- Paulo, anh muốn nói chuyện với tôi phải không?

- Phải.

- Nói một mình hay có cả các bạn anh? Anh muốn gì?

Tôi thận trọng để một khoảng cách một mét rưỡi giữa chúng tôi. Dao đã được mở sẵn, giấu trong cánh tay áo trái, chuôi dao nằm gọn trong lòng bàn tay tôi.

- Tôi muốn nói, tôi cho rằng bạn của anh thế là đã được trả thù xứng đáng rồi. Anh mất người bạn thân nhất, còn chúng tôi mất hai. Theo ý tôi, thế là đủ. Anh nghĩ sao?

- Tôi sẽ xét đề nghị của anh, Paul ạ. Điều ta có thể làm được, nếu các anh đồng ý, là hai nhóm thỏa thuận sẽ không làm gì trong vòng tám ngày. Chịu không?

- Được.

Và tôi rút về.

- Bọn chúng nó nói những gì với cậu?

- Chúng nó cho là, với cái chết của thằng Armeni và thằng Vô Lô, Matthieu đã được trả thù đủ rồi.

- Không được - Galgani nói.

Garandet không nói gì. Jean Castelli và Louis Gravon đồng ý là phải thỏa thuận đình chiến.

- Còn ý cậu thì sao Papi?

- Trước hết, ai giết Matthieu? Thằng Armeni phải không? Tôi đã đưa ra một điều thỏa thuận. Tôi đã hứa và bọn kia cũng vậy, là trong vòng tám ngày, hai bên sẽ không có ai hành động gì để hại nhau.

- Cậu không muốn trả thù cho Matthieu hả? Galgani hỏi.

- Bây giờ, Matthieu đã được trả thù rồi, vì cậu ấy mà hai thằng đã chết. Còn giết những thằng khác làm gì?

- Chúng có biết như vậy không đã chứ? Phải tìm hiểu điều gì?

- Xin lỗi và chào tất cả. Tớ cố ngủ một chút đây.

Ít ra tôi cũng cần được yên tĩnh một mình. Tôi nằm dài trên võng. Tôi cảm thấy có một bàn tay lướt trên người tôi, nhẹ nhàng rút con dao của tôi. Trong đêm tối, một giọng nói thì thầm:

- Papi cố ngủ đi, nếu ngủ được cứ yên tâm mà ngủ. Bọn tớ dù thế nào cũng thay nhau canh gác.

Cái chết tàn nhẫn, khôn nạn của bạn tôi là không có lý do chính đáng. Tên Armeni giết anh vì trong đêm đánh bạc, Matthieu đã bắt nó phải trả ngay một trăm sáu mươi francs. Thằng chó đẻ mất thể diện vì bị buộc phải bỏ tiền ra trước mặt bốn chục con bạc khác. Bị Matthieu và Gandet kẹp hai bên, nó chỉ có cách tuân lệnh.

Và nó đã giết một cách hèn nhát một tay giang hồ kiểu mẫu, trong sạch và thẳng thắn với giới của mình. Vớ này đã làm tôi xúc động mạnh, có một điều làm tôi thỏa mãn là bọn giết người chỉ sống được vài giờ sau khi chúng phạm tội ác: cũng chẳng được bao lâu. Grandet, khác nào một con hổ, với tốc độ của một nhà vô địch, đã thọc con dao vào cổ từng đứa một, trước khi chúng có thì giờ thủ thế. Tôi hình dung chỗ chúng gục xuống chắc phải ngập ngựa máu. Tôi tự hỏi một cách ngớ ngẩn: “Không biết ai đã kéo xác chúng vào nhà xí?”. Nhưng tôi không nói ra. Mắt nhắm nghiền, tôi hình dung thấy những tia sáng cuối cùng của mặt trời đỏ và tím một màu thê thảm đã chiếu sáng cái cảnh rùng rợn này: lũ cá mập đang tranh giành thi thể bạn tôi... Và cái thân trên thẳng đứng, đã cụt một cánh tay, đang tiến về phía ca-nô?... Rõ ràng là tiếng chuông đã gọi lũ cá mập đến, và lũ khôn kiếp ấy biết rằng khi có tiếng chuông là chúng sắp được ăn. Tôi còn thấy hàng chục cái vây cá lóe lên một ánh bạc ảm đạm, lượn tới lượn lui như những chiếc tàu ngầm. Chắc phải tới hơn trăm con.. Với Matthieu, với bạn tôi thế là hết! Con đường thôi nát đã đưa anh đến tận cùng.

Chết ở tuổi bốn mươi vì một nhát dao do một chuyện tâm phào. Tội nghiệp cho bạn tôi. Tôi chịu hết nổi rồi. Không, không được. Không được đâu. Tôi muốn cho lũ cá mập ăn thịt tôi trong khi tôi còn sống, liều mình đi tìm tự do, không bị bọc trong mấy cái túi bột mì, không bị buộc vào đá, trói vào dây. Và không có một ai chứng kiến lúc đó, dù là tù nhân hay là lính gác. Không có tiếng chuông nhà thờ. Nếu tôi bị ăn thịt, thì... chúng sẽ chén tôi lúc tôi còn sống, trong khi tôi đang vật lộn với thiên nhiên để tới được đất liền.

Thôi đi. Thôi hẳn đi. Không còn những cuộc vượt ngục chuẩn bị qua quá kỹ càng nữa. Từ đảo Quỷ, chỉ cần hai bao tải đựng đầy dừa, rồi phó mặc cho số mạng, nhờ ơn Trời?

Nói cho cùng, đây chỉ là vấn đề chịu đựng của thể xác. Bốn mươi tám giờ hay sáu mươi giờ? Một thời gian ngâm mình trong nước biển lâu như vậy, cộng với sức lực của cơ đùi phải bỏ ra để kẹp chặt lấy các bao tải dừa, đến một lúc nào đó, liệu có làm chân tôi tê cứng lại không? Nếu tôi may mắn đến được đảo Quỷ, tôi sẽ thử. Trước hết phải rời đảo Royale, và đến đảo Quỷ đã. Sau rồi sẽ liệu.

- Cậu ngủ chưa, Papi?
- Chưa.
- Cậu uống cà-phê không?
- Nếu có.

Và tôi ngồi trên võng, cầm ca cà-phê nóng Grandet đưa cho tôi cùng một chiếc Gauloise đã châm sẵn.

- Máy giờ rồi?
- Một giờ. Tớ bắt đầu gác từ nửa đêm, tớ thấy cậu cứ trần trọc hoài, tớ biết là cậu không ngủ được.
- Đúng đấy. Matthieu chết làm tôi ngao ngán quá chừng, nhưng việc mai táng cậu ấy chỗ lũ cá mập còn làm tôi đau lòng hơn. Thật là khủng khiếp.

- Tớ không muốn nghe chuyện ấy đâu, Papi ạ. Tưởng tượng cũng thấy được. Lẽ ra cậu không nên đi thì hơn.

- Trước kia tôi cứ nghĩ câu chuyện về tiếng chuông là bịa đặt. Rồi với dây thép chẳng vào đá, tôi nghĩ là không bao giờ cá mập có thể đớp được cậu ấy khi đang chìm xuống đáy. Tội nghiệp cho Matthieu, tôi sẽ còn nhìn thấy cái cảnh rừng rợn đó mãi cho đến chết. Còn cậu, cậu làm thế nào để khử được thằng Armeni với thằng Vô Lô lệ vậy?

- Tớ ở phía cuối đảo, đang ghép một cánh cửa cho cửa hàng thịt thì nghe tin chúng nó giết bạn của ta. Lúc ấy là giữa trưa. Đáng lẽ về trại, tớ lại đến xưởng, lấy cơ cần phải sửa ổ khóa. Tớ đã lồng vào một cái ống dài một thước một con dao găm hai lưỡi. Chuôi dao và ống đều rộng cả. Năm giờ khi về trại, tớ mang cái ống ấy về. Tên lính gác hỏi để làm gì, tớ nói là cái xà treo vồng của tớ bị gãy và đêm nay tớ sẽ dùng cái ống này để thay tạm. Khi tớ về đến phòng, trời còn sáng, nhưng tớ đã để cái ống đó ở chỗ giặt quần áo. Trước khi điể danh, tớ mới ra lấy về. Trời bắt đầu tối. Các bạn đứng quanh che cho tớ lồng con dao vào cái ống. Thằng Armeni và thằng Vô Lô đứng tại chỗ trước vồng của chúng. Paulo hơi lùi về sau một chút. Cậu biết là Jean Castelli và Louis Gravon can đảm đấy, nhưng già rồi, cũng không đủ nhanh nhẹn nếu hai bên dàn trận ra đánh nhau. Tớ muốn hành động trước khi cậu trở về để tránh cho cậu khỏi bị dính dáng vào việc này. Với thành tích cũ của cậu, nếu cánh ta bị gì, thì cậu sẽ lãnh án tối đa. Jean đứng ở cuối phòng và đã tắt bớt ngọn đèn ở đấy, Gravon ở đầu phòng đằng kia cũng làm như vậy. Cả gian phòng gần như tối mò, chỉ có một cây đèn dầu ở chính giữa. Tớ có một cây đèn pin của Dega cho. Jean đi trước, tớ theo sau. Đến ngang chỗ bọn chúng, Jean cầm đèn chiếu thẳng vào mặt chúng. Thằng Armeni bị lóa, đưa tay lên che mắt. Tớ có đủ thì giờ lao cả ngọn dao vào cổ nó. Đến lượt thằng Vô Lô, cũng bị lóa, nó đã rút dao và chĩa ra phía trước nhưng chẳng biết đâm vào đâu. Tớ cũng lao mạnh đến nỗi con dao xuyên qua cổ sang tận bên kia. Paulo nhào xuống sàn và lăn vào dưới vồng. Jean đã tắt đèn, tớ thôi không đuổi theo Paulo ở dưới vồng, cho nên nó mới thoát chết.

- Ai kéo chúng vào nhà cầu?

- Tớ không biết. Tớ cho là chính bọn cùng nhóm với chúng đã kéo chúng vào đấy để moi hai cái plan đầu trong bụng chúng.

- Chắc phải có đến một ao máu nhỉ?

- Chứ còn gì nữa. Chúng nó đúng là bị chọc tiết nên máu phải ra đến hết. Tớ nghĩ ra mẹo dùng đèn pin trong khi chuẩn bị cái lao. Ở xưởng tớ tình cờ trông thấy một tên lính gác thay pin cho cái đèn của nó. Tớ nghĩ ngay đến cái mẹo ấy, liền nhờ Dega kiếm cho một cây đèn pin. Bây giờ thì chúng tha hồ lục soát. Cây đèn pin và cá con dao găm nữa, đã được một thằng A-rập giữ chìa khóa lấy trong xưởng mang đến cho Dega. Về phần ấy, không lo bị lộ. Tớ cũng chẳng có gì tự trách mình. Bọn chúng giết Martthieu trong khi mất cậu ấy đầy bột xà phòng, còn tớ đã giết chúng trong khi mất chúng đầy ánh đèn pin? Thế là xong nợ. Cậu nghĩ sao, Papi?

- Cậu làm đúng đấy. Tôi không biết phải cảm ơn cậu như thế nào vì cậu đã hành động mau như vậy để trả thù cho bạn, hơn thế, cậu còn nghĩ cách giữ cho tôi được đứng ngoài cuộc trong vụ này.

- Đừng bận tâm đến chuyện ấy. Tớ chỉ làm bốn phận của tớ. Cậu đã chịu đựng nhiều và cậu khát khao được tự do quá đổi nên tớ phải làm việc ấy.

- Cảm ơn cậu, Grandet ạ. Phải, bây giờ tớ lại càng muốn đi cho thoát hơn bao giờ hết. Vậy cậu hãy giúp đỡ làm sao cho việc này ngưng lại đây nhé. Thắng thần mà nói, tớ rất ngạc nhiên nếu thằng Armêni, trước khi hành động, đã báo cho nhóm nó biết. Paulo không bao giờ chấp nhận một vụ giết người hèn nhất đến thế đâu. Nó biết rõ những hậu quả sẽ phải chịu.

- Tớ cũng nghĩ vậy. Nhưng Galgani thì nói là tất cả bọn chúng có tội hết.

- Chờ đến sáu giờ xem việc gì sẽ xảy ra. Tôi sẽ không ra ngoài để đổ thùng đâu. Tôi sẽ cáo bệnh để ở lại xem tình hình diễn biến ra sao.

Năm giờ sáng. Bác Trưởng khôi đến chỗ chúng tôi: “Các cậu này, ta có nên gọi vọng gác không nhỉ? Tao vừa thấy hai xác chết trong nhà tiêu. Người tù già bảy mươi tuổi này muốn cả chúng tôi cũng tin rằng từ sáu giờ rưỡi tối qua, giờ hai thằng ấy bị giết, bác ta không biết gì cả. Gian phòng chắc bê bết máu, vì vũng máu ở đúng giữa lối đi, mọi người đi qua đi lại bắt buộc phải dẫm vào đấy. Grandet cũng trả lời với cái vẻ thờ đại như người tù già:

- Sao, có hai người chết ở trong nhà tiêu à? Từ lúc nào vậy?

- Mà đi mà hỏi xem - ông già nói - Tao ngủ từ sáu giờ. Bảy giờ, tao đi tiểu, tao bị trượt chân ngã suýt vỡ mặt ra. Tao bật máy lửa lên, mới biết là máu và trong nhà tiêu, tao trông thấy hai thằng đó.

- Thôi bác cứ gọi đi, rồi xem sao.

- Ồi giám thị ơi, giám thị!

- Làm gì mà to mồm vậy, lão già kia. Cháy nhà hản?

- Không đâu, sếp ơi, có hai người chết ở nhà xí.

- Bọn bay muốn tao làm gì nào? Làm cho chúng sống lại chắc? Bây giờ là năm giờ mười lăm chờ đến sáu giờ hăng hay. Không được cho ai vào cầu tiêu đấy.

- Ông nói thế không được đâu. Vào giờ này, sắp dậy cả rồi, ai cũng phải đi ỉa, đi đại chứ.

- Được rồi, chờ đấy đã. Để tao đi gọi sếp gác. Ba lính gác, một cai giám thị và ba người nữa đã tới. Tưởng họ vào phòng giam nhưng không, họ đứng bên ngoài cánh cửa sắt.

- Có hai người chết ở nhà xí hả?

- Thưa sếp, vâng.

- Từ mấy giờ?

- Tôi không biết. Tôi vừa đi đại thì trông thấy họ.

- Những ai vậy?

- Tôi không biết.

- Vậy thì, lão gàn này, tôi nói cho lão biết. Một thằng chết là thằng Armeni, vào xem đi.

- Đúng rồi, đấy là thằng Armeni và thằng Vô Lô. Chờ đến lúc điểm danh thôi.

Rồi cả bọn bỏ đi.

Sáu giờ sáng, chuông reo lần thứ nhất. Cửa được mở và có hai người phát cà-phê đi từ chỗ người này đến chỗ người kia, theo sau là những người phát bánh mì.

Sáu giờ rưỡi, là hồi chuông thứ hai. Ngày đã rạng. Và lối đi đầy những vết chân đã dẫm vào máu đêm qua.

Hai viên trại trưởng đến. Trời đã sáng rõ. Tám giám thị và một bác sĩ cũng đến theo.

- Tất cả cởi hết quần áo, đứng nghiêm trước vồng của mình. Trời đất ơi! Đây đúng là cái lò sát sinh. Chỗ nào cũng đầy máu là máu.

Phó trại trưởng vào nhà tiêu trước. Khi trở ra, mặt ông ta trắng bệch. “Đúng là họ bị chọc tiết. Dĩ nhiên, không ai trông thấy hay nghe thấy gì, phải không?”.

Im lặng hoàn toàn.

- Ông già, ông là trưởng khối này, hai người kia đã cạo hết máu.

- Xin bác sĩ cho biết họ chết chừng được bao lâu rồi.

- Từ tám đến mười giờ. - bác sĩ nói.

- Thế mà đến tận năm giờ lão mới thấy họ? Lão không trông thấy, không nghe thấy gì chứ?

- Phải, tôi vốn nặng tai. Tôi nhìn cũng chẳng rõ, hơn nữa tôi đã bảy mươi tuổi, đã bốn mươi năm trong tù. Cho nên, các ông hiểu cho, tôi ngủ. Sáu giờ tôi đã ngủ, vì mót đi tiểu, tôi mới phải dậy lúc 5 giờ sáng. Cũng may, vì thường ngày tôi chỉ dậy khi có tiếng chuông.

- Lão nói đúng, cũng may mà lão mới nhìn thấy đấy nhỉ, - thiếu tá nói, giọng châm biếm - Ngay với chúng tôi, tất cả mọi người, giám thị cũng như tù, tất cả đều ngủ ngon lành suốt đêm. Ai khiêng cáng đây, đưa hai cái xác này đi, đem tới bệnh viện, để bác sĩ khám nghiệm. Còn tất cả, đi ra sân, từng người một cứ trần truồng như thế.

Tùng đưa chúng tôi đi ngang qua mấy viên chỉ huy và bác sĩ. Tất cả các bộ phận trên thân thể chúng tôi đều được xem xét tỉ mỉ. Không ai có thương tích, nhiều người bị vấy máu. Họ đều nói là họ trượt chân khi bị vào nhà tiêu. Grandet, Galgani và tôi bị kiểm tra tỉ mỉ hơn mọi người.

- Papillon, chỗ anh nằm đâu? - Họ lục soát đồ đạc của tôi - Con dao của anh đâu?

- Dao của tôi bị ông giám thị tịch thu ngay từ cửa, lúc bảy giờ.

- Phải - người lính nói - Anh ta còn làm toáng lên, nói là người ta định giết mình.

- Grandet, dao này của anh hả?

- Vâng, nó ở chỗ của tôi, vậy nó là của tôi. Con dao sạch như một đồng xu mới, không có lấy một dấu vết, được xem xét thật kỹ lưỡng.

Bác sĩ từ nhà tiêu trở ra nói:

- Hai người này bị đâm bằng một con dao hai cạnh. Cả hai bị đâm khi đang đứng thẳng. Chẳng làm sao hiểu nổi. Không tù nhân nào chịu để bị người ta giết như giết con thỏ mà không chống cự. Phải có ai ở đây bị thương.

- Nhưng bác sĩ thấy đấy, chẳng ai có lấy một vết xước

- Hai người này có nguy hiểm không?

- Đặc biệt nguy hiểm, bác sĩ ạ. Tên tù người Armeni hẳn là kẻ đã giết Carbonieri ở xưởng giặt chín giờ sáng hôm qua.

- Xếp việc này lại thôi, - thiếu tá nói, - nhưng cứ giữ dao của Grandet lại. Tất cả đi làm hết, trừ người bệnh. - Papillon, anh có báo bệnh không?

- Thưa thiếu tá, có.

- Anh không bỏ phí thì giờ để trả thù cho bạn nhỉ. Tôi không bị bịp đâu nhé. Đáng tiếc là tôi không nắm được chứng cứ gì, và tôi biết là sẽ không bao giờ tìm ra những chứng cứ ấy. Một lần nữa, ai có gì cần khai không? Ai có thể giúp chúng tôi có được chút ánh sáng về hai vụ giết người này, tôi hứa là người đó sẽ được ra khỏi trại và đưa về đất liền.

Im lặng hoàn toàn

Cả tổ của thằng Armeni đều báo bệnh. Thấy vậy, Grandet, Galgani, Jean Castelli và Louis Gravon cũng cáo bệnh vào phút cuối cùng. Một trăm hai mươi người ra cả, gian phòng vắng hẵn. Nhóm tôi có năm đứa, nhóm thằng Armeni, bốn đứa thêm người tù sửa đồng hồ và ông già khối trưởng luôn mồm cầu nhàu không ngớt vì phải dọn dẹp chỗ máu, và một hay hai tù nhân khác trong đó có một tù nhân cao lớn người Alsace tên là Sylvain.

Anh này sống độc thân trong tù và được mọi người quý mến. Anh đã dám một mình làm một việc phi thường, vì vậy mà bị hai mươi năm tù. Đó là một con người hành động, rất được nể trọng. Chỉ có một mình, anh đã tấn công một toa xe lửa chở bưu kiện trên chuyến tàu tốc hành Paris-bruxelles, đánh gục hai người lính gác rồi ném xuống đường những túi bưu kiện, được đồng bọn đi dọc đường sắt thu nhặt lại, và có được một món tiền lớn

Sylvain thấy hai nhóm râm rì nói chuyện ở góc của mình, và vì không biết rằng chúng tôi đã thỏa thuận không chống nhau, nên đã lên tiếng:

- Tôi hy vọng các anh không dàn trận đánh nhau kiểu ba chàng ngự lâm pháo thủ chứ?

- Hôm nay thì không - Galgani nói - việc đó để sau hẵng hay.

- Sao lại để sau? Việc gì làm được hôm nay không nên để đến ngày mai - Paulo nói - nhưng tôi thấy không có lý do gì phải chém giết nhau. Anh thấy thế nào, Papillon?

- Tôi chỉ hỏi một câu: anh có biết thằng Armeni định làm gì không?

- Xin lấy danh dự mà nói rằng tôi không biết gì cả và anh có muốn tôi nói thêm điều này không? Nếu thằng Armeni không chết rồi, không biết tôi chịu đựng sao nổi việc này.

- Nếu vậy tại sao chúng ta không kết thúc chuyện này cho dứt khoát? - Grandet nói.

- Chúng tôi đồng ý. Chúng ta hãy bắt tay nhau và thôi không bàn tới câu chuyện đáng buồn này nữa.

- Tán thành.

- Tôi làm chứng nhé? - Sylvain nói - Tôi vui lòng thấy việc này được bỏ qua.

- Thôi không nói nữa.

Sáu giờ chiều, chuông nhà thờ vang lên. Nghe tiếng chuông, tôi không sao quên được cảnh ngày hôm qua, nửa thân trên của bạn tôi tiến về phía thuyền. Hai mươi bốn giờ đã trôi qua, mà hình ảnh ấy vẫn làm tôi xúc động đến nỗi tôi không mong thấy dù trong một giây, thằng Armeni và thằng Vô Lô bị lũ cá mập rước như vậy.

Galgani không nói một câu nào. Anh ta biết việc gì đã đến với Carbonieri. Anh ngồi trên vông, hai chân thông hai bên, mắt đăm đăm nhìn vào khoảng trống ở trước mặt. Grandet vẫn chưa về. Tiếng chuông vừa lặng đi được độ mười phút thì Galgani, chân vẫn đứng đưa mắt không nhìn tôi, nói nho nhỏ: “Tôi chỉ mong con cá mập nào đã ăn Matthieu đừng đớp miếng thịt của thằng xỏ lá Armeni. Lúc sống thì tách biệt, lúc chết lại cùng nằm trong bụng một con cá, nếu thế thì đời chớ má quá!”.

Rõ ràng, việc mất người bạn cao thượng và thành thật ấy đã gây ra cho tôi một khoảng trống lớn. Tốt hơn cả là tôi đi khỏi Royale, và đi càng sớm càng tốt.

Ngày nào tôi cũng nhắc nhở với mình như vậy.

Một cuộc vượt ngục của người điên

- Vì đang có chiến tranh, các hình phạt lại được tăng lên nếu vượt ngục thất bại, lúc này không phải là lúc để lỡ chuyện, phải không, Salvidia?

Cậu người Ý có hai plan bằng vàng trong đoàn tàu đang bàn với tôi ở chỗ giặt áo quần sau khi đọc tờ yết thị thông báo về những biện pháp mới đối với các trường hợp vượt ngục. Tôi nói với y:

- Cái án tử hình ấy không làm cho tôi từ bỏ ý định vượt ngục được đâu. Còn cậu thì sao?

- Papillon ơi, tôi chịu hết nổi rồi và tôi cũng muốn téch thẳng luôn. Muốn ra sao thì ra. Tôi đã xin vào làm y tá ở nhà thương điên. Tôi biết là tại phòng cung tiêu của nhà thương lấy có hai cái thùng tôn-nô chứa được 225 lít tức là thừa sức ghép thành bè. Một thùng chứa đầy dầu ô-liu, một thùng đầy dấm. Hai cái thùng ấy mà chằng kỹ vào nhau, sao cho nó không thể tách ra được tôi thấy có cơ may về được Đất liền đấy. Phía bên ngoài tường bao quanh nhà thương điên không bị kiểm soát. Phía trong thường ngày chỉ có một tên lính y tá gác, có tù phụ giúp, luôn luôn kiểm soát xem bệnh nhân làm gì. Sao cậu không đến đây với tôi?

- Làm y tá à?

- Không được đâu. Cậu biết thừa là không bao giờ cậu được làm việc ở nhà thương điên. Vừa xa trại giam vừa ít bị kiểm soát, tất cả những điều đó làm cho người ta không đưa cậu đến làm việc ở đây. Nhưng cậu có thể vào đây với tính cách người mất trí.

- Khó đấy, Salvidia ạ. Khi một bác sĩ đã coi cậu là “điên”, ông ta cho cậu được quyền tha hồ muốn làm gì thì làm, không hơn không kém. Cậu được công nhận là không phải chịu trách nhiệm về những hành động của mình. Cậu thử nghĩ đến trách nhiệm của một bác sĩ khi chấp nhận ký vào bản chẩn đoán ấy? Cậu có thể giết tù, giết cả lính hay vợ lính, hay một đứa con nít cũng không sao. Cậu có thể vượt ngục, phạm bất cứ tội gì luật pháp cũng vô

phương đối với cậu. Quá lắm người ta cũng chỉ có thể lột truồng cậu ra rồi tống cậu vào một phòng giam có lót nệm, và cậu phải mặc áo trần lực của người điên. Chế độ ấy chỉ kéo dài một thời gian, rồi có ngày họ lại phải nới nhẹ cách chữa trị bằng vũ lực đó. Kết quả là: với bất cứ hành động nghiêm trọng đến đâu, kể cả vượt ngục, cậu cũng chẳng mất mát gì.

- Papillon ơi, tôi tin cậu, tôi muốn vượt ngục với cậu. Cậu hãy cố làm đủ mọi cách để vào được nhà thương điên với tôi đi. Với tư cách là y tá, tôi sẽ giúp cậu chịu đựng được tốt nhất và đỡ dần cậu những lúc gay go nhất. Tôi công nhận rằng không bị điên mà phải sống chung với những người nguy hiểm như vậy, cũng khủng khiếp thật.

- Cậu cứ về nhà thương điên đi, Roméo, tôi sẽ nghiên cứu thật kỹ vấn đề này và nhất là tìm hiểu những hiện tượng đầu tiên của bệnh điên để bác sĩ tin được. Làm sao cho bác sĩ xếp mình vào loại không phải chịu trách nhiệm gì cũng là ý kiến hay đấy.

Tôi bắt đầu nghiên cứu vấn đề một cách nghiêm chỉnh. Thư viện của trại không có cuốn sách nào về vấn đề này. Cứ có dịp là tôi bàn luận với những người đã từng mắc bệnh điên trong một thời gian nào đấy.

Dần dần, tôi đã có ý niệm khá rõ ràng:

1. Tất cả những người điên đều đau đầu dữ dội.
2. Họ thường bị những tiếng ù ù trong tai.
3. Vì thần kinh họ bị kích thích nên họ không thể nằm lâu ở một tư thế mà không bị một cơn co giật thần kinh thực sự khiến cho cả cái thân thể bị căng thẳng đến tột độ của họ nảy bật lên như cái lò xo.

Vậy thì phải làm sao để đừng phô bày ra một cách lộ liễu mà người ngoài vẫn phát hiện ra những triệu chứng đó. Bệnh điên của tôi phải vừa đủ nặng để buộc bác sĩ quyết định gửi tôi đi bệnh viện nhưng không dữ dội để phải đòi hỏi những biện pháp đối xử tồi tệ của các giám thị như: phải mặc áo trần lực của người điên, bị đánh đập, phải nhịn ăn, phải chích bromure, phải tắm bằng nước lạnh

nay nước nóng già v.v.... Nếu tôi đóng kịch khéo, tôi có thể làm cho bác sĩ cũng bị lừa.

Có một điều có lợi cho tôi: tại sao, vì lý do gì mà tôi phải giả bệnh? Bác sĩ không thể giải thích một cách hợp lý vấn đề này, chắc chắn tôi có thể thắng cuộc trong trò này. Đối với tôi không có giải pháp nào khác.

Họ đã từ chối không chịu đưa tôi đi đảo Quỷ. Tôi không còn chịu đựng nổi cảnh ở lại trại sau cái chết của Matthieu, bạn tôi. Do dự làm quái gì! Tôi phải quyết định thôi, thứ hai tôi sẽ báo các bệnh. Thế cũng không xong, tôi không thể tự mình khai bệnh được. Tốt hơn là để một người khác làm việc này, nhưng người ấy lại phải là người tin rằng tôi điên thật mới được. Tôi phải làm hai hay ba việc kỳ cục ở phòng giam. Rồi trưởng khối sẽ báo cáo với cai tù và cai tù sẽ ghi tên cho tôi đi khám bệnh.

Đã ba ngày nay, tôi không ngủ, không rửa ráy, cũng không cạo râu. Mỗi đêm tôi thủ dâm nhiều lần và ăn rất ít. Hôm qua tôi hỏi người nằm kề bên tôi sao anh ta lại lấy mất tấm hình tôi vẫn bày ở đầu văng (tấm hình này không hề có bao giờ ở chỗ tôi). Anh ta thề sống thề chết là không đụng đến đồ đạc của tôi. Anh ta sợ, và xin chuyển đi chỗ khác. Thông thường xúp vẫn được để ở chậu vài phút trước khi đem chia. Tôi đến gần chậu xúp và trước mặt đông đủ mọi người tôi đá vào đấy. Ai nấy đều tỏ ý bực mình, nhưng cái vẻ mặt lăm lăm của tôi chắc đã làm cho mọi người thấy ngán nên không ai nói gì, chỉ có anh bạn Grandet nói với tôi.

- Papillon, sao cậu làm thế?

- Vì họ quên chưa cho muối.

Rồi chẳng thiết để ý đến những người khác, tôi lấy ga-men của tôi đưa ra để trưởng khối sốt xuất của tôi vào đấy.

Trong một không khí im lặng hoàn toàn, mọi người đã đứng nhìn tôi ăn xúp.

Hai sự việc đó đã đưa đến kết quả là hôm nay, tôi được đưa đến bác sĩ mà không phải xin xỏ gì.

- Bác sĩ có khỏe không?

Tôi nhắc lại câu hỏi một lần nữa. Bác sĩ kinh ngạc nhìn tôi. Tôi nhìn lại ông với cặp mắt cố tình làm ra vẻ tự nhiên như không.

- Tôi vẫn khỏe, bác sĩ nói. Còn anh. Anh bị ốm phải không?

- Đâu có?

- Thế tại sao anh lại đi khám bệnh?

- Chẳng tại sao cả. Họ nói với tôi là bác sĩ bị ốm. Hóa ra không phải, cho nên tôi cũng mừng. Chào bác sĩ tôi về

- Khoan đã, Papillon. Anh ngồi xuống đây, trước mặt tôi. Anh nhìn vào tôi đi.

Rồi bác sĩ dùng một cái đèn gì chiếu ra một tia sáng nhỏ xíu soi vào mắt tôi.

- Bác sĩ không thấy cái mà bác sĩ muốn tìm à? Đèn của ông không đủ sáng nhưng dù sao ông cũng đã hiểu chứ, phải không? Ông có thấy chúng nó không, ông cho tôi biết đi.

- Thấy gì? Bác sĩ hỏi.

- Ông đừng giở trò ngớ ngẩn, ông là bác sĩ hay là thú y? ông đừng nói với tôi là ông không có thì giờ trông thấy chúng trước khi chúng trốn mất, hoặc ông không muốn nói với tôi, hoặc ông cho tôi là một thằng ngu.

Mắt tôi ánh lên vì mệt mỏi. Bề ngoài của tôi, râu chưa cạo, mặt chưa rửa, đều góp phần vào màn kịch nhỏ của tôi. Bọn cảnh sát đứng nghe, sững sờ cả ra, nhưng tôi không hề có một cử chỉ dửng dưng nào khiến họ phải can thiệp. Bác sĩ có thái độ hòa giải và về hùa theo tôi để tôi khỏi bị kích động, ông ta đứng dậy và đặt tay lên vai tôi. Tôi vẫn ngồi yên.

- Phải, tôi không muốn nói cho anh biết, Papillon, nhưng tôi đã có đủ thì giờ để thấy chúng.

- Bác sĩ chỉ nói láo, mà mặt vẫn trơ trơ ra như thổ địa. Bởi vì tôi biết thừa là ông chẳng thấy quái gì cả. Ông đang tìm ba cái đốm đen ở trong mắt trái của tôi chứ gì? Ba cái đốm đen ấy, tôi chỉ trông thấy chúng khi tôi nhìn vào khoảng không hay lúc tôi đọc sách. Nếu lấy gương soi, tôi nhìn thấy mắt tôi rõ ràng, nhưng ba

cái đóm thì đi đâu biệt tăm biệt tích. Hễ tôi cầm gương lên một cái là chúng biến đi đằng nào mất tang ngay tức khắc.

- Nhập viện ngay, - Bác sĩ nói - Không phải quay về trại nữa, Papillon, anh nói với tôi là anh không có bệnh phải không? Có thể đúng như vậy, nhưng tôi lại thấy anh mệt mỏi lắm, cho nên tôi để anh nghỉ vài ngày ở bệnh viện, anh bằng lòng chứ?

- Chẳng sao cả, được thôi. Bệnh viện hay trại thì cũng vẫn là ở đảo.

Bước đầu đã trót lọt. Nửa giờ sau, tôi đã ở bệnh viện, tại một phòng sáng sủa, giường sạch sẽ, nệm trắng tinh. Ngoài cửa treo tấm bảng “Đang theo dõi”. Dần dà, do sức ám thị lên đến cao độ, tôi đã thành người điên. Trò chơi này cũng nguy hiểm: cái tật làm cho mồm méo xệch đi và dùng hai hàm răng cửa cắn chặt môi dưới, tôi vẫn nghiên cứu với một cái gương soi nhỏ lén giấu được, tôi quen làm như vậy, nhiều lúc tôi bắt gặp thấy mồm mình méo đi như thế tuy tôi không hề cố ý. Papi ơi, không nên sớm chơi với cái mẹo vặt này. Nếu cứ ép mình phải tự cảm thấy mình mất trí mãi có thể nguy hiểm và để lại cho mình những chứng tật vĩnh viễn. Nhưng tôi vẫn phải chơi trò này đến cùng nếu muốn đạt kết quả. Để vào nhà thương điên, được xếp vào loại không chịu trách nhiệm rồi vượt ngục với anh bạn. Vượt ngục! Hai tiếng kỳ diệu ấy đưa tôi bay bổng, tôi đã hình dung thấy mình ngồi trên hai chiếc thùng ton-nô, được sóng nước đẩy về đất liền, cùng với anh bạn thân y tá người ý của tôi.

Bác sĩ thăm bệnh hàng ngày. Ông khám tôi rất kỹ, và lần nào chúng tôi cũng nói chuyện với nhau, lễ độ và hòa nhã. Ông ta có vẻ lo nhưng chưa tin hẳn. Vậy thì tôi phải cho ông ta biết là tôi có những cơn đau nhói ở vùng gáy, và đấy là những triệu chứng đầu tiên.

- Thế nào Papillon? Anh ngủ được chứ?

- Vâng thưa bác sĩ, nói chung tôi cũng khỏe. Cảm ơn bác sĩ đã cho tôi mượn tờ báo Match, nhưng ngủ thì lại là việc khác. Ở sau phòng tôi, có một cái máy bơm, chắc để tưới cái gì đó: máy chạy suốt đêm, tiếng phồng phồng của nó cứ dội vào gáy tôi, cứ

như là ở trong đầu tôi cũng có tiếng vang phòng phòng vậy. Cả đêm cứ thế, chịu không nổi. Cho nên tôi rất biết ơn nếu bác sĩ cho tôi được sang phòng khác.

Bác sĩ quay sang phía người lính y tá và hỏi nhỏ, rất nhanh.

- Có cái máy bơm à?

Y tá lắc đầu ra hiệu không có.

- Giám thị, cho anh ta sang phòng khác. Anh muốn ở phòng nào?

- Càng xa cái máy bơm chết tiệt này càng tốt, phía cuối hành lang. Cảm ơn bác sĩ.

Cửa đã được khép chặt, chỉ còn một mình tôi ở trong phòng. Một tiếng động rất nhỏ, báo cho tôi biết có người đang theo dõi tôi qua khe nhòm, chắc chắn đây là ông bác sĩ, vì tôi không nghe tiếng chân ông đi xa dần khi ông ra khỏi phòng. Thế là tôi giơ nắm tay hướng về phía tường che khuất cái máy bơm tường tượng của tôi và tôi kêu lên, không to lắm “Tắt máy đi! Tắt máy đi! Đồ khốn kiếp. Đồ thợ vườn hạng bét, tưới gì tưới lắm thế?” Rồi tôi lăn ra giường, vùi đầu dưới gối.

Tôi không nghe được tiếng chiếc nắp đồng của khe nhòm đóng lại nhưng tôi nhận ra tiếng chân đi xa dần. Kết luận: người nhòm qua khe cửa đúng là bác sĩ. Buổi chiều, tôi được đổi phòng. Chắc tôi đã gây được ấn tượng tốt vào lúc sáng, vì đưa tôi đi dọc hành lang chỉ vài bước mà phải có đến hai người lính và một người tù y tá đi kèm. Họ chẳng nói gì nên tôi cũng không nói. Tôi chỉ lặng thinh đi theo họ. Hai ngày sau, tôi cho ra cái triệu chứng thứ hai: những tiếng ù trong tai.

- Khá chứ, Papillon? Anh đã xem tờ tạp chí tôi gửi cho anh chưa?

- Chưa, tôi chưa đọc được. Suốt ngày hôm qua và một phần đêm nữa, tôi đã cố tìm cách làm cho con ruồi hay con muỗi gì đấy vào làm tổ trong tai tôi phải chết ngạt. Tôi đã lấy bông nhét vào tai mà vẫn không ăn thua gì Cánh của nó cứ rung lên liên hồi không giây nào dứt, hết o-o-o lại đến di-di-di... Hơn thế nữa, lại

còn thêm cái cảm giác nhột nhột buồn buồn khó chịu lắm. Đến loạn óc mất thôi, bác sĩ ạ! Bác sĩ thấy thế nào? Nếu tôi không làm cho nó chết ngạt được, ta có thể kiếm cách làm cho nó chết đuối vậy nhỉ, bác sĩ bảo sao?

Mồm tôi cứ máy máy liên hồi và tôi nhận thấy bác sĩ đã để ý đến điều đó, ông ta nắm tay tôi và nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi cảm thấy ông bối rối và phiền lòng.

- Được rồi, Papillon ơi, chúng ta sẽ dìm cho nó chết. Chatal, anh rửa tay cho anh ấy đi.

Mỗi sáng, những cảnh như vậy cứ lặp đi lặp lại có cải biên ít nhiều, nhưng bác sĩ vẫn chưa quyết định gửi tôi đi nhà thương điên.

Có lần, trong khi chích bromure cho tôi, Chatal báo trước cho tôi biết: “Bây giờ thì ổn rồi. Bác sĩ nghĩ nhiều lắm nhưng chắc cũng còn lâu, ông ấy mới gửi cậu đi bệnh viện. Nếu cậu muốn ông ta quyết định sớm, cậu phải làm cho ông ta thấy là cậu có thể trở nên nguy hiểm mới được.

- Anh thấy thế nào Papillon? - Bác sĩ, có hai y tá và Chatal đi theo, mở cửa vào phòng tôi, và thân mật hỏi tôi.

- Ông bỏ ngay lối chơi ấy đi, bác sĩ. - Tôi giờ thái độ gây gổ ra. - ông biết thừa là không ổn rồi. Tôi muốn hỏi trong bọn ông, ai đã thông đồng với cái thằng vẫn hành hạ tôi?

- Anh hành hạ anh? Bao giờ? Hành hạ thế nào?

- Trước hết, bác sĩ có biết các công trình của bác sĩ Arsonval không đã?

- Biết, tôi hy vọng là có biết.

- Ông biết là ông ta sáng chế ra một cái máy dao động có nhiều làn sóng để ion-hóa không khí xung quanh một bệnh nhân bị loét hành tá tràng. Với cái máy dao động ấy, người ta có thể phóng ra những giông điện. Thế mà, một kẻ thù của tôi đã đánh cắp một cái máy như thế ở bệnh viện Cayenne. Cứ mỗi lần tôi ngủ yên, là nó ấn nút, làm điện giật vào đúng bụng và hai đùi tôi. Tôi

giật mình, nảy đến mười phân lên khỏi giường. Cứ thế ông bảo tôi chống đỡ và ngủ nghe sao được? Cả đêm, chẳng lúc nào ngừng. Tôi cứ vừa chợp mắt là pằng một cái, điện lại giật, cả người tôi cứ nảy lên như lò xo. Bác sĩ ạ, tôi không chịu được nữa đâu ông bảo cho mọi người biết là hể tôi mà tóm được thằng nào tòng phạm với nó là tôi giết đấy. Tôi không có vũ khí thật nhưng tôi đủ sức bóp cổ nó cho đến chết, dù cho nó là ai. Biết được rồi thì liệu mà giữ lấy thân nhé. Ông cũng rút đi với cái lời: “khỏe không, Papillon?” cái lời chào hỏi giả dối của ông. Tôi nhắc lại cho ông biết đấy, bác sĩ ạ, ông bỏ ngay lời chơi ấy đi!

Sự việc này đã đem lại kết quả. Chatal cho tôi biết là bác sĩ đã dặn dò bọn gác phải hết sức cẩn thận. Không bao giờ được mở cửa phòng của tôi mà không có hai hay ba người. Phải nói năng ôn tồn với tôi. Tôi mắc chứng bách hại cuồng, bác sĩ nói thế, phải đưa tôi đi nhà thương điên càng sớm càng tốt.

- Tôi có thể đưa anh ấy đi nhà thương, chỉ cần một người phụ là đủ - Chatal đề nghị để tránh cho tôi khỏi phải mặc áo trấn lực của người điên.

- Papi, anh ăn được chứ?

- Ăn được, Chatal ơi, ăn ngon nữa.

- Anh có thể đi với tôi và ông Jeannus chứ?

- Đi đâu?

- Mang thuốc đến cho bệnh viện, như đi dạo một quãng thôi mà.

- Nào thì đi.

Thế là cả ba chúng tôi rời bệnh viện để đến nhà thương điên. Vừa đi Chatal vừa nói chuyện, và khi gần đến nói, Chatal bỗng hỏi: “Cậu ở trại mãi có chán không, Papillon?”

- Ồ, chán đến tận cổ, nhất là từ khi Carbonieri bạn tôi không còn ở đây nữa.

- Thế tại sao cậu không ở lại vài ngày ở nhà thương điên? Thằng cha có cái máy sẽ không tìm ra cậu để phóng điện vào người cậu nữa.

- Ý hay đấy. Nhưng tớ không bị loạn óc, không biết họ có chịu nhận không?

- Cậu cứ để tôi lo việc này, tôi sẽ nói hộ cậu.

Tên cảnh sát nói, mừng vì thấy tôi rơi vào cái bẫy mà nó tưởng Chatal giăng ra để đánh lừa tôi. Tóm lại, tôi đã vào nhà thương điên ở với cả trăm người điên khác. Sống với người điên, thật chẳng dễ dàng chút nào. Chúng tôi ngồi từng tốp hai, ba chục người ở ngoài sân để thay đổi không khí, trong khi các y tá cọ rửa các phòng. Mọi người đều trần truồng suốt ngày đêm. May mà trời nóng. Riêng tôi họ để lại cho đôi bít tất ngắn.

Tôi vừa được y tá cho một liều thuốc lá đã châm sẵn. Ngồi giữa nắng, tôi suy nghĩ và tính ra là ở đây đã năm ngày mà chưa liên hệ được với Salvidia.

Một người điên lại gần tôi. Tên anh ta là Fouchet. Tôi biết câu chuyện của anh. Mẹ anh bán nhà và gửi cho anh mười lăm ngàn francs nhờ một giám thị chuyển, để anh lấy tiền vượt ngục. Tên đó được năm ngàn và phải đưa cho anh mười ngàn. Nhưng y đã lấy tất rồi đi Cayenne. Khi Fouchet qua một đường dây khác biết được là mẹ anh đã gửi tiền cho anh và bà mẹ đã hy sinh tất cả một cách vô ích, anh ta nổi cơn điên và ngay hôm đó, anh đã tấn công các giám thị. Nhưng anh chưa kịp làm gì họ thì đã bị chế ngự ngay. Từ ngày ấy, cách đây đã ba, bốn năm, anh ở nhà thương điên.

- Cậu là ai?

Tôi nhìn con người đáng thương vừa hỏi tôi. Hắn còn trẻ, chỉ chừng ba mươi tuổi.

- Tớ là ai à? Một người đàn ông bình thường, như cậu thôi, không hơn không kém.

- Cậu trả lời ngớ ngẩn lắm. Tớ đã thấy rõ, cậu là đàn ông rồi. Tớ muốn hỏi cậu là ai? Nghĩa là cậu tên gì?

- Papillon.

- Papillon à? Cậu là con bướm à? Khổ cho cậu rồi. Bướm phải bay và có cánh, thế cánh của cậu đâu?

- Tớ đánh mất rồi.

- Phải tìm cho ra, có cánh mới vượt ngục được. Bọn lính không có cánh. Cậu sẽ ăn đứt chúng. Đưa thuốc lá của cậu cho tớ.

Tôi chưa kịp đưa, hắn đã giật lấy. Rồi hắn ngồi trước mặt tôi hút, vẻ say sưa.

- Còn cậu, cậu là ai?

- Tớ là thứ thịt để cho ôi. Cứ mỗi lần người ta đưa cho tớ cái gì của tớ, là người ta lại lừa tớ.

- Tại sao vậy?

- Nó là như vậy. Cho nên tớ giết bọn cai tù, càng nhiều càng tốt. Đêm nay, tớ đã treo cổ hai đứa. Nhưng đừng nói với ai nhé!

- Tại sao cậu lại treo cổ chúng?

- Chúng nó đã ăn cướp nhà của mẹ tớ. Mẹ tớ gửi nhà của bà cho tớ, chúng nó thấy nhà đẹp, chúng giữ lại và ở ngay tại đấy. Tớ treo cổ chúng lên, không hay sao?

- Cậu có lý. Như vậy chúng không thể lợi dụng nhà của mẹ cậu được.

- Thằng cai bự ở đằng kia, sau hàng rào sắt ấy, cậu thấy không? Nó cũng ở nhà ấy đấy. Thằng đó, tớ cũng sẽ giết nó thôi, cậu cứ tin ở tớ.

Rồi anh ta đứng lên và bỏ đi.

Trời đất ơi! Sống giữa những người điên, chẳng có gì là vui thú, mà còn nguy hiểm nữa. Ban đêm, có tiếng kêu la ở khắp bốn phía và vào những đêm trăng rằm, những người điên lại càng bị kích thích hơn. Vì sao tuần trăng lại ảnh hưởng đến hành động của người điên? Tôi nhận xét thấy thế nhiều lần nhưng không giải thích nổi.

Bọn cai có nhiệm vụ báo cáo về những người điên phải theo dõi. Với tôi, chúng còn đối chiếu thêm với những việc khác. Chẳng hạn chúng cố tình quên không cho tôi ăn một bữa. Tôi có một cái gậy và một sợi dây, và tôi làm điệu bộ câu cá. Tên xếp gác hỏi tôi:

- Cá có cắn câu không, Papillon?

- Chúng không cắn mồi được. Có một con cá nhỏ cứ lẻo đẻo theo tôi hoài, mỗi khi cá lớn sắp đớp mồi, nó lại báo trước: “Chú ý, đừng đớp, Papillon đang câu đấy”. Vì thế tôi chẳng được con nào bao giờ. Nhưng tôi vẫn cứ câu. Chắc có ngày sẽ có một con cá không tin con cá nhỏ kia.

Tôi nghe thấy tên lính đó nói với y tá: “Thằng cha này điên thật rồi”.

Khi tôi phải ngồi ăn ở bàn công cộng tại nhà ăn, tôi không sao ăn được đĩa đậu đỗ của tôi. Có một thằng rất to con, cao ít ra đến một mét chín mươi, tay chân và ngực đầy lông lá trông như con khỉ, nó chọn tôi làm nạn nhân để nó hành. Thoạt tiên nó luôn luôn ngồi cạnh tôi. Đậu được dọn ra, đang rất nóng cho nên muốn ăn phải đợi cho nguội đã. Với chiếc muống gỗ, tôi xúc từng ít một và cứ thế ăn được vài thìa. Ivanhoe - thằng cha tưởng mình là trang kỵ sĩ thời Trung thế kỷ - cầm đĩa của nó lên, đổ vào lòng bàn tay và ăn hết trong năm phút. Rồi nó tự tiện lấy đĩa của tôi và cũng làm như vậy. Khi đĩa đã nhẵn như chùi, nó đặt mạnh trước mặt tôi và nhìn tôi với cặp mắt to, vằn tia máu như muốn nói: “Mày đã thấy tao ăn đậu chưa?”. Tôi bắt đầu chán ngấy Ivanhoe, và vì tôi chưa được xếp hẳn vào loại điên nên tôi quyết định cho nó một đòn để gây tiếng vang. Hôm nay lại là ngày ăn đậu đỗ, Ivanhoe không bỏ qua cho tôi. Nó đến ngồi cạnh tôi. Bộ mặt rò dại của nó trông rạng rỡ hẳn lên. Nó tám tặc hương trước nỗi khoái trá được chén phần đậu của nó và cả của tôi. Tôi đem theo một cái hũ sành to và nặng, đựng đầy nước. Thằng cha khổng lồ vừa cầm đĩa của tôi lên và bắt đầu đồ đậu vào mồm thì tôi đứng lên, lấy hết sức bình sinh đập hũ nước vào đầu nó. Thằng cha rống một tiếng như bò rồi gục xuống. Ngay lập tức, những người điên, tay vẫn cầm đĩa thức ăn của mình, xông vào đánh nhau loạn xạ. Cảnh ồn ào như vỡ

chợ bắt đầu. Cuộc loạn đả tập thể này lại có thêm những tiếng la hét của tất cả lũ người điên trong bệnh viện hòa theo.

Bốn viên y tá lực lưỡng đã bế thốc tôi lên không nương nhẹ chút nào và đưa ngay tôi về phòng, tôi kêu văng lên là: “Ivanhoe đã ăn cắp cái bóp trong đó có giấy căn cước của tôi”. Lần này thì đạt yêu cầu! Bác sĩ quyết định xếp tôi vào loại không phải chịu trách nhiệm về bất kỳ hành động nào của mình. Tất cả các cai tù đều nhất trí nhận định chứng bệnh của tôi là điên thuộc loại hiền, nhưng cũng có những lúc rất nguy hiểm. Đầu Ivanhoe được băng bó tuyệt đẹp. Hình như tôi đã làm da đầu nó rách dài đến tám phân. Cũng may mà nó không ra đi dạo cùng giờ với tôi.

Tôi đã nói chuyện được với Salvidia. Anh đã làm được chìa khóa giả mở gian phòng để thùng ton-nô. Anh đang kiếm cho đủ dây thép để chằng các thùng ấy lại với nhau. Tôi nói với anh ta là tôi sợ dây thép dễ bị đứt do các thùng ton-nô ra đến biển sẽ co kéo nhau, có lẽ nên dùng thùng chảo, dẻo hơn. Anh sẽ cố kiếm thứ đó, cả dây thùng và dây thép. Anh còn phải đánh ba cái chìa khóa nữa: một cái mở phòng tôi, một cái mở cửa hành lang dẫn đến phòng tôi và một cái mở cửa chính nhà thương điên. Các phiên gác không nhiều lắm. Mỗi phiên gác dài bốn giờ, chỉ có một lính canh. Từ chín giờ tối đến một giờ sáng rồi từ một giờ đến năm giờ. Hai cai tù đến phiên trực của mình chỉ ngủ và không đi tuần lần nào. Họ ỷ vào người tù y tá cùng gác với họ. Vậy là ổn, chỉ cần bình tĩnh chờ. Nhiều nhất là một tháng.

Viên sếp gác đã cho tôi một điều xì gà loại tồi y đang hút dở khi tôi ra sân. Tuy thuốc tồi, tôi cũng thấy ngon tuyệt. Tôi nhìn lũ người trần truồng, hát hồng, khóc lóc vung chân vung tay loạn xạ, nói một mình. Họ còn ướt sũng nước vì vừa tắm trước khi ra sân, thân thể họ còn mang những vết bầm do bị đánh đập hoặc tự họ gây ra, cùng vết dây chằng của áo trấn lực thắt quá chặt. Đúng là thảm cảnh cuối cùng trên con đường đến nơi ruồng nát. Có bao nhiêu người điên này được các bác sĩ tâm thần ở Pháp buộc phải chịu trách nhiệm về mọi hành động của mình?

Titin - đây là tên người ta thường gọi anh ta - cùng đi một chuyến với tôi năm 1933. Anh đã giết một người ở Marseille, rồi gọi xe ngựa, cho nạn nhân lên xe, bảo xe chở tới bệnh viện, và đến nơi anh đã nói: “Hình như anh ta bị bệnh, các ông sẵn sóc giùm cho” Anh bị bắt ngay. Các bồi thẩm nhất định không chịu coi anh ta là thuộc loại không phải chịu trách nhiệm, dù chút ít, về hành động của mình. Mà đúng là anh có điên mới làm như vậy. Người bình thường dù ngớ ngẩn đến đâu cũng chẳng ai làm như vậy. Giờ đây, Titin đang ngồi cạnh tôi. Anh ta bị kiệt lý kinh niên. Anh ta giống như một cái xác chết biết đi. Anh nhìn tôi với đôi mắt xám chì, không hồn. Anh nói với tôi: “Anh bạn đồng hương ơi, có những con khỉ con ở trong bụng tôi. Có những con ác lắm, chúng cắn ruột của tôi và khi tôi đi ra máu là lúc chúng đang cáu giận đấy. Những con khác thuộc giống khỉ xù toàn lông cả là lông, có những bàn tay êm dịu như tơ. Chúng nhẹ nhàng xoa vuốt tôi và ngăn không cho lũ ác kia cắn tôi: khi lũ khỉ con hiền lành này chịu khó bảo vệ tôi, tôi không đi ra máu”.

- Cậu có nhớ Marseille không, Titin.

- Tất nhiên là nhớ chứ. Nhớ kỹ nữa là khác. Quảng Trường Chúng khoán với những thằng cha chuyên chơi chứng khoán và những băng trộm lột...

- Cậu có nhớ được tên vài thằng không? Thằng Thần hám lợi? Le Gravat? Clément chẳng hạn?

- Không, tôi không nhớ tên thằng nào hết, chỉ nhớ thằng cha đánh xe ngựa chở thằng bạn bị bệnh của tôi và tôi đến nhà thương. Tôi còn nhớ nó đã nói tôi là nguyên nhân làm bạn tôi bị bệnh. Có thể thôi.

Tội nghiệp cho Titin, tôi cho anh ta mẩu xì gà và tôi đứng lên, lòng xót thương vô hạn. Con người khốn khổ này rồi sẽ chết như một con chó. Đúng là sống chung với những người điên rất nguy hiểm, nhưng biết làm sao được? Tôi cho đây là cách độc nhất để tổ chức vượt ngục mà không lo bị trừng phạt.

Salvidia đã gần hoàn thành các công việc chuẩn bị. Anh ta đã có được hai cái chìa khóa, chỉ thiếu chìa khóa phòng tôi. Anh đã

xoay được một cuộn dây thừng rất tốt, thêm vào đó, anh còn tháo võng để bện một cuộn dây có năm sợi. Về mặt này, mọi việc đều tốt. Tôi muốn mau mau chuyển sang hành động vì vừa đóng kịch vừa chịu đựng cảnh này thật gay go. Để được tại phòng này trong khu nhà thương, thỉnh thoảng tôi phải lên một cơn điên.

Tôi đã lên một cơn giống như thật đến mức các y tá tổng tôi vào bồn tắm nước nóng già và chích cho tôi hai mũi bromure. Cái bồn tắm này phủ một tấm vải bạt rất dày để giữ cho tôi không ra được. Chỉ có một lỗ hổng để tôi thò đầu ra. Tôi ở trong bồn tắm loại làm cho người điên này được hai giờ thì Ivanhoe bước vào phòng. Tôi hết hồn khi thấy cách hắn nhìn tôi. Tôi sợ nó bóp cổ tôi, đến chết khiếp. Tôi bị bó tay dưới tấm vải, tôi không thể nào tự vệ được.

Nó tiến lại gần tôi, đôi mắt thao láo của nó chăm chú dòm tôi, có vẻ như cố nghĩ xem nó đã từng trông thấy ở đâu cái đầu từ dưới lớp vải này nhô lên. Hơi thở của nó và một mùi thôi khản phả vào mặt tôi. Tôi muốn kêu cứu nhưng tôi sợ tiếng kêu của tôi làm cho nó càng thêm hung dữ. Tôi nhắm mắt lại chờ đợi, tôi tin chắc là hai bàn tay hộ pháp của nó sắp chít lấy cổ tôi. Tôi không dễ quên được những giây phút hãi hùng ấy. Sau, nó quay đi, đảo một vòng quanh gian phòng, rồi tới chỗ những vòng vô lăng vắn với nước. Nó đóng với nước lạnh và mở hết mức với nước nóng. Tôi kêu thét lên, vì tôi đang bị luộc chín thật sự. Hơi nước tỏa kín phòng, tôi bị ngộp thở vì hơi nước, tôi cố vùng vẫy cuống cuống để thoát ra khỏi tấm vải chết tiệt này nhưng vô ích. Sau rồi cũng có người đến cứu tôi. Bác cai tù thấy hơi nước lọt từ các cửa sổ ra. Khi tôi ra khỏi được cái nồi hầm này, tôi bị bỏng nặng và đau như một linh hồn dưới hỏa ngục, nhất là ở đùi và bộ phận sinh dục, ở đấy da đã bị lột ra. Tôi được bôi acid pieric và được vào nằm trong phòng nhỏ của bệnh xá. Vết bỏng của tôi nặng đến mức họ phải gọi bác sĩ đến khám. Tôi được chích vài mũi thuốc morphin để chịu đựng được trong hai mươi bốn giờ đầu. Khi bác sĩ hỏi tôi việc gì đã xảy ra tôi nói là trong bồn nước có một ngọn núi lửa bắt đầu phun. Chẳng ai hiểu đầu đuôi ra sao. Và viên y tá gác đồ lỗi cho người chuẩn bị nước tắm đã điều chỉnh lộn hai cái với nước.

Salvidia, sau khi bôi acid picric cho tôi đã đi ra. Anh đã sẵn sàng và nói với tôi, may mà tôi được ở bệnh xá vì nếu cuộc vượt ngục thất bại, tôi có thể trở về khu vực này mà không sợ có ai trông thấy. Anh phải cấp tốc làm một chiếc chìa khóa giả của phòng này. Anh đã lấy dấu chìa khóa bằng một mẫu xà phòng. Ngày mai sẽ có chìa. Chỉ cần tôi cho biết ngày nào tôi đỡ đau, đủ sức để lợi dụng phiên gác đầu tiên của người coi tù không đi tuần.

Chúng tôi quyết định là đêm nay sẽ trốn đi trong phiên gác từ một giờ đến năm giờ sáng. Salvidia không phải trực. Để tranh thủ thời gian, anh sẽ dốc hết thùng ton-nô dấm vào bồn mười một giờ đêm. Thùng dầu sẽ được để nguyên vì biển động, có thể dầu phủ lên nước biển sẽ làm dịu bớt sóng khi chúng tôi xuống nước. Tôi mặc một cái quần làm bằng bao bột mì, dài tới đầu gối và một cái áo va-rơ bằng len, một con dao tốt dắt vào thắt lưng. Tôi còn đeo một cái túi nhỏ không thấm nước ở cổ, trong đựng ít thuốc lá và một cái máy lửa. Salvidia thì chuẩn bị sẵn một túi dẹt không thấm nước đựng bột sắn trộn với dầu ăn và đường, chừng ba ki-lô, theo lời anh nói. Đã khuya rồi. Tôi ngồi trên giường, đợi anh đến. Tim tôi đập thình thình. Chỉ trong chớp lát, cuộc vượt ngục sẽ bắt đầu. Cầu Trời và vận may đến với tôi để cuối cùng tôi thành công, vĩnh viễn thoát được ra khỏi con đường thói xấu này. Điều lạ lùng là tôi chỉ có một ý nghĩ thoáng qua về quá khứ. Tôi nghĩ về bố tôi và về gia đình tôi. Không có một hình ảnh nào về phiên tòa đại hình, về các bồi thẩm hay về viên biện lý.

Khi cửa được mở ra, tôi bất chợt thấy cảnh Matthieu bị lũ cá mập rước đi thẳng đứng.

Lên đường nào, Papi.

Tôi đi theo anh. Anh vội khóa cửa và giấu chìa khóa ở góc hành lang: “Mau lên, làm thật mau đi”. Chúng tôi đến nhà kho, cửa đã mở. Vặn cái thùng tôn-nô rộng ra dễ như chơi. Anh lấy dây thùng cuốn quanh người, tôi thì cuốn dây thép. Tôi vớ cái túi dẹt bột, và trong đêm tối đen như mực, tôi bắt đầu lăn cái thùng tôn-nô của tôi ra phía biển. Anh lăn thùng dầu theo sau. May là anh

rất khỏe nên đã dễ dàng tìm được cái thùng khi nó lặn xuống đường dốc thẳng đứng này.

- Từ từ thôi, cứ từ từ, cẩn thận đừng để nó lặn quá nhanh. Tôi chờ anh, để phòng trường hợp anh thả thùng ton-nô của anh ra sẽ bị thùng của tôi chặn lại. Tôi đi giạt lùi, tôi đi trước, thùng ton-nô của tôi lặn theo sau. Chúng tôi xuống đến cuối con đường nhỏ không khó khăn lắm. Có một lối hẹp để ra biển, nhưng sau đó là khu có đá khó vượt qua được.

Dốc hết dầu ra, để thùng đầy, không sao đưa qua được quãng có đá đầu. Gió thổi mạnh và sóng đập ào ào vào bờ đá. Thùng đã được trút hết dầu, xong xuôi “Nút cho chặt. Chờ đây, đây miếng sắt tây này lên đây”. Các lỗ đã được bịt kín. “Đóng cho chặt các đầu đinh”. Tiếng sóng gió âm âm, không thể nào nghe thấy tiếng đóng đinh. Khó mà khiêng nổi hai cái thùng ton-nô đã được cột chặt vào nhau này. Mỗi thùng chứa được hai trăm hai mươi lăm lít. Thật công kèn, khuôn vác rất vương. Địa điểm anh bạn tôi chọn cũng không dễ dàng xoay trở. “Đẩy đi nào, trời đất ơi! Nâng lên một chút. Cẩn thận đợt sóng này đây”. Cả hai đứa chúng tôi và cả đôi thùng ton-nô bị nhấc bổng lên và bị ném mạnh vào đá. “Cẩn thận, không chừng bị bể tanmát, chưa kể là ta còn bị gãy chân gãy tay nữa!.

- Cứ bình tĩnh, Salvidia! Cậu đi trước ra phía biển hay lại đằng sau đây thì hơn. Đó, ở chỗ ấy được rồi. Khi tôi kêu, cậu kéo mạnh nhé. Tôi cũng đẩy và chắc chắn ta sẽ ra khỏi được quãng đá này thôi. Muốn thế, phải giữ cho vững và đứng cho chắc tại chỗ, dù có bị sóng ập đến”...

Tôi cứ gào lên ra lệnh cho anh, giữa tiếng sóng gió ào ào này, tôi chắc anh nghe được: một con sóng lớn đổ ập xuống cái khối cứng nhấc gồm đôi thùng ton-nô, anh và tôi. Lúc ấy tôi điên tiết, lấy hết sức đẩy mạnh chiếc bè. Anh ta chắc cũng kéo tới vì bỗng nhiên tôi thấy nhẹ nhõm và bập bênh trên sóng. Anh ta leo lên thùng ton-nô trước tôi và đúng lúc tới định trèo lên thì một đợt sóng thật mạnh đẩy từ dưới lên, quãng chúng tôi như một cọng lá lên một tảng đá nhô ra xa hơn cả. Con sóng xô mạnh đến nỗi hai

cái thùng bị bửa toang ra mỗi nơi một mảnh. Khi sóng rút, tôi thấy mình bị kéo ra xa, cách tảng đá đến hai mươi mét. Tôi bơi và bị một con sóng khác đẩy thẳng vào bờ đặt ngòi giữa hai tảng đá. Tôi đã kịp bám giữ để khỏi bị cuốn ra khơi. Khấp người bị bầm dập, tôi đã vùng thoát được nhưng khi đến chỗ cạn, tôi mới nhận ra là tôi bị trôi xa cách chỗ chúng tôi xuống nước đến một trăm mét. Không gìn giữ gì cả, tôi la to: “Salvidia Roméo! Anh ở đâu đấy?”. Không có tiếng đáp lại. Một rá rời, tôi nằm trên đường đi, cởi quần dài, áo va-rơ và lại trần truồng chẳng mang gì ngoài đôi bít tất ngắn ở chân. Trời đất thiên địa, anh bạn tôi ở đâu rồi? Tôi lại kêu vẳng lên: “Cậu ở đâu đấy?”. Chỉ có tiếng gió, biển và sóng đáp lại. Tôi ngồi đấy, không biết bao nhiêu lâu, thần thờ, bị suy sụp hoàn toàn cả về thể chất lẫn tinh thần. Rồi tôi khóc vì bức tức và quẳng đi cái túi nhỏ đeo ở cổ đựng thuốc lá và máy lửa - biểu hiện mối quan tâm ruột thịt của anh bạn đối với tôi, vì anh không hút thuốc.

Đứng trước gió, trước những đợt sóng quái đản đang quét tạt cả mọi thứ, tôi giơ nắm tay lên và nguyên rửa Trời: “Đồ xỏ lá, đồ chó đẻ, đồ pê-đê, mi không thấy hổ thẹn vì cứ bám riết lấy ta mà hành hạ như thế này ư? Chúa lòng lành gì mi? Mi chỉ là đồ đáng ghê tởm, đúng thế đấy, mi là kẻ xa-đích, kẻ đáng nguyên rửa! Mi là đồ thoái hóa! Ta sẽ không bao giờ gọi tên mi nữa! Mi không xứng đáng chút nào!”. Gió đã dịu dần và cảnh êm ả đã làm tôi tỉnh táo trở về với thực tại.

Tôi sẽ trở lên nhà thương điên và nếu có thể, lại lê về bệnh xá. Chỉ cần chút ít may mắn, tôi có thể làm được việc ấy

Tôi leo dốc và chỉ nghĩ một điều: trở về nằm vào giường mình. Không để ai trông thấy, không để ai biết. Tôi đã tới hành lang bệnh xá mà không gặp trở ngại. Tôi phải nhảy qua tường bệnh viện vì tôi không biết Savidia giấu chìa khóa cổng chính ở đâu.

Tôi chẳng phải tìm lâu cũng thấy chìa khóa cửa bệnh xá. Tôi vào phòng và khóa trái hai lần cửa phòng tôi lại Tôi ra cửa sổ, ném chìa khóa đi thật xa. Nó rơi phía bên ngoài tường. Và tôi đã vào

giường nằm. Vật duy nhất có thể tổ cáo việc tôi làm, là đôi bít tất còn ướt Tôi dậy đi vào nhà cầu để vắt cho kiệt nước. Tôi kéo chăn lên tận mặt và dần dần ấm người được đôi chút. Gió và nước biển đã làm tôi tê cóng. Không biết bạn tôi có bị chết đuối thật không? Có thể anh ấy bị sóng cuốn đi xa hơn tôi, đến tận cuối đảo và đến đấy mới bấu được lên bờ. Tôi có trở lên sớm quá không? Đáng lẽ tôi phải chờ thêm chút nữa. Tôi tự trách mình quá vội khi cho là bạn tôi đã bị thiệt mạng.

Trong ngăn kéo bàn ngủ đầu giường tôi, có hai viên thuốc ngủ. Tôi nuốt cả hai viên mà không uống nước. Nước miếng của tôi cũng đủ làm nó trôi vào họng. Tôi đang ngủ thì bị lay dậy và thấy anh y tá đứng trước mặt. Gian phòng đầy ánh nắng và cửa sổ đã được mở. Ba người bệnh đang đứng ngoài nhìn vào.

- Thế nào Papillon? Cậu ngủ như chết vậy? Mười giờ sáng rồi. Cậu không uống cà phê à? Nguội lạnh cả.

- Uống đi.

Tuy còn ngái ngủ, tôi cũng nhận thấy là đối với tôi mọi việc vẫn bình thường.

- Sao anh lại đánh thức tôi dậy?

- Vì những vết bóng của cậu đã lành rồi mà đang cần giường. Cậu sẽ trở về phòng của cậu.

- Thôi được.

Tôi đi theo y. Đi ngang qua sân, y để tôi ở lại đấy. Tôi tranh thủ hong đôi bít tất ra nắng cho mau khô. Cuộc vượt ngục đã tan vỡ được ba ngày rồi. Tôi không nghe thấy xì xào bàn tán về chuyện này. Tôi đi từ phòng ra sân rồi lại từ ngoài sân về phòng. Không thấy Salvidia xuất hiện, vậy là anh ta đã chết, tội nghiệp cho anh, chắc anh ta bị đập vào đá mà chết. Tôi cũng gặp may mới sống được, và tôi thoát hẳn là vì tôi ở phía sau thay vì ở đằng trước. Làm sao biết được? Tôi phải rời khỏi nhà thương điên này thôi. Làm cho họ tin là tôi đã khỏi hay ít ra cũng đáng trở về trại giam, có lẽ còn khó hơn là vào đây: Bây giờ tôi phải thuyết phục để bác sĩ thấy là tôi đã khỏi bệnh.

- Thừa ông Rouvriot (ông ta là y tá trưởng), đêm qua tôi bị lạnh. Tôi xin hứa sẽ không làm bẩn quần áo của tôi, sao ông không cấp quần dài và áo sơ mi cho tôi?

Viên cai sửng sốt. Ông ta ngạc nhiên nhìn tôi rồi nói:

- Papillon, anh ngồi xuống đây. Nói cho tôi nghe, có chuyện gì vậy?

- Tôi lấy làm lạ là tại sao tôi lại ở đây, hả sếp. Đây là nhà thương điên, như vậy là tôi sống với người điên à? Có phải, chẳng may tôi bị mất trí không? Tại sao tôi lại ở đây? Sếp vui lòng nói cho tôi nghe đi.

- Anh bạn Papillon, vừa qua anh bị bệnh, tôi thấy anh đã khá hơn. Anh muốn làm việc không?

- Có ạ

- Anh muốn làm gì?

- Làm bất cứ việc gì.

Thế là tôi được mặc quần áo, tôi được giao việc quét dọn các phòng. Buổi chiều, cửa phòng tôi được để mở cho đến chín giờ tối và chỉ khi người gác đêm nhận phiên gác, tôi mới bị nhốt ở trong.

Một người tù - y tá, người Auvergne, chiều qua lần đầu nói chuyện với tôi. Chỉ có hai chúng tôi trong phòng gác. Cai tù chưa tới. Tôi không biết anh này nhưng anh ta nói là anh biết tôi.

- Bây giờ thì chẳng cần phải vờ vịt làm gì cho mệt, bạn ạ.

- Cậu nói gì vậy?

- Cậu tưởng tôi không biết cậu giả vờ sao? Tôi làm y tá ở nhà thương điên đã bảy năm nay, và ngay từ tuần đầu tôi đã biết thừa là cậu chỉ giả vờ điên..

- Thế rồi sao nữa?

- Sau đó tôi rất tiếc vì cậu đã thất bại trong chuyến vượt ngục với Salvidia. Cậu ấy đã bỏ mạng rồi. Tôi đau khổ thật sự vì đây là một người bạn tốt, tuy cậu ấy không nói cho tôi biết, nhưng

tôi cũng không để bụng giận cậu ấy. Còn cậu có cần gì, cứ cho tôi biết, tôi sẽ lấy làm sung sướng nếu được giúp cậu.

Anh có cặp mắt thẳng thắn làm tôi không nghi ngờ lòng thành thật của anh. Vì nếu tôi không nghe ai nói tốt về anh, tôi cũng không thấy ai nói xấu về anh: như vậy hẳn anh phải là người khá.

Tội nghiệp cho Salvidia! Khi biết chuyện anh ta trốn đi, mọi người đều sửng sốt. Họ tìm thấy những mảnh thùng ton-nô bị sóng đưa vào bờ. Ai cũng cho là anh đã bị cá mập ăn rồi. Bác sĩ làm toáng lên vì chỗ dầu ô-liu bị đổ đi. Ông nói trong hoàn cảnh chiến tranh không dễ gì có được.

- Anh khuyên tôi nên làm gì?

- Tôi sẽ xin cho cậu việc đi lãnh thực phẩm hàng ngày ở bệnh viện cho nhà thương này. Cậu sẽ được đi dạo một vòng. Cậu phải bắt đầu giữ gìn hạnh kiểm cho tốt. Nói mười câu thì tám câu cho có lý. Vì cũng không nên khỏi bệnh quá mau. cảm ơn, tên cậu là gì?

- Dupont.

- Cảm ơn cậu. Tôi sẽ không quên những lời khuyên của cậu.

Tôi vượt ngục hụt đã được một tháng. Sáu ngày sau, người ta tìm thấy xác anh bạn tôi nổi lên mặt nước. Do một sự tình cờ không sao hiểu được, cá mập không ăn anh. Nhưng Dupont kê với tôi rằng các loại cá khác đã ăn bộ lòng của anh, và cả một khúc chân nữa. Sọ của anh cũng bị thủng. Vì thịt đã rửa nên tử thi không bị mó để xét nghiệm. Tôi hỏi Dupont xem anh ta có thể gửi giùm tôi một bức thư bằng đường bưu điện được không. Muốn vậy phải trao thư cho Galgani để lúc niêm phong túi đựng thư, cậu ta có thể dúi vào trong.

Tôi đã viết cho mẹ của Ro meo Salvidia ở ý bức thư sau đây:

“Thưa bà, con trai bà đã chết, chân không bị xiềng. Anh ấy đã chết ở biển, một cách can đảm, xa bọn cai ngục và xa nơi giam cầm. Anh ấy đã chết tự do trong khi đấu tranh dũng cảm để dành lại tự do cho mình. Chúng tôi đã hứa với nhau sẽ viết thư cho gia

đình của bạn mình nếu có người nào gặp nạn. Nay tôi làm tròn cái nhiệm vụ đau đớn ấy và xin kính cẩn hôn tay bà với lòng yêu kính của một người con.

Bạn của con bà

Papillon”

Làm xong nhiệm vụ đó, tôi quyết định không nghĩ tới cơn ác mộng ấy nữa. Đời là thế, còn phải ra khỏi nhà thương điên, tìm mọi cách để về bằng được đảo Quỷ và thử vượt ngục một chuyến nữa. Viên cai tù đã giao cho tôi việc làm vườn nhà y. Tôi trở lại bình thường đã hai tháng nay, và tôi được mến thích đến nỗi thằng cha đó không muốn buông tôi ra nữa. Cậu người Auvergne kể cho tôi nghe, lần khám bệnh vừa qua bác sĩ muốn cho tôi xuất viện về trại để “thử nghiệm”. Viên cai tù đã phản đối, nói rằng chưa bao giờ vườn của hắn lại được chăm sóc cẩn thận đến như vậy.

Cho nên sáng nay, tôi đã nhổ tất cả các cây dâu tây và vát vào sọt rác. Rồi tôi trồng một cây thập tự nhỏ vào chỗ ấy. Cứ mỗi gốc dâu lại có một cây thập tự. Không cần phải kể, cũng biết là sự việc này đã rùm beng lên như thế nào. - Thằng cha cai tù béo phệ này tức điên lên tưởng chết được. Hắn sùi cả bọt mép và ghen ngào nói không ra tiếng nữa. Sau cùng ngồi trên chiếc xe cút kít, hắn đã khóc nức nở, hai hàng nước mắt thật tuôn lũ chã. Tôi đã chơi hơi quá nhưng biết làm sao được?

Bác sĩ không coi việc này là quá nghiêm trọng. Ông nhấn mạnh, bệnh nhân này phải được đưa trả về trại giam, cho thích nghi lại với môi trường sống bình thường để “thử nghiệm”. Khi còn lại một mình ở trong vườn, ông mới nảy ra cái ý nghĩ kỳ quặc này.

- Papillon ơi, anh nói cho tôi biết tại sao anh lại nhổ dâu tây để trồng các cây thập tự vào đấy?

- Tôi cũng không giải thích nổi tại sao tôi làm như vậy bác sĩ ạ, và tôi đã xin lỗi ông giám thị. Ông ấy cưng mấy cây dâu quá làm tôi cũng khổ tâm lắm. Tôi sẽ cầu nguyện để xin Trời cho ông ấy những cây dâu khác.

Tôi đã trở về trại giam, và gặp lại các bạn. Chỗ của Carbonieri vẫn để trống. Tôi mắc võng ở bên cạnh, làm như thể Matthieu vẫn còn nằm ở đấy. Bác sĩ bắt dính vào áo ngoài của tôi giòng chữ: “Đang điều trị đặc biệt. Không một ai, trừ bác sĩ, được ra lệnh cho tôi”. Ông bảo tôi nhặt lá rụng trước bệnh viện từ tám giờ đến mười giờ sáng. Tôi ngồi ghé bàn uống cà phê và hút thuốc với bác sĩ ngay trước nhà ông. Vợ ông cũng ngồi với chúng tôi, ông cùng vợ ông cố gợi chuyện tôi về quá khứ của tôi.

- Sau rồi làm sao, Papillon? Sau khi rời những người Anh-diêng mò ngọc trai, việc gì đã đến với anh?

Trưa nào tôi cũng ngồi với hai con người đáng khâm phục ấy. Vợ bác sĩ nói: “Anh lại đây hàng ngày với tôi nhé, Papillon. Trước hết vì tôi muốn gặp anh, thứ đến là tôi rất thích nghe kể những chuyện đã xảy ra với anh”.

Ngày nào tôi cũng đến vài giờ với bác sĩ và vợ ông, thỉnh thoảng chỉ có một mình bà vợ. Bất tôi kể lại quãng đời đã qua của tôi, cả hai tin chắc rằng việc ấy sẽ làm tôi vĩnh viễn lấy lại được thăng bằng. Tôi quyết định xin bác sĩ chuyển tôi đi đảo Quỷ.

Rồi việc ấy cũng xong, ngày mai, tôi sẽ đi. Ông bác sĩ và vợ ông biết vì sao tôi đòi đến đảo Quỷ. Cả hai quá tốt với tôi nên tôi không muốn lừa dối họ: “Bác sĩ ơi, ở nhà tù khổ sai này, tôi không sao chịu nổi, bác sĩ cho tôi chuyển đi đảo Quỷ để tôi vượt ngục hay là chết, sao cũng được, miễn là chấm dứt tình trạng này đi cho rồi”.

- Tôi hiểu anh, Papillon ạ, cái chế độ đàn áp này cũng làm tôi chán ngấy, cái Ban Quản trị ở đây quá tồi nát. Thôi vĩnh biệt và chúc anh gặp may.

X. ĐẢO QUỶ - CHIẾC GHE CỦA DEIFLUS

Đảo Quỷ là hòn đảo nhỏ nhất trong quần đảo Salut.

Cũng là hòn đảo nằm cao nhất về hướng Bắc, bị sóng gió vùi dập phũ phàng nhất. Qua một khoảng hẹp bằng phẳng chạy dài dọc bờ biển là phải leo lên một cái dốc đưa tới một bãi bằng, trên đó đặt trạm gác của bọn giám thị và một phòng giam độc nhất cho hơn mười tù nhân. Ở đảo Quỷ, chính thức mà nói, không có tù khổ sai về hình sự mà chỉ có những bị án giam hoặc lưu đày vì những lý do chính trị.

Họ sống mỗi người ở riêng một căn nhà nhỏ mái tôn. Cứ đến thứ hai, họ được phát thức ăn sống cho cả tuần, mỗi người một ổ bánh mì. Họ có khoảng ba mươi người. Người đảm đương nhiệm vụ y tá trên đảo là bác sĩ Léger, đã đầu độc cả gia đình, ở Lyon hay vùng phụ cận gì đó. Các tù chính trị không liên hệ với tù khổ sai, và thỉnh thoảng họ lại viết thư về Cayenne phản đối tù nhân này nọ ở đảo. Thế là tù nhân đó bị đưa về đảo Royale.

Một đường dây cáp nối đảo Royale với đảo Quỷ, vì nhiều khi biển động, tàu ở Royale không ra đây cập vào bến xi-măng được.

Chánh cai tù ở đây (có tất cả ba người gác) tên là Santori. Đó là một người to lớn, quen thói ở bản, râu thường để đến tám ngày không chịu cạo.

- Papillon, tôi hy vọng anh xử sự cho đúng đắn ở đảo Quỷ này. Anh đừng kể chuyện với tôi, tôi sẽ để anh yên. Anh về trại đi, tôi sẽ gặp anh tại đây.

Tôi thấy ở phòng giam có sáu tù nhân khổ sai: hai người Tàu, hai người da đen, một người dân Bordeaux và một người vùng Lille. Một người Tàu biết rõ tôi, vì đã bị giam chung với tôi ở Saint Laurent về tội giết người. Đây là một người dân Đông dương, còn sống sót sau vụ nổi loạn ở Côn đảo.

Anh ta vốn là tay cướp biển chuyên nghiệp, thường tấn công các ghe mảnh và đôi khi giết cả thủy thủ lẫn gia đình chủ ghe. Anh ta là kẻ cực kỳ nguy hiểm, nhưng lại có một cách sống chung với tập thể được ai nấy tin cậy và mến thích. Anh dùng tiếng Pháp bồi chào tôi:

- Papillon, khỏe chứ?

- Còn anh ra sao, Chang?

- Khỏe. Ở đây dễ chịu lắm. Anh ăn với tôi. Anh ngủ đây, cạnh tôi. Tôi, nấu ăn ngày hai lần. Anh, bắt cá. Đây, cá nhiều lắm.

Santori đi tới:

- À, anh đã thu xếp chỗ ở xong rồi hả? Ngày mai anh và Chang cho heo ăn. Chang mang dừa tới, còn anh, anh lấy rìu bửa dừa ra làm đôi. Phải dành riêng những trái dừa non cho heo con vì chúng không có răng. Bốn giờ chiều, các anh vẫn làm việc ấy. Ngoài hai giờ làm việc, sáng một giờ, chiều một giờ, anh được tự do muốn làm gì trên đảo thì làm. Ai đi câu được phải đưa một ký cá hay tôm hùm góp vào bếp của tôi. Vậy cho mọi người vui vẻ. Thế có được không?

- Thưa ông Santori, được lắm.

- Tôi biết anh là dân chuyên vượt ngục, nhưng ở đây thì vô phương nên tôi không phải lo. Ban đêm các anh bị nhốt nhưng tôi biết có người vẫn cứ ra được.

- Cẩn thận đối với các tù chính trị đấy. Người nào trong bọn họ cũng có dao phát rừng. Anh mà đến gần chỗ họ ở, họ tưởng anh đến ăn cắp gà hay trứng, anh có thể chết hay bị thương, vì họ trông thấy anh được, còn anh, anh không thấy được họ.

Sau khi cho hai trăm con heo ăn, mỗi ngày tôi đi với Chang khắp đảo. Anh biết tường tận tất cả các xó xỉnh trên đảo. Một ông già, có bộ râu bạc dài, gặp chúng tôi trên con đường đi quanh đảo, ven bờ biển. Đó là một nhà báo ở Tân Đảo đã viết tốt cho bọn Đức, chống lại nước Pháp, trong chiến tranh 1914. Tôi còn gặp thằng đểu đã làm cho Edith Cavell - cô nữ y tá người Anh hay Bỉ đã cứu các phi công Anh năm 1917 - bị xử bắn. Nhân vật kinh tởm này, to

béo mập mập, tay cầm một cái gậy, quật một con cá lịch dài tới một thước rưỡi và to bằng bắp đùi tôi.

Cả ông bác sĩ đảm đương nhiệm vụ y tá cũng ở trong một túp nhà nhỏ chỉ dành cho các tù chính trị. Ông bác sĩ Léger này là một con người cao lớn dơ dáy và lực lưỡng. Chỉ có mặt ông là còn sạch, tóc ông đã hoa râm, để rất dài rủ xuống cổ và thái dương. Bàn tay ông đỏ mọng từng mảng vì những vết thương chắc là do vấp vào các mỏm đá ở biển, mãi vẫn chưa được lành hẳn.

- Anh cần gì, cứ đến hỏi tôi, tôi sẽ cho. Có bệnh hãy đến. Tôi không ưa ai đến thăm tôi và càng không ưa ai đến nói chuyện với tôi. Tôi bán trứng và cả gà con, gà trống và gà mái. Nếu anh mò trộm được một con heo nhỏ, mang cho tôi một đùi sau, tôi sẽ trả anh một con gà và sáu quả trứng. Anh đã đến đây rồi thì cầm lấy cái lọ một trăm hai mươi viên thuốc ký ninh này. Chắc anh đến đây để vượt ngục, vậy thì nếu phúc tổ cho anh đi được, anh sẽ cần đến nó để sống ở rừng đây

Sáng và chiều, tôi câu được hàng hà sa số cá phèn ở dưới các mỏm đá. Ngày nào tôi cũng gửi cho bếp của cai tù ba đến bốn ký. Santori tươi hẳn lên. Chưa bao giờ lão ta nhận được nhiều loại cá khác nhau lẫn tôm hùm như thế. Có những lúc, nước xuống, tôi lặn mò được đến ba trăm con tôm hùm.

Ngày hôm qua, bác sĩ Germain Guibert đến đảo Quý. Biển lặng, ông đã đi cùng vợ và thiếu tá chỉ huy trại Royale. Người đàn bà đáng phục này là người phụ nữ đầu tiên đặt chân lên đảo Quý. Theo lời thiếu tá, cũng chưa có thường dân nào đặt chân lên đảo này. Tôi đã được nói chuyện với bà một giờ đồng hồ. Bà đi với tôi đến chiếc ghế dài mà Dreyfus* xưa kia vẫn thường ngồi nhìn ra biển cả, nhìn về phía nước Pháp đã hất hủi ông. (*Dreyfus Alfred, sĩ quan Pháp gốc Do Thái, Năm 1890 bị đưa ra tòa án binh vì tội “gián điệp”, rồi bị đày ra quần đảo Salut. Đến năm 1906 mới được thanh minh và phục hồi danh dự. Vụ án này đã làm chấn động dư luận toàn nước Pháp hồi ấy và gây nên những cuộc tranh luận và xung đột dữ dội giữa những người có tư tưởng cấp tiến bên vực Dreyfus và những người có xu hướng bài Do Thái. Nhà văn Emile

Loa đã viết một bài báo nổi tiếng bài “Tôi tố cáo” bênh vực Dreyfus bằng những lý lẽ đanh thép và một văn phong nảy lửa đầy sức thuyết phục - ND).

Bà xoa tảng đá và nói: Giá tảng đá này có thể nói cho chúng ta biết những ý nghĩ của Dreyfus nhỉ... Papillon này, chắc chắn đây là lần cuối cùng chúng ta gặp nhau. Vì anh có nói với tôi rằng anh sắp thử vượt ngục một chuyến nữa. Tôi cầu Chúa cho anh được thành công. Tôi yêu cầu, trước khi anh đi, anh ngồi một phút trên tảng đá tôi vừa xoa tay vào, và cũng xin anh xoa tay vào đây để vĩnh biệt.

Thiếu tá cho phép tôi được gửi bằng dây cáp, một ít tôm hùm và cá cho bác sĩ, mỗi khi tôi muốn, Santori cũng đồng ý.

- Vĩnh biệt bác sĩ, vĩnh biệt bà.

Trước khi tàu rời khỏi bến, tôi chào cả hai người một cách rất tự nhiên. Bà Guibert mở to mắt nhìn tôi, vẻ như muốn nói: “Hãy nhớ mãi đến chúng tôi vì chúng tôi cũng không bao giờ quên anh”.

Chiếc ghề của Dreyfus ở tận mỏm phía Bắc của đảo cao hơn mặt biển đến trên bốn mươi mét..

Hôm nay tôi không đi câu. Trong bể cá thiên nhiên, tôi còn hơn một trăm ký cá phèn và trong một cái thùng ton-nô bằng sắt, được neo bằng xích, còn hơn năm trăm con tôm hùm. Tôi có thể nghỉ câu. Tôi đã có dư để gửi cho bác sĩ và để dành cho Santori, cho anh người Tàu và cho tôi. Lúc đó là năm 1941. Tôi ở tù đã mười một năm.

Tôi đã ba mươi lăm tuổi. Tôi đã sống những năm tươi đẹp nhất trong đời tôi trong phòng giam, hoặc ở xà-lim. Tôi chỉ sống tự do hoàn toàn được bảy tháng với bộ lạc Anh-điêng của tôi. Những đứa con mà tôi đã có với hai người vợ Anh-điêng bây giờ đã tám tuổi. Thật khủng khiếp! Thời gian trôi qua nhanh đến vậy? Nhưng nhìn về phía sau, tôi vẫn lặng ngẫm những giờ những phút chịu đựng kéo dài của khoảng thời gian đó, khoảng thời gian đã được khắc sâu trên con đường đau khổ. Ba mươi lăm năm rồi! Montmartre, quảng trường Trắng, quảng trường Pigalle, khoảng

sân khiêu vũ ở Triều Hoa viên, đại lộ Clichy, đâu cả rồi? Đâu rồi em Nenette với bộ mặt y như Đức mẹ, thật sự là bức tranh chạm nổi, có đôi mắt đen mênh mông tràn đầy tuyệt vọng nhìn tôi đắm đắm, đã kêu tôi giữa phiên tòa: “Anh đừng lo, em sẽ đến tận đây theo anh”?. Đâu rồi, luật sư Raymond Hubert với lời an ủi: “Chúng ta sẽ được trắng án”? Đâu rồi, mười hai cái bị thịt trong ban bồi thẩm? Đâu rồi bọn cớm ấy? Ngài biện lý? Ba tôi và các em gái tôi, đã lấy chồng trong cảnh chiêm đóng, giờ đây đang làm gì?

Bao nhiêu chuyến vượt ngục! Thử tính xem bao nhiêu chuyến rồi.

Chuyến đầu tiên, khi tôi đánh gục bọn cai và tù ở bệnh viện trốn đi. Chuyến thứ hai ở Colombia, từ Rio Hacha đi: chuyến đi đẹp nhất. Chuyến đó tôi thành công mỹ mãn. Tại sao tôi lại bỏ bộ lạc của tôi nhỉ. Một cảm xúc yêu đương mãnh liệt làm toàn thân tôi rung động. Tôi rùng mình, mừng tượng như trong thân thể tôi còn giữ lại những cảm giác mà tôi đã được thể nghiệm những khi làm tình với hai chị em cô gái Anh-điêng. Rồi chuyến thứ ba, thứ tư, thứ năm và thứ sáu ở Baranquilla. Những chuyến vượt ngục này chỉ toàn chuyện rủi ro. Rồi mưu toan trốn tập thể trong buổi lễ mi-sa, thất bại một cách thảm hại! Cái chuyến thuốc nổ hư và chuyện cái quần cậu Clousiot bị vướng vào mái tôn. Rồi cái liều thuốc ngủ tác động quá chậm! Chuyến thứ bảy ở đảo Royale, bị thằng xỏ lá Bébert Celier tố cáo. Không có nó, chắc chuyến ấy có thể thành công. Giá nó cầm mẹ cái mồm nó đi, chắc tôi và anh bạn Carbonieri khôn khổ của tôi đã được tự do. Chuyến thứ tám, chuyến cuối cùng, ở nhà thương điên. Sai lầm, một sai lầm lớn của tôi, là đã để cho anh người Ý chọn điểm hạ thủy. Nếu xuống phía dưới chừng hai trăm mét nữa, chỗ gần lò sát sinh, chắc thả bè dễ hơn nhiều.

Chiếc ghề dài này, nơi Dreyfus vô tội bị án tù, mà vẫn can đảm sống được, nhất định phải giúp cho tôi được việc gì. Không bao giờ được chịu thua! Phải thử làm một chuyến vượt ngục nữa. Phải, tảng đá nhẵn, trơn, nhô lên trên vực thẳm chỉ có đá bị sóng dập liên tục này phải trở thành một sự nâng đỡ về tinh thần và một tấm gương đối với tôi. Dreyfus không bao giờ chịu để tinh

thần bị suy sụp, ông luôn luôn đấu tranh đến cùng để được khôi phục danh dự. Quả Dreyfus có một ưu thế đã làm được Emile Zola bênh vực với bài: “Tôi tố cáo” nổi tiếng. Tuy vậy nếu ông không phải là con người đã được tôi luyện thì trước bấy nhiêu nỗi bất công chắc chắn ông đã từ chiếc ghế này gieo mình xuống vực. Ông đã chịu đựng được.

Tôi không thể kém Dreyfus, và tôi phải từ bỏ ý nghĩ vượt ngục với phương châm: thắng hay là chết. Tôi phải bỏ hẳn chữ chết, vì chỉ được nghĩ rằng tôi phải thắng và phải được tự do. Trong khi ngồi trên chiếc ghế của Dreyfus, tâm hồn tôi lang bang nghĩ đến quá khứ, mơ tưởng đến tương lai tươi đẹp. Mắt tôi thường bị lóa vì ánh nắng chói chang, vì ánh phản quang màu bạch kim của những ngọn sóng.

Cứ nhìn biển mãi mà không thực sự nhìn thấy nó, tôi dần dà biết được tất cả những thay đổi thất thường có thể tưởng tượng được của những lớp sóng cuộn theo chiều gió. Đều đều, không mệt mỏi, không thay đổi, biển cả cứ tấn công vào các mỏm đá nhô ra khỏi đảo xa nhất. Nó sục sạo, mài mòn, đập vỡ những tảng đá nọ, như muốn nói với đảo Quỷ: “Mi rút đi, mi phải biến mất đi, ta muốn xô vào Đất liền mà mi cứ làm ta vướng víu, mi chặn đường đi của ta. Vì vậy, hàng ngày, không phút nào ngơi, ta phải tước đi từng chút ít một của mi”. Khi có giông bão, biển thả sức vui vẻ hoành hành. Nó không chỉ lao tới, và khi rút ra, cào hết tất cả những gì nó đã đập phá được, mà hơn thế nữa, có còn chui rúc, len lỏi đưa nước vào tất cả các ngõ ngách để dần dà, từng chút một, xói mòn ngấm những tảng đá khổng lồ đang có vẻ như quất vào biển: “Cắm đi qua đây, cắm qua chỗ này”.

Và tôi đã khám phá ra một điều quan trọng. Ngay dưới chỗ ghế của Dreyfus, sóng xô thẳng vào những tảng đá sừng trâu này, tấn vào, tan ra và rút đi với một sức mạnh hung hãn. Hàng tấn nước không tung tóe ra được vì bị kẹt giữa hai tảng đá hình móng ngựa rộng chừng năm, sáu mét. Sau đó là vách đá ngựa rộng chừng năm, sáu mét. Sau đó là vách đá dựng đứng, cho nên nước theo sóng vào chỉ có một đường thoát là quay ngược lại, rút ra khơi.

Điều này rất quan trọng vì nếu khi sóng bị tóa ra và lùa vào vực thẳm, tôi từ trên mỏm đá ôm một bao trái dừa lao thẳng xuống đáy, thì chắc chắn, không nghi ngờ gì cả, là nước rút sẽ cuốn tôi ra theo.

Tôi biết chỗ có thể kiếm ra vài cái bao tải, ở chuồng heo muốn có bao nhiêu để đựng dừa cũng có.

Việc đầu tiên là phải làm thử đã. Vào những ngày trăng tròn, lúc nước thủy triều lên cao nhất, thì sóng cũng mạnh nhất. Tôi sẽ chờ một đêm như thế. Một bao tải nhét đầy trái dừa còn cả vỏ xơ, đã khâu kỹ lại, được dẫu trong một cái hang mà muốn vào đáy phải lặn xuống nước. Tôi tìm ra nó lúc lặn mò tôm hùm. Tôm hùm bám vào trần hang, không khí chỉ lọt được vào hang khi nước xuống. Trong một bao tải khác được chằng cùng với bao đựng trái dừa, tôi bỏ một tảng đá nặng chừng bao mười lăm đến bốn mươi ki lô. Vì tôi tính tôi sẽ vượt ngục với hai bao tải chứ không phải một, mà tôi thì cân nặng bảy chục ký, cho nên tỷ lệ như vậy là tương đương.

Thí nghiệm này kích thích tôi rất dữ. Không ai đến phía này của đảo bao giờ. Cũng không ai ngờ rằng có người lại chọn nơi bị sóng đập mạnh nhất, nghĩa là nơi nguy hiểm nhất, để vượt ngục.

Nhưng đây lại là địa điểm duy nhất mà, nếu tôi rời được bờ, tôi sẽ được sóng đưa ra khơi và không thể nào lại đâm đầu vào đảo Royale được. Chỉ ở đây chứ không phải ở đâu khác, tôi sẽ ra đi. Những bao tải đựng dừa và hòn đá không dễ mang vác Tôi không sao kéo nó lên mỏm đá được. Đá trơn và lúc nào cũng ướt. Tôi đã bàn với Chang, và anh ta đã đến giúp tôi. Anh mang cả bộ đồ nghề câu cá, dây câu ngầm, để lỡ bất ngờ gặp ai, chúng tôi có thể nói là chúng tôi đi đặt lưới bắt cá mập.

- Bắt đầu đi, Chang. Một chút nữa là xong.

Trăng rằm chiếu sáng vàng vạc như ban ngày. Tiếng sóng ầm ầm làm tôi choáng váng. Chang hỏi tôi: “Anh đã sẵn sàng chưa Papillon? Cho nó theo lớp sóng này đi. Cột sóng cao năm thước, thẳng đứng ập xuống bờ đá. Chân sóng xô vào phía dưới chúng tôi mạnh đến nỗi ngọn sóng vượt qua cả mỏm đá, làm chúng tôi bị ướt

hết. Nhưng nó cũng không ngăn cản chúng tôi ném các bao tải đúng lúc hình thành xoáy nước trước khi sóng rút ra. Hai cái bao tải bị cuốn đi như một cọng rơm.

Tốt rồi, Chang, thế là xong.

Chờ xem bao tải có trở về không.

Năm phút sau, tôi rụng rời cả người khi trông thấy bao tải của tôi ở trên đỉnh một lớp sóng ngằm cao ngất, đến sáu bảy mét bị đưa trở vào bờ. Sóng nâng túi dừa vào tảng đá như không có nghĩa lý gì. Nó đưa những thứ đó lên trước ngọn sóng, khoảng trước bọt nước một chút, với một sức mạnh phi thường, sóng đã trả nó về chỗ nó bắt đầu bị cuốn đi, đập vào đá vỡ tan thành, bao tải rách bươm ra, mấy quả dừa bắn tung ra khắp nơi, còn tảng đá thì lăn xuống đáy vực.

Chang và tôi đều ướt thấu xương, bị đẩy ngã, may mà ngã về phía đất liền. Cả người chúng tôi bị xây xát và ê ẩm. Chúng tôi không buồn nhìn ra phía biển mà vội rời cho thật nhanh cái nơi đáng nguyên rủa này.

- Không tốt đâu, Papillon. Cái ý vượt ngục ở đảo Quỷ không tốt đâu. Ở Royale hơn. Anh đi từ phía Nam hơn ở đây.

Phải, nhưng ở đảo Royale, việc vượt ngục chỉ hai giờ sau là nhiều nhất, sẽ bị lộ. Các bao tải đựng dừa chỉ đi được nhờ sức sóng đẩy, tôi sẽ bị ba chiếc tàu ở đảo quây bắt được liền. Còn ở đây, thứ nhất là không có tàu thứ hai, chắc chắn tôi vượt ngục, sau người ta tưởng tôi đi câu bị chết đuối. Ở đảo Quỷ, không có điện thoại. Nếu tôi đi lúc trời xấu, không tàu nào có thể đến được đây. Vì vậy tôi phải từ ở đây đi. Nhưng ra đi bằng cách nào?

Giữa trưa, trời nắng chang chang. Một thứ nắng nhiệt đới làm cho đầu óc muốn sôi lên. Một thứ nắng thiêu cháy mọi thứ cây cỏ đã nảy mầm được nhưng chưa lớn đến mức đủ sức đương đầu với nắng. Một thứ ánh nắng mà chỉ trong vài giờ cũng đã làm cho các vùng nước biển không sâu quá phải bay hơi chỉ còn lại một lớp muối trắng. Một thứ ánh nắng làm cho làn không khí chao đảo như nhảy múa. Đúng, ánh nắng chuyển động thật sự trước mắt

tôi, và ánh nắng phản chiếu trên mặt biển làm tôi rất bỏng cả mắt. Tuy vậy, lúc ngồi lại trên chiếc ghế của Dreyfus, tất cả những điều đó không ngăn tôi tiếp tục quan sát mặt biển. Lúc bảy giờ tôi mới thấy tôi quá ư là ngốc. Con sóng ngầm, cao gấp hai lần tất cả các con sóng khác, con sóng đã ném các bao tải của tôi vào đá, làm nó tan vụn hoàn toàn, con sóng này chỉ thỉnh thoảng mới có. Tôi tính kỹ thì thấy cứ sáu đợt sóng bình thường mới có một đợt sóng ngầm dữ dội như vậy. Từ giữa trưa đến lúc mặt trời lặn, tôi quan sát xem thử có phải đều đặn như thế không, có những thay đổi gì không, nghĩa là xem thử có gì không đều trong chu kỳ và hình dáng con sóng khổng lồ này không.

Không, không một lần nào con sóng ngầm đến trước hay đến sau. Cứ sáu đợt sóng cao chừng sáu mét kéo vào, thì cách bờ hơn ba trăm mét, con sóng ngầm lại hình thành. Nó đến thẳng đứng như chữ I. Càng tới gần bờ, nó càng tăng khối lượng và chiều cao. Không có bọt sóng ở trên ngọn, khác hẳn sáu con sóng kia. Rất ít bọt. Tiếng sóng cũng đặc biệt, giống như tiếng sấm rền đang tắt dần từ xa. Khi sóng xô vào bờ đá, ập vào khoảng giữa hai tảng đá nọ, rồi đập vào vách, khối lượng nước của nó lớn hơn của các con sóng khác, nó bị tắc lại, quay lộn nhiều lần trong hốc đá và mất mười mười lăm giây những cuộn nước xoáy mới tìm được lối thoát và rút ra, cuốn theo những hòn đá to cứ lăn đi lăn lại, ầm ầm như tiếng hàng trăm chiếc xe chở đá được đổ xuống vực một cách thô bạo.

Tôi bỏ độ một chục quả dừa vào một cái bao tải, tôi tổng một tảng đá nặng độ hai mươi ki-lô vào đây và con sóng ngầm vừa xô vào đá, tôi ném bao tải xuống. Mắt tôi không trông theo được bao tải vì có quá nhiều bọt nước trắng trong vực xoáy, nhưng tôi cũng thoáng thấy nó trong một giây, khi nước như bị hút mạnh, băng băng kéo ra ngoài khơi. Bao tải không bị đẩy trở lại. Sáu con sóng kia không đủ sức ném nó vào bờ và khi con sóng thứ bảy hình thành, cách xa chừng ba trăm mét, cái bao tải hẳn đã vượt ra ngoài cái vùng cơn sóng ngầm bắt đầu hình thành, vì tôi không còn nhìn thấy bao tải ấy đâu nữa.

Lòng chứa chan vui mừng và hy vọng, tôi đi về trại. Thế là tôi đã tìm ra một cách hạ thủy thật hoàn hảo. Không được phiêu lưu trong việc này. Thế nào tôi cũng cần phải thử một lần cho nghiêm chỉnh hơn, với những số liệu tương ứng một cách chính xác với bản thân tôi: hai bao trái dừa buộc chặt vào nhau, và ở trên là bảy mươi ki-lô được phân đều cho hai hay ba tảng đá. Tôi kể cho Chang. Và anh bạn Tàu của tôi ở Côn Đảo đã giởng tai ra nghe.

- Tốt lắm, Papillon ạ. Tôi cho thế là anh đã tìm được cách rồi. Tôi sẽ giúp anh làm thử thật sự. Chờ nước thủy triều lên cao tám mét: sắp đến điểm phân mùa rồi.

Được Chang giúp đỡ, lợi dụng điểm phân mùa, có con sóng cao hơn tám mét, tôi ném xuống con sóng ngầm nọ hai bao trái dừa kèm theo ba tảng đá nặng chừng tám mươi ki-lô.

- Tên con bé mà anh bơi ra cứu ở Saint Joseph là gì?

- Lisette.

- Vậy ta cũng đặt tên con sóng có ngày sẽ cuốn anh đi theo là Lisette. Bằng lòng không? Đồng ý.

Lisette ập đến ầm ầm như một đoàn xe lửa tốc hành tới ga. Nó hình thành từ ngoài xa hơn hai trăm năm mươi mét, và sừng sững như vách đá, nó tiến vào mỗi lúc một lớn dần. Quả là một cảnh tượng uy nghi. Nó đập vào vách làm Chang và tôi bị hất hẳn sang bên tảng đá, và các bao tải đã tự nó rơi xuống vực. Vì biết ngay trong một phần mười giây rằng chúng tôi không thể đứng lại trên mỏm đá được, chúng tôi đã lùi về sau: điều đó tuy không tránh cho chúng tôi khỏi bị một khối nước ập đến tát ướt cả người, nhưng cũng làm cho chúng tôi khỏi bị ngã xuống vực. Chúng tôi làm cuộc thí nghiệm này lúc mười giờ sáng. Chúng tôi không sợ gì vì ba tên cai tù đều ở đầu kia đảo lo việc tổng kiểm kê. Mấy cái bao tải đã trôi không ra khơi, chúng tôi trông rất rõ, nó đã trôi rất xa bờ. Nó có trôi ra quá chỗ hình thành của con sóng không? Chúng tôi không có gì làm chuẩn để biết được các bao tải ở xa hơn hay gần hơn chỗ ấy. Sáu con sóng tiếp theo con Lisette đều không đuổi kịp được đà trôi của nó. Một lần nữa Lisette lại hình thành và bắt

dầu xô vào bờ. Các bao tải cũng không bị nó cuốn vào. Thế là chúng đã thoát được khỏi khu vực ảnh hưởng của con sóng.

Trở vội lên ngồi vào ghế của Dreyfus để cố tìm ra các bao tải một lần nữa, chúng tôi có được nỗi vui mừng được bốn lần nhìn thấy nó bập bênh trên các ngọn sóng, không hướng về phía đảo Quỷ mà đi về hướng Tây. Không còn phải bàn cãi gì nữa, cuộc thí nghiệm đã cho thấy kết quả tốt. Tôi sẽ lên đường dán thân vào cuộc phiêu lưu vĩ đại trên lưng Lisette.

“Nhìn kia, nó đến đây”. Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, rồi đến lượt Lisette tiến vào. Ở mỏm đá, chỗ đặt ghế của Dreyfus xưa nay, biển vẫn khắc nghiệt, nhưng hôm nay nó đặc biệt hung dữ. Lisette tiến vào với tiếng ầm ầm riêng biệt của nó. Tôi thấy nó lù lù hơn ngày thường, và hôm nay, nhất là ở chân sóng, khối lượng nước được di chuyển còn nhiều hơn nữa. Khối nước khổng lồ này sẽ tấn công hai tảng đá mau lẹ hơn, thẳng góc hơn. Vì khi con sóng vỡ, đồ xô vào khoảng cách giữa hai tảng đá khổng lồ, tiếng động còn inh tai nhức óc hơn bao giờ hết, nếu trên đời có thể có một tiếng động quái gở như vậy.

- Anh nói là phải lao xuống chỗ này phải không? Đúng đấy, anh chọn chỗ này thật là tuyệt. Tôi thì tôi không chơi đâu. Tôi muốn vượt ngục thật, nhưng tôi không muốn tự tử.

Sylvain rất xúc động khi tôi giới thiệu Lisette với anh ta. Anh mới đến đảo Quỷ được ba ngày và tất nhiên tôi rủ anh cùng đi với tôi. Mỗi người đi một bè. Do đó nếu anh nhận lời, tôi sẽ có bạn khi đến Đất liền để tiến hành cuộc đào tẩu tiếp theo. Ở rừng mà chỉ có một mình chẳng thú vị chút nào đâu.

- Đừng có sợ trước khi làm. Tôi công nhận là lần đầu tiên, ai cũng phải chùn bước. Nhưng đây lại là con sóng duy nhất có thể kéo cậu ra thật xa, các con sóng tiếp theo không có đủ sức kéo cậu trở lại bờ đá.

- Bình tĩnh nào, nhìn kỹ lại, chúng tôi đã thử rồi - Chang nói
- Chắc chắn, cậu đã đi rồi là sẽ không bao giờ trở lại đảo Quỷ, cũng không vào đảo Royale đâu

Mất một tuần, tôi mới thuyết phục được Sylvain. Một người rắn chắc, cao một mét tám mươi, cân đối, với một thân hình lực sĩ điển hình.

- Được. Tôi công nhận chúng ta sẽ được đưa ra đủ độ xa. Sau đó, cậu tính cứ để sóng đẩy đi, mất bao nhiêu ngày thì đến được Đất liền?

- Thật tình, tôi cũng không biết đâu, Sylvain ạ. Có thể bị giạt nhiều hay ít, tùy thời gian. ảnh hưởng của gió không có mấy, vì chúng ta ở sát mặt nước. Nhưng nếu trời xấu, sóng sẽ lớn và đẩy chúng ta mau hơn vào phía rừng. Khoảng bảy tám, nhiều nhất là mười con nước, chúng ta sẽ bị đẩy vào bờ. Do đó, xê xích ít nhiều thì mất chừng bốn tám đến sáu mươi giờ.

- Cậu tính thế nào vậy?

- Từ các đảo thẳng đến bờ, không xa hơn bốn mươi cây số. Vì bị trôi giạt nên đường đi làm thành cạnh huyền một tam giác vuông. Cậu nhìn hướng sóng đi. Ít nhiều, cũng phải đi một quãng từ một trăm đến một trăm hai mươi ki-lô-mét là tối đa. Chúng ta càng đến gần bờ, sóng càng đẩy chúng ta thẳng hướng vào đấy. Thoạt tính, cậu không cho là một vật trôi giạt ở bờ với khoảng cách như thế, lại không được đẩy đi với tốc độ năm ki-lô-mét một giờ.

Anh ta nhìn tôi và chăm chú nghe rất kỹ những lời giải thích của tôi. Chàng trai cao lớn này rất thông minh.

- Đúng. Tôi công nhận là những điều cậu nói chẳng ngu ngốc chút nào, và nếu không có những con nước xuống làm mất thì giờ của ta, vì chúng lại đẩy ta ra ngoài khơi, chắc chắn chỉ trong vòng ba mươi giờ, ta có thể đến đất liền. Do có những con nước xuống, tôi cho là cậu nói có lý: muốn đến đất liền phải mất từ bốn mươi tám đến sáu mươi tiếng.

- Cậu tin chắc rồi thì cậu đi với tôi chứ?

- Có thể. Giả dụ, ta đến chỗ đất liền là rừng thì ta làm gì?

- Ta phải đến vùng gần khu vực Kourou. Ở đây có một làng dân chài khá lớn, có những người đi tìm balata và tìm vàng. Phải đến gần một cách thật thận trọng vì ở đây cũng có một lâm trường

của tù khổ sai. Chắc chắn cũng có những điểm để từ đó đi sâu vào trong rừng đến Cayenne và đến một trại của người Tàu được gọi là Inini. Phải bắt một tù nhân hay một thổ dân da đen buộc họ phải dẫn mình đến Inini. Nếu người ấy tử tế, ta có thể cho năm trăm đồng rồi bảo anh ta chuồn đi cho khuất mắt. Nếu cũng là một người tù, thì ta bắt hắn phải cùng đi trốn với ta. Inini là trại giam đặc biệt cho người Đông dương, thế thì ta đến đây để làm gì?

- Ở đây Chang có người anh ruột.

- Đúng, anh ấy là anh tôi. Anh ấy sẽ vượt ngục với các anh, anh ấy kiếm ra được ca-nô và thức ăn. Cách anh sẽ gặp Quých-Quých, các anh sẽ có đủ thứ để đi đường. Không một người Tàu nào chịu làm chỉ điểm cả cho nên anh gặp bất cứ người An Nam * (*Tác giả cũng như nhiều người Pháp hồi đó, không biết phân biệt người “Tàu với người “An Nam”) nào ở trong rừng, anh cứ bảo người đó tin cho Quých-Quých biết.

- Tại sao người ta lại gọi anh ta là Quých-Quých? - Sylvain hỏi.

- Tôi không biết, do bọn Pháp đặt tên cho anh như vậy - Đoạn anh nói thêm: “Các anh phải cẩn thận, khi đến đất liền rồi, các anh sẽ thấy bùn. Đừng bao giờ đi trên bùn, đi không tốt, nó hút các anh xuống đáy. Chờ cho nước đưa các anh vào tận rừng để có thể bám được dây leo và cành cây. Nếu không thì nguy lắm.

- à đúng đấy, Sylvain à. Không bao giờ được đi trên bùn, ngay cả khi ở rất gần, rất gần bờ. Phải chờ lúc túm được cành cây hay sợi dây leo nào đã.

- Được Papillon. Tôi đã quyết định rồi. Hai cái bè được chế tạo cùng một kiểu, không khác nhau mấy, vì chúng ta cũng nặng cân gần như nhau, chắc chắn chúng ta sẽ không bị tách rời nhau quá xa. Nhưng không sao lường trước được việc gì cả. Nếu lạc nhau ta sẽ tìm nhau ra sao? ở đây, ta không nhìn được tới Kourou. Cậu có để ý, khi cậu còn ở Royale là ở phía bên phải Kourou, khoảng chừng hai mươi ki-lô-mét, có những tảng đá trắng, thấy rất rõ khi mặt trời chiếu vào đấy phải không?

- Đúng.

- Cả vùng bờ biển này, chỉ chỗ ấy là có đá. Bên phải, bên trái, đến vô cùng tận, chỉ là bùn. Đá trắng là do cút chim là ở đấy. Có đến hàng ngàn con, và vì không có người nào đến đây bao giờ, chỗ đó sẽ là nơi trú chân để ta lấy lại sức trước khi đi sâu vào rừng. Ta sẽ ăn trứng và ăn chỗ dứa ta đem theo. Không được đốt lửa. Ai đến trước sẽ đợi người tới sau.

- Đợi bao lâu?

- Năm ngày. Không thể nào sau năm ngày, người kia lại không tới được.

Hai chiếc bè đã được làm xong. Các bao tải được lồng vào nhau, hai cái làm một, cho bền hơn. Tôi yêu cầu Sylvain dành cho tôi mười ngày để tập cưỡi bao tải, càng nhiều giờ càng hay. Anh ta cũng phải làm như vậy. Mỗi lần thấy các bao tải sắp bị lật ngửa ra, phải cố gắng làm sao ngồi vững ở trên. Nhưng chú ý không được ngủ quên vì sợ bị nhào xuống nước mà không bầu vùi kịp. Chang khâu cho tôi một cái túi nhỏ không thấm nước để đeo vào cổ, trong đựng thuốc lá và máy lửa. Chúng tôi mỗi đứa nọo mười quả dứa để mang theo.

Cùi dứa giúp chúng tôi chịu đói và còn làm đỡ khát nữa. Hình như Santori có một thứ bong bóng bằng da đựng được rượu. Lão ta không dùng đến nó bao giờ. Khi nào có dịp lọt vào nhà lão, Chang sẽ tìm cách xoay cái đó

Chúng tôi định khởi sự vào ngày chủ nhật, lúc mười giờ tối. Trăng rằm, sóng thủy triều ắt phải cao đến tám mét. Lisette hẳn sẽ ở vào thời điểm mạnh nhất. Sáng chủ nhật, một mình Chang sẽ cho heo ăn. Tôi sẽ ngủ suốt ngày thứ bảy và cả chủ nhật. Khởi hành lúc mười giờ đêm. Thủy triều bắt đầu xuống đã được hai giờ.

Hai cái bao tải của tôi không thể nào tách rời ra được. Chúng được kết chắc lại bằng những sợi gai bện vào với nhau, bằng dây đồng, và khâu liền với nhau bằng gai buồm. Chúng tôi đã kiểm những cái bao có miệng rộng để lồng bao nọ vào bao kia sao cho vừa không thể tuột ra ngoài được.

Sylvain không ngừng tập thể dục, còn tôi, tôi đứng hàng giờ để những lớp sóng lần lần đập vào đùi tôi như xoa bóp vậy. Sóng cứ đập liên hồi vào đùi tôi và việc tôi phải lên gân chống lại sóng làm cho đùi và bắp chân tôi cứng như sắt.

ở một cái giếng bị bỏ hoang, có một sợi dây xích dài gần ba mét. Tôi quấn vào nó những sợi thừng nối các bao tải của tôi. Tôi có một cái ốc bù-loong có thể chọt qua các móc xích. Trong trường hợp tôi không chống đỡ nổi, tôi sẽ dùng sợi xích sắt để buộc mình vào cái bao tải. Làm như vậy, tôi có thể ngủ mà không sợ rơi xuống nước và để trôi mất cái bè. Nếu bao tải lật, nước sẽ làm tôi tỉnh dậy và tôi sẽ lật nó lại như cũ. Papillon này, chỉ còn ba ngày nữa thôi. - Chúng tôi ngồi trên ghế của Dreyfus, nhìn Lisette.

- Phải, chỉ còn ba ngày nữa thôi, Sylvain ạ. Tớ tin tưởng là sẽ thành công. Còn cậu thì sao?

- Chắc ăn lắm, Papillon à. Đêm thứ ba hay sáng thứ tư, bọn ta sẽ ở trong rừng rồi. Lúc đó, tha hồ mà chén cho đầy!

Chang nạo cho mỗi đứa chúng tôi mười trái dừa. Ngoài dao, chúng tôi còn mang hai cái rựa dẫn cây ăn cắp được ở kho dụng cụ.

Trại Inini ở phía Đông Kourou. Buổi sáng đi, ngược lại phía mặt trời chiếu tới, chắc chắn là sẽ đúng hướng.

- Sáng thứ hai, Santori sẽ điên lên mất. - Chang nói. - Tôi sẽ không nói là cậu và Papi đã chuồn trước ba giờ chiều ngày thứ ba, khi tên gác đã ngủ trưa dậy.

- Hay là cậu vừa chạy về vừa kêu là chúng tớ đang câu cá thì bị sóng lớn cuốn đi?

Không được, lời thôi lắm. Tôi chỉ nói: “Sếp ạ, Papillon và Stephen hôm nay không thấy đi làm, tôi phải cho heo ăn một mình” - chỉ thế thôi, không hơn không kém.

Vượt ngục từ đảo Quỷ

Chủ nhật, bảy giờ tối. Tôi vừa thức giấc. Tôi cố ngủ mãi từ sáng thứ bảy. Đến chín giờ trăng mới lên. Cho nên lúc này còn tối như mực. Trời rất ít sao. Những đám mây đen nặng trĩu mưa bay

nhanh qua đầu chúng tôi Chúng tôi vừa ra khỏi lán. Vì chúng tôi vẫn thường đi câu lén ban đêm, nhiều khi lại còn dạo chơi buổi tối nữa, cho nên ai nấy đều thấy đó là chuyện bình thường. Một thằng nhóc đi vào lán bên cạnh thằng bố của nó, một thằng A-rập to béo. Chắc hẳn chúng nó vừa làm tình với nhau trong một cái xó nào đấy. Nhìn hai đứa nhác tám ván bước vào lán, tôi nghĩ bụng: đối với thằng A-rập này, mỗi ngày được hôn hít thằng kia vài ba lần quả là tuyệt đỉnh của niềm hoan lạc. Được tha hồ thỏa mãn tình dục - điều đó đã biến cảnh tù đầy thành cõi thiên đường của hắn. Còn thằng pê-đê kia cũng vậy. Tuổi nó khoảng hăm ba hăm lăm. Thân hình nó chẳng còn đáng đáp lực sĩ thiếu niên Hy Lạp bao nhiêu nữa. Nó đã bỏ công tránh ra nắng để giữ một nước da trắng như sữa, nhưng đến nay sắc đẹp của nó đã bắt đầu phai pha rồi.

Nhưng ở trại khổ sai nó có được nhiều hơn ở ngoài. Ngoài thằng bồ một là thằng A-rập ra, nó còn kiếm được khách trả hăm lăm quan một lần chơi, hết như một con điếm ở phố Rochechouart khu Montmartre. Ngoài cái khoái cảm mà khách chơi đem lại cho nó, nó còn thu được món tiền đủ cho nó và “chồng” nó sống phong lưu. Cả lũ chúng nó cố tình ngập ngựa trong dâm ô, và kể từ ngày chúng đặt chân lên mảnh đất tù tội, đầu óc chúng chỉ biết có một lý tưởng là thỏa mãn được tình dục.

Viên biện lý đã làm rùm beng lên để khép tội chúng, đẩy chúng vào con đường thối rửa. Nhưng trong cảnh thối rửa đó, chúng lại tìm thấy hạnh phúc. Sau khi tám ván đã được đóng lại sau đôi môn tròn của thằng pê-đê, chỉ còn lại ba đứa chúng tôi: Chang, Sylvain và tôi.

- Đi thôi. Chúng tôi nhanh chóng tiến về phía Bắc đảo

Chúng tôi đi vào hang lấy hai chiếc bè ra. Cả ba chúng tôi bị ướt như chuột ngay tức thì. Gió ào ào thổi, tiếng rít của nó là tiếng rít đặc biệt của gió lộng, của biển khơi giận dữ. Sylvain và Chang giúp tôi đưa bè lên đỉnh mỏm đá. Phút cuối cùng, tôi quyết định buộc chặt cổ tay trái của tôi vào sợi thừng buộc bao tải. Bỗng nhiên tôi sợ bị tách ra khỏi bao tải và bị cuốn ra xa nó. Chang cũng giúp Sylvain lên được tảng đá trước mặt tôi. Trăng đã lên

cao, nên trông sáng như ban ngày. Tôi quấn một cái khăn mặt lên đầu. Chúng tôi phải đợi sáu con sóng. Hơn nửa giờ.

Chang đã đến gần tôi. Anh ôm cổ tôi. Anh nằm trên tảng đá và tựa vào một hốc đá thật chắc, anh nắm chân tôi để giúp tôi chịu được cú đập của Lisette.

- Chỉ còn con sóng này nữa là đến nó đấy, - Sylvain hét to.

Anh đứng trước bè của anh, đưa cả thân mình chống đỡ khỏi nước ập xuống anh. Tôi cũng ở trong tư thế như vậy, còn được tay không giữ thật chắc, nhưng anh quá căng thẳng, móng tay anh bám ngập vào bắp vế tôi.

Con sóng Lisette đưa chúng tôi đi đã tới. Nó thẳng đứng như một cái tháp chuông nhà thờ. Với tiếng gầm vang óc quen thuộc, nó đập mạnh vào hai tảng đá và luồn mạnh về phía vách đá.

Tôi lao xuống trước bạn tôi một tích tắc. Sylvain cũng lao xuống gọn gàng không kém, và cả hai cái bè của chúng tôi cũng được Lisette hút ra khơi nhanh đến chóng mặt. Chưa đến năm phút sau, chúng tôi đã ở cách xa bờ hơn ba trăm mét. Sylvain chưa leo lên bè của anh. Hai phút sau, tôi đã ngồi trên bè của tôi. Chang chạy vội lên chiếc ghế của Dreyfus đứng dơ một chiếc khăn tay trắng để chào từ biệt. Chúng qua khỏi được điểm nguy hiểm, chỗ sóng tập trung lại để xô thẳng vào Đảo Quý. Những cơn sóng đẩy chúng tôi ra khơi dài hơn, gần như không có bọt, êm đến nỗi chúng tôi hòa với chúng làm một, tôi mà không bị xóc, không sợ bè bị lật.

Chúng tôi từ từ ra khơi một cách êm ái, lên xuống theo những lớp sóng cao thấp, vì thủy triều đang lấp xuống. Trên đỉnh cao một ngọn sóng, quay hẳn mặt lại tôi còn được trông thấy một lần nữa tấm khăn trắng của Chang. Sylvain cách tôi không xa, chừng năm mươi mét về phía trước. Anh dơ tay lên vẫy nhiều lần, tỏ ý vui mừng vì thắng lợi.

Đêm cũng dễ chịu, và chúng tôi cảm thấy sức hút của biển rất mạnh. Nước thủy triều vừa nẩy cuốn chúng tôi ra khơi bây giờ lại đẩy chúng tôi về phía đất liền. Mặt trời đang mọc ở chân trời,

như vậy là đã sáu giờ. Chúng tôi đang ở thấp dưới mặt nước nên không trông thấy bờ. Nhưng tôi cũng nhận ra là chúng tôi ở rất xa các đảo vì, tuy mặt trời chiếu sáng các mỏm cao của đảo, chúng tôi chỉ thấy một khối lù lù, có thể thôi. Không thấy rõ nét các đảo, tôi cho là chúng ở cách đây ít ra đến ba mươi ki-lô-mét. Tôi mỉm cười với thành công, với thắng lợi. Hay tôi thử ngồi lên chiếc bè xem sao nhỉ? Gió thổi vào lưng tôi, có thể đẩy tôi đi.

Và tôi đã ngồi lên. Tôi gỡ sợi xích ra và cuốn một vòng quanh thắt lưng. Chiếc ốc bù-loong đã bôi mỡ làm trơn, dễ vặn chặt ốc ê-cu. Tôi hong tay trước gió cho chóng khô. Tôi tìm cách châm một miếng thuốc. Được rồi. Tôi hít những hơi đầu, thật dài, thật sâu và thở khói ra, từ từ. Tôi không còn sợ gì nữa. Và không cần phải mô tả những cơn đau quặn trong bụng tôi từ trước và trong thời gian bắt đầu hành động. Không, tôi không sợ gì cả, đến nỗi hút xong miếng thuốc, tôi quyết định ăn vài miếng cùi dừa. Tôi ngón một nắm lớn và lại hút một miếng thuốc nữa. Sylvain vẫn còn xa tôi. Thỉnh thoảng khi cả hai cùng ở trên đỉnh một ngọn sóng, chúng tôi có thể thoáng trông thấy nhau. Nắng gắt chiếu thẳng vào đầu làm cái sợ của tôi như sôi lên. Tôi ngâm khăn mặt xuống nước rồi quần lên đầu. Tôi cởi áo va-rơ ra. Tuy có gió nhưng tôi cũng thấy chết ngột trong chiếc áo này.

Trời đất ơi! Bè của tôi vừa bị lật và tôi suýt chết đuối. Tôi uống phải hai hớp nước biển. Tuy cố hết sức tôi cũng không lật nổi cái bao tải và leo lên trên được. Sau cùng tôi xoay nghiêng cái bao tải và tôi bơi đứng ở bên cạnh. Tôi đã thở được dễ dàng hơn. Tôi cố tháo hẳn sợi xích ra khỏi thắt lưng, nhưng mấy ngón tay của tôi không vặn nổi ốc ê-cu. Tôi phát cáu, có lẽ vì ngón tay tôi bị co quắp lại không còn đủ sức để vặn ốc nữa. Hú vía! Sau cùng, rồi cũng xong! Tôi vừa trải qua một giai đoạn ngặt nghèo. Tôi thật sự hoảng hồn tương không thể gỡ ra khỏi sợi xích được.

Tôi không buồn lật bè lại nữa. Một lá, tôi tự thấy không còn đủ sức làm việc ấy. Tôi leo lên bè. Thì ngồi trên đây bây giờ đã lật lên thành phía trên, cũng có sao đâu! Tôi sẽ không trói mình vào bè với sợi xích hay với bất cứ cái gì nữa. Bây giờ tôi đã thấy rõ tôi

buộc cổ tay tôi vào bè lúc bắt đầu khởi hành là ngu ngốc đến nhường nào. Việc ấy phải là một kinh nghiệm đối với tôi.

Nắng chiều gay gắt làm cháy da tay và đùi tôi.

Mặt tôi nóng bừng bừng. Dấp nước vào còn tệ hại hơn, tôi nghĩ vậy, vì nước bốc hơi ngay tức khắc và tôi lại càng bị bỏng nặng hơn.

Gió đã dịu đi rất nhiều, và vì bây giờ sóng không cao nữa nên đi dễ chịu hơn nhưng chậm hơn. Cho nên gió to và biển động thế mà còn hơn là đẹp trời. Tôi bị chuột rút ở chân phải, đau đến nỗi tôi kêu toáng lên làm như thể có người nào ở quanh đấy có thể nghe thấy. Tôi lấy ngón tay làm dấu chữ thập lên chỗ đau, vì tôi nhớ bà tôi bảo làm như vậy sẽ qua được cơn đau. Cách chữa bệnh lang vườn này thất bại thảm hại. Mặt trời đã ngả về Tây. Bây giờ chừng bốn giờ chiều, từ lúc bắt đầu đi, đây là cơn thủy triều thứ tư. Làn nước lên này như đẩy tôi vào bờ mạnh hơn.

Lúc này tôi trông thấy Sylvain thường xuyên và anh ta cũng trông thấy rõ tôi. Anh rất ít khi bị khuất vì sóng không xuống thấp lắm. Anh đã cởi áo sơ-mi và ở trần. Anh ta ra hiệu cho tôi. Anh ở trước tôi ba trăm mét về phía ngoài khơi. Hình như anh đang dùng tay chèo, vì xung quanh anh tôi thấy nước hơi sủi bọt. Có lẽ anh muốn hãm bè của anh cho đi chậm lại để tôi đến gần anh được. Tôi nằm dài trên bao tải và xúc tay xuống nước để chèo. Nếu anh ta hãm bè, còn tôi thì dần lên, có lẽ khoảng cách giữa hai chúng tôi sẽ thu hẹp lại chăng?

Tôi đã chọn đúng bạn đường cho chuyến vượt ngục này, anh đã trăm phần trăm xứng đáng.

Tôi thôi không chèo bằng tay nữa. Tôi thấy mỏi. Tôi cần phải giữ sức. Tôi lại ăn và cố lật bè lại. Bọc thức ăn ở phía dưới, chai nước ngọt cũng vậy. Tôi đói và khát. Mũi tôi đã nét nẻ và bóng rộp lên: Cách tốt nhất để lật các bao tải là đeo lấy nó, đối diện với sóng rồi lấy chân đạp lúc nó lên đến đỉnh sóng.

Sau năm lần làm thử, tôi đã lật được bè lại. Tôi mệt lả vì đã cố gắng quá sức, và khó khăn lắm tôi mới leo nổi lên bè.

Mặt trời đã xuống sát chân trời, chẳng bao lâu nó sẽ lặn. Vậy là gần sáu giờ rồi. Cầu cho đêm đừng bị xáo động quá, vì tôi hiểu rằng ngâm mình lâu dưới nước sẽ làm tôi mất sức. Sau khi ăn hai tảng củi dừa, tôi tu một ngụm to nước đựng trong quả bầu của Santori. Thỏa thuê rồi, tôi hong tay trước gió cho tay khô, rồi lấy thuốc lá ra hút, rất khoan khoái. Trước khi trời sập tối, Sylvain vẫy khăn tay, tôi cũng vẫy lại, để chúc nhau ngủ ngon. Anh ta vẫn ở xa tôi như cũ. Tôi ngồi trên bè, hai chân duỗi dài. Tôi vừa vắt áo va rơi len của tôi cho kiệt nước, và mặc áo vào. Áo dù ướt cũng giữ được ấm, mà mặt trời vừa lặn là tôi cảm thấy lạnh ngay tức khắc. Gió đã trở mạnh. Chỉ còn những đám mây ở phía Tây còn được ánh sáng hồng ở chân trời chiếu sáng. Còn thì mọi vật đều chìm trong bóng tối đang mỗi lúc một xảm đen hơn. Ở phía đông, nơi gió thổi về, trời không có mây. Vậy là lúc này không sợ trời đổ mưa.

Tôi chẳng nghĩ đến gì ngoài việc ngồi cho chắc, đừng để bị dẫm nước một cách vô ích, và tôi tự hỏi, không biết khi đã mệt, nên buộc mình vào các bao tải hay là làm như vậy dễ nguy hiểm, do kinh nghiệm vừa qua của tôi. Rồi tôi nhận thấy tôi lúng túng là do sợi xích ngắn quá, một đầu để thừa vô ích, nó quấn vào dây thừng và dây thép của bao tải. Thu hồi đoạn đó cũng dễ. Tôi sẽ cử động thoải mái hơn. Tôi sửa lại sợi xích, và lại cuốn nó vào thắt lưng. Như vậy tôi thấy yên tâm hơn vì tôi rất sợ ngủ quên và để mất các bao tải.

Đúng, gió đã nổi lên cùng với sóng. Trò trượt lên trượt xuống với sóng biển tiếp diễn, mỗi lúc khoảng cách giữa điểm cao nhất và điểm thấp nhất lại một tăng lên.

Đêm đã xuống hẳn. Bầu trời chỉ chít hàng triệu ngôi sao, và chòm sao Chữ thập phương Nam sáng hơn tất cả các sao khác.

Tôi không trông thấy anh bạn của tôi. Đêm đầu tiên này rất quan trọng vì nếu vận may xui khiến cho gió thổi mạnh và đều suốt đêm, đến sáng mai, tôi đã đi được một đoạn đường khá dài. Càng về khuya, gió thổi càng mạnh. Trăng từ dưới biển từ từ mọc lên, một màu đỏ nâu, và khi lên cao rồi, nó lộ hẳn ra, to tướng, tròn vành vạnh, và tôi thấy rất rõ những đốm đen làm cho nó

giống mặt người. Vậy là đã hơn mười giờ đêm. Trời mỗi lúc một sáng hơn. Trăng càng lên cao, ánh trăng càng sáng tỏ.

Đỉnh sóng nhuộm một màu bàng bạc và ánh phản xạ kỳ lạ của nó làm tôi chói mắt. Không thể không nhìn ánh phản chiếu bàng bạc này được nhưng quả thật nó làm cho mắt ta đã bị nắng và nước mặn kích thích lại càng khó chịu và nhức nhối thêm.

Dù tôi tự cho như vậy là quá nhiều, tôi vẫn không cưỡng lại được và tôi đã hút liền ba điếu thuốc.

Không có gì bất bình thường đối với chiếc bè trên biển sâu, nó cứ lên xuống đều đều không có vấn đề gì phải lo lắng. Tôi không thể duỗi mãi chân trên các bao tải vì tư thế ngồi đã mau chóng làm chân tôi bị chuột rút rất đau.

Dĩ nhiên, tôi luôn luôn bị ướt từ hông trở xuống. Ngực tôi gần như khô ráo, gió đã làm khô áo va rơi của tôi và sau đó không có đợt sóng nào làm tôi bị ướt quá khoảng thắt lưng. Mắt tôi mỗi lúc một nhức hơn. Tôi nhắm mắt lại. Thỉnh thoảng tôi lại thiếp đi “Không được ngủ”. Nói thì dễ, nhưng tôi không sao chống lại cơn buồn ngủ được. Mẹ kiếp? Tôi phải chống lại cái trạng thái đờ đẫn này. Và cứ mỗi lần trở lại với thực tại, tôi lại thấy đau nhói trong óc. Tôi lấy máy lửa ra. Thỉnh thoảng tôi lại để ngọn lửa sát cánh tay phải hay sát cổ cho bỏng da.

Một nỗi lo âu khủng khiếp tràn vào lòng tôi, tôi lấy hết nghị lực xua đuổi nó đi. Tôi sẽ ngủ thiếp đi chẳng? Nhỡ ngã xuống nước, cái lạnh có làm tôi tỉnh dậy không? Tôi buộc người vào sợi xích là đúng. Tôi không thể để mất hai bao tải này, chúng là cuộc sống của tôi. Nếu bị lặn xuống nước mà tôi không tỉnh dậy thì quả là tai hại.

Vài phút qua, tôi lại bị ướt đầm cả người. Một cơn sóng quái ác, chắc hẳn không chịu đi theo con đường đều đặn của các lớp sóng khác, đã dội vào tôi từ bên phải.

Con sóng đó không phải chỉ dội cho tôi ướt mà còn làm cho tôi quay ngang ra thành thử hai lớp sóng khác đi đúng hướng lại dội một mẻ nữa ướt từ đầu đến chân.

Đêm thứ hai đã khuya lắm rồi. Không biết mấy giờ? Theo vị trí mặt trăng bắt đầu ngả về tây, chắc phải hai ba giờ sáng. Chúng tôi ngâm mình trong nước đã năm lần thủy triều lên xuống, cả thấy ba mươi giờ đồng hồ. Bị ướt thấu xương cũng có lợi cho tôi: cái lạnh làm tôi tỉnh hẳn. Tôi run bần bật, nhưng tôi lại mở được mắt mà không phải cố gắng lắm. Chân tôi bị tê cứng, và tôi quyết định thu chân vào sát dưới mông. Tôi dùng hai tay kéo từng chân một, cuối cùng tôi cũng ngồi lên được chân mình. Các ngón chân của tôi đã bị lạnh cứng, chúng có nóng lên được dưới thân tôi không?. Tôi ngồi xếp bằng tròn, giữ tư thế ấy thật lâu.

Thay đổi cách ngồi cũng làm tôi dễ chịu. Tôi cố tìm Sylvain vì trăng chiếu mặt biển rất rõ. Chỉ có điều nó đã xuống thấp, lại chiếu thẳng vào mặt làm tôi khó nhận ra mọi vật. Tôi chẳng trông thấy gì. Sylvain không có gì để buộc người vào các bao tải, không biết anh còn ở trên đó không?

Tôi dõi tìm anh một cách tuyệt vọng. Vô ích. Gió thổi mạnh, nhưng thổi đều đều, không giật từng cơn, và điều ấy rất quan trọng. Tôi quen với nhịp độ của gió và cả người tôi hòa vào làm một với các bao tải của tôi. Cứ rời mắt nhìn quanh mãi, dần dần tôi chỉ còn một ý nghĩ cố định trong đầu: trông thấy được bạn tôi. Tôi hong ngón tay cho gió thổi khô rồi tôi cho vào mồm thổi hết sức mạnh. Tôi lắng nghe. Không có tiếng đáp lại Sylvain có biết huýt sáo bằng ngón tay không? Tôi cũng không rõ nữa. Đáng lẽ tôi phải hỏi anh ta điều đó trước khi đi, cũng có thể làm hai cái còi tu huýt một cách dễ dàng! Tôi tự trách mình đã không nghĩ đến điều đó. Rồi tôi để hai tay trước mồm làm loa cát tiếng hú rõ to: “Hú-ù! Hú-ù!”. Chỉ có tiếng gió và tiếng sóng đáp lại

Không chờ thêm nữa, tôi đứng thẳng lên các bao tải, tay trái đỡ sợi xích, tôi giữ thăng bằng trong khi năm con sóng đưa tôi lên tận đỉnh cao. Khi lên đến tột đỉnh, tôi đứng thẳng, còn khi sóng đang hạ hay đang lên thì tôi ngồi xồm. Bên phải, bên trái, phía trước đều chẳng thấy gì. Sylvain có ở phía sau không? Tôi không dám đứng lên nhìn về phía sau. Tôi chỉ nhận ra một điều không nghi ngờ gì được là ở phía trái tôi có một đường dài đen sẫm dưới ánh sáng trắng. Chắc chắn đây là rừng.

Ban ngày hẵn là tôi sẽ trông thấy cây cối, điều đó sẽ làm tôi thấy dễ chịu. “Papi, ban ngày, mi sẽ trông thấy rừng. Lạy Chúa hãy làm cho tôi trông thấy cả bạn tôi nữa”.

Sau khi xoa bóp các ngón chân, tôi duỗi dài hai cẳng chân ra. Rồi tôi quyết định hong tay cho khô và hút thuốc. Tôi đã hút hai điếu. Không biết lúc này là mấy giờ? Trăng đã xuống thấp. Tôi không nhớ được đêm qua, nó lặn được bao lâu thì mặt trời mọc. Tôi nhắm mắt cố nhớ lại những hình ảnh của đêm đầu tiên. Nhưng vô ích. À, tôi đã nhớ ra rồi, Tôi chợt thấy rõ mặt trời mọc ở phía đông và cùng lúc đó, còn thấy được một mảnh trăng trên đường chân trời về phía tây. Như vậy là chắc độ năm giờ. Chùm sao chữ Thập phương Nam đã lặn từ lâu, Đại hùng tinh và Tiểu hùng tinh cũng vậy. Chỉ còn sao Bắc cực sáng hơn các vì sao khác. Từ lúc chùm sao Chữ Thập lặn, sao Bắc cực là chúa tể ở trên trời.

Gió như bốc lên. Có thể nói nó thổi mạnh hơn lúc ban đêm. Vì sóng cũng mạnh và sâu hơn, và trên các ngọn sóng, những đám bọt trắng nhiều hơn lúc đầu hôm. Tôi ở trên biển đã được ba mươi giờ. Cho đến bây giờ, phải thừa nhận là mọi việc tốt nhiều hơn xấu, và ngày hôm nay mới là ngày gay go nhất.

Hôm qua, tôi đã bị phơi nắng chang chang ở ngoài trời từ sáu giờ sáng đến sáu giờ chiều, và da bị nướng đi nướng lại nhiều lần. Hôm nay, mặt trời lại rơi vào tôi nữa, thật không phải chuyện đùa. Môi tôi đã nứt nẻ, thế mà giờ này vẫn còn là đêm, trời vẫn còn mát. Hai môi tôi nhức nhối không kém gì hai con mắt tôi. Cả cánh tay và bàn tay cũng thế. Nếu có thể, tôi sẽ không để hở tay cho nắng chiếu vào nữa. Một chỗ khác cũng làm tôi đau nhức là giữa hai bên bẹn và hậu môn. Ở đây không phải do ánh nắng trời mà do da ngâm nước biển, lại bị cọ xát với các bao tải.

Nhưng dù bị bỏng, anh bạn ơi, anh cũng là đang vượt ngục, và ở chỗ này còn hơn là chịu đựng đủ điều tệ hại ở trại khổ sai. Viễn cảnh tới được đất liền mà vẫn sống có đến chín mươi phần trăm, và thế là đã hay lắm rồi, chứ còn gì nữa? Dù cho tôi tới nơi, da có bị lột hết và nửa thân người có trơ cả thịt, cũng không phải là trả giá quá đắt cho một chuyến đi như thế này, với một kết quả

như thế này. Anh bạn thấy không, chẳng thấy bóng một con cá mập nào: chúng đi nghỉ phép ở đâu cả rồi không biết? Anh bạn đúng là gặp vận đỏ, không thể chối cãi được. Lần này rồi anh sẽ thấy là lần thành công thật sự. Trong tất cả các chuyến vượt ngục được tính giờ quá chính xác, được chuẩn bị quá kỹ càng, thì rốt cục, chuyến vượt ngục thành công lại là chuyến đi ngớ ngẩn nhất. Chỉ có hai bao tải đựng trái dừa, rồi phó mặc cho sóng và gió muốn đẩy đi đâu thì đẩy. Nó lại đẩy vào Đất Liền mới hay chứ. Chẳng cần phải tốt nghiệp ở trường võ bị Saint-Cyr ra mới biết được rằng tất cả các vật trôi giạt trên biển đều bị đẩy vào bờ. Nếu siết ngày hôm nay gió và sóng cứ mạnh đều như đêm qua, chắc chắn chiều nay chúng tôi sẽ đến đất liền.

Con quái vật vùng nhiệt đới đa hiện lên sau lưng tôi. Hôm nay, nó có vẻ kiên quyết muốn thiêu cháy tất cả, vì trông nó rùng rợn những lửa. Nó đuổi ánh trắng đi trong nháy mắt. Chưa ra khỏi chỗ nằm, nó đã chễm chệ chiếm ngôi bá chủ, làm vua cả vùng nhiệt đới mà không ai dám ho he. Mới thoáng một chút, gió đã gần như ám hẳn lại. Chỉ một giờ nữa là sẽ nóng. Một cảm giác khoan khoái đầu tiên xâm chiếm lấy tôi. Những ánh nắng sớm vừa chạm vào da thịt tôi là tôi thấy dễ chịu hẳn, từ đầu đến thất lưng. Tôi bỏ chiếc khăn mặt che đầu, để ánh mặt trời chiếu vào má tôi như sưởi lửa. Con quái vật đó, trước khi nung tôi lên, muốn tôi phải cảm thấy nó là sự sống trước khi là cái chết.

Máu tôi chảy đều trong các huyết mạch, và ngay cả hai bộ bắp đùi ướt nhề nhại của tôi cũng cảm biết được dòng máu đầy sinh khí bên trong.

Tôi thấy rất rõ cánh rừng rậm, dĩ nhiên là chỉ thấy được các ngọn cây. Tôi có cảm giác nó không còn xa. Tôi chờ cho mặt trời lên cao hơn chút nữa để đứng trên các bao tải xem có thấy Sylvain đâu không.

Chưa đến một giờ sau, mặt trời đã lên cao. Trời ơi đúng là nó rồi. Tôi không mở mắt được mắt trái. Tôi lấy tay vốc nước xoa vào mắt. Cay quá. Tôi cởi áo va-rơ ra. Tôi sẽ ở trần chốc lát trước khi ánh nắng chiếu gay gắt quá.

Một lớp sóng cao hơn hẳn các lớp khác từ dưới sâu nâng bổng tôi lên. Sóng nhồi một nửa giây trước khi hạ xuống thấp, và tôi thoáng thấy anh bạn tôi. Anh ngồi trên bè của anh, mình trần. Anh không trông thấy tôi. Anh ở hơi chếch về phía trước, bên trái tôi, cách tôi chưa tới hai trăm mét. Gió vẫn thổi mạnh, cho nên tôi quyết định tiến lại gần anh, vì anh ở phía trước tôi cùng trên một đường thẳng, tôi xỏ tay vào áo va-rơ và giơ lên cao, mồm tôi cắn vạt áo phía dưới. Cái thứ buồm này chắc đẩy tôi đi nhanh hơn anh. Tôi căng buồm như vậy độ nửa giờ. Nhưng chiếc áo va-rơ làm tôi nhức rã, và sức lực bỏ ra để chống lại với gió làm tôi chóng mặt. Thế mà khi bỏ “buồm” xuống tôi vẫn còn cảm giác đã đi được nhanh hơn là để cho sóng đẩy.

Hoan hô! tôi vừa thấy được “anh bạn lớn” của tôi. Cách tôi chưa đầy một trăm mét. Nhưng anh ta làm gì thế kia? Anh không có vẻ quan tâm xem tôi đang ở đâu. Khi một đợt sóng đưa bổng tôi lên khá cao, tôi trông thấy anh một, hai, ba lần. Tôi để ý thấy rõ ràng anh đưa tay phải lên mắt, đúng là anh đang quan sát mặt biển. Nhìn về phía sau đi, đồ ngốc! Chắc anh có nhìn, đúng là thế, nhưng anh không thấy gì cả.

Tôi đứng lên và huýt sáo. Khi sóng nhồi tôi lên cao, tôi thấy Sylvain ở trước tôi. Anh giơ áo va-rơ lên trời. Chúng tôi chào nhau đến hai mươi lần trước khi ngồi xuống. Cứ mỗi lần sóng nhồi lên là chúng tôi lại chào nhau, được cái may là anh ta cũng được sóng đưa lên cùng một lúc với tôi. Hai đợt sóng sau cùng, anh ta chỉ tay về phía cánh rừng già, mà bây giờ chúng tôi đã trông rõ các chi tiết. Rừng chỉ còn cách chúng tôi chưa đến mười ki-lô-mét. Tôi vừa mất thăng bằng ngã ngồi xuống mảng. Được trông thấy bạn và rừng gần như vậy, một niềm vui lớn lao tràn ngập lòng tôi. Tôi cảm động khóc òa lên như một đứa con nít. Nước mắt đã rửa sạch đôi mắt đầy ghèn của tôi, và qua những giọt nước mắt ấy, tôi thấy hàng ngàn những tinh thể đủ màu, tôi nghĩ vớ vẩn trông chúng giống như những tấm kính màu ở các cửa sổ nhà thờ. Hôm nay, Chúa lại đến với mi rồi, Papi ơi. Trước những hiện tượng quái gở của thiên nhiên, trước gió, biển rộng mênh mông, sông sâu thăm thẳm, rừng xanh oai nghiêm, con người cảm thấy mình vô cùng

nhỏ bé so với mọi vật xung quanh, và có lẽ không cần tìm ở đâu, người ta cũng gặp và sờ tay được tới Thượng đế. Cũng như đêm đêm tôi đã từng sờ mó thấy được Thượng đế ở trong số hàng ngàn giờ tại các phòng giam khủng khiếp mà tôi đã bị nhốt vào, không có lấy một tia sáng, giờ đây tôi cũng nhìn thấy Thượng đế trong ánh nắng thiêu đốt những gì không đủ mạnh để chống lại nó, tôi đã sờ được vào Thượng đế, tôi cảm biết được Thượng đế ở quanh tôi, ở trong tôi. Chúa còn thủ thỉ nói bên tai tôi: “Con đang đau khổ và con sẽ còn phải đau khổ nữa, nhưng giờ đây ta quyết định sẽ đến cùng con. Con sẽ được tự do và sẽ là người thắng cuộc, ta hứa với con như vậy”. Không được dạy dỗ gì về tôn giáo, không biết chút gì về giáo lý Cơ đốc, dốt nát đến nỗi không biết cha đức Chúa Jesus là ai, mẹ Chúa có đúng là đức thánh bà đồng trinh Maria không, cha của ngài là thợ mộc hay người chăn lạc đà, dù dốt hoặc cán mai như vậy nhưng nếu thật sự tìm đến Chúa, thì người ta vẫn có thể nhận ra Người trong gió, trong biển, trong ánh mặt trời, trong chôn rừng sâu, trong các vì sao trong những con cá mà người đã tạo ra hàng hà sa số để nuôi sống con người.

Mặt trời đã nhanh chóng lên cao, gần mười giờ sáng. Người tôi từ thất lưng trở lên đến đầu đã khô ráo, tôi thấm nước vào khăn mặt và cuốn lên đầu. Tôi lấy áo va-rơ để che thêm vì da ở vai, lưng và cánh tay bị bắt nắng làm tôi thấy rất bỏng. Cả đùi tôi, tuy vẫn ngâm dưới nước, cũng đỏ ối lên như con tôm luộc. Vì đã gần đất liền, sức hút mạnh hơn gấp bội, nên sóng xô thẳng đứng vào bờ. Tôi nhận rõ các chi tiết của cánh rừng và tôi cảm thấy rằng chỉ trong buổi sáng nay, chỉ độ năm sáu giờ nữa chúng tôi sẽ vào sát bờ. Qua lần vượt ngục đầu tiên, tôi đã biết ước lượng khoảng cách. Khi nhìn rõ từng chi tiết được vật gì, thì chỉ còn cách xa vật đó chưa tới năm ki-lô-mét, thế mà ở đây tôi phân biệt được cả các thân cây lớn nhỏ khác nhau. Và trên đỉnh một con sóng cao hơn hết tôi nhận ra rất rõ một thân cây lớn nằm ngang, cành cây sà xuống cả mặt biển.

Kìa, lại có cá heo và chim! Cầu cho cá heo nô rốn đẩy bè của tôi vào bờ. Tôi được nghe kể rằng cá heo có thói quen đẩy những mảnh thuyền vỡ và những người trôi giạt trên biển vào bờ, chúng

còn thúc mõm vào người ta làm cho người ta chết đuối, mặc dầu chúng chỉ có một ý định tốt đẹp là giúp đỡ người bị nạn. Nhưng không, lũ cá đó, có đến ba bốn con lượn đi lượn lại đến người xem đây là cái gì rồi bỏ đi mà không đụng đến mạng của tôi. Thế là hết!

Đúng ngo, mặt trời thẳng đứng trên đầu tôi. Cái thằng cha ấy muốn đun tôi làm món xúp thịt như chắt? Mắt tôi bị mưng mủ, trào nước mắt sồng dên dựa, mũi và môi tôi đã tróc hết da. Các lớp sóng đã ngấn dãn và hung hãn xô vào bờ, tiếng đồ ầm ầm vang lên ỡ dội.

Tôi liên tục trông thấy Sylvain. Sóng không trũng xuống thấp, nên anh ta không lúc nào bị che lấp đi. Thỉnh thoảng anh quay lại và đưa tay lên cao. Anh vẫn ở trần, khăn mặt cuốn trên đầu.

Không phải những đợt sóng mà là những cuộn sóng đẩy chúng tôi vào bờ. Có một doi đất bị sóng xô vào ầm ầm nghe phát sợ, nhưng sau khi vượt qua doi đất tràn trề bọt sóng, chúng lao về phía cánh rừng.

Chúng tôi chỉ cách bờ chừng một ki-lô-mét nữa và tôi sẽ thấy rõ những con chim sắc trắng và hồng, có những cái mào trông rất quý phái, vừa đi vừa mổ xuống bùn. Có đến hàng ngàn con. Không con nào bay cao quá được hai mét. Chúng bay từng chặng ngắn là để khỏi bị bọt nước bắn phải. Nước biển đầy bọt, một màu vàng như bùn, nhớp nhúa. Chúng tôi đã vào gần bờ, và tôi nhận thấy rõ cả những đường vạch bản do nước để lại trên các thân cây khi thủy triều lên tới mức cao nhất.

Tiếng sóng không át nổi tiếng hàng ngàn con chim cao cẳng đủ màu sắc này kêu the the. Păng? Păng, còn cách bờ hai ba mét nữa thôi. Plou! Thế là đã đến nơi rồi, tôi đã ở trên bùn, người khô ráo. Nước không đủ sâu để tôi có thể đứng được. Căn cứ vào vị trí mặt trời, bây giờ là hai giờ chiều. Tôi đã lênh đênh trên biển được bốn mươi giờ. Bắt đầu từ ngày hôm kia, vào lúc mười giờ đêm, sau khi nước rút được hai giờ. Vậy, đây là con nước thủy triều thứ bảy, và tôi đến vào lúc khô ráo là phải, lúc này nước đang xuống. Nước bắt đầu lên vào lúc ba giờ. Đêm nay tôi sẽ vào tới rừng. Phải giữ

sợ xích để không bị văng ra khỏi các bao tải, vì nguy hiểm nhất là lúc sóng trào qua người tôi nhưng lại không cuốn tôi đi theo vì tôi đã nằm sát bùn. Ít ra phải ba giờ nước dâng tôi mới nổi lên được.

Sylvain ở bên phải tôi, về phía trước chừng hơn một trăm mét. Anh trông về phía tôi và ra hiệu cho tôi. Tôi có cảm giác anh muốn nói lên điều gì nhưng cổ họng anh hình như không phát ra được tiếng nào, vì nếu có thì tôi đã nghe thấy rồi. Sóng cũng không cuộn vào nữa vì chúng tôi ở trên bãi bùn, chỉ có tiếng chim kêu đến tai chúng tôi. Chỗ tôi ở cách rừng chừng năm trăm mét mà Sylvain lại ở phía trước tôi chừng một trăm hay một trăm năm mươi mét. Nhưng cái thằng đại ngốc, nó đang làm gì thế kia? Nó đã đứng lên và rời khỏi cái mảng của nó. Nó điên hay sao vậy? Không thể đi trên bùn được, vì đi mỗi bước sẽ lại bị lún sâu hơn một chút, có thể không trở về mảng được. Tôi muốn huýt lên nhưng không huýt được. Bình đựng nước của tôi còn một ít nước, tôi đã uống hết rồi. Tôi cố kêu to để ngăn Sylvain lại, nhưng không thốt lên được một tiếng nào. Bọt khí từ dưới bùn sủi lên, đấy chỉ là một lớp mỏng, dưới nữa là bùn loãng và kẻ nào bị sa lầy xuống đây chắc chắn là không thể nào ngoi lên được nữa.

Sylvain quay về phía tôi, nhìn tôi và ra hiệu gì tôi không hiểu. Tôi cũng quơ tay làm hiệu, tôi muốn nói với anh ta “Đừng ra khỏi bè, cậu không thể tới được rừng đâu. Vì anh ta đứng phía bên kia cái bao tải đựng trái dừa nên tôi không biết anh đứng cách nó xa hay gần. Thoạt tiên, tôi nghĩ anh đứng rất gần bè, và nếu có bị sa lầy, anh cũng bám được vào đấy. Rồi tôi chợt nhận thấy cái khoảng cách ấy hơi xa, và Sylvain đang lún xuống bùn, không rút chân lên được để trở về bè. Tôi nghe được một tiếng kêu, tôi vội nằm sấp xuống bao tải của tôi và xúc tay xuống bùn, lấy hết sức trườn lên phía trước. Các bao tải trượt đi dưới thân tôi, và tôi trườn lên được hơn hai mươi mét. Lúc bấy giờ tôi đứng dậy, nhìn hơi xiên về phía trái, không bị các bao tải của Sylvain che khuất, tôi thấy bạn tôi đã bị lún xuống bùn đến ngang bụng. Anh ta ở cách bè của anh tới hơn mười mét. Do khiếp sợ, tôi mới kêu lên được: “Sylvain, Sylvain, đừng nhúc nhích nữa, nằm dài xuống bùn đi, cố rút chân lên”. Gió đưa tiếng nói của tôi đi, và anh đã nghe

được. Anh gạt đầu ra hiệu là đã hiểu ý tôi. Tôi lại nằm sấp và cào vào bùn để cái bao tải của tôi trườn lên trước. Con giận dữ điên cuồng làm tôi có một sức mạnh phi thường, và tôi đã mau chóng tiến đến gần anh được ba mươi mét nữa. Chắc phải mất hơn một giờ, nhưng tôi đã đến rất gần Sylvain, có lẽ chỉ còn năm sáu trăm mét nữa. Tôi không nhìn rõ anh. Bàn tay, cánh tay và mặt tôi lấm lem đầy bùn, tôi ngồi lên cổ chui con mắt trái bị chất bùn lẫn muối mặn lọt vào, làm tôi không trông thấy gì cả, trong khi con mắt phải cũng bắt đầu là nước mắt làm tôi càng khó chịu thêm. Sau cùng tôi cũng nhìn thấy anh, anh đứng thẳng, chỉ có thân trên nhô ra khỏi bùn. Cuộn sóng đầu tiên vừa ào qua, nó tràn qua người tôi mà không nhắc tôi lên, và còn lao đi một quãng nữa, bọt sóng lấp cả lớp bùn. Nó tràn tới chỗ Sylvain. Thân người anh vẫn nhô trên bãi bùn. Tôi nghĩ thật nhanh: “Các cuộn sóng càng tới nhiều, bùn càng loãng. Mình phải tới chỗ cậu ta bằng bất kỳ giá nào!”. Một nghị lực như của loài dã thú sắp bị mất đàn con tràn vào tôi, và giống như một người mẹ đang cố giằng giật đứa con ra khỏi một tai họa sắp giáng lên đầu nó, tôi lấy hết sức bình sinh vực hai tay vào bùn để trườn tới chỗ Sylvain. Anh nhìn tôi không nói một lời, không cử động, mắt anh mở to trông vào tôi, trong khi tôi cũng nhìn anh chăm chăm. Tôi nhìn anh không chớp mắt, và tôi cũng chẳng quan tâm để ý xem tôi vực tay vào chỗ nào. Tôi lết đi được một chút nữa nhưng do hai đợt sóng vừa tràn qua người tôi, bùn lại loãng hơn và tôi tiến lên chậm hơn so với giờ trước nhiều. Một đợt sóng lớn lại ào qua làm tôi sặc nước và gần như bị nhắc bổng lên. Tôi ngồi dậy để trông cho rõ. Bùn đã lên đến nách Sylvain, tôi còn cách chỗ anh độ bốn mươi mét. Anh nhìn tôi hết sức chăm chú. Tôi thấy là anh biết mình đã bị sa lầy ở đây và sắp chết một cách thảm hại, cách nơi đất hứa ba trăm mét.

Tôi lại nằm xuống, cố bám vào lớp bùn bây giờ đã gần loãng như nước. Mắt tôi và mắt anh như xoáy sâu vào nhau. Anh ra hiệu bảo tôi thôi, đừng ráng nữa. Tôi vẫn cố, và tôi chỉ còn cách anh chưa tới ba mươi mét thì một con sóng lớn tràn qua người tôi làm tôi suýt bị tách ra khỏi các bao tải, và nhắc bổng cái bao tải lên đẩy nó về phía trước được năm sáu mét. Khi con sóng đã qua đi tôi

lại nhìn: Sylvain đã biến hẳn. Lớp bùn phủ dưới một vầng nước mỏng nổi bọt đã phẳng lì. Không thấy cả bàn tay của anh bạn tội nghiệp của tôi đưa lên chào vĩnh biệt tôi. Phản ứng của tôi lúc bấy giờ là cái phản ứng khủng khiếp, ghê tởm của một con thú, bản năng tự bảo tồn đã át tất cả các tình cảm khác. Mi vẫn sống. Chỉ còn một mình mi, và khi đến được rừng, không có bạn, không dễ dàng hoàn thành chuyến vượt ngục đâu. Một đợt sóng bổ vào lưng tôi vì lúc này tôi đã ngồi dậy - nhắc nhở tôi trở về với thực tại. Nó đẩy tôi sấp mặt xuống mạnh đến nỗi tôi nghệt thở mất vài phút.

Cái mảng trượt lên phía trước thêm vài mét, và bây giờ, nhìn lớp sóng tàn dần dưới gốc cây, tôi mới khóc Sylvain. “Giá cậu đừng động dậy có phải đã đến nơi rồi không, chỉ còn cách đám cây chưa đến ba trăm mét? Tại sao vậy! Hãy nói cho tôi biết tại sao cậu lại làm cái việc ngu ngốc ấy? Tại sao cậu lại tưởng lớp bùn khô đủ chắc để cậu có thể đi bộ đến tận bờ? Tại ánh nắng chẳng? Tại cậu chói mắt? Tôi làm sao biết được? Cậu không thể chống lại được cảnh địa ngục ấy sao? Hãy nói lên cho tôi biết tại sao một con người như cậu lại không thể chịu khó dạn nắng thêm vài giờ nữa?”.

Những đợt sóng nối tiếp nhau liên tục, âm âm như tiếng sấm. Chúng ào tới, lớp sau tiếp lớn trước mỗi lúc một mau hơn, lớn hơn. Mỗi lần chúng xô đến, là tôi lại bị nước tràn qua người và mỗi lần như thế, tôi lại trôi thêm được vài mét, người vẫn áp sát vào bùn. Khoảng năm giờ chiều, bỗng nhiên những lớp sóng lẫn lẫn ấy biến thành sóng lớn, tôi bị nhấc bổng lên và nổi lênh bênh. Những lớp sóng ngầm hầu như không réo lên thành tiếng. Tiếng sấm của những đợt sóng đã ngừng. Bao tải của Sylvain đã được nước biển đẩy đến tận khu rừng.

Tôi đến nơi khá nhẹ nhàng, cách xa khu rừng nguyên thủy chưa đến hai mươi mét. Khi sóng rút ra tôi lại mắc cạn trên bùn, tôi quyết định không rời khỏi bao tải của tôi chừng nào tôi chưa nắm được một cành cây hay một sợi dây leo trong tay. Còn gần hai mươi mét nữa thôi. Phải gần một giờ, mới có được đợt sóng đủ mạnh để nhấc tôi lên và đẩy tôi vào rừng. Con sóng âm âm đến

thẳng dưới gốc cây. Tôi vặn ốc bù loong sợi xích ra khỏi người. Tôi không vắt nó đi, tôi còn cần đến nó.

Trong rừng

Trước khi mặt trời lặn, tôi vội vã tiến sâu vào rừng, vừa bơi, vừa đi vì ở đây vẫn còn lớp bùn cứ muốn hút lấy người ta. Nước vào rất sâu trong rừng, và đêm đã xuống, mà người tôi vẫn chưa khô. Một mùi thối úng sộc vào mũi tôi và thán khí bốc lên làm tôi bị cay mắt. Chân tôi ngập đầy cỏ và lá cây. Tôi vẫn đẩy cái bao tải của tôi. Mỗi lần tiến một bước, tôi lại lấy bàn chân dò khoảng đất ở dưới nước, chỉ khi nào không thấy đất lún, tôi mới bước lên.

Tôi qua đêm đầu tiên trên một cây to. Rất nhiều con thú đi phía dưới tôi. Cả người tôi nóng hừng hực và như bị chín khắp nơi. Sau khi kéo bao tải lên thân cây và buộc chắc hai đầu vào cây, tôi lấy áo va-rơi ra mặc. Trong bao tải là nguồn sống, vì chỉ bỏ dừa là tôi có cái ăn để lấy sức chịu đựng. Tôi buộc con dao phát vào cổ tay phải của tôi. Tôi nằm dài trên cây, người mệt lả, giữa hai cành cây tạo thành cái hốc, và tôi ngủ thiếp đi không kịp nghĩ đến bất cứ việc gì. Không, có lẽ tôi còn lảm bảm hai ba lần: “Tội nghiệp cho Sylvain” trước khi ngủ như chết.

Tiếng chim đã đánh thức tôi dậy. Nắng chiếu xiên ngang rất sâu vào rừng: Vậy thì bây giờ phải là bảy tám giờ sáng. Xung quanh tôi toàn là nước; vậy là nước thủy triều đang lên. Có thể là đợt nước lên lần thứ mười đang chấm dứt.

Tôi rời đảo Quỷ đã được sáu mươi giờ. Tôi không nhận ra chỗ tôi có ở xa biển không. Dù sao tôi cũng phải chờ cho nước rút để ra bờ biển hong cho khô người và tắm nắng. Tôi không còn nước ngọt. Tôi ăn nốt ba miếng củi dừa còn lại rất ngon lành, tôi lấy dừa xoa lên các chỗ đau. Củi dừa có chất dầu, làm dịu các vết bỏng của tôi. Rồi tôi hút hai điếu thuốc. Tôi lại nghĩ đến Sylvain lần này còn xót xa hơn. Trước hết, đáng lẽ tôi không nên rủ bạn cùng vượt ngục thì hơn? Vì tôi vẫn có tham vọng tự mình xoay sở lấy. Nếu vậy, sẽ

không có gì thay đổi, chỉ có điều là một nỗi buồn mênh mông làm tim tôi thất lại và tôi nhắm nghiền hai mắt, tưởng chừng làm như thế tôi sẽ không còn trông thấy cảnh bạn tôi sa lầy nữa. Đối với anh, thế là hết.

Tôi đã nhét chắc bao tải vào chạc cây, bắt đầu lấy trái dừa ra. Tôi lột vỏ được hai trái bằng lấy hết sức đập mạnh dừa vào thân cây giữa hai chân tôi. Phải đập ở khoảng đầu trái dừa mới bửa nó ra được. Dùng dao phạt càng tốt. Tôi ăn cả một trái dừa tươi và uống chút nước dừa ngọt lịm. Nước rút rất nhanh, và chỉ lát sau tôi đã có thể dễ dàng đi trên bùn để ra bãi biển.

ánh nắng thật rạng rỡ, và hôm nay biển đẹp không lấy gì so sánh nổi. Tôi nhìn mãi về nơi mà tôi cho là Sylvain đã chìm xuống. Quần áo tôi đã khô, người tôi sau khi được kỳ cọ ở một hồ nước mặn cũng đã khô. Hút xong một điều thuốc, tôi nhìn lần cuối nơi đã chôn vùi bạn tôi, rồi đi vào rừng, bước không khó khăn lắm. Bao tải trên vai, tôi từ từ đi sâu vào lùm cây. Sau hai giờ, tôi thấy một khoảng đất mà nước không bao giờ tới. Dưới gốc cây, không có một vết tích gì chứng tỏ nước thủy triều tràn vào tận đây. Tôi sẽ cắm lại đây để nghỉ hẳn hai mươi bốn giờ. Tôi bỏ dần các trái dừa, nạo cùi và cho tất cả vào xác dừa khi muốn là ăn được ngay. Tôi có thể châm lửa, nhưng tôi nghĩ làm như vậy là không thận trọng.

Phần còn lại của ngày và đêm hôm đó đã trôi qua vô sự. Tiếng chim ồn ào đã đánh thức tôi dậy. Tôi nạo nốt cùi dừa rồi đi về hướng đông, vai mang xác.

Khoảng ba giờ chiều, tôi thấy một con đường mòn. Đây là một con đường nhỏ của những người đi kiếm balata (một thứ nhựa cây thiên nhiên) hoặc đi khai thác gỗ, hoặc đi tiếp tế cho những người đi tìm vàng. Con đường hẹp nhưng quang đãng, không có những cành cây chắn ngang, nghĩa là thường có người đi lại. Thỉnh thoảng lại có vết chân lừa hay la không đóng móng. Những chỗ bùn đã khô, tôi để ý thấy có vết chân người, ngón cái hằn rất rõ nét trong đất sét. Tôi đi cho đến khi trời tối, miệng nhai cùi dừa vừa để nuôi dưỡng cơ thể vừa để khỏi khát. Thỉnh thoảng tôi nhai thật kỹ chất bã có dầu lẫn nước miếng và lấy chất bã đó xoa lên

mũi, môi và má. Mắt tôi đầy mủ, hai mí cứ dán vào nhau. Mỗi lần có dịp là tôi rửa bằng nước ngọt. Trong bao tải của tôi, cùng các trái dừa, còn có cả một cái hộp kín nước không thấm được, ở trong có một miếng xà phòng Marseille, một con dao cạo hiệu Gillette mười hai lưỡi dao lam và một cái chổi cạo râu, tôi đã thu hồi được cái hộp đó nguyên vẹn.

Tôi bước đi, tay cầm con dao phạt nhưng không ó chướng ngại. Tôi để ý thấy ven đường có những cành cây mang những vết chặt còn mới. Trên con đường mòn này, có người đi lại, tôi phải thận trọng hơn. Rừng ở đây không giống như rừng mà tôi được biết trong chuyến vượt ngục đầu tiên ở Saint-Laurent-du- Maroni. Rừng này có hai tầng cây và không rậm rạp như ở Maroni. Tầng cây thứ nhất cao độ năm, sáu mét, và cao hơn nữa là tầng trên cùng, cao đến hai mươi mét. Chỉ phía bên phải con đường mòn là còn sáng. Bên trái tôi âm u như thể ban đêm.

Tôi đi nhanh, thỉnh thoảng lại qua một khoảng trống do người làm cháy rừng hoặc sét đánh gây ra. Tôi nhận thấy có những tia nắng. Độ nghiêng của ánh nắng chứng tỏ là mặt trời sắp lặn. Tôi quay lưng lại phía mặt trời và đi về hướng đông, nghĩa là phía làng của người da đen ở Kourou hay trại giam tù cũng mang tên ấy.

Đêm đến đột ngột. Tôi không thể đi đêm được, bèn vào rừng để tìm chỗ ngủ.

Cách lối mòn hơn ba mươi mét. dưới một chùm lá phẳng như là chuối, tôi dùng dao phạt chặt những tàu lá ấy để trải chỗ nằm. Chỗ tôi nằm rất khô ráo. Cũng may mà trời không mưa. Tôi hút hai điếu thuốc.

Chiều nay tôi không mệt lắm. Cùi dừa giữ sức cho tôi và tôi không thấy đói. Tôi chỉ khát đến khô cổ, tôi cố làm cho nước bọt là ra nhưng cũng khó khăn. Giai đoạn hai của chuyến vượt ngục đã bắt đầu, đây là đêm thứ ba tôi ở trên đất liền mà không gặp phải sự kiện gì khó chịu đến với tôi.

Chà! Nếu có Sylvain bên cạnh tôi! Nhưng anh không còn nữa, biết làm sao bây giờ? Trên đời này mi không bao giờ cần có

người khuyên bảo hay nâng đỡ mi cơ mà? Mi là chỉ huy hay là lính trơn? Đừng có nghĩ vớ vẩn Papillon, nếu không phải vì nỗi buồn thường tình vì mất bạn, dù một mình ở trong rừng, mi cũng vẫn mạnh không kém ai. Bọn ở đảo Royale, Saint-Joseph và đảo Quỷ đã xa rồi, mi chia tay với chúng đã được sáu ngày. Bọn ở Kourou chắc đã được báo tin rồi. Trước hết bọn gác Lâm trường, rồi đến bọn da đen ở lán đều biết. Chắc phải có một đồn cảnh binh ở đó. Liệu đi về hướng làng có gì nguy hiểm không? Tôi không biết gì về vùng lân cận làng này. Trại giam nằm dính giữa làng và sông. Tôi chỉ biết có thể và Kourou.

ở Royale, tôi đã tính bắt người đầu tiên tôi gặp phải dẫn tôi đến gần trại Inini, nơi của các phạm nhân người tàu, và là nơi ở của Quých-Quých, anh của Chang. Tại sao tôi lại thay đổi kế hoạch nhỉ? Nếu ở đảo Quỷ, bọn chúng cho là chúng tôi bị chết đuối thì không có chuyện rùm beng. Nếu chúng xác nhận là có cuộc vượt ngục thì ở Kourou lại nguy hiểm. Vì đây là lâm trường nên chắc phải lắm dân A-rập và sẽ có rất nhiều kẻ đi săn người. Papi, cẩn thận kẻo bị chúng tóm được đấy. Không được phạm sai lầm. Đừng đề bị kẹp chĩa đấy. Mi phải trông thấy người ta trước, bất kể người đó là ai, trước khi người ta trông thấy mi. Kết luận là không được phép đi trên đường mòn mà phải đi trong rừng, song song với con đường nọ. Hôm nay, mi đã phạm sai lầm khá lớn là cứ không không đi trên con đường ấy, mà chỉ có một vũ khí duy nhất là con dao phạt. Như thế không phải là vô ý thức mà là điên rồ. Vậy là ngày mai tôi phải đi trong rừng.

Tiếng thú và tiếng chim hót chào mừng ngày mới đã đánh thức tôi dậy rất sớm, tôi bừng tỉnh cùng một lúc với rừng cây. Một ngày mới cũng bắt đầu đối với tôi. Tôi bỏ một nắm cùi dừa vào miệng và nhai thật kỹ. Tôi lấy bã ra để xoa lên mặt, rồi xuất phát. Dưới lùm cây sát bên đường, tôi đi hơi khó, vì tuy dây leo và cành cây không nhiều và rậm lắm, cũng phải gạt sang một bên mới tiến lên được. Dù sao tôi không đi trên đường là phải vì tôi chợt nghe có tiếng huýt sáo. Con đường có một đoạn thẳng dài năm mươi mét. Tôi không trông thấy người huýt sáo. Á! y đến đây rồi. Đó là một người da đen Tombouctou. Y vác một bọc trên vai và tay phải y

cầm một khẩu súng trường. Mình y mặc áo sơ mi ka ki, quần cụt, đùi để trần và chân đi đất. Y cúi đầu xuống đất, lưng trĩu dưới sức nặng của bọc đồ to kèn càng.

Tôi nấp sau một cây to ngay bên cạnh đường, tay cầm con dao, chờ y đến ngang chỗ tôi. Y vừa bước tới cây đó thì tôi lao vào y. Tay phải tôi chộp lấy tay cầm súng của y và tôi vặn tước tay y làm y phải buông súng “Đừng giết tôi! Vì Chúa, xin hãy thương tôi!” Y vẫn đứng thẳng, mũi dao của tôi kề sát cổ y. Tôi cúi xuống nhặt cây súng lên, đây là một khẩu súng cổ lỗ sĩ một nòng, chắc đã tọng thuốc nổ và chì đầy ắp.

Tôi lên cò và lùi lại hai mét, ra lệnh:

- Hạ cái dao xuống, để dưới đất. Mà mày mà chạy là tao bắn chết ngay!

Thằng da đen khiếp đảm, làm theo lời tôi. Rồi hắn nhìn tôi.

- Ông vượt ngục phải không?

- Phải.

- Ông muốn gì? Tôi có gì, ông lấy hết đi. Nhưng xin ông đừng giết tôi. Tôi có năm con. Ông làm phúc cho tôi được sống.

- Im mồm! Tên mày là gì?

- Jean.

- Mày đi đâu?

- Tôi mang thức ăn và thuốc men cho hai anh tôi đang chặt củi trong rừng.

- Mày từ đâu đến?

- Từ Kourou.

- Mày có phải ở làng này không?

- Tôi ở đây.

- Mày có biết trại Inini không?

- Có, tôi thỉnh thoảng vẫn buôn bán với người Tàu ở trại giam.

- Mày có thấy cái này không?

- Cái gì đây?

- Một tờ giấy bạc năm trăm francs. Mày hãy chọn đi: hoặc tao bảo gì mày làm thế, thì tao sẽ cho mày năm trăm francs và trả súng cho mày, còn nếu mày từ chối hay tìm cách đánh lừa tao, tao sẽ giết mày. Hãy chọn đi.

- Tôi phải làm gì nào? Ông cứ bảo đi, tôi sẽ làm hết, dù không được gì.

- Mày hãy dẫn tao cho an toàn đến gần trại Inini. Sau khi tao gặp được một người Tàu, mày có thể đi. Bằng lòng không?

- Tôi đồng ý.

- Đừng có đánh lừa tao, không thì chết đấy.

- Không đâu, tôi thề sẽ giúp ông một cách trung thực.

Gã đa đen có mang một thùng sữa hộp. Y lấy ra sáu hộp đưa cho tôi cùng một mẫu bánh mì và một miếng mỡ lá đã hun khói.

- Đem bao tải của mày dấu vào rừng đi, mày sẽ trở lại lấy sau. Tao lấy dao đánh dấu để mày nhớ chỗ nhé.

Tôi uống một hộp sữa. Y còn cho tôi một cái quần dài và một cái áo thợ màu xanh. Tôi mặc cả hai vào người tay vẫn không rời khẩu súng.

- Đi trước đi. Jean. Chú ý, cẩn thận đừng để ai trông thấy chúng ta vì nếu ta bị ai bắt gặp, đấy là lỗi tại mày và lúc ấy tao phải cho mày chết.

Jean biết cách đi trong rừng hay hơn tôi, vì y tránh cành cây và dây leo rất khéo nên tôi khó nhọc mới theo kịp y.

- Ông phải biết rằng ở Kourou, người ta được báo tin là có hai tên ở đảo đã vượt ngục. Vì vậy tôi thành thật nói với ông, nếu chúng ta đi gần trại giam Kourou thì nguy hiểm lắm.

- Mày có vẻ tốt và thật thà. Tao hy vọng không lầm. Mày hãy cho tao biết đến Inini bằng cách nào là tốt nhất? Mày phải nghĩ

rằng tao được an toàn thì mày được sống vì nếu tao bị bọn cai tù hay bọn đi săn người bắt gặp là tao buộc lòng phải giết mày đấy.

- Tôi phải gọi ông là gì?

- Tao là Papillon.

- Được rồi, thưa ông Papillon. Phải đi hẩn vào rừng và tránh xa đường mòn. Tôi bảo đảm sẽ đưa ông đến Kourou bằng cách băng qua rừng.

- Tao tin vào mày đấy. Đi đường nào mày thấy chắc chắn nhất.

Đi trong rừng chậm hơn, nhưng từ khi rời con đường mòn, tôi cảm thấy gã da đen bớt căng thẳng. Y không ra nhiều mồ hôi nữa, nét mặt y cũng không co rúm lại, y như yên tâm hơn.

- Jean này, tao thấy hình như bây giờ mày bớt sợ rồi phải không?

- Đúng thế, ông Papillon ạ. Đi gần đường mòn nguy hiểm cho ông lắm, nghĩa là nguy hiểm cả cho tôi.

Chúng tôi đi nhanh. Gã da đen này thông minh, không bao giờ y đi cách tôi xa quá ba bốn mét.

- Dừng lại đã, để tao cuộn điều thuốc.

- Có bao Gauloises đây.

- Cảm ơn Jean, mày tốt lắm.

- Đúng là tôi rất tốt. Tôi theo đạo, và khi thấy các giám thị da trắng đối xử với các tù nhân ra sao tôi cũng khổ tâm lắm.

- Mày được thấy nhiều cảnh ấy lắm à? ở đâu?

- ở lâm trường Kourou. Thấy họ chết dần chết mòn vì phải chặt củi, vì sốt rét và kiết lỵ, thật là thương tâm. Các ông ở đảo khá hơn. Đây là lần đầu tiên tôi trông thấy một tù nhân được khỏe mạnh như ông đấy.

- Đúng, ở đảo khá hơn.

Chúng tôi ngồi một lát trên một cành cây to, tôi đưa cho y một hộp sữa. Y từ chối, y thích nhai cùi dừa hơn.

- Vợ mày còn trẻ không?

- Còn trẻ, mới ba mươi tuổi. Tôi bốn mươi. Chúng tôi được năm con, ba gái, hai trai.

- Mày kiếm đủ ăn không?

- Tôi làm gỗ hồng tâm, cũng kiếm được; vợ tôi giặt và ủi đồ cho các giám thị. Cũng đỡ được chút đỉnh. Chúng nó cũng có giày đi.

Tội nghiệp cho anh chàng da đen đã nghĩ rằng khi các con y có giày đi là mọi việc đều tốt đẹp. Y to gần bằng tôi, bộ mặt da đen của y trông cũng dễ có cảm tình. Trái lại, mắt y dễ lộ rõ ràng y có những tình cảm tốt đẹp. Đó là một con người lành mạnh, một người cha tốt, một người chồng tốt, một tín đồ của đạo cơ đốc.

- Còn ông thế nào, ông Papillon?

- Tôi đang tìm cách sống lại. Tôi bị chôn sống đã mười năm nay, tôi đã mấy lần vượt ngục để có ngày được tự do như anh, để được sống bên cạnh vợ con và tôi sẽ không làm hại cho ai, ngay cả trong ý nghĩ. Anh đã nói ra rồi đây, chôn lao tù này thôi nát lắm, và người biết tự trọng phải tìm cách trốn khỏi vũng bùn ấy.

- Tôi sẽ hết lòng giúp ông thành công. Ta lên đường thôi.

Với giác quan định hướng rất tài tình, không do dự chút nào trên đường đi Jean dẫn thẳng tôi về phía khu trại của người Tàu.

Trời tối được hai giờ thì chúng tôi đến nơi. Từ xa đã nghe thấy tiếng đập, không thấy có ánh đèn. Jean giải thích cho tôi hiểu là muốn đến thật gần trại, phải tránh một hay hai tiền đồn nữa.

Chúng tôi quyết định dừng lại để qua đêm. Tôi mệt nhoài, tưởng chết được chỉ sợ ngủ quên mất. Nếu tôi nhận định làm anh chàng da đen này thì sao? Nếu y đóng kịch chờ tôi ngủ, rồi cướp lại khẩu súng và giết tôi chết thì sao? Giết được tôi y có hai cái lợi: trừ bỏ được tôi là một nguy cơ đối với y, và còn được thưởng vì đã giết được một tên tù vượt ngục. Phải, y rất thông minh. Y không nói gì,

cũng không chờ đợi lâu la mà nằm ngủ say. Tôi vẫn giữ sợi xích và cái bù-loong. Tôi định trói y lại, rồi tôi lại nghĩ, y có thể tháo ốc bù-loong ra cũng như tôi vậy, và nếu y làm cẩn thận, nếu tôi ngu quá say, tôi sẽ không biết gì. Trước hết tôi cố thức. Tôi có nguyên cả một bao thuốc Gauloises. Tôi biết cách làm để không ngủ gục. Tôi không thể phó thác mình cho một người dù sao cũng thuộc loại lương thiện và do đó phải xếp tôi vào loại gian phi.

Đêm đen ngịt, y nằm cách tôi hai mét, tôi chỉ nhận ra được đôi gan bàn chân trắng của y. Ban đêm, rừng có những tiếng động riêng biệt của nó, tiếng hú liên tục của loài khỉ có bướu to, tiếng hú khàn khàn và rất mạnh, vang xa đến hàng cây số. Tiếng đó rất quan trọng, vì nó đều đều thì có nghĩa là bầy của chúng có thể yên tâm ăn hay ngủ. Nếu nó biểu hiện nỗi lo sợ hay mối nguy cơ, như vậy, là quanh đây có thú dữ hay người.

Toàn thân căng thẳng, tôi không phải cố gắng lắm cũng giữ để mình không ngủ thiếp đi, nhờ vài lần dỉ thuốc lá đang cháy vào da và nhất là nhờ đàn muỗi chùng muồn hút hết máu của tôi. Nếu tôi dùng nước bọt trộn với ni-cô-tin xoa lên vai, tôi cũng có thể tránh không bị chúng đốt. Nhưng nếu xoa thứ nhựa ni-cô-tin này mà tránh được muỗi đốt thì tôi lại ngủ mất. Chỉ cầu sao cho đàn muỗi này không mang vi trùng sốt rét hay bệnh sốt vàng.

Thế là tôi thoát ra được con đường thôi rửa có lẽ mới chỉ tạm thời. Khi tôi bước vào đây là năm 1931, tôi mới hai mươi lăm tuổi. Bây giờ là năm 1941, đã mười năm qua. Vào năm 1932, Pradel, lão biện lý không tim với một bản buộc tội tàn nhẫn và vô nhân đạo đã ném tôi vào cái giếng khơi là nơi ao tù này.

Nó là cái hồ đầy thứ nước lầy nhầy sẽ làm tôi phải tan rữa dần dần và hiến thành hư không. Cuối cùng, tôi cũng thực hiện thành công được phần đầu của cuộc vượt ngục. Tôi đã từ đáy giếng ngoi lên và đang ở trên bờ giếng. Tôi phải tập trung hết nghị lực và trí thông minh của mình để giành phần thắng ở hiệp hai.

Đêm trôi đi từ từ nhưng cũng đã qua, và tôi cũng không ngủ. Tay không rời khẩu súng, tôi tỉnh táo được là do bị muỗi đốt, và không một lần nào đánh rơi súng. Tôi hài lòng về mình vì đã

không vì mệt mỏi mà bất cần để có thể bị mất tự do, tinh thần của tôi đã mạnh hơn vật chất. Tôi vui mừng khi nghe tiếng chim hót báo hiệu ngày sắp rạng. Mấy con chim dậy sớm hơn những con khác ấy là khúc dạo đầu báo hiệu ngày tới liền sau đó.

Gã da đen vươn vai ngồi dậy và xoa chân.

- Chào ông, ông có ngủ được không?

- Tôi không ngủ.

- Ông ngốc quá, vì tôi đã bảo đảm là ông không phải lo gì về tôi. Tôi đã quyết định giúp ông để ông đạt được dự tính của ông mà.

- Cảm ơn anh, Jean. Ánh nắng sắp chiếu đến đây chưa?

- Độ một giờ nữa. Chỉ có thú vật mới thấy được nó trước khi trời sáng, trước cả người.

- Độ một giờ nữa là sáng rõ ông Papillon ạ. Ông đưa tôi mượn con dao của ông.

Tôi đưa ngay dao cho y không do dự, y đi vài ba bước chặt một cành cây có nước, đưa cho tôi một đoạn dài và giữ lại khúc kia.

- Ông uống nước trong cành cây đi, rồi lấy nước ấy mà rửa mặt.

Với cái bình đựng nước kỳ lạ ấy, tôi uống và rửa mặt. Trời đã sáng rõ. Jean trả lại tôi con dao. Tôi châm một điếu thuốc và Jean cũng hút. Chúng tôi lại lên đường. Sau mấy lần lội bì bõm trong những vũng bùn rộng rất khó vượt qua, gần giữa trưa, chúng tôi đã đến vùng lân cận trại giam Inini mà không gặp chuyện gì, dù lành hay dữ.

Chúng tôi đến gần một con đường lớn dẫn tới trại. Một con đường sắt hẹp chạy dọc bên khoảng đất rộng đã được phát quang. Jean cho tôi biết con đường sắt này chỉ có những chuyên xe goòng do người Tàu đẩy đi qua. Những chuyên xe goòng đó lăn bánh ầm ầm, nghe được từ xa. Chúng tôi đã thấy một toa xe goòng đi ngang, trên đặt một chiếc ghế băng, có hai tên lính ngồi. Đằng sau là hai người Tàu cầm hai cây gỗ dài dùng để hãm xe. Bánh xe lăn

làm tóe ra những tia lửa. Jean nói cho tôi rõ là gậy có một đầu bịt sắt, để đẩy goòng đi hay hãm lại.

Con đường sắt rất đông người đi lại. Những người Tàu, người thì vác những cuộn dây rừng, người thì vác heo rừng, người thì lại vác hàng bó lá dừa. Tất cả đều như đi về hướng trại giam. Jean nói với tôi là có nhiều lý do để đi vào rừng: đi săn, đi kiếm mây làm bàn ghế, kiếm lá dừa để đan những tấm phen che cho vườn rau khỏi bị nắng, rồi đi bắt bướm, bắt muỗi, bắt rắn v v

Có một số người Tàu được phép vào rừng mỗi lần vài giờ sau khi đã làm xong công việc chính quyền. Họ đều phải về trước năm giờ chiều.

- Jean ơi, đây, năm trăm francs và cây súng (trước đó tôi đã đổ hết thuốc súng ra). Tôi đã có con dao và cây dao phạt rồi. Anh đi đi. Cảm ơn anh. Cầu Chúa ban thưởng cho anh khá hơn tôi, vì anh đã giúp đỡ một người đau khổ đang tìm cách sống lại. Anh trung thực lắm, cảm ơn anh lần nữa. Tôi mong rằng khi anh kể lại chuyện này cho cái con anh, anh sẽ nói với chúng: Người tù khổ sai này có vẻ là người tử tế, bố không hối hận vì đã giúp người ấy.

- Ông Papillon ơi, đã muộn rồi, tôi không đi được xa trước khi trời tối. Ông cứ giữ lấy khẩu súng, tôi sẽ ở lại với ông cho đến sáng mai. Nếu ông muốn, tự tôi sẽ kêu người Tàu nào ông ưng để đi báo tin cho Quých-Quých. Người ấy sẽ không sợ mấy nếu gặp một người tù da trắng vượt ngục. Ông cứ để tôi ra đường lớn. Nếu có ai xuất hiện, dù là lính họ cũng không cho việc tôi có mặt ở đây là bất thường. Tôi nói là tôi đến đây để xem có gỗ hồng tâm cho xí nghiệp gỗ “Synphorien” ở Cayenne không, ông cứ tin tôi đi. Nếu thế thì anh cầm lấy chúng, vì đi rừng mà không mang súng cũng kỳ.

- Phải rồi.

Jean đứng ngay giữa đường. Khi thấy người Tàu nào ưng ý, tôi sẽ khẽ huýt sáo.

- Chào Me-xù - một người tàu già bé nhỏ, vai vác một thân cây chuối, chắc là một cây cái dừa, ăn rất ngon, chào bằng thổ ngữ.

Ông già bé nhỏ này lại chào Jean trước. Tôi ưng ý nên đã huýt sáo
* (*ở đoạn này nhân vật nói tiếng Tây bồi - ND.).

- Chào bác. Dừng lại một chút tôi có chuyện muốn nói.

- Me-xừ muốn gì? - ông già đứng lại.

Họ nói với nhau gần năm phút. Tôi không nghe được chuyện họ nói với nhau. Lại hai người Tàu khác đi qua, họ khiêng một con nai cái to buộc vào một cây đòn dài, thân treo ngược, đầu thông xuống đất. Họ đi qua mà không chào anh da đen nhưng nói vài câu với đồng hương bằng tiếng Tàu, ông già đáp lại vài ba câu. Jean dẫn ông già vào rừng, đến chỗ tôi. Đến gần tôi, ông đưa tay ra.

- Anh vượt ngục hả?

- Phải.

- Từ đâu đi?

- Đảo Quỷ

- Tốt! - ông ta cười và mở to cặp mắt xéch nhìn tôi - Tốt lắm, anh tên gì?

- Papillon

- Tôi không biết.

- Tôi bạn của Chang. Chang Vô Kiện, anh em với Quých-Quých.

- A, tốt lắm - Rồi ông lại bắt tay tôi lần nữa - Anh muốn gì?

- Báo cho Quých biết là tôi chờ anh ấy ở đây.

- Không thể được.

- Tại sao?

- Quých-Quých ăn cắp sáu cục vẹt của xếp trại. Xếp trại muốn giết Quých-Quých, Quých-Quých trốn rồi.

- Trốn được bao lâu?

- Hai tháng.

- Đi đường biển?

- Tôi không biết, tôi bây giờ về trại nói chuyện với người Tàu khác cũng là bạn thân của Quých-Quých. Anh đừng đi, cứ ở đây. Đêm nay, tôi đến.

- Máy giờ?

- Tôi không biết nhưng tôi còn đem thức ăn, thuốc lá lại đây cho anh nữa, anh đừng đốt lửa nhé. Tôi sẽ thổi sáo bài “Ma-đờ-lông”. Khi anh nghe thấy bài đó, anh hãy ra đường lớn, hiểu không?

- Biết!

Rồi ông quay đi.

- Anh thấy thế nào, Jean?

- Chưa mất gì đâu, vì nếu ông muốn, chúng ta có thể quay về Kourou, tôi sẽ kiếm cho ông một chiếc thuyền độc mộc, thức ăn và buồm để đi ra biển.

- Jean ơi, tôi đi rất xa, không thể đi một mình được. Cảm ơn đề nghị của anh. Cùng lắm, tôi mới nhận.

Ban này người Tàu có cho chúng tôi một súc bắp cải dứa lớn, chúng tôi ăn ngay. Nó mát ngon có hương vị hạt phỉ rất đậm. Jean thức để canh, tôi đã tin anh ta. Tôi xoa bã thuốc lá vào mặt và hai bàn tay vì muỗi đã bắt đầu đốt. Jean đã đánh thức tôi dậy.

- Papillon, có tiếng huýt sáo bài “Ma-đờ-lông”.

- Máy giờ rồi?

- Chưa khuya, có lẽ chín giờ.

Chúng tôi đi ra đường. Trời tối đen. Người huýt sáo đã tới gần, tôi đáp lại, ông ta đến gần hơn, chúng tôi đứng gần sát nhau mà tôi chẳng trông thấy gì. Cứ huýt mãi, chúng tôi đã gặp được nhau. Họ có ba người. Từng người một đến gần nắm lấy tay tôi. Chẳng bao lâu nữa trăng sẽ lên.

- Chúng ta ngồi xuống bên đường này đi, một người trong bọn họ nói tiếng Pháp rất thạo. - Ngồi trong bóng tối, không sợ ai nhìn thấy đâu. Jean đã ra ngồi với chúng tôi.

- Ăn trước đi, xong rồi sẽ nói, - người có vẻ học thức trong bọn họ nói. Jean và tôi ăn một tô xúp rau rất nóng. Chúng tôi thấy ấm người và quyết định để lại một phần thức ăn để ăn sau. Chúng tôi uống trà đường có vị bạc hà ngon tuyệt.

- Anh là bạn thân của Chang à?

- Phải, anh ấy bảo tôi đến kiếm Quých-Quých để cùng vượt ngục với nhau. Tôi đã có lần vượt ngục đi rất xa, đến tận Colombia. Tôi đi biển giỏi lắm, vì vậy Chang muốn tôi đưa anh của anh ấy đi. Anh ấy tin tôi.

- Tốt lắm. Chang xăm những gì trên người?

- Ở ngực, một con rồng, bàn tay trái, ba dấu chấm. Anh nói ba cái dấu đó chỉ rõ anh ấy là một trong các thủ lĩnh cầm đầu cuộc nổi loạn ở Côn Đảo. Người bạn thân nhất của anh ấy cũng là một người chủ huy cuộc nổi loạn, anh này tên là Văn Huê, anh này bị cụt một tay.

- Tôi đây, - người trí thức nói. - Chắc chắn anh là bạn của Chang rồi, do đó cũng là bạn của chúng tôi. Quých-Quých chưa đi biển được vì không biết lái tàu. Sau nữa, vì anh ấy có một mình, anh ấy ở trong rừng cách đây chừng mười kilômét. Anh ấy làm than củi, các bạn giúp anh bán than rồi đưa tiền cho anh ấy. Khi dành dụm đủ tiền, anh ấy sẽ mua một cái ghe và kiếm người để cùng vượt ngục. Anh đang ở chỗ không có gì nguy hiểm cả. Không ai có thể đến được cái vũng cù lao mà anh ấy đang ở, vì xung quanh toàn là bùn loãng. Người nào không biết đường mà đi liệu thế nào cũng bị sa xuống bùn. Hùng đông là tôi đến tìm anh để dẫn anh tới chỗ Quých-Quých. Bây giờ anh đi với chúng tôi. Chúng tôi đi bên ven đường, vì trăng đã lên và trời đủ sáng để có thể trông xa tới năm mươi mét về phía trước. Đến một cái cầu gỗ, anh nói với tôi:

- Anh xuống dưới cầu mà ngủ. Sớm mai, tôi sẽ đến tìm anh.

Chúng tôi bắt tay nhau và họ ra về. Họ đi công khai, trường hợp có bị ai trông thấy, họ nói là họ vào thăm các bầy đặt trong rừng lúc ban ngày, Jean nói với tôi

- Papillon, anh đừng ngủ ở đây, tôi sẽ gọi anh.

- Phải rồi. - Tôi đi vào rừng và sau khi hút vài điếu thuốc, tôi ngủ ngay, sung sướng vì được ăn đầy món xúp ngon.

Trước khi trời sáng, Văn Huê đã đến chỗ hẹn. Để đỡ mất thì giờ, chúng tôi đi trên đường cho đến lúc trời sáng bạch. Chúng tôi rảo bước hơn bốn mươi phút. Trời đột ngột bừng sáng và từ xa đã nghe được tiếng xe goòng lăn trên đường sắt. Chúng tôi vào rừng để đi.

Từ biệt Jean nhé, cảm ơn anh, chúc anh may mắn. Cầu Chúa ban phước lành cho anh và cả gia đình anh. Tôi cố ép anh nhận năm trăm francs. Anh chỉ cho tôi cách nếu không thành công với Quých-Quých thì trở về làng anh ta như thế nào, đi vòng ra sao để lại đến được con đường mòn mà tôi đã gặp anh. Anh phải đi qua đây, mỗi tuần hai lần. Tôi nắm tay anh da đen cao thượng, và anh nhảy lên mặt đường.

“Đi thôi” - Văn Huê vừa đi vào rừng vừa nói. - Anh tìm ra hướng đi ngay. không chần chừ, và chúng tôi đi khá nhanh vì rừng không rậm lắm. Anh tránh dùng dao chặt cành cây hay các dây leo làm vướng lối đi. Anh chỉ gạt chúng sang bên.

Quých-Quých

Chưa đến ba giờ sau, chúng tôi đã đến trước một cái ao đầy bùn. Trên mặt lớp bùn là những cây hoa sen và những tàu lá xanh và to. Chúng tôi đi theo mép bùn.

- Cần thận đừng có trượt chân đấy, nếu bị ngã xuống là không mong lên được đâu, - Văn Huê vừa thấy tôi đi loạng choạng đã cảnh cáo tôi.

- Anh cứ đi đi, tôi theo anh, và tôi sẽ cẩn thận hơn.

Trước mặt tôi là một hòn đảo nhỏ, cách xa chừng một trăm năm mươi mét. Từ giữa cái đảo tí hon ấy, khói bốc lên. Chắc đây là chỗ đốt than. Tôi nhận thấy có một con cá sấu nằm trong bùn, chỉ có cặp mắt ló ra. Không biết con cá sấu này ăn gì để sống trong đồng bùn này.

Sau khi đi bộ hơn một kilômét dọc bờ ao có bùn này, Văn Huê dừng lại và cất tiếng hát một bài hát Tàu. Một bóng người hiện ra bên kia đảo. Đó là một người nhỏ nhắn, chỉ vận một cái quần cụt. Hai người nói chuyện với nhau rất lâu, tôi bắt đầu thấy sốt ruột thì vừa may họ cũng ngừng nói.

- Đi lối này - Văn Huê bảo tôi.

Tôi đi theo anh, chúng tôi lại lộn ra.

- Mọi việc tốt cả. Đây là bạn Quých-Quých, Quých-Quých đi săn cũng sắp về rồi, ta phải đợi ở đây.

Chúng tôi ngồi xuống. Chưa đầy một giờ sau, Quých-Quých về. Đó là một người nhỏ và gầy, da vàng, răng nhuộm gần như đen bóng, có cặp mắt thông minh và thẳng thắn.

- Anh là bạn của Chang em tôi?

- Phải.

- Tốt lắm. Anh về được rồi đấy, Văn Huê ạ.

- Cảm ơn anh, - Văn Huê nói.

- Anh cầm con gà gô này về đi.

- Tôi không lấy đâu, cảm ơn anh. - Anh bắt tay tôi rồi quay đi.

Quých-Quých kéo tôi đi theo con heo cứ chạy trước anh. Anh theo sát nó từng bước.

- Anh hãy chú ý đây Papillon. Xảy chân, bước lỡ một bước là anh bị sa lầy ngay. Trường hợp bị nạn, không ai có thể cứu được vì không phải một mà cả hai cũng tiêu luôn. Đường đi lại thay đổi luôn vì bùn cứ xê dịch hoài, nhưng con heo vẫn tìm được lối đi. Có một lần, tôi phải chờ hai ngày mới đi qua được.

Quả vậy, con heo đánh hơi và nhanh chóng vượt qua quãng bùn. Anh người Tàu nói với nó bằng tiếng mẹ đẻ. Tôi đi theo ngỡ ngàng vì thấy con vật nhô bé này nghe lời anh như một con chó. Con heo đã đi qua được bên kia mà không lần nào lún sâu quá vài phân. Anh bạn mới của tôi cũng mau chân theo nó và nói: Anh bước theo bước chân tôi nhé. Phải đi rất nhanh vì những vết chân heo bị lấp rất chóng. Chúng tôi qua ao bùn không khó lắm. Không lúc nào bùn ngập quá bắp chân tôi, mà có ngập đến bắp chân thì cũng chỉ ở đoạn cuối thôi.

Con heo đi hai khúc quanh dài, làm chúng tôi buộc lòng phải đi trên lớp đất chắc ấy một quãng dài hơn hai trăm mét. Mồ hôi tôi chảy dòng dòng khắp người. Nói là tôi sợ thật chưa đủ. Phải nói là kinh hoàng mới đúng.

Đi quãng đường đầu tiên, tôi tự hỏi không biết số mạng tôi có phải chết như Sylvain không. Tôi như lại trông thấy anh bạn khốn khổ ấy trong giai đoạn cuối cùng, và tuy rất tỉnh táo tôi nhận rõ người anh nhưng mặt lại hao hao giống tôi. Cảm giác của tôi khi tôi đi qua đoạn đường đó thật là ghê sợ. Tôi không dễ quên ngay.

- Đưa tay cho tôi - Và Quých-Quých, anh chàng bé nhỏ chỉ có xương và da, đã giúp tôi leo lên bờ.

- Anh bạn ơi, bọn đi săn người không tới đây lòng chúng ta đâu nhỉ.

- Ô anh yên tâm về chuyện này.

Chúng tôi đi sâu vào đảo: Một mùi thán khí xộc vào họng tôi. Tôi ho. Đây là mùi khói của hai cái lò đốt than đang bốc cháy ở đây, tôi không còn sợ muỗi. Một cái lán nhỏ, lợp lá, vách cũng bằng lá kết lại với nhau, đứng trước gió, chung quanh mù mịt khói. Có một cửa vào, và đứng trước cửa là cái ông già người Đông-dương bé nhỏ mà tôi đã trông thấy trước khi gặp Quých-Quých.

- Chào me-xù.

- Nói tiếng Pháp với anh ấy, đừng dùng tiếng địa phương, anh ta là bạn của em tôi đấy.

Ông già người Tàu, bé quắt một mẩu, nhìn tôi từ đầu đến chân. Hải lòng về cuộc quan sát của mình, ông chìa tay ra cho tôi, miệng mỉm cười móm mém.

- Vào đi, ngồi xuống đây.

Cái bếp duy nhất này trông rất sạch sẽ. Trên bếp là một cái nồi to không biết đun nấu gì. Chỉ có một cái giường bằng cành cây đan với nhau, cao cách mặt đất ít nhất là một mét.

- Ông giúp tôi làm thế nào cho anh ấy có chỗ ngủ đêm nay đi.

- Được rồi.

Chưa đầy nửa giờ sau, chỗ nằm của tôi đã xong. Hai người Tàu dọn thức ăn ra và chúng tôi ăn một món xúp tuyệt ngon, rồi cơm trắng với thịt nấu hành. Ông bạn Quých-Quých là người đi bán than củi. Ông ta không ở lại đảo, vì vậy tối đến, chỉ còn lại Quých-Quých và tôi.

- Phải, tôi đã lấy trộm cả bầy vịt của trại trưởng, vì vậy tôi phải vượt ngục.

Chúng tôi ngồi đối diện với nhau, ngọn lửa nhỏ chốc chốc lại bốc lên soi sáng mặt chúng tôi. Mặt Quých-Quých không vàng hắc. Do phơi nắng, màu vàng tự nhiên đã chuyển thành màu đồng đỏ. Mắt anh xé, đen nhánh, khi anh nói với ai là mắt anh nhìn thẳng vào mắt người ấy. Anh hút những điều xì- gà dài mà anh dùng lá thuốc đen cuộn lấy. Tôi vẫn cuộn thuốc lá bằng tám giấy bản mà anh cắt cho tôi.

- Tôi phải trốn vì trại trưởng, chủ đàn vịt, muốn giết chết tôi, chuyện ấy cách đây đã ba tháng. Khổ một cái là tôi thua bạc, không chỉ mất hết tiền bán vịt mà mất cả tiền bán than của hai lò than này.

- Anh chơi ở đâu?

- Chơi trong rừng. Đêm nào cũng đánh với mấy anh Tàu ở trại Inini và mấy anh tù mãn hạn từ bên Thác sang.

- Anh đã quyết định vượt biển chưa?

- Tôi chỉ mong có thể. Khi tôi bán được than củi, tôi tính mua một chiếc ghe, tìm một người biết lái chèo đi với tôi. Nhưng trong ba tuần nữa, ta bán than rồi là có thể mua một chiếc ghe và đi đường biển, vì anh biết lái mà.

- Tôi có tiền đây, anh Quých-Quých ạ, không cần phải chờ bán được than mới mua thuyền.

- Thế thì hay. Có một chiếc thuyền tốt lắm, một ngàn năm trăm francs, của một người da đen làm nghề bỏ củi bán.

- Anh đã coi chưa?

- Rồi.

- Nhưng tôi cũng muốn xem.

- Mai, tôi sẽ đi gặp Sô-cô-la, tôi vẫn gọi hán như vậy Papillon ạ, anh kể cho tôi nghe chuyện vượt ngục của anh đi. Tôi tưởng không thể nào vượt ngục từ đảo Quỷ đi được. Sao Chang không đi cùng anh?

Tôi kể với anh chuyện vượt ngục, con sóng Lisette, cái chết của Silvain.

- Tôi hiểu tại sao Chang không muốn đi với anh. Thật là quá mạo hiểm. Số anh đỏ lắm đấy, cho nên anh mới sống sót mà tới đây được. Tôi mừng cho anh lắm.

Quých-Quých và tôi trò chuyện với nhau đã ba giờ.

Chúng tôi ngủ sớm vì anh muốn đi tìm Sô-cô-la ngay lúc hừng đông. Sau khi đặt vào bếp một cành cây to để nó cháy suốt đêm, chúng tôi ngủ. Khói làm tôi ho và tắc cả mũi, nhưng có điều lợi là không có lấy một con muỗi.

Nằm trên giường, đắp chăn ấm, tôi nhắm nghiền mắt. Tôi không sao ngủ được. Tôi bị căng thẳng quá. Đúng là chuyến vượt ngục diễn ra thật tốt đẹp. Nếu tàu tốt chỉ tám ngày nữa là tôi sẽ ra khơi. Quých-Quých nhỏ và gầy, nhưng anh có sức mạnh phi thường, và sức chịu đựng của anh có thể vượt qua được mọi thử thách. Chắc chắn là anh trung thực và đáng hoàng đối với bạn, nhưng có thể anh cũng rất tàn nhẫn với kẻ thù. Khó mà nhận xét

được điều gì trên mặt một người á đông, nó chẳng bộc lộ chút gì hết. Tuy vậy, mắt anh đã nói thay anh.

Tôi ngủ thiếp đi và mơ thấy biển khơi tràn đầy ánh nắng, tàu của tôi tung bừng vượt sóng trên đường đi tới tự do.

- Anh uống cà-phê hay trà?

- Thế anh uống gì?

- Tôi uống trà.

- Vậy cho tôi trà.

Trời vừa ló sáng, lửa vẫn cháy từ đêm qua, nước reo trong xoong. Một con gà vui mừng cất tiếng gáy. Chung quanh chúng tôi không có tiếng chim kêu, chắc chắn khói đã làm chúng bạt đi mất. Con heo đen nằm trên giường với Quých-Quých. Con heo chắc làm biếng lắm, vì đến giờ nó vẫn còn ngủ. Những miếng bánh trắng làm bằng bột gạo đang được nướng trên than hồng. Sau khi pha trà đường, anh bạn tôi cắt bánh làm đôi, phết mỡ rồi đưa cho tôi. Chúng tôi ăn một bữa thịnh soạn. Tôi ăn ba chiếc bánh trắng đã được nướng kỹ.

- Tôi đi đây, anh theo tôi ra nhé. Nếu có ai kêu hay huýt sáo, đừng trả lời. Anh không phải lo, không ai đến đây được. Nhưng nếu anh ra chỗ mép bùn, anh có thể bị chết đấy.

Con heo đã dậy theo tiếng gọi của chủ. Nó ăn, uống rồi ra ngoài, chủ nó đi theo nó. Nó đến thẳng nơi có bùn. Nó đi xuống cách đoạn đường chúng tôi tới đây hôm qua hơi xa hơn một chút. Đi được vài chục mét, nó quay lại: nó không ưng lối này. Sau khi dò thứ ba lần, nó mới vượt qua chỗ bùn. Quých-Quých theo ngay nó, không e ngại, và đã tới được chỗ đất rắn. Mãi tận chiều, Quých-Quých mới về. Tôi ăn một mình món súp anh đã đặt trên đồng lửa. Sau khi nhặt được tám quả trứng trong chuồng gà, tôi lấy mỡ làm một đĩa ba quả trứng ốp-lét. Gió đã đổi chiều và khói ở hai lò bên lán đã bay về hướng khác. Buổi chiều trời mưa, tôi nằm trên giường gỗ của tôi, tôi không bị thán khí làm cho khó chịu.

Buổi sớm, tôi dạo một vòng quanh đảo. Khoảng giữa đảo có một khu đất trống khá rộng, cây đỗ và củi bỏ tại đó chúng tỏ là

Quých-Quých lấy gỗ ở đáy đẽ đốt thành than. Tôi còn thấy một cái hồ có đất sét trắng, chắc anh moi lên để phết vào gỗ làm cho nó cháy không thành ngọn. Lũ gà kiếm ăn ở khu đất trống. Một con chuột kéch xù chạy vụt dưới chân tôi, và cách đây vài thước, tôi thấy một con rắn dài gần hai mét đã chết.

Chắc hẳn con chuột đã cắn chết con rắn.

Suốt ngày hôm ấy, ở một mình trên đảo, tôi khám phá hết cái nọ đến cái kia. Ví dụ, tôi gặp một gia đình những con ăn kiến. Một mẹ và ba con. Một tổ kiến to đang sôi sục quanh chỗ chúng. Hơn một tá khi rất nhỏ nhảy từ cành nọ sang cành kia trên khoảng đất trống.

- Tôi không gặp Sô-cô-la, cũng không thấy chiếc thuyền. Chắc anh về làng ở vùng Thác mua thực phẩm. Anh ăn đủ chưa?

- Rồi.

- Anh còn muốn ăn nữa không?

- Không.

Tôi mang về cho anh hai gói thuốc đen, loại sợi to của lính: vì chỉ có thứ này.

- Cảm ơn anh, thứ này được rồi. Khi Sôcôla đi vắng, thường anh ta ở lại làng mấy ngày?

- Hai ba ngày, nhưng mai tôi lại đi, ngày nào tôi cũng đi, vì tôi không biết anh ta đi lúc nào.

Hôm sau trời mưa tầm tã. Nhưng Quých-Quých vẫn trần truồng đội mưa ra đi. Anh bọc quần áo trong một tấm vải sơn cấp dưới nách. Tôi không tiễn chân anh. “Anh đừng đi làm gì cho ướt”. Anh nói với tôi thế. Mưa đã tạnh. Nhìn mặt trời, tôi biết là đã mười một giờ. Lò than thứ hai bị nước mưa làm sập. Tôi tới gần để ước lượng tai họa này. Mưa xối xả cũng không làm tắt hết củi. Vẫn còn khói từ trong cái ống dẹt hình đó bốc lên. Bỗng tôi dụi mắt rồi nhìn lần nữa vì những thứ tôi trông thấy thật bất ngờ: trong lò than có năm chiếc giày. Trông rõ ngay là mỗi chiếc giày đều đặt thẳng đứng trên gót, đều được sỏ vào một cái chân còn nguyên từ

bàn chân lên đến bắp. Như vậy là có ba người bị thiêu trong lò. Không cần phải mô tả phản ứng đầu tiên của tôi: khám phá ra chuyện này tôi thấy lạnh lạnh ở sống lưng. Tôi cúi xuống lấy chân bôi chút tàn than cháy dở, thì thấy bàn chân thứ sáu.

Quých-Quých cũng ghê thật, anh đã biến những người anh giết hàng loạt thành tro bụi. Tôi bị xúc động đến nỗi phải rời khỏi lò than ngay ra tận khu bãi trống để có chút ánh nắng. Tôi cần phải được sưởi nóng. Đúng, trong không khí ngột ngạt này, tôi bỗng thấy lạnh và cần phải có một chút mặt trời nhiệt đới. Đọc đến đây, chắc độc giả cho là chuyện vô lý: đáng lẽ sau khi khám phá ra việc này, tôi phải toát mồ hôi mới phải. Thế mà không, tôi thấy lạnh cóng người, về tinh thần và thể chất. Rất lâu, đến một tiếng đồng hồ sau, mồ hôi mới bắt đầu chảy trên trán tôi vì càng nghĩ, tôi càng thấy rằng, tôi đã nói với anh ta là tôi có rất nhiều tiền dầu ở trong plan thế mà đến bây giờ tôi vẫn còn sống thì thật là một điều kỳ diệu. Phải chăng anh ta để dành tôi cho một cái lò đốt than thứ ba?

Tôi nhớ là Chang em của anh đã nói với tôi là anh bị kết án về tội ăn cướp và giết người trên một chiếc thuyền buồm. Khi họ tấn công một chiếc tàu để cướp của, họ giết cả gia đình, tất nhiên là vin vào những lý do chính trị. Vậy thì đây là những người đã quen giết người hàng loạt. Thế mà tôi lại bị cầm giữ ở đây. Tôi ở trong một hoàn cảnh thật gay go. Thử điểm lại tình hình xem sao. Nếu tôi giết Quých-Quých trên đảo này rồi cho xác anh vào lò than, không ai hay biết được. Nhưng con heo lại không chịu nghe tôi, con heo được rèn luyện này cũng không hiểu tiếng Pháp. Vậy là không có cách nào ra khỏi đảo. Nếu tôi ép buộc được anh Tàu này nghe theo tôi, thì sau khi bắt anh đưa tôi ra khỏi đảo, tôi sẽ giết anh trên đất liền. Nếu tôi ném anh xuống bùn, anh sẽ biến mất, nhưng chắc anh phải có lý do gì để thiêu những người này mà không ném xác họ xuống bùn, làm thế dễ hơn nhiều. Bọn cai tù, tôi khiếp sợ, nhưng nếu các bạn Tàu của anh khám phá ra là tôi đã giết anh, họ sẽ thành kẻ đi săn người. Họ lại thông thạo địa thế ở đây. Như vậy, bị họ đuổi theo chẳng phải là chuyện hay hóm gì.

Quých-Quých chỉ có khẩu súng trường một nòng, nạp đạn từ phía đầu nòng. Anh không chịu rời nó, kể cả lúc nấu ăn, lúc ngủ và ngay cả khi đi ngoài anh cũng mang súng theo. Tôi có con dao lúc nào cũng mở sẵn nhưng tôi còn phải ngủ. Thế mà anh lại là người tôi chọn để cùng vượt ngục đấy, thật oái oăm. Cả ngày hôm ấy tôi không ăn. Và khi tôi nghe tiếng anh hát, tôi cũng chưa quyết định làm gì. Quých-Quých đã trở về. Nấp sau các cành cây tôi thấy anh đi tới. Anh mang một cái bọc đặt thẳng bằng trên đầu và khi anh đến bên tôi, tôi mới lộ ra. Anh tươi cười đưa tôi gói đồ bọc trong cái bao bột mì, leo lên rồi đi vội vào nhà. Tôi đi theo anh.

- Tin mừng, Papillon ạ, Sô-cô-la đã về rồi, thuyền vẫn còn. Anh ta nói là tàu có thể chở được hơn năm trăm kí-lô mà vẫn nổi. Thứ anh đang cần là những bao bột mì để ghép lại thành buồm chính và một buồm mui. Đây là bọc hàng đầu tiên. Nhưng thứ còn lại mai ta sẽ lấy về nốt, vì anh sẽ đi xem thuyền với tôi.

Quých-Quých vừa đi vừa nói, không quay mặt lại.

Chúng tôi nối gót nhau đi. Trước tiên là con heo, rồi đến anh ta, còn tôi đi sau cùng. Tôi khoáng nghĩ rất nhanh là anh không có vẻ gì có ý định cho tôi vào lò than, vì ngày mai anh sẽ đưa tôi đi xem thuyền, và anh đã bắt đầu tiêu pha để chuẩn bị cho cuộc vượt ngục: anh còn mua cả những bao bột mì.

- Một cái lò bị sập đổ kìa. Chắc tại trời mưa.

- Mưa nhiều quá nên cũng chẳng có gì là lạ.

Anh cũng không ra thăm lò, cứ đi thẳng về lán. Tôi không biết nói gì, cũng không biết nên làm gì. Coi như không trông thấy gì cũng không xong. Chẳng lẽ suốt ngày tôi lại không mò đến gần lò ở cách lán có hai mươi lăm mét, nghĩ cũng kỳ.

- Anh để tắt lửa đấy à?

- Phải, tôi chẳng để ý đến nữa.

- Anh đã ăn chưa?

- Chưa, tôi không đói.

- Anh bệnh à?

- Không.
- Thế tại sao anh không ăn súp đi?
- Quých-Quých, anh ngồi xuống đây, tôi có chuyện muốn nói với anh.
- Để tôi châm lửa đã.
- Đừng. Tôi muốn nói chuyện với anh ngay, trong lúc trời còn sáng.
- Có điều gì vậy?
- Có điều là lò sập đã để lộ ba cái xác người bị anh thiêu trong đó. Anh bày giải thích cho tôi nghe việc này.
- À! Thảo nào tôi thấy mặt anh là lạ.

Không lộ vẻ xúc động chút nào, anh nhìn thẳng tôi nói:

- Sau khi nhìn thấy như vậy, anh không yên tâm phải không? Tôi hiểu, chuyện dĩ nhiên thôi. Cũng may cho tôi là anh chưa đâm vào lưng tôi. Anh Pappillon, ba thằng cha ấy là ba thằng đi săn người. Và tuần qua, mười hôm thì đúng hơn, tôi bán một mớ củi cho Sô-cô-la. Ông người Tàu mà anh đã thấy, giúp tôi đưa các bao than ra khỏi đảo. Chuyện này rắc rối lắm: chúng tôi dùng thùng dài hơn hai trăm mét kéo những bao than cho trượt trên bùn. Đại khái là như vậy. Từ đây đến một con lạch nhỏ, thuyền của Sô-cô-la đậu ở đây. Chúng tôi đã để lại rất nhiều dấu vết, mấy cái bao rách đã để rơi vài cục than. Thế là bắt đầu xuất hiện kẻ săn người đầu tiên. Nghe thú kê, tôi biết là trong rừng có người. Tôi thấy được thằng cha nọ, nó lại không trông thấy tôi. Tôi lén đi qua phía bên kia đảo, vòng sau lưng nó đánh bất ngờ, chẳng có gì khó. Nó bị giết chết mà không hề biết ai giết mình. Tôi để ý nhận thấy các xác chết nằm xuống bùn sau vài ngày lại nổi lên, cho nên tôi mang nó về đây, cho vào lò.

- Còn hai người kia là thế nào?

Chuyện xảy ra ba ngày trước khi anh đến đây. Đêm ấy tối đen như mực và hoàn toàn im ắng, điều này ít khi thấy ở rừng lắm. Hai thằng này ở bờ ao từ chập tối. Một đứa hể bị khói bay tới

là lên cơn ho. Do có những tiếng ho mà tôi biết là có chúng ở đây. Trước khi trời sáng, tôi đánh liều đi qua phía trước mặt, chỗ bùn mà tôi đã nhớ là có tiếng ho. Muốn cho nhanh, như tôi đã nói với anh, tôi đã cắt cổ tên săn người đầu tiên. Nó không kêu được một tiếng. Còn thằng sau nó, có một khẩu súng săn, nó chỉ lo nhìn về phía trên đảo xem có chuyện gì xảy ra, nên đã để tôi trông thấy. Tôi cho nó một phát súng, và thấy nó chưa chết hẳn, tôi lại bồi thêm cho nó một nhát dao vào tim. Đây là ba thằng mà anh đã trông thấy trong lò than đây Papillon ạ Một thằng A-rập và hai thằng Pháp. Vác chúng lên vai mà đi qua đồng bùn không phải dễ. Chúng nặng lắm, cho nên tôi phải đi làm hai chuyến. Rồi tôi cũng cho nó vào lò được.

- Chuyện xảy ra đúng như vậy chứ?
- Đúng thế, Papillon, tôi thề với anh ấy.
- Tại sao anh không cho chúng xuống bùn?

- Tôi đã nói rồi, bùn đây xác chết lên. Thỉnh thoảng có con nai bị rớt xuống đây, chỉ một tuần sau, nó lại nổi lên. Hôi thối lắm, mãi đến khi kền kền đến ăn mới hết mùi. Phải lâu lắm, tiếng kền kền kêu và bay lượn làm cho người ta tò mò tìm đến. Papillon ơi, tôi thề với anh là đi với tôi anh không phải sợ gì. Đây để anh yên tâm, anh cầm lấy khẩu súng này, nếu anh muốn.

Tôi muốn nhận khẩu súng đến chết, nhưng tôi đã nén được và tôi cố hết sức nói thật tự nhiên:

- Tôi không cầm đâu anh Quých-Quých, tôi đến đây vì tôi cảm thấy được bảo đảm, như đến với một người bạn. Ngày mai anh phải thiêu tiếp mấy tên săn người ấy cho hết dấu vết đi. Dù tôi không có mặt ở đây tôi cũng không muốn bị buộc tội là đã giết ba người.

- Được, mai tôi sẽ thiêu nữa. Nhưng anh yên trí. không ai đặt chân được lên đảo này. Không thể có ai dám qua đây nếu không muốn bị sa lầy.

- Thế với một chiếc xuống bằng cao su có qua được không?
- Tôi không nghĩ đến việc đó.

- Nếu ai dẫn bọn hiến binh đến đây, và chúng muốn vào vào, anh cứ tin là với một cái bè, chúng có thể vào được. Vì vậy nên phải đi càng sớm càng tốt.

- Đồng ý. Ngày mai, sẽ nhóm lò lại, nó cũng chưa tắt hẳn, chỉ cần làm hai ống thông hơi nữa.

- Thôi chào anh Quých-Quých.

- Chúc anh ngủ ngon, Papillon. Tôi nhắc lại là anh cứ ngủ cho kỹ, anh có thể tin tôi.

Nằm kéo chăn lên tận cằm, tôi thấy ấm áp khoan khoái. Tôi châm thuốc hút. Mười phút sau, Quých-Quých đã ngáy, con heo nằm cạnh anh cũng thở phì phò. Lửa không bốc lên nhưng than ở thân cây còn hồng và khi có cơn gió lùa vào lán, nó tạo ta một cảm giác thanh bình, êm ả. Tôi tận hưởng tiện nghi này và tôi đã ngủ với những ý nghĩ sau đây trong đầu: Ngày mai, tôi sẽ thức dậy và giữa Quých-Quých với tôi mọi việc đều êm đẹp; nếu không chú ba tàu này quá là một nghệ sĩ đã che dấu những ý định của mình và kể chuyện tào lao còn giỏi hơn ca Sacha Guitry* (*Sacha Guitry: diễn viên kịch nói và điện ảnh rất nổi tiếng của Pháp còn là tác giả của nhiều kịch bản sân khấu và phim (1885 –1957) - ND) và nếu thế tôi sẽ không thấy ánh mặt trời, vì tôi đã biết quá nhiều về anh, anh sẽ ngại.

Chuyên viên giết người hàng loạt đánh thức tôi dậy, tay cầm một ca cà-phê, và như không có chuyện gì xảy ra, anh chào tôi với một nụ cười vô cùng cởi mở. Ngày đã rạng.

- Nay, anh uống cà phê, ăn bánh tráng đi, đã cho mỡ rồi đấy.

Ăn uống xong, tôi ra ngoài, rửa ráy ở một thùng ton-nô lúc nào cũng đầy nước.

- Anh giúp tôi nhé, Papillon?

- Ủ! - tôi nói mà không hỏi xem anh ta cần giúp việc gì

Chúng tôi kéo chân mấy cái xác chết đã bị thiêu dở dang. Tôi để ý thấy mà không nói ra, là cả ba cái xác đều bị mổ bụng, anh chàng tàu dễ thương này chắc đã tìm xem họ có dấu tiền trong

ruột không. Có đúng họ là những kẻ sẵn người không. Biết đâu lại chỉ là những người sẵn bướm và sẵn thú? Anh ta giết họ để tự vệ hay để lấy của? Thôi, không nghĩ thêm về chuyện này nữa! Mấy cái xác chết đã được đưa vào trong hố lò có củi và đất sét đắp lên trên. Hai ống thông hơi đã được mở ra và lò đã bốc cháy với hai nhiệm vụ: làm ra than củi và thiêu cho ba cái xác thành tro.

- Đi nào, Papillon.

Con heo con tìm ra lối đi trong nháy mắt. Chúng tôi nối đuôi nhau đi qua quăng bùn. Lúc sắp dần bước đưa chân, tôi lo đến chết khiếp. Chuyện Sylvain bị sa lầy rồi chết đã để lại trong tôi một ấn tượng sâu sắc đến nỗi tôi không thề nào đi trên bùn một cách thanh thản được. Cuối cùng, toát mồ hôi hột, tôi cũng phải lao theo Quých-Quých. Chân tôi đặt từng bước lên vết chân anh, không có cách gì khác: anh qua được thì tôi cũng phải qua được chứ.

Sau hai giờ đi bộ, chúng tôi đi đến được nơi Sô-cô-la lấy gỗ. Trên đường đi chúng tôi không gặp ai và cũng không phải lẩn trốn lần nào.

- Chào me-xừ.

- Chào ông Quých-Quých.

- Anh có khỏe không?

- Khỏe lắm.

- Anh cho bạn tôi xem thuyền.

Cái thuyền rất khỏe, đó là một loại sà lúp chở hàng, nặng nề nhưng bền chắc. Tôi lấy dao sửa vào mọi chỗ, dao không bao giờ ngập sâu quá nửa phân. Sàn tàu cũng còn nguyên. Tàu này được đóng bằng một thứ gỗ đã được chọn kỹ lưỡng.

- Anh bán bao nhiêu?

- Hai ngàn năm trăm francs.

- Tôi trả anh hai ngàn.

Ngã giá thế là xong.

- Tàu này không có ky. Tôi trả thêm cho anh năm trăm francs nữa, anh phải làm thêm cho tôi một cái ky, một bánh lái và một cột buồm. Cái ky và bánh lái phải bằng gỗ tốt, cột buồm, cao ba mét, bằng gỗ nhẹ và dẻo. Bao giờ xong?

- Tám ngày nữa.

- Đây là hai tờ giấy bạc một ngàn và một tờ năm trăm. Tôi xé đôi, đưa anh một nửa, nửa kia sẽ đưa anh khi tôi nhận tàu. Anh giữ một nửa nhé. Bằng lòng không?

- Đồng ý.

- Tôi cần một ít thuốc tím, một ton-nô nước ngọt, ít thuốc lá và diêm, thức ăn đủ cho bốn người trong một tháng: bột mì dầu, cà-phê và đường, những thứ này tôi trả tiền riêng. Anh giao tất cả trên sông ở Kourou nhé.

- Me xử ời, tôi không thể theo ông ra đến cửa sông được

- Tôi có bảo anh theo đâu. Tôi bảo là anh giao tàu cho tôi trên sông chứ không phải ở cái vũng này.

- Các túi bột mì, một cuộn dây thừng, kim khâu và chỉ buồm đấy.

Quých-Quých và tôi lại quay về nơi ẩn náu. Chúng tôi về trước khi trời tối, không gặp chuyện phiền phức gì. Trên đường về, con heo mệ nên anh vác nó lên vai. Hôm nay, tôi đang khâu buồm một mình, bỗng nghe có tiếng kêu. Tôi nấp vào rừng gần quăng có bùn và trông sang bờ bên kia. Quých-Quých tranh cãi khoa chân múa tay với người trí thức Tàu. Tôi đoán là anh ta muốn sang đảo mà Quých-Quých không cho sang. Tay người nào cũng cầm một con dao phạt. Người cụt tay có vẻ nóng hơn. Mong sao anh ta đừng giết Quých-Quých. Tôi quyết định lộ diện. Tôi huýt sáo. Hai người quay về phía tôi.

- Có việc gì thế, anh Quých-Quých?.

- Tôi muốn nói chuyện với anh, anh Papillon ạ! - Người kia nói. - Anh Quých-Quých không cho tôi sang bên ấy.

Sau mười phút tranh cãi bằng tiếng của họ, cả hai đã theo con heo sang bên này đảo. Ngồi trong lán, khi mỗi người tay đã cầm một ca nước trà, tôi chờ nghe họ nói.

- Chuyện như thế này - Quých-Quých nói. - Anh ta muốn vượt ngục bằng được với chúng ta. Tôi nói cho anh ấy hiểu là tôi không có quyền gì trong chuyện này, anh là người trả tiền và chỉ huy tất cả. Anh ấy không tin tôi.

- Anh Papillon ơi, - anh kia nói, - Quých-Quých phải để cho tôi cùng đi mới được.

- Tại sao?

- Hai năm trước, chính anh ấy đã chặt cụt tay tôi trong khi đánh bạc. Anh ấy bắt tôi thề là sẽ không giết anh ấy. Tôi đã thề, nhận lời với điều kiện là anh ta phải nuôi tôi suốt đời. Ít ra cũng phải nuôi tôi khi tôi đòi hỏi. Nếu anh bỏ đi suốt đời, tôi sẽ không còn nhìn thấy anh ấy cho nên một là anh ấy để anh đi một mình, hai là anh ấy phải để tôi đi theo.

- Lại còn chuyện thế nữa, cả đời bây giờ tôi mới gặp chuyện này là một đấy, được, tôi bằng lòng để anh đi theo. Tàu cũng tốt và rộng, có thể đi thêm nữa nếu ta muốn. Anh Quých-Quých bằng lòng, thì tôi để anh đi theo.

- Cảm ơn anh, - anh cụt tay nói.

- Anh thấy thế nào, anh Quých-Quých?

- Đồng ý, nếu anh muốn.

- Có một điều quan trọng. Anh có thể ra khỏi trại mà không bị coi là mất tích và bị truy nã về tội vượt ngục, và anh có thể có mặt ở ngoài sông trước khi trời tối không?

- Không có gì nhiều đâu. Tôi có thể ra khỏi trại từ ba giờ và chưa tới hai giờ sau, tôi đã đến bờ sông rồi.

- Anh Quých-Quých ơi, ban đêm anh có thể tìm chỗ để chúng ta cho bạn anh lên tàu mà không mất thì giờ không?

- Có chứ, chắc chắn là có.

- Một tuần nữa, anh đến đây để biết ngày khởi hành nhé.

Anh cụt tay sau khi bắt tay tôi, vui vẻ quay đi. Tôi trông thấy cả hai người chia tay nhau ở bờ bên kia. Trước khi từ giã, họ đã bắt tay nhau. Mọi việc êm đẹp cả.

Khi Quých-Quých trở về lán tôi nói luôn:

- Anh ta giao kèo với đôi thủ của anh lạ nhỉ, nhận nuôi anh ta suốt đời, chuyện lạ thường lắm đấy. Tại sao anh lại chặt tay anh ta?

- Chơi bạc rồi đánh nhau.

- Thà anh giết chết anh ta còn hơn.

- Không được, vì anh ấy là người bạn rất tốt. Khi ra tòa án binh, anh ta đã tận tình bênh vực tôi; nói là chính anh ta đánh tôi trước, còn tôi chỉ tự vệ thôi. Tôi đã tự nguyện cam kết, tôi phải giữ đúng lời hứa. Chỉ có một điều tôi không dám cho anh biết vì anh chi tiền cho cả chuyến vượt ngục.

- Thôi xong rồi, anh Quých-Quých ơi, chúng ta không cần nói đến chuyện này nữa. Nhờ trời, khi nào được tự do anh muốn làm gì tùy anh.

- Tôi sẽ giữ lời hứa.

- Nếu có ngày anh được tự do, anh tính sẽ làm gì?

- Mở tiệm ăn. Tôi là bếp giỏi, còn anh ấy chuyên về “hủ tiếu”.

Việc này làm tôi vui hẳn. Câu chuyện buồn cười làm tôi cứ chọc Quých-Quých hoài.

Sô-cô-la đã giữ lời hứa: năm ngày sau, tất cả đã sẵn sàng. Chúng tôi đi xem tàu vào một ngày mưa tầm tã. Không có gì có thể chê trách cả. Cột buồm, bánh lái và ky điều hoàn hảo. Ở một khúc quanh trên sông, chiếc tàu cùng thùng ton-nô nước và thức ăn đã đợi chúng tôi. Chỉ còn báo tin cho anh cụt thôi: Sô-cô-la nhận đi đến trại để gọi anh kia, và sẽ đưa thẳng anh kia đến nơi giấu tàu để chúng tôi khỏi phải tới bờ sông đón anh.

Cửa sông Kourou có hai cây đèn pha để xác định vị trí. Trời mưa tàu có thể vượt qua được chỗ đó nếu di ở giữa sông và dĩ nhiên là không kéo buồm lên. Sô-cô-la đã cho chúng tôi một hộp sơn đen và một cây bút vẽ. Chúng tôi sẽ sơn lên buồm một chữ K lớn và số 21, K.21 là số đăng ký một tàu đánh cá thỉnh thoảng có đi đánh cá đêm. Trường hợp ra đến biển, chúng tôi kéo buồm lên mà bị phát hiện, người ta sẽ tưởng đây là chiếc tàu đánh cá kia.

Chúng tôi quyết định tối mai, hồi mười chín giờ, một giờ sau khi trời sập tối, sẽ khởi hành. Quých-Quých tin chắc sẽ tìm được đường đi và bảo đảm đưa tôi đến thẳng nơi giấu tàu. Chúng tôi rời đảo hồi năm giờ để tranh thủ đi một tiếng trong lúc trời còn sáng. Tôi trở về lán rất vui vẻ. Quých-Quých vai vác con heo nói chuyện huyền thiên với tôi mà không quay lại, vì tôi đi sau lưng anh ta.

- Cuối cùng, tôi cũng ra khỏi trại giam. Nhờ có anh và chú Chang của tôi mà tôi được tự do. Sẽ có ngày, khi người Pháp rút khỏi Đông Dương, tôi được trở về nước.

Tóm lại, anh tin tôi, và thấy tôi ưng cái tàu, anh vui như khướu Tôi ngủ đêm cuối cùng ở đảo, tôi hy vọng cũng là đêm cuối cùng trên đất Guyane. Nếu tôi ra tới sông và tới biển, chắc chắn là tự do rồi. Nguy cơ lớn nhất là bị đắm tàu, vì từ khi có chiến tranh, không có nước nào trả tù vượt ngục. Về điểm này, chiến tranh đã có lợi cho chúng tôi. Nếu chúng tôi thất bại, chúng tôi sẽ bị tử hình, đúng là thế, nhưng còn phải bắt được chúng tôi đã. Tôi nghĩ đến Sylvain. Đáng lẽ anh phải ở đây, ngay cạnh tôi, cùng với tôi, nếu anh không phạm phải điều khinh xuất kia. Tôi đã thảo bức điện trong khi ngủ: “Gửi ông tổng biện lý Pradel - Cuối cùng tôi đã dứt khoát thắng được con đường của sự thôi rửa mà ông ném tôi vào. Tôi đã mất chín năm”.

Mặt trời đã lên cao khi Quých-Quých đánh thức tôi dậy. Lại uống trà, ăn bánh tráng. Chung quanh đây những hộp là hộp, tôi còn thấy hai cái lồng bằng mây.

- Lồng để làm gì vậy?

- Tôi nhốt gà để ăn dọc đường.

- Anh có điên không anh Quých-Quých? Ai lại đem gà đi theo. Trong một hành trình như thế này?

- Tôi muốn đem đi.

- Anh có bệnh không đấy? Nếu nước xuống, tận sáng chúng ta mới ra khỏi cửa sông, lỡ lúc ấy, gà sông gà mái gáy ầm lên trên sông, anh thấy có nguy hiểm không?

- Tôi không vất gà lại đâu.

- Anh luộc gà đi rồi bỏ vào mỡ hay dầu. Thế mới để được lâu và chúng ta sẽ ăn trong ba ngày đầu.

Cuối cùng Quých-Quých cũng phải chịu, anh đi bắt gà, những tiếng kêu của bốn con gà đầu tiên anh tóm được đã làm những con khác bỏ chạy hết, anh không bắt thêm được con nào, chúng trốn cả vào rừng. Đây cũng là điều bí mật của loài vật, không biết tại sao cũng cảm thấy trước mỗi nguy cơ. Theo sau con heo, chúng tôi vượt qua đồng bùn, vai vác nặng như lửa. Anh van nài tôi để anh mang con heo đi theo.

- Trời đất ơi! Liệu nó có kêu không?

- Tôi bảo đảm với anh là không. Tôi bắt nó im là nó phải im. Chúng tôi hai ba lần bị một con hổ cứ lượn quanh rình chúng tôi. Lúc đó nó cũng không kêu, mà nó sợ chết khiếp, lông cứ dựng đứng lên.

Tin vào thiện ý của Quých-Quých, tôi bằng lòng để anh đem còn heo thân yêu của anh theo, chúng tôi đến chỗ đầu tàu thì trời đã tối mịt. Sô-cô-la và anh cụt đã có mặt ở đấy rồi. Có hai cây đèn pin để tôi kiểm tra tất cả mọi vật dụng. Không thiếu thứ gì: vòng lông dây buồm, buồm mũi đã được có mặt ở đấy rồi. Có hai cây đèn pin để tôi kiểm tra tất cả mọi vật dụng. Không thiếu thứ gì: vòng lông dây buồm, buồm mũi đã được buộc sẵn sàng, có thể kéo lên ngay được. Quých-Quých kéo thử hai ba lần như tôi đã chỉ cho anh làm. Anh hiểu ngay công việc tôi nhờ anh. Tôi trả tiền anh da đen đã tỏ ra rất đứng đắn. Anh thật thà mang cả keo dán và nửa mảnh giấy bạc để nhờ tôi dán lại giúp. Anh không lúc nào sợ tôi lấy mất những tờ giấy bạc nọ. Ai không có những ý nghĩ xấu về người

khác, bản chất họ thường là tốt và thẳng thắn. Sô-cô-la là một người trung thực và lương thiện. Sau khi đã thấy tù khổ sai bị đối xử ra sao, anh không hề hối hận là đã giúp ba người tù thoát khỏi cái địa ngục kia.

- Từ biệt Sô-cô-la nhé. Chúc anh cùng gia đình gặp nhiều may mắn.

- Cảm ơn ông nhiều.

XI. TỪ GIÃ NƠI NGỤC TÙ

Chuyến vượt ngục của “dân tàu”

Tôi xuống tàu sau cùng và nhờ Sô-cô-la đẩy, chiếc tàu tiến về phía sông. Không có giềng, chỉ có hai mái chèo tốt, một do Quých chèo phía trước, một tôi chèo phía sau. Chưa tới hai giờ sau, chúng tôi ra đến sông.

Mưa đã hơn một giờ. Tôi lấy một bao bột mì để che mưa. Quých-Quých và anh cụt cũng làm như vậy, nước sông chảy siết và xoáy nhiều. Nhờ nước rút, ba giờ sau, chúng tôi đã đi ngang hai cây đèn pha. Tôi biết là đã gần ra đến biển vì hai cây đèn pha này ở mỏm ngoài cửa sông. Chúng tôi kéo buồm chính và buồm mũi, chúng tôi đã đi qua Kourou mà không gặp trở ngại gì Gió thổi phía bên trái mạnh đến nỗi tôi buộc phải buông buồm cho gió trượt đi. Tàu chúng tôi lao mạnh ra biển như một mũi tên, chúng tôi lọt qua cửa lạch và rời khỏi bờ rất nhanh. Trước mặt chúng tôi, cây đèn pha của đảo Royale đã chỉ đường cho chúng tôi. Mười ba ngày trước tôi còn ở phía sau cây đèn ấy, ở Đảo Quỷ. Chuyến ra khơi vào lúc ban đêm, việc mau chóng rời khỏi Đất liền không được hai bạn Tàu của tôi ăn mừng nổi trời. Những tay con trời này không quen lối bộc lộ tình cảm lộ ra ngoài.

Ra đến biển rồi, Quých-Quých chỉ bình thản nói:

- Chúng ta đã đi ra được, rất tốt.

Anh cụt nói thêm:

- Phải, chúng ta đã ra đến biển mà không gặp một khó khăn nào.

- Tôi khát quá, anh Quých-Quých, cho tôi xin một ít rượu.

Sau khi đưa tôi uống, cả hai cũng uống một chén rượu rum. Tôi đi không có la bàn, nhưng trong chuyến vượt ngục đầu tiên, tôi

đã học cách định hướng căn cứ vào mặt trời, trăng, sao và gió. Và tôi không ngần ngại lao ra biển khơi, cột buồm hướng về sao Hôm. Tàu rất tốt, nó vượt sóng một cách dẹt dàng và hầu như không bị tròng trành. Gió thổi rất dữ, buổi sớm chúng tôi đã ở rất xa bờ và các đảo Salut. Nếu không phải là làm liều, tôi đã hướng cho tàu chạy xích gần đảo Quý để từ ngoài khơi, vừa thoải mái ngắm vừa vượt qua nó.

Ròng rã sáu ngày, biển luôn có sóng lừng nhưng không mưa và không có giông bão. Gió rất mạnh đã đẩy chúng tôi đi rất nhanh về hướng tây. Quých-Quých và Vân Huê là những bạn đường tuyệt vời. Cả hai không lúc nào phàn nàn về trời xấu, về nắng, về đêm lạnh. Chỉ có điều là không anh nào muốn cầm lái và coi tàu lầy vài giờ để tôi được ngủ. Hàng ngày họ nấu bếp đến ba bốn lần. Có bao nhiêu gà chúng tôi đã ăn hết trơn. Hôm qua, tôi nói đùa với Quých-Quých.

- Bây giờ chúng ta ăn con heo chứ?

Anh ta đau khổ thực sự.

- Con vật này là bạn tôi và trước khi ăn thịt nó phải giết tôi đã.

Các bạn tôi cũng sẵn sóc đến tôi. Họ không hút thuốc để tôi muốn hút bao nhiêu thì hút. Lúc nào cũng có trà nóng. Họ làm tất cả mà không cần phải bảo. Chúng tôi ra đi đã được bảy ngày. Tôi không chịu đựng nổi nữa. Nắng gay gắt đến nỗi cả hai anh bạn Tàu của tôi cũng bị luộc chín như tôm. Tôi phải ngủ. Tôi buộc lái lại và chỉ căng một chút buồm. Tàu cứ đi theo hướng gió thổi. Tôi ngủ say như chết gần ba giờ. Tôi giật mình tỉnh dậy do bị xô mạnh. Khi rửa mặt tôi ngạc nhiên và vui vẻ thấy là trong lúc tôi ngủ anh bạn Quých đã cạo râu cho tôi mà tôi không biết. Mặt tôi cũng được anh bôi dầu.

Từ chiều qua tôi lái qua hướng Tây Nam vì tôi cảm thấy đi quá xa về hướng Bắc. Tàu nặng nên có cái lợi là nó không dễ bị trệch hướng. Do đó, tôi thấy nó đi quá về hướng Bắc thật ra có lẽ là không đúng. Kìa, có chiếc khinh khí cầu! Đây là lần đầu tiên trên

đời, tôi được trông thấy nó. Nó không có vẻ đang bay về phía chúng tôi, và nó ở quá xa, khó ước lượng được kích thước của nó.

Ánh nắng phản chiếu trên lớp nhôm làm nó ánh lên màu bạch kim và chói đến nỗi mắt không nhìn thẳng vào đấy được. Nó bỗng đổi hướng, hình như bay về phía chúng tôi. Quả vậy, nó to dần rất mau, và chỉ hai mươi phút sau, nó đã ở trên đầu chúng tôi. Quých và anh cụt vô cùng ngạc nhiên khi thấy chiếc khinh khí cầu, cứ nói huyền thuyên với nhau bằng tiếng Tàu.

- Các anh nói bằng tiếng Pháp để tôi nghe mấy chữ.

- Khí cầu của Anh - Quých nói.

- Không, đấy không phải là khí cầu tròn mà là một chiếc dirigeable: loại khí cầu này có thể điều khiển như máy bay.

Chiếc khinh khí cầu rất to, bây giờ chúng tôi đã thấy được rất rõ vì nó hạ thấp và lượn trên đầu chúng tôi thành những vòng nhỏ. Có những lá cờ nhỏ được đưa ra phát tín hiệu. Chúng tôi không hiểu gì nên không trả lời. Khí cầu vẫn ra hiệu và đến gần chúng tôi hơn, chúng tôi thấy được cả người trong khoang tàu. Rồi nó bay về phía đất liền. Một giờ sau một chiếc phi cơ bay tới và lượn nhiều lần trên đầu chúng tôi. Bỗng nhiên biển nổi sóng dữ hơn, gió cũng mạnh hơn. Chân trời bóng phía đều quang và không thể có mưa.

- Trông kia, anh cụt nói.

- Ở đâu?

- Đằng kia, hướng này, có thể là đất liền ở phía ấy. Điểm đen kia, là một chiếc tàu.

- Sao anh biết?

- Tôi đoán vậy, tôi còn cho đấy là một tàu khu trục.

- Vì sao?

- Vì nó không có khói.

Đúng vậy, một giờ sau chúng tôi thấy rõ một chiếc tàu chiến màu xám, có vẻ đến thẳng tàu chúng tôi. Nó lớn dần: chắc nó phải đi nhanh ghê gớm, mũi tàu hướng về chúng tôi, tôi sợ nó đi sát

chúng tôi quá, sẽ rất nguy hiểm vì biển động và vệt sóng của nó ngược với sóng biển có thể làm tàu chúng tôi bị đắm.

Đó là một tàu phóng ngư lôi loại nhỏ, khi nó lượn quanh nửa vòng phơi cả về ngang thân tàu chúng tôi đọc được tên tàu là Tarpon. Chiếc tàu nặng, treo cờ Anh phấp phới ở mũi tàu, đã lượn vòng và từ phía sau chậm chậm đến gần chúng tôi. Nó thận trọng đi sóng đôi, cùng tốc độ với tàu chúng tôi. Một phần lớn thủy thủ đoàn ở trên boong mặc quần áo màu xanh của Hải quân Anh. Từ đài chỉ huy, một sĩ quan mặc đồ trắng nói qua chiếc loa.

- Stop! You - Stop.

- Quých, hạ buồm xuống ngay.

Hai phút sau buồm chính, buồm foc và buồm mũi đã được hạ xuống. Không có buồm, tàu gần như dừng hẳn lại, chỉ có sóng xô tàu quay ngang. Tôi thấy không thể để lâu như vậy, vì sẽ nguy hiểm lắm. Một chiếc tàu mà không có xung lượng riêng của mình do động cơ hay do gió, không thể giữ được đúng hướng. Đưa hai tay lên miệng làm loa, tôi kêu to:

- Các ông có người nói được tiếng Pháp không hả thuyền trưởng

Một sĩ quan khác cầm lấy chiếc loa trên tay viên sĩ quan trước.

- Có tôi nói được tiếng Pháp.

- Các ông muốn gì?

- Lên tàu của các anh.

- Không được, nguy hiểm lắm, tôi không muốn các ông đâm hỏng tàu của tôi.

- Chúng tôi là tàu chiến đi kiểm tra biển, các anh phải tuân lệnh.

- Tôi không cần biết, vì chúng tôi không đi đánh nhau.

- Các anh không phải là những người sống sót của cái tàu bị bắn chìm?

- Không chúng tôi là những tù vượt ngục từ một trại giam tù khổ sai của Pháp.

- Trại giam tù khổ sai là cái gì, trại khổ sai nghĩa là gì?

- Nhà tù, tù nhân, tiếng Anh là Convict Hard labour.

- À, tôi hiểu rồi. Ở Cayenne hả?

- Phải, ở Cayenne.

- Các anh đi đâu?

- Sang Honduras thuộc Anh.

- Không được, các anh phải theo hướng Tây Nam và đi về thành phố George. Đây là lệnh, các anh phải theo.

- Được! Tôi bảo Quých kéo buồm lên và chúng tôi đi về hướng mà chiếc tàu phóng ngư lôi đã chỉ cho chúng tôi

Chúng tôi nghe có tiếng động cơ ở phía sau. Đây là một chiếc xuồng máy được tách khỏi tàu chiến. Nó đuổi kịp chúng tôi ngay. Một thủy thủ, súng đeo chéo qua vai, đứng ở mũi xuồng. Nó đến từ phía bên phải và đi sát kề bên chúng tôi mà không dừng lại, cũng không bắt chúng tôi dừng lại. Người thủy thủ nhảy phóc sang tàu chúng tôi. Chiếc xuồng tiếp tục đi trở về với chiếc tàu chiến.

- Good afternoon! - người thủy thủ nói.

Anh ta đi về phía tôi, ngồi xuống cạnh tôi rồi đặt tay lên cần lái và hướng tàu về phía Nam, chệch nhiều hơn so với hướng tôi đi. Tôi để cho anh ta lái, và quan sát cách làm của anh. Anh lái rất giỏi, không có gì phải nghi ngờ. Tuy thế, tôi vẫn ngồi tại chỗ của tôi. Biết thế nào được.

- Thuốc lá?

Anh lấy ra ba bao thuốc lá Anh và đưa cho chúng tôi mỗi người một bao.

- Trời ơi! - Quých nói, họ vừa đưa thuốc lá cho anh này đúng lúc anh xuống xuồng, vì chắc anh ta không phải lúc nào cũng mang ba bao thuốc lá trong người.

Tôi cười về lời nhận xét của Quých, rồi tôi lại chú ý đến người thủy thủ Anh: anh ta biết lái tàu giỏi hơn tôi. Tôi có đủ thì giờ để suy nghĩ. Lần này, việc vượt ngục đã thành công hoàn toàn, tôi đã là một người tự do, thật sự tự do. Cổ tôi nóng ran, tôi cảm thấy nước mắt trào ra. Thật vậy, tôi đã dứt khoát được tự do vì từ khi có chiến tranh, không nước nào trả tù vượt ngục về nơi cũ.

Trước khi chiến tranh chấm dứt, tôi có đủ thì giờ để được đánh giá tốt và bất cứ nước nào mà tôi định cư cũng sẽ hiểu rõ tôi. Điều bất lợi duy nhất là, do chiến tranh, có lẽ tôi không được lựa chọn nước tôi muốn ở lại. Cũng không sao, ở bất cứ nơi nào tôi sống, tôi cũng sẽ mau chóng làm sao để được dân và các nhà cầm quyền ở đây quý mến và tin cậy, cách sống của tôi sẽ không ai chê trách vào đâu được. Hơn thế, cách sống ấy phải là gương mẫu nữa.

Cảm giác an toàn là cuối cùng tôi đã chiến thắng được con đường thói xấu làm tôi không còn nghĩ đến việc gì khác. Papillon, thế là cuối cùng, mày đã được cuộc. Sau chín năm, mày đã toàn thắng. Cảm ơn Chúa lòng lành, có thể người đã làm như vậy từ trước, nhưng con đường người vạch ra rất bí ẩn, con không oán trách người vì nhờ người giúp đỡ, con vẫn còn trẻ, còn lành mạnh và tự do.

Chính lúc đang nghĩ tới con đường mà tôi đã vượt qua trong chín năm bị tù đầy khổ sai cộng với hai năm tù ở Pháp tổng cộng là mười một năm là lúc tôi đã trông theo tay người thủy thủ đang chỉ và nói với tôi:

- Đắt liền kia kìa.

Hồi mười sáu giờ, sau khi đi ngang một ngọn đèn biển đã tắt, chúng tôi vào một con sông lớn. Sông Demerara. Chiếc xuồng lại xuất hiện, người lính thủy tảo tay lái cho tôi và ra phía trước. Anh ta bắt một cuộn thùng to được ném tới và buộc vào ghế băng phía trước. Chính tay anh đã hạ buồm và chèo xuồng nhẹ nhàng kéo chúng tôi khoảng hai mươi kilômét ngược giòng con sông nước vàng vàng này, theo sau độ hai trăm mét là chiếc tàu phóng ngư lôi. Sau một khúc quanh, một thành phố lớn hiện ra, người lính thủy Anh reo to: “Đến thành phố George rồi”.

Đúng là chúng tôi đã đến thủ đô của nước Guyane thuộc Anh, do chiếc xuồng kéo. Có rất nhiều tàu chở hàng, thuyền máy và tàu chiến. Có nhiều đại bác đặt trong các tàu chiến cũng như trên đất liền.

Chiến tranh là như thế. Chiến tranh nổ ra đã hai năm rồi mà tôi không hay biết gì. Thành phố George, thủ đô của Guyane thuộc Anh, cảng quan trọng trên sông Demerara, ở trong tình trạng có chiến tranh một trăm phần trăm. Cái cảnh một thành phố được vũ trang làm tôi thấy buồn cười. Chúng tôi vừa ghé sát một cầu tàu quân sự thì chiếc tàu phóng ngư lôi đi theo chúng tôi cũng từ từ ghé tới và cặp bến. Quách với con heo, Huê với cái bọc nhỏ trong tay và tôi tay không, chúng tôi lên bến. Không có một người dân nào trên cầu tàu dành cho Hải quân này. Chỉ có lính thủy và quân nhân. Một viên sĩ quan đi tới. Tôi nhận ra ông ta. Ông là người nói tiếng Pháp với tôi từ trên tàu phóng ngư lôi, ông ta tử tế chìa tay cho tôi và nói với tôi:

- Anh có khỏe không?

- Thưa thuyền trưởng khỏe

- Tốt. Dù sao anh cũng phải qua y tế để chích ngừa vài mũi. Cả hai bạn của anh nữa.

XII. GEORGETOWN

Buổi chiều, sau khi được chích nhiều thứ thuốc vắc- xin khác nhau, chúng tôi được chuyển sang đồn cảnh sát của thành phố, một thứ trụ sở lớn có hàng trăm cảnh binh tập nập ra vào không ngớt. Giám đốc cảnh sát của thành phố George, người cầm quyền tối cao, chịu trách nhiệm về sự an toàn của hải cảng quan trọng này, tiếp ngay chúng tôi tại phòng làm việc của ông. Quanh ông là các sĩ quan Anh mặc đồ ka-ki, quần cộc, bít tất trắng, trông chừng chặc không chê vào đâu được. Ông đại tá ra hiệu cho chúng tôi ngồi xuống trước mặt ông. Bằng tiếng Pháp chính công, ông hỏi chúng tôi:

- Lúc người ta bắt gặp các anh trên biển, các anh từ đâu tới?
- Từ trại tù khổ sai ở Guyane thuộc Pháp.
- Các anh cho tôi biết những điểm chính xác mà từ đó các anh vượt ngục đi.
- Tôi ở đảo Quỷ. Các anh này ở một trại giam ở đất liền, một nửa là tù chính trị, tại Inini, gần Kourou trên đất Guyane thuộc Pháp.
- Anh bị kết án thế nào?
- Tù chung thân. Lý do: giết người.
- Còn bác người Tàu?
- Cũng giết người.
- Án ra sao?
- Chung thân.
- Nghề nghiệp?
- Thợ điện.

- Còn các anh kia?
- Nấu bếp.
- Các anh theo Degaulle hay Pétain?

- Chúng tôi không biết gì. Chúng tôi chỉ là những tù nhân muốn tìm cách sống lương thiện trong tự do.

- Chúng tôi sẽ để các anh ở một xà-lim được mở cửa suốt ngày đêm. Chúng tôi sẽ trả tự do cho các anh sau khi xét lời các anh đã khai. Nếu các anh nói thật, các anh không phải sợ. Các anh phải hiểu là chúng tôi đang có chiến tranh, nên chúng tôi buộc lòng phải thận trọng hơn thời bình nhiều.

Tám ngày sau, chúng tôi đã mau chóng được trả tự do. Chúng tôi lợi dụng tám ngày ở lại Đồn cảnh sát ấy để trang bị quần áo thơm mát. Chín giờ sáng mai anh Tàu và tôi đã ăn mặc chỉnh tề ra đường với giấy văn cước có dán ảnh.

Các nhà trong cái thành phố 250.000 dân này hầu hết là bằng gỗ, kiến trúc kiểu Anh: tầng trệt bằng xi-măng, phần còn lại bằng gỗ. Đường xá và đại lộ chật ních những người thuộc đủ các chủng tộc: da trắng, da đen, Ấn Độ, có các phu phen, thủy thủ Anh, Mỹ, hoặc người phương Bắc. Chúng tôi hơi say sưa thấy mình được ở giữa đám đông sặc sỡ này. Một niềm vui mãnh liệt tràn ngập lòng chúng tôi, mạnh mẽ đến nỗi nó lộ rõ trên mặt chúng tôi, kể cả hai anh người Tàu, làm nhiều khách bộ hành nhìn chúng tôi và mỉm cười vui vẻ.

- Chúng tôi đi đâu bây giờ? - Quých hỏi.

- Tôi biết sơ sơ địa chỉ vài người. Một cảnh sát da đen đã cho tôi địa chỉ của hai người Pháp ở đường Penitence Rivers.

Hỏi thăm kỹ thì đây là một khu đặc biệt chỉ có người Ấn Độ cư ngụ. Tôi đến gặp một cảnh sát viên ăn mặc đồ trắng, trông chừng chặc, tôi đưa địa chỉ cho anh ta coi. Trước khi trả lời, anh hỏi giấy tờ của chúng tôi. Tôi hãnh diện lấy ra đưa cho anh. “Rất tốt, cảm ơn”, và anh ta sốt sắng đưa chúng tôi đến một chiếc tàu điện và nói gì với người lái. Chúng tôi đi ra ngoài thành phố và hai mươi phút sau, người lái tàu bảo chúng tôi xuống. Chắc là đến nơi

rồi. Chúng tôi hỏi đường. “Anh là người Pháp hả?” Một thanh niên ra hiệu cho chúng tôi đi theo anh ta. Anh ta đưa chúng tôi đến thẳng một căn nhà thấp. Tôi vừa tới nơi thì thấy có ba người đi ra, điệu bộ niềm nở:

- Sao lại thế này, Papi, anh ở đây à?

- Vô lý, người già nhất, tóc bạc trắng nói. - Vào đi! Đây là nhà tôi. Hai người Tàu này đi với anh đây?

- Phải.

- Vào đi, mời các anh vào cả.

Người tù già này tên là Guittou Auguste, còn gọi là Le Guittou, dân Marseille chính cống. Chín năm trước, năm 1933, anh lên tàu La Martinière cùng một chuyến với tôi. Sau một chuyến vượt ngục thất bại, anh được tha tội chính và đã bỏ trốn đi, cách đây ba năm, theo như lời anh nói. Hai người kia, một là Louis Nhỏ, người ở Ardes, một người dân Toulouse tên là Julot. Cả hai cùng trốn đi sau khi mãn hạn tù, đáng lẽ họ phải ở lại Guyane thuộc Pháp một thời gian tương đương với thời gian họ bị giam, mười năm và mười lăm năm (gọi là thời gian quản thúc).

Căn nhà có bốn gian: hai phòng, một căn bếp, kiêm phòng ăn và một xưởng nhỏ. Họ đóng giày bằng balata, một thứ cao-su thiên nhiên kiếm ở trong rừng, cứ bỏ vào nước nóng là có thể nhào nặn thành đồ dùng rất dễ dàng. Nhược điểm của nó là để lâu ngoài nắng thì bị chảy, vì đó là thứ cao su chưa được lưu hóa. Người ta khắc phục khuyết điểm đó bằng cách cho những lớp vải xen kẽ với các lớp balata.

Chúng tôi được tiếp đón nồng hậu, với tấm lòng cao thượng của một người đã từng đau khổ, Guittou đã thu xếp cho ba chúng tôi một văn phòng và để chúng tôi ở nhà anh không hề do dự chút nào. Chỉ có một vấn đề là con heo của Quých-Quých, nhưng Quých bảo đảm là nó không làm dơ nhà và chắc chắn là nó biết ra ngoài một mình để đi đái.

Guittou nói: “Được, rồi sẽ tính sau, bây giờ anh em cho nó ở với anh”.

Tạm thời chúng tôi lấy ba tấm chăn cũ của lính trải ra đất làm giường nằm.

Sáu người chúng tôi ngồi trước cửa, hút vài điếu thuốc, tôi kể cho Guittou nghe những chuyện gian truân của tôi trong chín năm qua. Hai người bạn của anh và anh hết sức chăm chú lắng nghe và như cùng sống lại những biến cố đó và họ cũng qua những kinh nghiệm thực tế của bản thân để cảm thông được. Có hai người biết Sylvain, đã than vãn về cái chết của anh ta. Trước mặt chúng tôi, rất nhiều người thuộc đủ các chủng loại đi qua đi lại. Thỉnh thoảng có người vào mua một đôi dép hay một cây chổi, vì Guittou và các bạn anh còn làm cả chổi để kiếm sống. Qua họ tôi biết là trong số tù khổ sai và đi đày có chừng ba chục người vượt ngục đã đến ở thành phố George. Ban đêm, họ gặp nhau tại một quán rượu ở trung tâm thành phố để uống rượu rum hay bia. Julot nói với tôi là tất cả đều làm việc để sinh sống và đa số có thái độ tốt.

Trong khi chúng tôi ngồi hóng mát ở cửa có một người Tàu đi qua, Quých liền gọi anh ta lại. Rồi không nói gì với tôi, anh và anh cụt đi theo người nọ. Chắc họ không đi xa vì con heo cũng theo sau. Hai giờ sau, anh về cùng một chiếc xe ba gác nhỏ do con lừa kéo. Anh vênh vang như Artaban, ghìm con lừa dừng lại và nói với nó bằng tiếng Tàu. Con lừa có vẻ hiểu được thứ tiếng này. Trong xe, có ba cái giường sắt, ba tấm nệm, gối và ba chiếc va-li. Anh đưa cho tôi một chiếc va li đầy trong có áo sơ-mi, quần đùi, áo lót cùng hai đôi giày, v.v.:

- Anh kiếm ra những thứ này ở đâu vậy, Quých?

- Các bạn đồng hương của tôi cho tôi đấy. Ngày mai chúng ta đến thăm họ nhé?

- Đồng ý.

Chúng tôi tưởng Quých lại dắt con lừa và chiếc ba gác đi, nhưng không. Anh tháo lừa ra, buộc nó ở trong sân.

- Họ tặng tôi cả con lừa và chiếc xe này. Họ nói, với những thứ ấy, tôi có thể kiếm sống dễ dàng. Sáng mai, một người cùng quê với tôi sẽ đến đây chỉ cho tôi.

Dân Tàu, làm gì cũng mau thật.

Guittou bằng lòng cho chiếc xe và con lừa được ở tạm trong sân. Ngày tự do đầu tiên của chúng tôi trôi qua tốt đẹp. Buổi tối, sáu chúng tôi ngồi quanh bàn làm việc, ăn ngon lành món xúp rau, do Julot nấu, và một đĩa mì ống.

- Lần lượt, mỗi người thay phiên nhau dọn nhà và rửa bát chén - Guittou nói:

Bữa ăn chung này tượng trưng cho một tập thể nhỏ đầy nhiệt tình. Cảm giác biết mình được giúp đỡ trong bước đầu của cuộc đời tự do làm chúng tôi vững lòng. Quých, anh cụt và tôi thấy sung sướng thật sự và hoàn toàn. Chúng tôi có một mái nhà, một cái giường, những người bạn hào phóng, tuy nghèo nhưng cũng có tinh thần cao thượng đã giúp đỡ chúng tôi. Còn cần đòi hỏi gì hơn nữa?

- Đêm nay, cậu có muốn làm gì không, Papillon? - Guittou hỏi tôi. - Cậu muốn đến quán rượu ở trung tâm, nơi các tay tù vượt ngục đều tới không?

- Tôi thích ở nhà đêm nay hơn. Anh muốn đi thì cứ đi. Mặc tôi.

- Được tôi sẽ đi vì tôi cần gặp một người.

Tôi sẽ ở lại với Quých và anh cụt.

Louis nhỏ và Guittou ăn mặc chỉnh tề, thắt và vạt và đi về phía trung tâm. Chỉ có Julot ở lại để làm nốt vài đôi giày cho xong. Các bạn tôi và tôi đi một vòng quanh các đường phố lân cận cho biết. Tất cả dân ở đây đều là người Ấn Độ. Rất ít người da đen, hầu như không có dân da trắng, rải rác có vài tiệm ăn Tàu.

Penitence Rivers, tên khu phố này, là một góc nước Ấn Độ hay xứ Nam Dương. Các thiếu phụ và thiếu nữ đều rất đẹp, và các ông cụ đều mặc áo dài trắng. Nhiều người đi chân đất. Khu phố nghèo nhưng mọi người đều ăn mặc sạch sẽ. Đường phố thiếu đèn, những quán ăn, uống, đều đông nghẹt người, đâu đâu cũng nghe thấy âm nhạc Ấn Độ.

Một người da đen bỏ hóng mặc đồ trắng, thất và vạt chặn tôi lại:

- Ông là người Pháp phải không, thưa ông?

- Phải.

- Được gặp người đồng hương, tôi mừng lắm. Mời ông muốn một ly với tôi.

- Cũng được, nhưng tôi còn hai người bạn.

- Không sao, họ có nói được tiếng Pháp không?

- Được.

Cả bốn chúng tôi vào ngồi một bàn kê bên lề đường, trước một quán rượu. Anh chàng Martinique này nói một thứ tiếng Pháp còn chọn lọc hơn chúng tôi. Anh bảo chúng tôi phải đề phòng bọn da đen Anh, vì theo anh, họ đều nói dối. “Chúng nó không như người Pháp chúng ta đâu, chúng ta chỉ nói một lời, bọn chúng không như vậy”.

Tôi cười thầm vì thấy anh chàng da đen Tombouctou này tự xưng là người Pháp chúng ta, song tôi lại thực sự lúng túng. Đúng me xừ này là một người Pháp, chính cống hơn tôi, tôi nghĩ vậy, vì anh ta nhận quốc tịch mình một cách đầy nhiệt tình và tin tưởng. Anh ta có thể chết vì nước Pháp, còn tôi thì không. Do đó anh ta Pháp hơn tôi. Cho nên tôi cũng phụ họa theo anh.

- Được gặp đồng hương và nói tiếng mẹ đẻ tôi rất thích vì tôi nói tiếng Anh tồi lắm.

- Còn tôi, tôi nói được, tôi nói tiếng Anh thạo và đúng văn phạm nữa. Anh cần gì, tôi sẵn sàng giúp anh. Anh ở thành phố George này đã lâu chưa?

- Mới được tám ngày, không hơn.

- Anh ở đâu đến?

- Ở Guyane thuộc Pháp.

Không thể thế được, anh là dân vượt ngục hay là người coi tù chạy theo De Gaulle?

- Tôi vượt ngục.
- Còn các bạn anh?
- Cũng vậy.

- Henri ơi, tôi không muốn biết quá khứ của anh, bây giờ là lúc phải giúp đỡ nước Pháp để chuộc tội. Tôi theo De Gaulle và tôi đang chờ tàu để sang Anh đây. Ngày mai anh lại tìm tôi ở Câu lạc bộ Martinier nhé. Địa chỉ đây. Tôi rất sung sướng nếu anh cùng tham gia với chúng tôi.

- Anh tên là gì?
- Homère.

- Me-xù Homère ơi, tôi không thể quyết định ngay được. Tôi phải tìm hiểu tình hình gia đình tôi và suy xét kỹ trước khi quyết định một việc quan trọng như vậy. ông Homère ơi, nước Pháp đã làm tôi đau khổ và đối xử với tôi vô nhân đạo lắm.

Anh chàng Martinique đã cố thuyết phục tôi với tất cả nhiệt tình sôi nổi vô hạn độ của trái tim anh. Nghe những lý lẽ của con người này đi bảo vệ nước Pháp đã bị tàn phá của chúng tôi, thật vô cùng cảm động.

Chúng tôi về nhà rất muộn và khi đi nằm, tôi nghĩ lại rất cả những gì người dân Pháp lớn đó đã nói với tôi, tôi phải suy nghĩ đứng đắn về đề nghị của anh ta. Nói cho cùng thì bọn cảnh sát, bọn quan tòa, chính quyền nhà tù đều phải là nước Pháp. Tôi cảm thấy mình vẫn còn rất yêu nước Pháp. Thế mà lại có bọn Đức trên đất Pháp. Trời ơi, những người thân của tôi đau khổ biết bao nhiêu, và đối với tất cả những người dân Pháp, thật là nhục nhã biết chừng nào.

Khi tôi tỉnh dậy, con lừa, chiếc xe ba gác, con heo, Quých và anh cụt đã biến đâu mất.

- Cậu ngủ ngon chứ? - Guittou và các bạn anh hỏi.
- Ngủ say lắm, cảm ơn.
- Cậu muốn uống cà phê sữa hay trà?

- Cà phê với bánh mì phết bơ.

- Cảm ơn!

Tôi vừa ăn vừa xem họ làm việc.

Julot chuẩn bị balata dần dần theo nhu cầu cần thiết, anh ta bỏ thêm những tảng balata rắn chắc vào nước nóng và nhào lăn với cái khối đã mềm.

Louls nhỏ chuẩn bị sẵn những mảnh vải, còn Guittou hoàn tất chiếc giày..

- Các anh làm được nhiều không?

- Không. Bọn mình làm đủ kiếm hai mươi đô-la một ngày. Trả tiền nhà và ăn năm đô-la. Còn lại cho mỗi đứa năm đô-la làm tiền túi, may mặc và tiền hớt tóc

- Các cậu bán hết à?

- Không, thỉnh thoảng, một đứa trong bọn mình phải đi bán giày và chổi ở các đường phố: Đi bán dạo như vậy, dưới nắng, gay lắm.

- Nếu cần, tớ cũng muốn cùng làm với các cậu ở đây tớ không thích là kẻ ăn bám. Tớ cũng phải góp phần vào bữa ăn chứ.

- Tốt thôi, Papi.

Suốt ngày, tôi đi dạo ở khu phố người Ấn của thành phố George. Tôi trông thấy một bảng quảng cáo chiếu bóng và thấy thèm xem một phim màu, có tiếng nói, lần đầu tiên trong đời. Chiều nay tôi sẽ bảo Guittou dẫn tôi đi coi. Tôi đi trên đường Penitence Rivers suốt cả ngày. Thái độ lịch thiệp của những người dân ở đó làm tôi mến họ vô cùng. Họ có hai đức tính: họ rất sạch và rất lễ độ. Cái ngày thơ thẩn một mình tại đường phố ở khu này của thành phố George đối với tôi còn lớn lao hơn nhiều so với ngày tôi đến Trinidad chín năm trước.

Ở Trinidad, giữa những cảm giác kỳ diệu do được đi lẩn trong đám đông, tôi luôn luôn tự nhủ: một ngày nào, trong hai tuần lễ nữa là nhiều nhất, tôi lại phải ra đi trên biển. Nước nào sẽ vui lòng nhận tôi? Có quốc gia nào cho tôi cư trú không? Tương lai

sẽ ra sao? ở đây khác hẳn. Tôi được hoàn toàn tự do, và nếu tôi muốn, tôi có thể sang Anh, tham gia các lực lượng tự do nước Pháp. Tôi phải làm gì? Nếu tôi quyết định đi theo De Gaulle, người ta có thể nói là tôi chẳng biết đi đâu nên phải đâm đầu vào đấy! Giữa những người lành mạnh, biết đâu họ sẽ chỉ coi tôi như một tên tù khổ sai chẳng ăn náu được vào đâu, nên phải đến với họ? Người ta đồn là nước Pháp bị chia ra làm hai, một bên theo Pétain và bên kia theo De Gaullê. Sao một thống chế pháp lại không biết đâu là danh dự và quyền lợi của nước Pháp nhỉ? Nếu tôi tham gia các lực lượng tự do sau này, tôi có phải bắn vào những người Pháp không? ở đây thật là khó, rất khó tạo cho mình một chỗ đứng tạm chấp nhận được. Guittou, Julot và Louis nhỏ không phải là những thằng đàn, mà họ vẫn làm việc để kiếm năm đô-la một ngày. Trước hết, tôi phải tập sống tự do đã. Từ năm 1931 - bây giờ là 1942 - tôi là tù nhân. Tôi không thể giải quyết được những ả số trong ngày tự do đầu tiên. Tôi không còn biết có những vấn đề gì được đặt ra cho một người muốn tạo cho mình một chỗ đứng trong cuộc sống. Tôi chưa bao giờ làm việc bằng tay của mình. Tôi chỉ là một anh thợ điện quèn. Tôi chỉ tự hứa với mình một điều duy nhất: sống sao cho sạch sẽ, ít ra cũng sạch sẽ nhất trong khuôn khổ đạo đức của riêng mình.

Tôi về đến nhà thì đã mười bốn giờ.

- Thế nào Papi, lần đầu tiên hít không khí tự do khoái chứ? Cậu đi chơi vui hả?

- Hay lắm, Guittou ơi, tôi cứ quanh di quần lại mãi trên các đường phố ở vùng ngoại ô lớn này.

- Anh có gặp bọn Tàu không?

- Không.

- Họ ở ngoài sân. Các bạn anh rất tháo vát. Họ đã kiếm bốn mươi đô-la và họ nhất định bắt tôi phải nhận hai mươi đô. Tất nhiên, tôi không chịu. Anh ra mà xem.

Quých đang thái một cây bắp cải cho con heo của anh ăn. Anh cắt đang kỳ cạo con lừa. Nó cứ đứng yên, có vẻ thích cho lắm.

- Thế nào Papillon?
- Tốt, còn các anh ra sao?
- Chúng tôi thích lắm, chúng tôi đã kiếm được bốn mươi đô-la.
- Các anh làm gì?
- Chúng tôi đi từ ba giờ sáng về vùng quê với một người đồng hương để anh ta chỉ dẫn cho. Anh ta mang theo hai trăm đô-la. Với số tiền ấy, chúng tôi mua cà chua, rau sà-lách, cà tím, nghĩa là các loại rau tươi và xanh. Vài con gà, trứng và sữa dê. Chúng tôi mang ra chợ ở gần bến tàu và thoát tiên chúng tôi bán cho người ở đây bán lẻ ít một, sau bán cho thủy thủ Mỹ. Họ bằng lòng về giá cả và họ bảo tôi là ngày mai, tôi không phải vào chợ nữa, tôi cứ đợi ở cổng trước bến. Họ sẽ mua tất cả cho. Tiền đây. Anh là người chỉ huy, anh cầm lấy tiền.
- Quých, anh biết là tôi cũng có tiền, tôi không cần đến món tiền này.
- Anh cứ giữ lấy. Nếu không, chúng tôi không làm việc nữa.
- Các anh hãy nghe tôi. Người Pháp có năm đô-la là sống được rồi. Chúng ta mỗi người cũng lấy năm đô-la để riêng cho mình, năm đô-la góp tiền ăn. Còn lại ta cất đi để trả nợ cho đồng hương các anh số hai trăm đô-la mà họ cho anh mượn.
- Đồng ý.
- Ngày mai, tôi muốn đi với các anh.
- Không, anh cứ ngủ. Nếu anh muốn, bảy giờ sáng anh tìm chúng tôi trước cổng bến tàu.
- Được.

Mọi người đều vui vẻ. Trước tiên, chúng tôi thấy đã kiếm sống được, không còn là gánh nặng cho các bạn. Sau Guittou và hai anh kia, họ tuy tốt thật, nhưng họ cũng phải lo không biết bao nhiêu lâu nữa chúng tôi mới có thể tự đi kiếm sống được.

- Để ăn mừng việc làm phi thường này của bạn anh, Papillon ơi, chúng ta phải uống hai lít rượu.

Julot đi một lát thì về, mang theo rượu mía trắng và đồ nhắm: Một giờ sau, chúng tôi uống rượu như ở Marseille. Rượu vào lời ra, và những tiếng cười vui đời vang lên rộn rã hơn thường lệ. Những người ân hàng xóm nghe nói ở bên nhà người Pháp có tiệc cũng sang chơi tự nhiên, có ba người đàn ông và hai cô gái. Họ mang những xiên thịt gà và thịt dê được tẩm rất nhiều tiêu ớt. Hai cô gái đẹp lạ thường, cả hai mặc toàn trắng, đi chân đất, cổ chân trắng đeo vòng bạc. Guittou nói với tôi:

- Cần thận, con gái trinh nguyên cả đấy. Anh đừng vì thấy họ để ngực trần dưới tấm voan mỏng trong mà ăn nói sàm sỡ với họ. Đối với họ thế là tự nhiên. Tôi thì không sao, tôi già rồi. Hồi mới tới đây, Julot và Louis nhỏ đã thử bỡm xồm chút đỉnh, cả hai đã lãnh đủ. Các cô này không chịu sang đây từ lâu rồi.

Hai cô gái Ấn Độ này đẹp tuyệt trần. Vết xăm giữa trán làm cho cả hai có một vẻ gì kỳ ảo. Hai cô nói chuyện tử tế với tôi, và với vốn liếng tiếng Anh ít ỏi của mình, tôi cũng hiểu rằng hai cô hoan nghênh việc tôi đến thành phố George này.

Đêm nay, Guittou và tôi đã đi vào trung tâm thành phố. Đến đây tưởng như đi vào một nền văn minh khác, hoàn toàn xa lạ với nơi chúng tôi sống. Thành phố đông nghẹt người. Da trắng, da đen, người Ấn Độ, Trung Hoa, quân nhân và lính thủy mặc quân phục cùng một số thủy thủ các thương thuyền. Rất nhiều quán rượu, tiệm ăn, tiệm giải khát và hộp đêm với ánh đèn gay gắt làm đường phố sáng như ban ngày.

Sau buổi xem phim (lần đầu tiên trên đời tôi được biết phim màu, loại có cả tiếng nói nữa), còn đang ngây ngất với cái mùi đời mới được hưởng đó, tôi đi theo Guittou vào một quán rượu rất lớn. Hơn hai mươi người pháp chiếm một góc phòng. Họ uống “Cu ba tự do” (rượu còn pha Coca cola).

Tất cả những người này đều là tù vượt ngục, dân anh chị cả. Có người đã mãn hạn, được thả rồi nhưng còn bị “quản thúc” tại chỗ. Đói khổ không có việc làm; lại bị dân chính quốc và cả dân địa

phương Guyan khinh rẻ, họ đã tìm đến một xứ sở mà họ cho là sẽ sống khá hơn. Nhưng ở đây họ vẫn rất cực, họ kể lại vậy.

- Tôi vào rừng chặt củi cho John Fernandaz lấy hai đô la rưỡi một ngày - Tháng nào tôi cũng về thành phố George chơi tám ngày. Tôi tuyệt vọng rồi.

- Còn anh?

- Tôi sưu tầm bướm. Tôi vào rừng săn bướm và khi có được một lô khá khá những con bướm các loại, tôi xếp chúng vào một cái hộp kính rồi đem bán cả bộ sưu tập

Có người đi bốc dỡ hàng ở bến cảng. Ai cũng làm việc không chỉ vừa đủ ăn. “Cực đấy nhưng được tự do, họ nói thế. Tự do quý lắm”.

Tối nay, có một người tù biệt xứ tên là Faussard đến thăm chúng tôi. Anh mời tất cả cùng uống. Anh làm trên một chiếc tàu Canada chở bốc-xít (bị trúng ngư lôi ở cửa sông Demerara). Anh sống sót và được trợ cấp đắm tàu. Thủy thủ đoàn chết gần hết. Anh may mắn lên được xuồng cấp cứu. Anh kể lại rằng chiếc tàu ngầm Đức đã nổi lên mặt nước và nói chuyện với những người còn sống sót sau khi tàu đắm. Chúng hỏi có bao nhiêu tàu còn đậu ở bến chờ được xếp bốc-xít và sắp rời cảng. Tất cả đều trả lời là không biết, thằng cha hỏi họ liền cười và nói: “Hôm qua, tôi còn xem chiếu bóng ở rạp này rạp nọ trong thành phố George. Các anh coi đây tôi còn giữ được nửa tấm vé vào cửa đây này”: Rồi chỉ vào áo vét ngoài, hấn lại nói: “Bộ quần áo này cũng mua ở thành phố George đấy”. Có những người hoài nghi kêu là chuyện bịa nhưng Faussard nhất định bảo là đúng như vậy thật. Chiếc tàu ngầm còn báo trước cho những người đắm tàu biết là tàu nào sẽ đến vớt họ. Về sau đúng chiếc tàu ấy đã đến đón họ thật. Ai cũng nói chuyện mình. Tôi và Guittou ngồi cạnh một ông già dân Pa ri, ở Khu Chợ. Ông ta nói tên ông là Louis Nhỏ ở đường Lombards.

- Anh bạn Papillon ơi, tôi nghĩ ra một mẹo để chẳng làm gì mà vẫn sống được. Hễ trên báo ở mục “hy sinh vì vua” hay “vì nữ hoàng” (tôi cũng chẳng rõ nữa), có tên một người Pháp, là tôi tìm đến một cửa hàng bán mộ chí bằng đá, thuê chụp một tấm hình có

tôi đứng bên một tấm bia có sơn tên tàu, ngày tàu đắm và tên người Pháp nọ. Sau đó tôi đến các biệt tự sang trọng của người Anh, tôi nói là họ phải góp tiền xây mộ cho người Pháp kia đã hy sinh cho nước Anh để lưu lại làm kỷ niệm tại nghĩa trang. Cho đến tuần vừa qua, có một thằng ngốc người Bretagne được đăng là chết trong một vụ đắm tàu vì trúng ngư lôi, lại sống nhảu rằng ra mà trở về. Thằng cha ấy đi thăm mấy bà, đúng là những người tôi đã quyên năm đô-la để xây mộ cho hân. Thằng cha đi đâu cũng réo lên là nó còn sống sờ sờ ra đấy, còn tôi thì chẳng làm tấm bia nào cả. Phải kiếm cách khác để sống thôi, vì với tuổi tôi tôi không làm gì nổi rồi.

Rượu vào ai cũng lớn tiếng kể đủ các chuyện bất ngờ nhất, tương ở đây chỉ có chúng tôi biết tiếng Pháp. Một người kể :

- Tôi làm búp bê và tay ghi-đông xe đạp bằng balata. Chẳng may mấy con bé để quên búp bê ở ngoài vườn dưới nắng, thế là búp bê chảy ra, hay rúm ró lại. Anh tưởng tượng khi tôi quên khuấy là mình đã bán ở đường phố nào, thì chuyện rùm beng đến đâu không. Đã một tháng nay, ban ngày tôi không dám đi đâu đến nửa cái thành phố George này. Xe đạp cũng vậy, thằng nào đi xe ngoài nắng, khi lấy xe là tay bị dính chặt vào tay lái làm bằng balata mua của tôi.

Một người khác kể:

- Còn tôi, tôi làm roi ngựa, có gắn đầu đàn bà da đen, cũng bằng balata. Với thủy thủ Anh, tôi nói tôi đã thoát chết ở trận Mers-el-Kebir*(*Mers-el-Kebir là một thành phố cảng của Algérie còn là thuộc địa Pháp hồi đại chiến thế giới lần thứ hai. Lúc Pétan đầu hàng Đức, có một hạm đội Pháp bỏ neo ở quân cảng Mers-el-Kebir đã không chấp nhận cả hai đề nghị của hạm cuối Anh ở Địa Trung Hải: hoặc chiến đấu chống phát xít Đức, hoặc phải để hải quân Anh tước khí giới để khỏi rơi vào tay bọn Đức. Các tàu Pháp không chịu, hải quân Anh đã nổ súng ngày 3.7.1940 đánh chìm các tàu Pháp ở đó làm chết 1297 thủy thủ Pháp - ND) nên họ phải mua cho tôi vì nếu tôi sống sót được, điều ấy không phải là lỗi của họ. Mười người thi có đến tám người đã mua.

Tôi khoái những kẻ đầu trộm đuôi cướp hiện đại, nhưng đồng thời cũng thấy rằng kiếm được miếng ăn quả là gian nan.

Có người mở máy thu thanh ở quầy rượu: De Gaulle đang đọc lời kêu gọi. Tất cả đều nghe tiếng nói của Pháp đang từ London hiệu triệu người Pháp sống tại các thuộc địa và đất hải ngoại. Lời kêu gọi của De Gaulle thống thiết làm mọi người im phăng phắc lắng nghe.

Bỗng, một tay anh chị đã quá chén đứng phắt dậy nói:

- Mẹ kiếp. Nói nghe được lắm, các bạn ơi. Thế là tự nhiên, tớ học được tiếng Anh, tớ hiểu hết tất cả những gì cái lão Churchill đó nói.

Mọi người cười phá lên, chẳng ai thiết vạch ra cho tay ấy biết hần lăm cả.

Đúng là trước tiên tôi phải tìm cách kiếm sống, và qua những người khác, tôi thấy việc đó không dễ chút nào. Tôi không lo mấy. Từ năm 1930 đến 1940, tôi đã hoàn toàn không còn trách nhiệm với mình và cũng không phải cho lấy lòng ai. Một con người bị giam cầm lâu như vậy, không phải lo việc ăn uống, lo chỗ ở, lo chuyện may mặc, một con người đã bị kẻ khác điều khiển, xoay tới xoay lui, không được tự ý làm bất cứ việc gì phải tuân theo như máy đủ các mệnh lệnh linh tinh nhất mà không được suy nghĩ gì. Con người như vậy chỉ trong vài tuần bỗng rơi tõm vào một thành phố lớn, rồi phải tập lại cách đi trên hè phố mà không xô đẩy ai, qua đường mà không bị xe cán, thấy người khác hầu hạ việc ăn uống của mình, nghe theo lệnh của mình, con người ấy phải tập lại cách sống. Chẳng hạn, người ấy có những phản ứng bất ngờ. Giữa những dân anh chị này, người thì được phóng thích, kẻ bị đi đày đã vượt ngục, nói tiếng Pháp thỉnh thoảng lại pha vài tiếng Anh hay tiếng Bân Nha, tôi dỏng tai nghe chuyện họ kể. Bỗng nhiên, trong cái quán rượu Anh này tôi muốn đi tiểu. Vậy mà, thật không sao tưởng tượng nổi, chỉ thoáng qua thôi, tôi định tìm giám thị để xin phép đi. Chỉ thoáng qua rất nhanh, nhưng nhận ra điều đó, tôi thấy nực cười, Papillon ơi, bây giờ mi không phải xin phép ai khi muốn đi tiểu hay làm bất cứ việc gì.

Ở rạp chiếu bóng cũng vậy, khi cô nhân viên tìm chỗ cho chúng tôi ngồi, tôi thoáng có ý muốn nói với cô ta: “Xin cô cứ để mặc tôi, tôi chỉ là một tên tù không đáng phải bận tâm đâu”, đi ngoài đường, từ rạp chiếu bóng đến quán rượu, tôi cứ ngoái nhìn phía sau: Guittou vốn biết thói quen đó đã bảo tôi:

- Sao cao cậu cứ quay nhìn lại phía sau luôn thế? Cậu xem lính có đi theo cậu không chứ gì? ở đây không có lính đi theo cậu đâu, Papi. Cậu đã để chúng ở lại trại giam rồi.

Theo lời nói hình tượng của dân tù, thì phải trút bỏ bộ cánh của dân tù đi. Còn hơn thế nữa, vì quần áo tù khổ sai chỉ mới là một vật tượng trưng. Không phải chỉ lột bộ cánh là xong, phải rút ra khỏi tâm hồn và trí óc cái dấu tù được khắc bằng lửa ô nhục.

Một đội tuần tra Anh toàn lính da đen, ăn mặc chững chạc vào quán rượu. Họ đi từng bàn, hỏi thẻ căn cước. Đến góc chúng tôi ngồi, đội trưởng nhìn kỹ mặt mọi người. Có một khuôn mặt người đó chưa biết, đấy là tôi.

- Xin ông cho xem căn cước.

Tôi đưa giấy cho anh ta. Anh liếc nhìn qua rồi đưa trả tôi ngay, và nói:

- Xin lỗi, tôi chưa được biết ông, thành phố George rất vui mừng được đón tiếp ông.

Rồi anh đi ra.

Khi anh ta đã ra hẳn, Paul Savoie nói:

- Bọn cảnh sát ở đây hay tuyệt, những người nước ngoài được họ tin cậy là tù vượt ngục trăm phần trăm. Làm sao chứng minh cho nhà cầm quyền Anh biết được cậu là tù vượt ngục, thế là cậu được tự do ngay tức khắc đấy.

Mãi khuya mới trở về nhà. Mới bảy giờ sáng, tôi đã có mặt ở công cảng. Nửa giờ sau Quých và anh cụt đã chở đến một xe ba gác đầy rau tươi vừa hái lúc sáng sớm, lại có cả trứng và vài con gà. Chỉ có hai người thôi. Tôi hỏi người đồng hương đã chỉ dẫn họ cách làm ăn đâu rồi. Quých đáp:

- Hôm qua, anh ta đã chỉ cho tôi, thế là đủ. Bây giờ chẳng cần ai dạy bảo nữa.

- Anh đi kiếm những thứ này ở xa lắm hả?

- Phải đi mất hơn hai tiếng rưỡi. Bọn tôi đi từ ba giờ sáng, bây giờ mới tới đây.

Quých kiếm ngay được trà nóng và bánh trắng, anh như người đã ở đây hai mươi năm rồi. Chúng tôi ngồi bên lề đường, cạnh xe ba gác, ăn uống và chờ khách tới mua.

- Bọn Mỹ hôm qua đã mua, liệu hôm nay có đến không?

- Tôi hy vọng họ sẽ tới, nếu họ không tới, ta bán cho người khác.

- Còn giá cả thì sao? Anh tính thế nào?

- Tôi không nói với họ: Cái này giá bao nhiêu. Tôi hỏi họ: anh trả bao nhiêu?

- Nhưng anh có biết tiếng Anh đâu?

- Đúng, nhưng tôi biết dùng tay chỉ trỏ, dễ lắm. Anh nói được tiếng Anh đủ để mua bán, anh làm trước đi, - Quých nói với tôi.

- Được nhưng tôi muốn xem anh làm một mình đã.

Không bao lâu, một chiếc xe jeep lớn được gọi là com-măng-ca tới. Một lái xe, một hạ sĩ quan và hai lính thủy ở trên xe đi xuống, viên hạ sĩ leo lên xe ba gác, xem tất cả các thứ hàng hóa, rau xà lách, cà tím, v.v. sau khi kiểm tra kỹ các món kia, y nắm mấy con gà.

- Tất cả bao nhiêu?

Thế là hai bên bắt đầu mà cả.

Tên lính thấy nói giọng mũi. Tôi chẳng hiểu y nói gì. Quých búng búng nói nửa tiếng Tàu nửa tiếng Tây.

Thấy hai bên không ai hiểu được ai, tôi kéo Quých ra một bên.

- Anh mua tất cả hết bao nhiêu?

Anh ta móc túi thấy còn mười bảy đô la

- Một trăm tám mươi ba đô-la, - Quých nói với tôi

- Họ trả bao nhiêu?

- Hình như là hai trăm mười đô-la, tôi thấy chưa đủ

Tôi tiến về phía viên hạ sĩ, y hỏi tôi có nói được tiếng Anh không. Tôi nói là được chút ít.

- Ông nói chậm chậm nhé, - tôi nói với y.

- Được.

- Các ông trả bao nhiêu? Hai trăm mười đô la không được đâu. Phải hai trăm bốn mươi.

Y không chịu.

Y giả bộ bỏ đi, quay lại, rồi lại bỏ đi rồi ngồi lên xe jeep, nhưng tôi cảm thấy y đang đóng kịch. Đúng lúc y xuống xe lần nữa thì hai cô bạn Ấn hàng xóm với tôi, vẫn che nửa mặt, đi tới. Chắc các cô đã quan sát cảnh buôn bán của chúng tôi, vì các cô làm như không biết chúng tôi. Một cô leo lên xe ba gác, xem xét số hàng rồi hỏi chúng tôi.

- Tất cả bao nhiêu?

- Tất cả hai trăm bốn mươi đô la, tôi đáp.

Cô ta nói: “Được rồi”.

Nhưng tên lính Mỹ đã lấy hai trăm bốn mươi đô-la ra đưa cho Quých và nói với các cô gái Ấn rằng y đã mua những thứ đó rồi. Các cô bạn láng giềng của tôi cũng không chịu đi mà đứng xem bọn Mỹ bốc hàng trên xe ba gác chất lên com-măng ca. Phút cuối cùng, một tên lính thủy vớ luôn cả con heo, tưởng nó cũng thuộc mớ hàng đã được thỏa thuận bán. Tất nhiên, Quých không chịu để họ bắt heo đi. Thế là bắt đầu một cuộc cãi cọ trong đó chúng tôi không làm sao giải thích nổi cho họ hiểu rằng con heo không ở trong lô hàng đem bán.

Tôi cố làm cho các cô gái Ấn hiểu như vậy, nhưng khó quá. Chính các cô cũng không hiểu gì. Bọn lính thủy Mỹ thì không chịu

rời heo ra, Quých không chịu trả lại tiền, có lẽ xảy ra đánh lộn mất. Anh cắt đứt một thanh gỗ xe ba gác ra, thì một xe jeep quân sự đi ngang. Viên hạ sĩ thổi còi. Bọn Quân cảnh đến gần. Tôi bảo Quých hãy trả lại tiền nhưng anh nhất định không chịu. Bọn lính thủy đã giữ con heo cũng nhất định không trả heo. Quých đứng chắn trước xe díp, không để cho xe đi. Một nhóm khá đông những người hiếu kỳ vây quanh cái cảnh huyên náo này. Bọn quân cảnh Mỹ bênh bọn lính thủy, vả lại, họ cũng chẳng hiểu chúng tôi nói gì. Họ tưởng là chúng tôi định đánh lừa các thủy thủ.

Tôi chưa biết xoay sở ra sao thì sực nhớ có ghi số điện thoại Câu lạc bộ Thủy thủ cùng tên anh chàng người Martinique. Tôi đưa cho viên sĩ quan quân cảnh và nói: “Gọi phiên dịch”. Y đưa tôi đến một cái máy điện thoại. Tôi gọi mà may làm sao, tóm được anh bạn theo phái De Gaulle của tôi. Tôi nhờ anh giải thích cho viên sĩ quan quân cảnh hiểu rằng đây là con heo đã được thuần hóa, nó như con chó của Quých, rằng chúng tôi đã quên không nói trước với các thủy thủ là nó không thuộc vào lô hàng đem bán. Sau tôi đưa ông nghe cho viên sĩ quan quân cảnh. Chỉ ba phút sau là y hiểu cả. Tự tay y cầm con heo đưa trả Quých, làm anh ta sung sướng quá, ôm nó vào lòng và vội đưa nó lên xe ba gác ngay. Sự việc đã chấm dứt vui vẻ, và tốp lính Mỹ cười như nắc nẻ. Ai đi đường người này, và thế là xong.

Buổi tối ở nhà, chúng tôi cảm ơn các cô bạn Ấn Độ. Mấy cô cũng cười rất dữ về chuyện này.

Chúng tôi ở Georgetown đã được ba tháng. Hôm nay, chúng tôi về ở phần nhà của các bạn Ấn Độ nhượng cho chúng tôi. Hai phòng sáng sủa rộng rãi, một phòng ăn, một bếp nấu ăn nhỏ đun than và một cái sân rộng mênh mông, trong góc có mái tôn để gia súc trú. Chiếc xe ba gác và con lừa cũng có chỗ chu đáo. Tôi được ngủ một mình một giường to có nệm ấm. Hai anh bạn Tàu ở phòng bên, mỗi người một giường riêng. Chúng tôi còn một cái bàn và sáu ghế tựa cùng bốn ghế đẩu. Trong bếp có đủ dụng cụ nấu nướng. Sau khi cảm ơn Guittou và các bạn về nhà chúng tôi, như lời Quých nói. Trước cửa sổ phòng ăn nhìn ra đường chằm chằm chiếc

ghế phôi-quà tặng của các cô bạn Ấn. Trên bàn ăn, trong bình thủy tinh, có cắm hoa tươi do Quých mang về.

Cảm giác có căn nhà riêng đầu tiên của mình, xoàng xĩnh nhưng sạch sẽ, căn nhà sáng sủa tinh tươm, kết quả đầu tiên của ba thằng cùng kiếm ăn chung, làm tôi tin tưởng vào bản thân và vào tương lai.

Mai là chủ nhật, không có chợ, vậy là chúng tôi được tự do cả ngày. Ba chúng tôi quyết định nấu một bữa mời Guittou và các bạn anh, mời cả các cô bạn Ấn Độ với mấy người anh, em của họ. Khách danh dự là bác ba Tàu đã giúp Quých và anh cụt, đã tặng hai người chiếc xe ba gác với con lửa, lại còn cho chúng tôi mượn hai trăm đô-la để khởi đầu chuyện buôn bán của chúng tôi. Bác ta sẽ thấy trên đĩa đặt trước mặt bác, một cái phong bì trong có hai trăm đô la, và một tấm giấy của cả ba chúng tôi cảm ơn bác, viết bằng chữ Hán.

Sau con heo mà anh yêu dấu, Quých dành tất cả tình bạn của anh cho tôi. Anh luôn luôn chăm chút tôi từng ly từng tí. Trong ba người chúng tôi, tôi là người ăn mặc tươm tất nhất, và đi đâu anh cũng thường mang về cho tôi một cái áo sơ mi, một chiếc cà vạt hay một cái quần dài. Anh mua những thứ đó bằng tiền riêng của anh. Mỗi ngày cả ba chúng tôi kiếm được từ hai mươi lăm đến ba mươi đô la, cũng chẳng là bao, nhưng chúng tôi hài lòng vì thấy đã mau chóng tự kiếm sống được. Không phải lúc nào tôi cũng đi mua hàng với hai anh, tuy tôi đi thì mua được rẻ hơn. Bây giờ tôi chuyên bán hàng, nhiều lính thủy Mỹ và Anh được cử lên bờ để mua hàng cho tàu của mình, đã quen biết tôi. Chúng tôi nói chuyện giá cả với nhau rất tử tế, không nóng nảy. Có một gã cao lớn phụ trách bếp ăn của sĩ quan Mỹ, một chàng Mỹ gốc Ý, chỉ nói với tôi bằng tiếng ý. Y sung sướng ra mặt khi thấy tôi trả lời bằng tiếng mẹ đẻ của y và chỉ mặc cả cho vui. Cuối cùng, y mua với giá tôi đòi từ khi bắt đầu gặp nhau.

Chừng tám giờ rưỡi đến chín giờ sáng, chúng tôi đã về nhà. Cả ba chúng tôi ăn một bữa nhẹ rồi anh cụt và Quých đi nằm, còn tôi sang tìm Guttou, hay các cô láng giềng sang chơi bên tôi. Việc

nhà chẳng có máy, chỉ quét nhà, giặt đồ, làm giường, dọn dẹp nhà cho sạch sẽ, hai chị em hàng ngày làm việc đó cho chúng tôi rất chu đáo mà chẳng lấy bao nhiêu, có hai đô la mỗi ngày. Tôi đã biết đầy đủ thế nào là tự do, không còn phải kinh hoàng lo nghĩ đến tương lai nữa.

Gia đình Ấn độ của tôi

Phương tiện đi lại được dùng nhiều nhất trong thành phố này là xe đạp. Tôi cũng mua một chiếc để đi đây đi đó cho thuận tiện. Vì thành phố và vùng lân cận ở nơi đất bằng phẳng, nên có thể đi những đoạn đường dài mà không cần mất nhiều sức. Xe đạp có hai cái đèn hàng rất khỏe, một ở đằng trước, một ở đằng sau. Cho nên, cũng như nhiều người địa phương, tôi có thể chở hai người một cách dễ dàng.

Ít nhất hai lần một tuần, chúng tôi thường dạo chơi một hai tiếng đồng hồ với các cô bạn Ấn Độ. Các cô sương mê tôi và tôi bắt đầu nhận thấy một trong hai cô, cô trẻ, đang yêu tôi.

Tôi chưa gặp ông bố cô bao giờ, hôm qua ông đã sang tôi. Ông ở không xa nhà tôi mấy, nhưng ông không bao giờ đến thăm chúng tôi, và tôi chỉ biết các anh em trai của cô. Ông ta là một cụ già cao lớn có bộ râu rất dài, trắng như cước. Tóc ông cụ cũng bạc trắng để lộ một vầng trán thông minh và cao quý. Ông chỉ nói tiếng ấn, con gái ông dịch lại. Ông mời tôi đến nhà ông, ông bảo con gái ông, mà tôi gọi là nàng công chúa nhỏ, nói với tôi rằng đi xe đạp không xa lắm. Tôi hứa sẽ đến thăm ông một ngày gần đây.

Sau khi ăn vài chiếc bánh ga tô và uống trà, ông ra về, nhưng tôi đã kịp nhận xét là ông để ý đến từng chi tiết nhỏ trong nhà. Nàng công chúa nhỏ sung sướng thấy ông bố hài lòng về cuộc viếng thăm nàng và về chúng tôi.

Tôi ba mươi sáu tuổi, và sức khỏe tôi rất tốt, tôi cảm thấy mình còn trẻ, và cũng được cái may là tất cả mọi người đều coi tôi là còn trẻ, tất cả các bạn tôi đều nói là trông tôi chưa tới ba mươi.

Thế mà cô này mới mười chín, cô lại có cái vẻ đẹp thanh thần của nòi giống cô cùng cách suy nghĩ cực đoan tin vào số mệnh. Đối với tôi, được cô gái lộng lẫy này yêu là món quà quý báu của trời cho.

Khi chúng tôi đi chơi cả ba, bao giờ cô cũng leo lên giá đèo hàng phía trước, cô biết rất rõ là cô cứ ngồi rất thẳng người trên xe, tôi cố dần lên bàn đạp, hơi cúi đầu về trước là mặt tôi kề sát mặt cô. Nếu cô ngả đầu về phía sau, tôi sẽ được hưởng trọn vẹn quang cảnh đôi vú xinh đẹp để trần dưới tấm voan mỏng mà nếu vén lên chắc còn đẹp gấp bội. Đôi mắt đen của cô rực cháy mỗi lần xảy ra những sự va chạm nhỏ này và đôi môi đỏ thắm trên nền da màu lá trà, hé mở vẻ thêm khát muốn được hôn. Hàm răng trắng bóng rất đẹp tô điểm thêm cho cái miệng tuyệt vời..

Tối nay, chỉ có hai đứa chúng tôi đi xem chiếu bóng, hình như cô chị nhức đầu, một cơn nhức đầu mà tôi cho là giả tạo, cốt để hai đứa tôi được đi riêng với nhau. Cô ta mặc áo ngoài bằng mousseline trắng, dài đến tận gót chân trần, mỗi khi bước lại để lộ ba chiếc vòng bạc. Cô đi dép có quai vàng lồng vào ngón chân cái làm chân cô duyên dáng thêm. Ở lỗ mũi phải, cô gắn một hạt kim cương màu vàng rất nhỏ. Tấm voan mousseline che đầu ngắn và nhẹ nhàng rủ xuống quá bờ vai một chút, một dải ru băng vàng giữ tấm voan dính trên đầu. Từ giữa trán, trên dải băng đó, rủ xuống ba sợi chỉ gắn những viên đá đủ màu. Kiểu trang điểm làm nổi bật cái chấm xanh thắm trên trán những khi cô lúc lắc cái đầu. Cả gia đình Ân lẫn gia đình tôi, trong đó có cả Quých và anh cụt, đều mặt mày tươi tỉnh nhìn hai chúng tôi đi ra, sung sướng thấy gương mặt chúng tôi tràn trề hạnh phúc. Hình như ai nấy đều biết chắc chúng tôi xem chiếu bóng về là đã dính hôn với nhau rồi. Nàng ngồi yên vị trên nệm ghế đèo hàng rồi, tôi mới cho xe lăn bánh về phía trung tâm thành phố.

Trong khi tôi thả chiếc xe chạy một quãng dài, trên con đường rộng dưới ánh đèn lơ mơ, cô gái đẹp lộng lẫy này đã đặt lên môi tôi một cái hôn nhẹ nhàng. Cử chỉ chủ động này bất ngờ đến nỗi tôi suýt ngã xe.

Ngồi tíu phía sau trong phòng chiếu bóng, tay nắm tay, tôi nói với nàng bằng mấy ngón tay và nàng cũng đáp lời tôi bằng ngôn ngữ của ngón tay. Cuộc tâm tình đầu tiên của chúng tôi trong khi xem phim - mà chúng tôi cũng chẳng biết là phim gì nữa - là một cuộc nói chuyện thâm lặng. Mấy ngón tay móng dài được chải chuốt và tô son hát lên một khúc tình ca say đắm, nói cho tôi rõ mối tình đậm thắm của nàng còn minh xác hơn cả ngôn ngữ. Nàng ngả đầu vào vai tôi để tôi có thể hôn khuôn mặt thanh khiết của nàng.

Mối tình e ấp, qua nhiều thời gian mới nảy nở, nhanh chóng biến thành một niềm say đắm trọn vẹn. Trước khi nàng thuộc về tôi, tôi đã nói cho nàng biết là tôi không thể cưới nàng được, vì tôi đã có vợ ở Pháp. Điều đó cũng chẳng làm nàng phiền lòng mấy. Một đêm, nàng đã ở lại với tôi. Nàng nói với tôi rằng nàng muốn tôi về sống với nàng tại nhà bố nàng, như vậy tiện cho các anh em trai của nàng, và cho vài gia đình nhà người Ấn láng giềng. Tôi nhận lời và dọn về nhà bố nàng. Ông cụ vẫn sống một mình, có một cô cháu họ xa hầu hạ ông và dọn dẹp nhà cửa. Nơi này cách nhà Quých không xa bao nhiêu, chỉ chừng năm trăm mét. Cho nên hai bạn tôi tôi nào cũng sang chơi với chúng tôi hơn một giờ.

Chúng tôi vẫn tiếp tục buôn bán rau củ ở bến tàu. Tôi ra đi từ sáu giờ rưỡi và gần như lúc nào nàng cũng đeo theo tôi. Một bình thủy lớn đựng trà, một bình mút và một ổ bánh mì nướng, tất cả ở trong một túi xách to đã đợi sẵn Quých và anh cụt để chúng tôi cùng uống trà với nhau. Nàng tự tay làm các thức ăn sáng và tuân thủ tuyệt đối nghi thức: bốn người phải cùng ăn bữa đầu tiên trong ngày. Trong túi xách của nàng, có đủ mọi thứ cần thiết: một tấm chiếu nhỏ viền đăng ten, mà nàng trịnh trọng đặt xuống vỉa hè sau khi đã dùng chổi quét sạch chỗ đó, bốn bộ tách nhỏ có cả đĩa. Ngồi ở lề đường, chúng tôi ăn điểm tâm, rất nghiêm túc. Ngồi lề đường mà uống trà như ở nhà kẻ cũng buồn cười, nhưng cả nàng và Quých đều coi thế là tự nhiên. Họ chẳng cần để ý đến những người đi qua và thấy làm như vậy là bình thường. Tôi không muốn cản nàng. Nàng thích hầu hạ chúng tôi, luôn tay phết mút lên bánh, tôi mà không ưng là nàng rất buồn.

Thứ bảy vừa qua, có một việc xảy ra đã cho tôi biết được một điều bí mật. Chúng tôi ăn ở với nhau đã được hai tháng, và nàng thỉnh thoảng lại cho tôi một ít vàng. Cũng chỉ là những mảnh tư trang gãy, vỡ, một nửa cái nhẫn vàng, một chiếc bông tai, một đoạn dây chuyền, một phần tư hay một nửa chiếc huân chương hoặc một đồng tiền. Tuy nàng bảo tôi cứ bán đi, nhưng tôi không cần đến, cứ cho tất cả vào một cái hộp. Tôi có gần bốn trăm gam vàng. Khi tôi hỏi nàng vàng ở đâu ra, thì nàng kéo tay tôi, hôn tôi rồi cười nhưng không chịu nói gì.

Hôm thứ bảy ấy, vào lúc mười giờ sáng, nàng bảo tôi lấy xe chở bố đi, tôi cũng không biết đi đâu. Nàng nói :

- Ba em sẽ chỉ đường cho anh. Em phải ở nhà để ủi đồ.

Tôi tò mò nghĩ là ông già chắc đi thăm ai ở xa, và vui vẻ nhận lời.

Ông lão ngồi lên giá đèo hàng phía trước và không nói gì, vì ông ta chỉ nói được tiếng Ấn. Tôi đi theo hướng ông ta chỉ. Đường xa, tôi đạp đã gần một giờ. Chúng tôi đến một khu phố giàu có bên bờ biển. Nhà toàn là biệt thự đẹp. Ông “bố vợ” vừa ra hiệu, tôi dừng lại ngay và tôi để ý quan sát. Ông lão lấy trong túi áo ngoài ra một viên đá tròn và trắng rồi quỳ trên bậc thềm thứ nhất của nhà đầu tiên. Ông lão vừa lăn hòn đá trên bậc thềm vừa hát. Vài phút trôi qua. Một phụ nữ mặc quần áo Ấn từ trong biệt thự đi ra, lại gần ông già và lặng lẽ đưa cho ông một vật gì đấy. Ông cứ đi từ nhà nọ sang nhà kia, diễn lại cảnh ấy cho đến mười sáu giờ. Cứ thế kéo dài mà tôi vẫn không hiểu gì. Đến biệt thự cuối cùng một người đàn ông vận toàn đồ trắng ra gặp ông. Người này bảo ông đứng dậy, quàng lấy tay ông rồi dẫn ông vào nhà. Ông cụp ở đó hơn mười lăm phút rồi mới ra, vẫn có ông kia đi kèm. Trước khi chia tay nhau, ông này còn hôn trán ông già, đúng hơn là hôn mái tóc bạc của ông.

Chúng tôi đi về, tôi cố sức đạp để về cho mau vì đã hơn bốn rưỡi chiều.

Cũng may, chúng tôi về đến nhà trước khi trời tối. Indara cô gái Ấn xinh đẹp của tôi, dẫn bố vào trước rồi nhảy lên ôm cổ tôi

hôn hít và kéo tôi vào với gương sen để tôi tắm. Quần áo sạch sẽ chờ sẵn, sau khi tắm rửa, cạo mặt, thay quần áo, tôi mới ngồi vào bàn ăn. Nàng tự tay dọn cho tôi ăn như thường lệ. Tôi muốn hỏi nàng nhưng nàng cứ xăng xở đi lại làm ra vẻ bận rộn để lẩn tránh, kéo dài thật lâu lúc phải trả lời các câu hỏi của tôi. Tôi nóng lòng muốn biết sự việc. Nhưng tôi cũng biết là không bao giờ nên ép người Ấn hay người Tàu nói. Cần phải tôn trọng một thời gian nhất định. Lúc đó tự họ sẽ nói vì họ đoán biết rằng anh đang chờ nghe một điều tâm sự của họ: nếu anh xứng đáng, thì họ sẽ nói. Đối với Indara cũng đúng như vậy. Sau khi cùng ngủ chung với nhau, nàng mới áp cái má còn nóng hổi vào hõm vai tôi và nói mà không nhìn tôi:

- Mình đi, mình có biết rằng khi ba đi kiếm vàng, ba không làm gì xấu không, trái lại kia đấy. Ba gọi các thần linh đến phù hộ căn nhà mà ba đã lặn hòn đá. Đó là một phong tục rất cổ xưa của nước Nam Dương chúng em.

Nàng công chúa của tôi kể cho tôi nghe như vậy. Nhưng một hôm một cô bạn của nàng nói chuyện với tôi ở chợ. Buổi sớm ấy, cả nàng lẫn các chú Tàu chưa ai tới. Và câu chuyện cô gái xinh đẹp Nam Dương nói cho tôi nghe lại khác:

- Sao anh lại phải đi làm, một khi anh đã sống với con gái ông phù thủy? Chị ấy bắt anh dậy sớm, cả khi trời mưa, mà không thấy xấu hổ à? Với số vàng mà ba chị ấy kiếm ra, anh chẳng cần làm gì cũng sống được. Chị ấy không yêu anh, đáng lẽ chị không nên để anh dậy sớm như thế mới phải.

- Thế bố cô ấy làm gì? Cô nói cho tôi biết đi, vì tôi chẳng hiểu gì cả.

- Ông bố chị ấy là phù thủy Nam Dương. Ông có thể gọi thần làm cho anh hay gia đình anh chết nếu ông muốn. Chỉ một cách thoát khỏi bùa phép mà ông yểm cho anh bằng hòn đá ma là đưa cho ông kha khá vàng, ông sẽ lặn hòn đá ngược với chiều ông đã lặn để gọi thần chết đến. Bây giờ, ông sẽ gỡ hết các bùa yểm, ngược lại còn làm anh và những người trong nhà được khỏe mạnh, sống lâu.

- Indara kê cho tôi không phải như vậy.

Tôi tự nhủ sẽ đối chiếu xem trong hai người, người nào nói đúng. Vài ngày sau, tôi đứng cùng với ông “bố vợ” có bộ râu bạc dài bên bờ một con suối chảy ngang qua đường Penitence Rivers rồi đổ vào sông Demerara. Nét mặt các ngư dân ấn làm tôi hiểu rõ hết. Mỗi người biểu ông một con cá rồi vội vã tránh cho xa bờ. Tôi đã hiểu. Chẳng cần phải hỏi ai nữa.

Ông bố vợ phù thủy chẳng dính dáng gì đến tôi. Ông chỉ nói tiếng Ấn Độ với tôi và cho tôi hiểu. Tôi không bao giờ biết ông định nói gì. Thế cũng có mặt hay. Cứ coi như là đã đồng ý với nhau. Dù sao ông cũng kiếm được một việc cho tôi làm, tôi xăm trổ tất cả các cô bé gái từ mười ba đến mười lăm tuổi. Thỉnh thoảng, ông lại vạch ngực các cô bé gái đó ra cho tôi xăm lá hay hoa màu lá xanh ve, hồng, lơ để đầu nhũ hoa nhô lên như nhụy một bông hoa. Vì xăm rất đau, cho nên chỉ có những cô gái can đảm mới bảo tôi xăm đầu nhũ hoa bằng màu hoàng yến. Có một vài cô (số này ít lắm) lại xăm đầu vú màu vàng.

Trước cửa nhà, ông già treo một tấm biển quảng cáo bằng chữ Ấn, viết những gì đại loại là: “Nghệ sĩ - xăm người – giá phải chăng - công việc bảo đảm”. Làm việc này được trả hậu, và tôi lại có hai cái khoái: ngắm bộ ngực đẹp của gái Nam Dương và kiếm ra tiền. Quách biết ở gần bến tàu có một quán ăn đang muốn bán, anh hãnh diện báo tin đó cho tôi và đề nghị chúng tôi cùng mua. Giá phải chăng, có tám trăm đô-la. Bán vàng của ông phù thủy cộng với tiền tiết kiệm được của chúng tôi, đủ mua được cái quán ăn đó. Tôi đã đến xem. Nó ở một con đường nhỏ nhưng rất gần bến lúc nào cũng lúc nhúc những người là người. Một gian phòng vuông vức khá to, lát gạch đen trắng, mỗi bên để được tám bàn, ở giữa có thể kê một cái bàn tròn to bày những món ăn khai vị và trái cây. Căn bếp rộng rãi khang trang. Có hai lò đun và hai lò nấu rất to.

Quán ăn và Bướm

Chúng tôi đã thu xếp xong việc này, Indara bán hết chỗ vàng chúng tôi có được. Ông bố già ngạc nhiên thấy tôi không đụng đến những mẩu vàng vụn mà ông cho con gái để hai chúng tôi cùng dùng. Ông nói:

- Tôi cho anh chị để anh chị xài. Của hai anh chị đấy, anh chị sử dụng thế nào tùy ý, không phải hỏi tôi, anh chị cứ việc làm.

Kể ra ông “bố vợ phù thủy” của tôi cũng không đến nỗi nào. Cô nàng của tôi là loại đặc biệt rồi, vừa là nhân tình, vừa là vợ, vừa là bạn. Không có chuyện cãi cọ vì tôi nói gì nàng cũng “vâng”. Nàng chỉ hơi khó chịu chút xíu khi tôi xăm vú cho các bạn đồng hương của nàng.

Thế là tôi đã trở thành chủ tiệm ăn “Thắng Lợi”, nằm trên đường Water Street đúng ngay giữa bến cảng Georgetown. Quách nấu bếp, anh thích vậy vì đó là nghề của anh. Anh cắt đi chợ và nấu “mì hoành thánh” một thứ mì Tàu. Món đó làm như sau: lấy tinh bột mì, trộn với lòng trắng trứng rồi nhào cho nhuyễn. Đóng bột được nhào khô rất lâu, rất kỹ, nhào bột rất nặng, đến nỗi anh cắt phải nhảy lên trên đồng bột, cúi tựa vào một cây gậy nhằm bóng gậy chặt ở giữa bàn. Một cúi gác lên trên cái gậy, cánh tay độc nhất nắm chắc lấy cái gậy đó, anh nhảy một chân quanh bàn để nhào bột. Làm như vậy có được một thứ bột hồ nhẹ rất ngon. Sau cùng, cho thêm chút bơ vào, vị của nó tuyệt vời.

Quán này, chủ trước bị vỡ nợ, đã nhanh chóng nổi tiếng. Indara có một cô gái Ấn trẻ và rất xinh tên là Daya phụ giúp, đã phục vụ đông đảo khách hàng cứ xô đến tiệm chúng tôi để nếm món ăn Tàu. Tất cả dân tù vượt ngục đều tìm đến. Ai có tiền thì trả, ai không có thì mời ăn không. Quách nói “Cho người đói ăn sẽ gặp vận may”.

Chỉ có một điều phiền phức: hai cô phục vụ (trong đó có Indara) lại quá hấp dẫn. Cả hai đều phô bày đôi vú trần dưới làn áo voan mỏng. Áo của hai cô lại xẻ bên hông từ đùi đến gót chân. Những khi cử động, hai cô để lộ hết chiều dài của đôi chân, lên đến tận đùi.

Lính thủy Mỹ, Anh, Thụy Điển, Canada và Na Uy có ngày đến ăn hai lần để được ngắm cảnh ấy. Các bạn tôi gọi tiệm ăn của tôi là tiệm ăn của những kẻ nhòm gái. Tôi là đại diện chủ. Đối với tất cả mọi người tôi là “ông chủ”. Không có quầy thu tiền, người chạy bàn đưa tiền cho tôi, nhận tiền xong tôi bỏ túi, khi cần tôi lấy tiền lẻ ra thôi lại.

Tiệm ăn mở cửa từ tám giờ tối đến năm sáu giờ sáng hôm sau. Không cần phải kể ai cũng biết rằng vào khoảng ba giờ đêm, tất cả bọn đi điếm trong khu đã kiếm khá tiền trong đêm đều kéo kép hay khách của chúng đến tiệm chúng tôi ăn món gà cà-ry hay rau xà lách với măm đậu. Khách có uống bia nữa, nhất là bia Anh, rượu rum mía của địa phương rất ngon, soda hay cô-ca cô-la. Vì quán là điếm hẹn của dân Pháp vượt ngục, tôi đã trở thành người giúp nơi ăn nấu, là cố vấn, là người phân xử, là bạn tâm sự của tất cả dân tù đày ở đây

Nhưng tình trạng đó cũng làm tôi nhiều lần gặp chuyện rắc rối. Một người chuyên sưu tập bướm đã cắt nghĩa cho tôi nghe cách săn bướm trong rừng. Trước hết anh ta cắt hình một con bướm trong một miếng bìa cứng rồi dán vào đáy đôi cánh một con bướm thuộc cái giống mà anh định săn. Tấm bìa được gắn vào đầu một cây gậy dài một mét. Khi săn bướm tay anh cầm gậy và cử động làm sao cho bướm giả có vẻ như đang bay lượn. Anh phải săn ở những khoảng trống, có ánh nắng trong rừng. Anh phải biết giờ nở trứng của từng loại bướm. Có những loài chỉ sống được bốn mươi tám giờ. Và mỗi khi ánh nắng chiếu vào chỗ quang đãng, những con bướm mới nở lao vào vùng ánh sáng đó, để tìm bướm cái cho thật nhanh. Khi chúng thấy con bướm môi, từ rất xa, chúng ập đến. Nếu con bướm môi là bướm đực, thì bướm đực sẽ lao đến để đánh. Thế là anh cứ việc dùng cái vợt nhỏ cầm ở tay trái để bắt bướm.

Cái lưới vợt có một chỗ thất có làm người săn bướm có thể cứ tiếp tục bắt thêm bướm mà không sợ những con đã lọt lưới bay đi mất.

Nếu con mỗi làm bằng cánh của bướm cái, thì cái con đực cũng tìm đến để ấp con cái và kết quả vẫn là một.

Bướm đẹp nhất là loại bướm hay bay đêm nhưng vì chúng thường va phải các vật chướng ngại cho nên rất khó bắt được con nào còn đôi cánh nguyên vẹn. Hầu hết cánh của loại bướm này đều bị sút nham nhỡ. Đối với loại bướm đêm, phải lên tận gần ngọn một cây cao, rồi giăng một tấm vải trắng to lồng trong khung, đằng sau để một cây đèn đất thật sáng. Những con bướm đêm to, sải cánh, dài từ mười lăm đến hai mươi centimét, bay dính vào tấm vải trắng. Thế là chỉ cần đề lên ngực nó thật nhanh cho nó chết ngạt. Phải làm sao nó không dấy dựa, nếu không cánh của nó sẽ bị hư hại và kém giá trị.

Tôi có một cái tủ kính nhỏ trong đó có những bộ sưu tập bướm, ruồi, rắn nhỏ và dơi hút máu. Hàng tôi có không đủ bán cho khách cho nên giá rất cao. Một người Mỹ chỉ cho tôi thấy một con bướm phía sau cánh màu xanh biếc có ánh thép, phía trên thì màu lơ nhạt. Người đó bằng lòng trả tôi năm trăm đô-la nếu tôi có được một con bướm thuộc loại này mà lại là lưỡng tính. Tôi kể lại với người săn bướm, anh ta nói có một lần, anh đã có trong tay một con này, rất đẹp, được người ta trả năm mươi đô-la, sau nhờ một người sưu tập đứng đắn khác anh ta mới biết là một mẫu bướm như vậy trị giá đến hai ngàn đô-la.

- Thằng Mèo ấy muốn xỏ anh đấy, anh Papillon ạ. Nó coi anh là đồ ngốc. Cứ cho là món hàng hiếm đó chỉ đáng giá một ngàn năm trăm đô-la, thì có cũng lợi dụng được sự ngớ ngẩn của anh mà lãi to.

- Cậu nói đúng, đấy là một thằng xỏ lá. Hay ta chơi lại nó một vỏ!

- Làm thế nào?

- Chẳng hạn như gắn vào thân một con bướm cái đôi cánh một con bướm đực hoặc ngược lại. Cái khó là làm sao gắn mà không ai nhìn ra được.

Sau nhiều lần làm thử thất bại, chúng tôi đã gắn được rất khéo, hai cánh một con đực vào thân một con cái đẹp tuyệt trần, chúng tôi đút những đầu cánh nhọn vào một đường rạch nhỏ xíu rồi gắn lại bằng nhựa balata. Nó dính rất chặt, có thể cầm đôi cánh dán nhựa mà nhấc cả con bướm lên. Dù có tinh mấy cũng không sao nhận ra được: Chúng tôi lồng kính con bướm này cùng nhiều bướm khác trong một bộ sưu tập thông thường giá hai mươi đô la, làm như tôi không quan tâm đến nó. Chúng tôi tính không trật chút nào. Chàng Mỹ vừa để ý thấy đã trơ tráo cầm hai mươi đô la trong tay để mua bộ sưu tập đó của tôi. Tôi trả lời y là tôi đã nhận bán rồi, một người Thụy Điển đã mua cả hộp, và món này là của người ấy.

Trong hai ngày, gã người Mỹ cầm cái hộp lên tay đến mười lần. Sau không chịu nổi, y nói với tôi:

- Tôi mua con bướm ở giữa hai mươi đô la, còn anh giữ lại tất cả.

- Con bướm ấy có gì khác thường vậy? - Và tôi chăm chú xem xét rất kỹ. Rồi tôi reo lên - Nhưng mà này, đây là bướm lưỡng tính mà.

- Ông nói gì vậy? Ừ, đúng thật, trước tôi chưa dám chắc, người Mỹ nói. Trông qua kính, không rõ lắm. Ông cho phép nhé? Ý xem xét kỹ con bướm, rất tỉ mỉ, rồi nói: “Ông bán bao nhiêu?”

- Có lần chẳng phải ông đã nói với tôi rằng thứ mầu hiếm này đáng giá năm trăm đô la sao?

- Tôi đã nhắc đi nhắc lại với nhiều người săn bướm rằng tôi không muốn lợi dụng sự không hiểu biết của người đã bắt được con bướm này.

- Nếu vậy thì giá là năm trăm đô hay là thôi.

- Tôi mua, ông cứ giữ nó cho tôi. Đây, tôi mang theo có sáu mươi đô la, tôi đặt trước coi như việc mua bán thế là xong. Ông cho tôi một tấm giấy biên nhận, mai tôi sẽ đem nốt tiền lại, ông nhớ lấy con bướm này ra khỏi hộp nhé.

- Được rồi, tôi sẽ để riêng nó ra chỗ khác. Biên nhận của ông đây.

Đúng giờ mở cửa tiệm, chàng trai giông giống Lincoln* (*Lincoln Abraham là tên tổng thống thứ 16 của Mỹ) đã có mặt. Y lại xem xét con bướm lần này với một cái kính lúp, tôi sợ hết hồn khi y xem mặt sau con bướm. Thỏa mãn rồi, y trả tiền, đặt con bướm vào một cái hộp y mang theo, đòi tôi làm cho y một giấy biên nhận khác rồi ra đi.

Hai tháng sau tôi bị cảnh sát bắt. Đến Sở cảnh sát cảnh sát trưởng giải thích bằng tiếng Pháp cho tôi hay là tôi bị bắt vì có một người Mỹ tố cáo tôi đã lường gạt ông ta.

- Về chuyện một con bướm mà ông gắn cánh, - cảnh sát trưởng nói. - Do việc làm gian trá đó nên ông mới bán được năm trăm đô-la.

Hai giờ sau, Quých và Indara đã đến sở với một luật sư nói tiếng Pháp rất thạo. Tôi nói với luật sư là tôi không biết gì về bướm cả, tôi không phải là người chuyên săn bướm, cũng không sưu tập bướm. Tôi bán những hộp sưu tập bướm là bán giúp những người săn bướm vốn là khách hàng của cái tiệm ăn của tôi, rồi chính người Mỹ kia đòi mua và đặt giá trước là năm trăm đô-la, chứ không phải tôi nài bán cho ông ta, và nếu đây đích thực là một con bướm thuộc loại như ông ta nói thì chính ông ta mới là người đi lừa, vì ông đã có được một vật trị giá hai ngàn đô-la.

Hai ngày sau, tôi ra trước tòa. Luật sư của tôi kiêm cả việc phiên dịch cho tôi. Tôi nhắc lại luận cứ của tôi.

Một điều lợi cho luật sư của tôi là ông có một cuốn Catalogue có kê giá bướm các loại. Một con bướm như thế được định giá trong sách là trên một ngàn năm trăm đô-la. Gã người Mỹ kia phải chịu tiền phí tổn của phiên tòa. Thêm vào đó y phải trả tiền thù lao cho luật sư của tôi cộng hai trăm đô-la nữa.

Dân anh chị và dân Ấn tập trung lại để ăn mừng tôi được thả về, bằng một châu rượu cát lầy. Toàn bộ gia đình Indara đều đến tòa án xem xử. Mọi người đều tự hào vì trong gia đình - sau khi tôi

được xử trắng án - có một siêu nhân. Bởi họ không bị bịp, họ biết thừa là chính tôi đã gắn cánh con bướm.

Cuối cùng chúng tôi phải bán tiệm ăn đi, việc ấy tất nhiên sẽ phải tới. Indara và Daya quá đẹp, và cái kiểu thoát y đó, lúc nào cũng chỉ bắt đầu hé ra rồi không đi xa hơn, lại càng làm cho các thủy thủ đầy máu nóng phát điên lên, còn hơn cả khi được thấy một cảnh trần truồng thật sự. Các cô nhận thấy là càng để nửa kín nửa hở gần mũi các thủy thủ bao nhiêu, thì càng được tiền puốc-boá nhiều bấy nhiêu, cứ nhồi người trên bàn ăn là các cô không bao giờ tính đúng được tổng số tiền, hay thôi đủ được tiền lẻ. Sau thời gian trưng bày bộ ngực làm chàng lính thủy mê mẩn hoa cả mắt, các cô mới đứng thẳng lên hỏi: “Còn tiền puốc-boá nữa?": “À, chết suýt quên”, tội nghiệp cho mấy anh chàng ấy. Họ rất hào phóng, những gã đại gái ấy, lửa tình được nhen lên nhưng không bao giờ được thỏa mãn, không còn biết trời đất gì nữa.

Một hôm xảy ra một việc mà tôi đã lường từ trước. Một thằng cha cao to tóc hung, mặt đầy tàn nhang nhìn bộ đùi hở hang chưa thỏa, vừa thoáng thấy bóng chiếc quần lót hần đã đưa tay ra và những ngón tay thô bạo của hắn kẹp chặt cô bé Nam Dương của tôi như trong cái ê-tô. Tay đang cầm một bình nước bằng thủy tinh, cô bé phang cả bình vào đầu nó. Bị đánh như vậy nó giật mạnh cái quần lót rồi gục xuống, tôi vội chạy đến để nâng nó dậy trong khi các bạn nó lại tưởng tôi đến đánh nó, nên chưa kịp làm gì, tôi đã bị một quả đấm trời giáng đúng giữa mắt. Không biết thằng cha lính thủy kiêm bóc-xơ ấy thật sự bệnh bạn hay chỉ muốn chơi một vố thật đã đời cho chồng người đẹp Ấn phải chịu trách nhiệm này! Có trời biết được! Dù sao tôi cũng nhận được một cú đấm thẳng vào mắt. Quá tin vào thắng lợi, nó đã đứng thủ thế trước mặt tôi và quát:

“Đánh nào, đánh đi, mày”. Tôi đá phốc vào hạ bộ nó, tiếp theo là một cái húc nhấn hiệu Papillon, nó đã nằm thẳng cẳng.

Trận đánh nhau trở thành một cuộc loạn đả. Anh cụt từ trong bếp xông ra cứu tôi, anh cầm cái gậy làm mì hoành thánh vụt tứ tung. Quých cầm một cái thuốc- sét dài có hai chạc đâm lia

lạ vào đám đông. Một tên lưu manh dân Paris chuyên dự các buổi khiêu vũ theo nhạc trường Lappe đã về hưu dùng một ghế tựa làm vũ khí. Indara có lẽ bị bó tay vì mất xi-líp nên chẳng tham gia vào cuộc chiến.

Kết cục là năm gã người Mỹ bị thương nặng ở đầu, hai gã khách bị những vết đâm có hai lỗ do thuốc-sét của Quých gây ra ở nhiều chỗ trên thân thể, máu đổ tùm lum. Một viên cảnh sát da đen người Brazzaville chặn ở cửa không cho ai ra. Thật là may, vì vừa lúc ấy một chiếc xe jeep của Quân cảnh tới. Chân đi ghệt trắng dùi cui giơ cao, họ định dùng vũ lực ào vào tiệm ăn, và trông thấy các thủy thủ của họ máu me bê bết như vậy chắc chắn là họ sẽ trả thù. Nhưng người cảnh sát da đen đã đẩy toán quân cảnh lui, tay cầm gậy chắn cửa và nói : “Đã có cảnh sát Hoàng Gia đây”.

Và khi cảnh sát Anh tới, chúng tôi mới phải lên xe chở tội phạm về sở cảnh sát, chỉ một mình tôi mắt bị đánh sưng húp húp, còn không ai trong bọn tôi bị thương, nên không ai tin được là chúng tôi đánh nhau để tự vệ một cách chính đáng.

Sáu ngày sau, trong phiên xử quan tòa chấp nhận luận điểm của chúng tôi, và cho chúng tôi được tự do trừ Quých bị ba tháng tù vì đánh người có thương tích. Cũng khó bào chữa nổi vô số những vết thương hai lỗ mà Quých đã ban phát rất rộng rãi cho các đối thủ của anh ta.

Sau đó, trong nửa tháng trời có đến sáu vụ ẩu đả, chúng tôi cảm thấy không thể nào kéo dài được nữa. Bọn lính thủy nhất định không chịu coi chuyện này như đã kết thúc, những khách mới lại cứ tiếp tục đến, làm sao phân biệt được ai là bạn của kẻ thù của chúng tôi, ai không phải?

Vậy là chúng tôi đã bán tiệm ăn, với giá rẻ hơn lúc mua. Quả tình tai tiếng đến như vừa rồi thì khách mua cũng chẳng được bao nhiêu.

- Anh cụt ơ, ta làm gì bây giờ?

- Trong khi chờ Quých được thả, ta cứ nghỉ ngơi đã. Cũng không thể lấy lại chiếc xe ba gác với con lừa được vì ta đã bán các

thứ đó cùng các mối mua hàng rồi. Tốt nhất là không làm gì, cứ nghỉ, sau sẽ hay.

Quých đã được về. Anh kể lại rằng họ đối xử với anh cũng tử tế. Có một điều phiền là anh ta phải ở cạnh hai tù nhân bị án tử hình. Và người Anh lại có cái thói dở là: họ báo cho tội nhân biết bốn mươi lăm ngày trước khi thi hành án là họ sẽ bị treo cổ ngày nào, giờ nào và Nữ Hoàng đã bác đơn xin ân xá của họ. Thế là cứ mỗi sáng, Quých kể hai người tử tù cứ réo lên với nhau: “Lại qua đi một ngày nữa rồi, Johnny ơi, chỉ còn từng này ngày nữa thôi”. Và người tử tù kia không ngớt chửi tòng phạm của y suốt cả buổi sáng. Ngoài chuyện đó ra, Quých được yên ổn và được trọng nể.

Quán tre

Pascal Fosco từ khu mỏ bóc-xít xuống. Y là một trong những kẻ đã âm mưu dùng vũ khí cướp bưu điện Marseille. Tòng phạm với y đã bị chém đầu. Pascal là người tốt nhất trong bọn chúng tôi. Tuy là thợ máy giỏi, anh chỉ kiếm được bốn đô-la một ngày, nhưng vẫn tìm cách nuôi một hay hai tù nhân gặp khó khăn.

Khu mỏ đất nhôm này ở rất sâu trong rừng. Xung quanh mỏ, hình thành một làng của công nhân và kỹ sư. Trên bến, chất quặng được đổ suốt ngày xuống nhiều tàu để chở đi. Tôi chợt nảy ra ý nghĩ tại sao ta không mở quán ở cái nơi khi ho cò gáy này nhỉ? Tôi đến, những người sống ở đây chắc buồn đến chết.

- Đúng đấy. - Fosco nói với tôi, - quả là chẳng có quái gì để giải trí.

Và vài hôm sau, một cái thuyền nhỏ, sau hai ngày ngược sông, đã đưa Indara, Quých-Quých, anh Cụt và tôi đến mỏ Mackenzie.

Nơi các kỹ sư, quản đốc, và thợ chuyên môn ở thì gọn gàng sạch sẽ, có những căn nhà nhỏ đủ tiện nghi, nhà nào cũng chằng lưới thép để muỗi không vào được. Trong làng thì lại tồi tàn quá. Không có nhà nào bằng gạch, đá hay xi-măng, chỉ có những túp

lều vách đất và tre, mái bằng lá cọ rừng, hoặc lợp tôn kẽm là cùng. Bốn quán nước có bán cả thức ăn, đều dơ bẩn khủng khiếp mà vẫn đông nghịt khách. Các thủy thủ đánh lộn với nhau để mua một ly bia không ướp lạnh. Không quán nào có tủ lạnh.

Pascal nói có lý, có rất nhiều việc làm được ở chôn hẻo lánh này. Nói cho cùng thì tôi đang ở trên đường vượt ngục; đây vẫn là một chuyến phiêu lưu, nên tôi không thể sống bình thường như các bạn khác được. Làm việc là để kiếm sao vừa đủ sống, chứ tôi chẳng mấy để tâm. Vì ở đây hễ trời mưa là đường xá lầy lội, nên tôi chọn một địa điểm tương đối cao ở phía sau khu trung tâm. Tôi tin là dù trời mưa nơi tôi ở cũng không bị nước vào trong nhà hay xung quanh nhà.

Trong mười ngày, được thợ mộc da đen ở mỏ giúp, tôi đã dựng lên một phòng hình chữ nhật dài hai mươi mét, rộng tám mét. Ba mươi bàn mỗi bàn có bốn ghế có thể chứa được một trăm hai mươi người ngồi thoải mái. Một cái bục cao để các nghệ sĩ lấy chỗ biểu diễn, một quầy rượu, rộng đúng bề ngang quán và có hơn một chục ghế cao. Bên cạnh quán rượu là một căn nhà khác có tám phòng, vừa đủ cho mười sáu người ở rộng rãi.

Khi tôi về Georgetown để mua các dụng cụ, ghế, bàn v.v..... tôi mượn luôn bốn cô gái da đen đẹp người để phục vụ khách hàng. Daya đã làm ở tiệm ăn, cũng quyết định theo chúng tôi. Một người phụ sẽ gõ trên cây đàn piano mà tôi mới thuê được. Chỉ còn lo việc tiết mục trình diễn.

Sau nhiều khó khăn vất vả và ba hoa hươu vượn, tôi cũng thuyết phục được hai cô gái Nam Dương, một cô Bồ Đào Nha, một cô Tàu và hai cô tóc nâu bỏ nghề làm điểm để trở thành nghệ sĩ thoát y. Một tấm rèm đỏ cũ mềm mua lại ở một tiệm lạc-sơn được dùng làm màn sân khấu.

Tôi tổ chức đưa tất cả những người này lên khu mỏ bằng một chuyến đi đặc biệt trên một chiếc thuyền của ngư dân Tàu. Một tiệm rượu nhận bán chịu cho tôi đủ các thứ đồ uống có thể có được. Tiệm đó tin tôi, tôi sẽ trả tiền hàng tháng những gì tôi đã bán được, sau khi kiểm hàng. Và tiệm đó sẽ gửi dần cho tôi những thứ

rượu tôi cần. Một cái máy hát cổ lỗ sĩ và những đĩa hát đã mòn sẽ phát nhạc khi anh nhạc sĩ đàn pianô của tôi ngưng hành hạ cây đàn. Đủ loại áo ngoài, váy lót bít tất đen và màu, nịt treo tất, còn rất tốt, tôi chọn mua vì màu sắc sặc sỡ của chúng tại nhà một người ần đã gom từ đóng đồ bỏ đi của một gánh hát rong, sẽ là “trang phục” của các “nghệ sĩ” tương lai của tôi.

Quých đã mua gỗ cây và giường. Indara thì mua ly tách và những gì cần cho một tiệm rượu, tôi lo rượu và vấn đề nghệ thuật. Gói gắm xong những việc đó trong một tuần, phải cố gắng cật lực. Cuối cùng rồi cũng xong, dụng cụ và người chiếm cả một thuyền.

Hai hôm sau, chúng tôi đến nơi. Sự có mặt của mười cô gái ở giữa rừng thẳm này là một cuộc cách mạng thật sự. Mỗi người xách theo một gói đồ đã leo lên “Quán tre”, tên tôi đặt cho hộp đêm của tôi. Những cuộc tập dượt bắt đầu. Dạy các “nghệ sĩ” của tôi cởi áo quần không phải là dễ. Trước hết tôi nói tiếng Anh và những lời chỉ dẫn của tôi không được hiểu kỹ, sau nữa là vì các cô chỉ quen thay quần áo thật mau cho xong rồi tổng khách đi cho nhanh. Còn bây giờ thì trái hẳn, các cô càng làm từ từ bao nhiêu, lại càng hấp dẫn bấy nhiêu. Đối với mỗi cô, lại phải có một chiến thuật khác. Cách làm cũng phải phù hợp với quần áo. Cô nàng “Hầu tước phu nhân” mặc coóc-xê hồng và váy phòng, trong là quần rộng viền đăng-ten trắng, thoát y chậm chậm, sau tấm bình phong có cái gương to phản chiếu để khán giả có thể ngắm lần lượt từng mảng da của nàng.

Rồi cô “Mau lên” một cô gái có cái bụng phẳng nhẵn, tóc nâu, da màu cà-phê nhạt, một bản mẫu tuyệt đẹp của một cuộc lai máu, chắc hẳn là giữa một gã da trắng với một cô da đen màu sáng. Nước da cô này như hạt cà-phê mới bắt đầu rang hơi vàng chút xíu càng làm nổi bật thân hình cân đối của cô. Mớ tóc dài xoắn tự nhiên rủ xuống đôi vai tròn trĩnh tuyệt vời của cô bộ ngực cao đầy đặn, tuy hơi nặng mà vẫn không kém phần hồng hách, chia ra hai đầu vú màu chỉ hơi xẫm hơn màu da một chút, gương cao lên ngạo nghệ, đẹp vô cùng. Đây là cô “Mau lên”. Tất cả quần áo của cô này đều mở bằng khóa kéo “féc-mơ-tuy”. Cô mặc quần cao bồi để trình diễn, đầu đội một cái mũ rộng vành và một cái áo ngắn, tay

áo có tua bằng da. Theo tiếng nhạc quân hành, cô xuất hiện trên sân khấu và tháo giày bằng cách đá tung từng chiếc lên. Quần dài cô mặc xẻ hai bên. Áo chèn được mở ra thành hai mảnh bằng khóa kéo ở mỗi bên tay.

Với khán giả, cách làm này tác động thật dữ dội vì bộ ngực trần bật lên, như cái lò xo bị nén quá lâu. Đùi và thân trần trụi, cô dang hai chân, tay chống nạnh, vẻ thách thức, cô nhìn thẳng vào đám khán giả, rồi lột mũ, ném lên một chiếc bàn gần sân khấu nhất. Hôm khai trương, Quán Tre đông tương muốn vỡ. Ban tham mưu của mỏ đến đủ mặt. Đêm vui kết thúc bằng khiêu vũ và khi các khách cuối cùng ra về thì trời đã sáng. Thắng lợi hoàn toàn, không thể nào ước mong được hơn thế. Cũng phải chi phí tốn kém nhưng giá cao nên bù lại được, và quán ở giữa rừng, cho nên tôi hoàn toàn tin chắc là có nhiều đêm không có đủ chỗ cho khách.

Bốn cô gái chạy bàn của tôi phục vụ không xuể. Các cô này mặc váy rất ngắn, cổ áo khoét sâu, đầu buộc khăn ma-đra đỏ, cũng làm khách mê mẩn. Indara và Daya mỗi người giám sát một phía, khách trong quán gọi gì, thì đã có anh cụt tay và Quých ở quầy rượu cho đưa tới ngay. Còn tôi phải có mặt ở khắp nơi, chỗ nào trực trặc thì chỉnh đốn ngay, chỗ nào có gì lúng túng thì chỉ dẫn kịp thời.

- Ăn chắc rồi - Quých nói khi chỉ còn lại các cô gái phục vụ, các nữ nghệ sĩ và chủ quán trong gian phòng rộng. Chủ và người làm ai cũng mệt lả nhưng vui mừng vì thấy kết quả. Tất cả mọi người sửa soạn đi ngủ.

- Papillon, dậy đi chứ?

- Máy giờ rồi?

- Sáu giờ chiều rồi. - Quých nói với tôi. - Cô công chúa của anh đã giúp chúng ta đấy. Nàng dậy từ hai giờ dọn dẹp xong xuôi sẵn sàng để đêm nay lại bắt đầu nữa.

Indara mang một bình nước nóng đến. Sau khi tắm rửa, cạo râu tươi tỉnh và khoan khoái, tôi ôm ngang lưng Indara rồi cùng bước vào Quán Tre, mọi người xúm lại hỏi han rồi rút.

- Ông chủ ơi, tình hình khá chứ?

- Em thoát y có được không? Theo ông chủ thì chỗ nào không được nào?

- Em hát gần đúng, phải không ông? Cũng may là khán giả dễ tính cả.

Cái nhóm mới thành lập này rất dễ mến. Lũ điểm biến thành nghệ sĩ này rất coi trọng công việc của mình và tỏ ra sung sướng từ bỏ được nghề cũ. Việc buôn bán không thể nào khấm khá hơn thế này được. Chỉ có điều khó khăn duy nhất là quá nhiều khách đàn ông lẻ loi mà quá ít đàn bà. Tất cả các khách hàng đều muốn được ngồi kèm một cô gái, nhất là một nghệ sĩ nếu không được cả đêm thì cũng phải lâu hơn bây giờ. Thế là họ ganh ty nhau. Thỉnh thoảng, lỡ ra có hai phụ nữ ngồi cùng một bàn, là khách hàng phản đối ngay. Các cô gái da đen cũng được quý chuộng, trước hết các cô cũng đẹp, nhưng chủ yếu là vì ở trong rừng này không có đàn bà. Tuy bận ở quây, thỉnh thoảng Daya cũng chạy ra bàn và trò chuyện với tất cả mọi người.

Khoảng hơn hai mươi khách được thưởng thức sự hiện diện của cô gái Ấn này vì sắc đẹp của cô quả là hiếm có. Để tránh sự ganh ty và đáp ứng yêu cầu của khách đòi phải có một nghệ sĩ ngồi tại bàn mình, tôi bày đặt trò xổ số. Sau mỗi tiết mục thoát y hay ca hát, một bánh xe to có ghi số từ 1 đến 32, - mỗi bàn một số, riêng quây rượu là hai số - sẽ quyết định cô gái vừa biểu diễn sẽ phải đến bàn nào. Muốn chơi xổ số, phải mua một vé, giá tương đương với tiền một chai whisky hay sâm banh.

Tôi cho là làm như vậy có hai điều lợi. Thứ nhất là tránh được những sự khiếu nại. Ai trúng số sẽ được nghệ sĩ ngồi cả giờ tại bàn mình mà chỉ phải trả tiền một chai rượu, được phục vụ theo cách sau đây: trong khi nữ nghệ sĩ chỉ còn cái quạt lông che thân thì tôi cho bánh xe quay. Nó chỉ vào số nào thì cô gái đứng lên một cái mâm gỗ sơn bạc và bốn chàng trai khỏe mạnh nhấc bổng mâm lên, đưa tới cái bàn may mắn trúng số. Cô nàng mở chai sâm banh và, vẫn cứ trần truồng như vậy chạm cốc một lượt rồi

xin lỗi và đi vào để năm phút sau trở lại ngồi vào chỗ, lần này ăn mặc đàng hoàng.

Trong sáu tháng công việc chạy đều, nhưng mùa mưa đã qua, một loạt khách mới đến. Đó là những người đi tìm vàng và kim cương được tự do đi thăm dò trong rừng ở cái đất phù sa màu mỡ này. Đi tìm vàng và đá quý bằng những phương tiện cổ hủ cực nhọc vô cùng. Họ thường chém giết hay lấy cắp của nhau. Cho nên tất cả có vũ khí và khi đã có một túi vàng nhỏ hay một nắm kim cương là họ không cưỡng được sự cám dỗ, lao vào ăn tiêu như điên. Bán được một chai sâm-banh, mỗi cô gái cũng được hưởng một tỷ lệ khá lớn. Từ đó, vừa hôn khách, vừa đổ sâm banh hay whisky vào xô đựng đá cho chai mau hết, làm chỉ trong nháy mắt. Có vài người tuy đã uống rồi, nhưng vẫn thấy được cái mảnh này và phản ứng dữ dội đến nỗi tôi phải cho gắn chặt bàn và ghế xuống sàn nhà.

Với loại khách mới này, điều phải xảy ra đã xảy ra. Cô gái ấy được người ta gọi là “Hoa Quế”. Da cô cũng giống màu cây quế thật. Cô gái mới tới này, được tôi vớt từ khu nghèo khổ của thành phố George, có lối thoát y làm cho khách phát cuồng lên.

Khi đến lượt cô ta biểu diễn, phải đem một cái ghế tràng kỷ lên sân khấu, cô ta không chỉ cởi quần áo và những kỹ xảo đặc biệt tinh vi, mà sau khi đã trần như nhộng, lại còn nằm dài ra ghế và tự vuốt ve mơn trớn mình. Những ngón tay thon dài của cô lướt trên da thịt trần tụi của mình, mân mê thân thể mình từ tóc đến ngón chân. Không một chỗ nào trên thân thể mà cô lại không mó máy đến. Khỏi phải nói rõ cách phản ứng của những con người thô lỗ của miền rừng rú này, nhất là khi họ đã sặc sụa hơi men.

Tính vốn vụ lợi. Hoa Quế bắt khách mua vé xổ số cho tiết mục của cô ta với giá hai chai sâm banh chứ không phải một như những cô khác. Sau khi mua vé nhiều lần hòng dành được Hoa Quế mà không được lần nào, một gã thợ mỏ vạm vỡ, có bộ râu đen rất rậm, khi cô gái Ân của tôi đi mời mọi người mua vé số cho lần thoát y cuối cùng của Hoa Quế, chỉ còn cách mua cả ba mươi vé xổ số (tức chỉ trừ hai vé của quầy rượu). Sau khi trả tiền sáu mươi

chai rượu sâm-banh, tin chắc là mình sẽ trúng, chàng rậm râu tin tưởng chờ Hoa Quế thoát y rồi đợi quay số. Hoa Quế cũng bị kích thích rất mạnh vì từ tối đã uống quá nhiều. Khi cô ta biểu diễn lần cuối thì đã bốn giờ sáng. Ngắm rượu, cô lại càng tỏ ra dâm dăng và có những cử chỉ trắng trợn hơn bao giờ hết. Vù vù! Bàn cò quay đã bắt đầu chạy và con cò bằng sứ sẽ chỉ số trúng.

Chàng rậm râu, sau khi xem cô bé Hoa Quế biểu diễn, đã bị kích thích đến tột độ. Anh chàng ngồi đợi, tin chắc là người ta sắp đưa cô ta trần truồng, trên cái khay bạc, đến cho y, chỉ có cái quạt lông che thân, hai chai sâm banh được kẹp giữa hai cái đùi tuyệt đẹp. Nhưng tai hại thay, anh chàng mua ba mươi vé lại thua. Số 31 trúng, nghĩa là quây rượu được. Thoạt tiên y chưa hiểu ra, mãi đến khi cô nghệ sĩ được nhắc lên đặt ở quây rượu y mới vỡ lẽ. Thế là cái gã ngốc ấy phát điên lên, xô bàn nhảy ba bước tới quây rượu. Y rút súng lục bắn ba phát vào cô gái, tất cả sự việc này diễn ra trong khoảng chưa đầy ba giây.

Hoa Quế đã chết trong tay tôi. Tôi đến đỡ cô ta lên sau khi đánh gục thằng thú vật ấy bằng một cây dùi cui của quân đội Mỹ mà lúc nào tôi cũng mang trong người. Do tôi bị vấp phải một cô chạy bàn đang cầm khay nên tôi can thiệp chậm, làm thằng súc sinh có đủ thì giờ gây ra chuyện rò dại này. Kết quả là cảnh sát bắt Quán Tre phải dẹp tiệm và chúng tôi phải trở về Georgetown.

Chúng tôi ai trở về nhà người ấy. Indara, cô gái Ấn chính công định mệnh chủ nghĩa, chẳng thay đổi tính nết chút nào. Với cô, sự sụp đổ này chẳng có gì quan trọng. Tìm việc khác mà làm, có vậy thôi. Các chú Tàu cũng thế. Chẳng có gì thay đổi trong nhóm, chúng tôi vẫn ăn ý với nhau. Chẳng ai trách một lời về cái sáng kiến kỳ cục của tôi lấy gái ra để mở số, cái sáng kiến đã là nguyên nhân của sự tai tiếng. Chúng tôi gom góp tiền nong dành dụm được, để trả tất cả các món nợ và đưa đỡ một món tiền cho bà mẹ Hoa Quế. Chúng tôi chẳng băn khoăn lo lắng gì. Tối nào chúng tôi cũng đến quán rượu, nơi các cựu tù nhân vẫn tụ tập. Các buổi tối vẫn vui, nhưng thành phố George trong hoàn cảnh chiến tranh bị hạn chế nhiều đã làm tôi mệt mỏi. Thêm vào đó nàng công chúa của tôi không bao giờ ghen nên tôi lúc nào cũng được tự do. Bây

giờ cô nàng đeo tôi từng bước và ngồi hàng giờ cạnh tôi bất cứ tôi ở đâu

Những khả năng buôn bán ở thành phố George trở thành phức tạp. Và có một ngày, tôi bỗng nảy ra ý muốn rời đất Guyane thuộc Anh này sang một nước khác. Chẳng có gì phải sợ, lúc này đang có chiến tranh, không nước nào trả chúng tôi về chỗ cũ, ít ra đây cũng là điều tôi ước đoán.

Trốn khỏi Georgetown

Le Guittou cũng tán thành. Anh ta cũng nghĩ rằng chắc phải có những nước tốt hơn và sống dễ chịu hơn ở Guyane thuộc Anh. Chúng tôi bắt đầu chuẩn bị một cuộc trốn chạy khỏi thành phố George. Đúng là đi khỏi đất Guyane thuộc Anh là phạm một tội nặng. Chúng tôi đang ở trong thời chiến mà không đứa nào trong bọn tôi có hộ chiếu.

Chapar, sau khi được thả, đã từ Cayenne trốn đi và đã ở đây đã ba tháng. Y làm kem cho một hiệu bánh của người Tàu và được trả công một đô-la rưỡi một ngày. Y cũng muốn đi khỏi thành phố George. Một anh tù người Dijon, tên là Deplanque, và một dân Bordeaux cũng muốn tham dự cuộc vượt ngục. Quých và anh cự thì thích ở lại. Cả hai thấy ở đây tốt hơn.

Vì cửa sông Demerara bị kiểm soát rất ngặt nghèo và nằm trong tầm các ổ súng máy, phóng ngư lôi và đại bác, chúng tôi sẽ làm một tàu đánh cá y hệt một chiếc tàu đăng ký ở thành phố George và chúng tôi sẽ giả làm chiếc tàu đó để ra đi. Tôi tự trách mình đã không biết ơn Indara, và đã không đáp ứng lại cho xứng đáng với tình yêu tuyệt đối của nàng đối với tôi.

Nhưng tôi không thể làm khác được, nàng cứ đeo dính lấy tôi, làm tôi khó chịu, tôi đâm bực bội. Những con người giản dị, rõ ràng là không kiềm chế nổi ham muốn của mình, không chờ người mình yêu phải đòi hỏi mới hiến thân: Cô gái Ấn Độ này xử sự đúng như hai chị em Anh-điêng ở Guagira đã từng xử sự với tôi. Khi

tình dục các cô nảy nở, các cô tự hiến mình. Và nếu ta không chiếm đoạt các cô thì đó là điều rất nghiêm trọng.

Một nỗi đau thật sự, dai dẳng nảy nở trong bản ngã thâm kín nhất của họ và việc ấy làm tôi phát bần vì tôi không muốn làm khổ Indara cũng như hai chị em Anh-điêng kia, và tôi phải ép mình để trong vòng tay tôi, Indara được thỏa mãn đến mức tối đa. Cuộc đào tẩu của chúng tôi được chuẩn bị rất kỹ. Một chiếc thuyền rộng và dài có một lá buồm tốt, có cả buồm mũi và bánh lái loại tốt nhất được sửa soạn rất thận trọng để cảnh sát không để ý thấy được. Ở Penitence Rivers, nhánh sông nhỏ đổ vào sông Demerara, chúng tôi dấu thuyền của chúng tôi về phía xuôi so với khu chúng tôi ở. Nó được sơn và mang số như một thuyền đánh cá đã đăng ký tại thành phố George. Nếu đèn pha chiếu vào thì chỉ thấy có thủy thủ là khác. Để gạt mọi người, chúng tôi không đứng lên, vì những người Tàu trên thuyền mà chúng tôi đội lột đều nhỏ và gầy, còn chúng tôi thì cao lớn và khỏe mạnh.

Mọi việc diễn ra êm ru, và chúng tôi ra khỏi sông Demerara êm thấm. Tuy vui mừng vì đã ra đến biển mà không bị lộ, điểm duy nhất làm tôi không tận hưởng trọn vẹn thành tựu này, là cái tội đã đi trốn như một thằng ăn trộm không báo trước được cho nàng công chúa Ân của tôi. Tôi không vừa lòng về mình. Cô em, bố cô và cả giòng giống cô chỉ làm điều tốt với tôi, còn tôi tôi đã bội bạc. Tôi không tìm những lý lẽ để biện minh cho thái độ của mình. Tôi chỉ thấy những gì tôi làm là không lịch sự và tôi không hài lòng về tôi chút nào. Tôi có tình để lại trên bàn sáu trăm đô-la, nhưng những thứ tôi đã nhận được không thể trả bằng tiền bạc.

Chúng tôi phải đi hướng Bắc - Bắc bốn mươi tám giờ. Tôi lại trở về với ý nghĩ trước đây của tôi là đến Honduras thuộc Anh. Muốn vậy, phải vượt biển hai ngày. Cuộc đào tẩu gồm năm người: Le Guittoun, Chapar, Barrière, một gã người Bordeaux, Deplanque, một gã người Dijon, và tôi Papillon, thuyền trưởng.

Chúng tôi đi được độ ba mươi giờ thì gặp một trận bão kinh khủng tiếp theo là một trận gió xoáy. Sấm, chớp, mưa, sóng lớn hỗn độn, gió trên biển quăng quật điên cuồng, kéo chúng tôi đi một

cách thảm hại, chúng tôi không sao chống đỡ nổi. Tôi chưa từng thấy, hay tưởng tượng thấy cảnh nào tương tự như thế. Theo kinh nghiệm bản thân, đây là lần đầu tiên, gió vừa thổi vừa xoay chiều đến độ các luồng gió alizé bị xóa sạch hoàn toàn và trận gió điên cuồng làm chúng tôi xoay tít như chong chóng. Cứ thế này độ tám ngày khéo chúng tôi lại trở về trại giam mất. Sau này, đến Trinidad, tôi mới được ông Agostini lãnh sự Pháp cho biết là cơn bão này rất đặc biệt. Nó đã cưa gãy hơn sáu ngàn cây dừa ở đồn điền ông. Cơn bão hình mũi khoan này đã tiện cả vườn dừa của ông ở ngang thân. Có những căn nhà bị bốc lên cao, đưa đi xa, rồi rơi xuống đất hoặc xuống biển. Chúng tôi mất hết: thực phẩm đồ đạc cùng những thùng nước ngọt. Cột buồm bị gãy ở độ cao hai mét và nghiêm trọng hơn cả là bánh lái cũng bị vỡ. Phúc làm sao, Chapar vớt được một cái chèo nhỏ trông như một thứ xẻng, và tôi đã dùng cái xẻng đó để lái thuyền. Ngoài ra chúng tôi phải ở trường lột hết quần áo để ghép lại thành buồm. Tất cả áo vét, sơ mi, quần dài đều được đem ra dùng. Cả năm chúng tôi đều mặc xi-líp. Cái buồm làm bằng quần áo và víu lại với nhau bằng một cuộn dây thép nhỏ còn sót trên thuyền, được đem gắn vào mẩu cột buồm cụt, đã đẩy cho thuyền chúng tôi tạm đi được.

Gió alizé lại thổi đúng hướng, và tôi lợi dụng nó, lái thẳng về phía Nam để tới bất cứ nơi nào, kể cả Guyane thuộc Anh. Ở đây, hình phạt gì đối với chúng tôi cũng được hoan nghênh. Thái độ của tất cả các bạn chúng tôi trong và sau cái mà tôi không gọi là bão, vì gọi thế chưa hết ý, mà phải nói là cơn tai biến, cơn hồng thủy, hay cơn cuồng nộ, đều chứng chặc. Chỉ sáu ngày sau, trong đó có hai ngày gió yên sóng lặng hoàn toàn, chúng tôi mới thấy đất liền. Với mẩu buồm thùng lỗ chỗ, nhưng vẫn được gió đẩy đi, chúng tôi không thể lái thuyền theo ý mình được. Cái giàn con cũng không giúp chúng tôi lái được vững vàng, chắc chắn. Lái phải ở trần, toàn thân chúng tôi cháy xém làm sức đề kháng của chúng tôi cũng giảm sút. Mũi dừa nào cũng tróc hết da, trơ cả thịt. Cả môi, chân, da giữa hai đùi và bắp vế đều cũng tróc hết da. Cơn khát nước hành chúng tôi đến nỗi Deplanque và Chapar uống cả nước mặn. Sau khi uống, hai dừa lại càng khổ hơn. Mặc dù khát và đói cùng

cực, có một điều tốt là không ai, hoàn toàn không một ai kêu ca. Cũng không đứa nào khuyên nhủ đứa khác điều gì.

Đứa uống nước mặn cũng như đứa dội nước biển lên người nói là cho mát rồi tự nhận thấy rằng làm như vậy các vết thương lại càng loét sâu hơn và khi nước bay hơi thịt da lại càng đau nhức hơn.

Chỉ một mình tôi là còn một mắt mở được và lành lặn, mắt tất cả các bạn đều sưng mủ, và phải nhắm nghiền vì mi mắt cứ dính bết vào nhau. Mắt tuy đau nhưng vẫn phải rửa vì bắt buộc phải mở mắt để nhìn cho rõ. Ánh mặt trời chiếu thẳng đứng càng làm cho các vết thương của chúng tôi đau vô cùng, tưởng chừng không sao chịu đựng nổi. Deplanque sắp phát rồ, đòi nhảy xuống nước.

Đã gần một giờ, tôi thấy lơ mờ đất liền ở phía chân trời. Tất nhiên, tôi hướng ngay về phía đó mà không nói gì, vì tôi chưa chắc là đúng. Chim chóc lượn quanh chúng tôi, như vậy là tôi đã không lầm. Tiếng chim đã báo cho các bạn tôi biết. Bị ánh nắng và sự mệt mỏi làm cho u mê đi, họ nằm dài ở lòng thuyền lấy tay che mặt cho đỡ nắng.

Guittou sau khi súc miệng để cố nói cho được đã bảo tôi:

- Papi, cậu có thấy bờ không?

- Thấy rồi.

- Theo cậu đoán thì độ bao nhiêu lâu chúng tôi tới bờ được.

- Độ năm bảy giờ nữa. Các cậu ơi, tớ cũng chịu hết nổi rồi. Tớ cùng bị phỏng da như các cậu, móng đít tớ còn trơ cả thịt và bị cọ sát với ghề và nước biển. Gió không mạnh, thuyền không đi nhanh được, cánh tay tớ luôn bị chuột rút, bàn tay tớ cũng tê cứng, từ lâu không nắm nổi giầm lái nữa. Các cậu có bằng lòng làm thế này không? Ta hạ buồm xuống, che làm mái để tránh nắng như thiêu như đốt này cho đến tối. Cứ mặc cho thuyền tự nó trôi vào bờ. Phải làm như vậy, nếu không, một cậu nào hãy ra cầm lái thay tớ.

- Thôi đi Papi, đừng làm vậy. Cứ làm như cậu nói và tất cả vào ngủ trong bóng râm, chỉ để một người canh thôi.

Tôi lấy quyết định chung của anh em lúc trời đang nắng, vào hồi mười ba giờ. Được thỏa thuận một cách tự nhiên như con vật, tôi nằm dài ra lòng thuyền, và thế là cũng được ở trong bóng râm. Các bạn tôi dành cho tôi nơi tốt nhất ở đằng mũi để hứng được gió. Người gác phải đều chìm ngay vào cõi hư vô. Một nhồi, lại có bóng râm che ánh nắng gay gắt, chúng tôi đã ngủ thiếp đi.

Một tiếng còi thét lên làm chúng tôi choàng dậy.

Tôi vén buồm lên, bên ngoài là đêm tối. Không biết mấy giờ? Khi tôi về chỗ ngồi, bên bánh lái, một làn gió mát mơn trớn thân thể bị tróc hết da của tôi, và tôi thấy lạnh. Nhưng khoan khoái biết bao vì không bị cháy da thịt nữa.

Chúng tôi dỡ buồm ra. Sau khi lấy nước biển rửa mắt - may cho tôi là tôi chỉ bị một mắt đau và mưng mủ - tôi đã nhận thấy rất rõ đất liền ở bên phải và bên trái tôi. Chúng tôi đang ở đâu vậy? Tôi nên đi về phía nào bây giờ? Chúng tôi lại nghe tiếng còi rúc một lần nữa. Tôi biết là tín hiệu từ phía phải tới. Không biết người ta muốn nói cái quái gì với chúng tôi?

- Cậu bảo chúng ta ở đâu nhỉ? - Chapar hỏi.

- Thật sự tớ cũng không biết gì. Nếu miền này không phải là nơi trơ trọi và là một cái vịnh thì có lẽ chúng ta ở mỏm đầu của Guyane thuộc Anh, phần đất dài đến tận sông Orenoque là biên giới tự nhiên với Venezuela. Nhưng nếu miền đất bên phải lại bị cắt khỏi phía bên trái bởi một quãng hơi rộng, thì cái bán đảo này lại là một hòn đảo và đấy là Trinidad. Bên trái sẽ Venezuela, và chúng ta đang ở trong vịnh Ria. Trí nhớ của tôi về cái bản hải đồ mà tôi đã có dịp nghiên cứu đã cho tôi thấy được tình trạng nước đôi này. Nếu bên phải là Trinidad và bên trái là Venezu ela, chúng tôi sẽ chọn phía nào đây? Quyết định này liên quan đến vận mạng của chúng tôi. Với gió nhẹ như thế này, đi vào bờ không khó lắm. Lúc này, chúng tôi chưa đi về hướng nào cả. Đến Trinidad, là gặp “dân ăn thịt bò rán” cũng một chính quyền như ở Guyane thuộc Anh.

- Chắc chắn sẽ được đối xử tử tế, - Guittou nói.

- Phải, nhưng họ sẽ quyết định thế nào khi ta rời khỏi lãnh thổ của họ trong thời chiến một cách lén lút và không có giấy phép nữa?

- Thế Venezuela thì sao?

- Cũng chưa biết sẽ ra sao - Deplanque nói - Dưới thời Gomez làm tổng thống, tù nhân phải làm đường vô cùng cực khổ, rồi bị họ trả cho nước Pháp, ở đây họ gọi tôi là dân Cayenne.

- Nhưng bây giờ không như vậy nữa rồi, đang là thời chiến mà.

- Theo như tôi nghe được ở Georgetown thì họ không tham chiến, họ trung lập.

- Chắc không?

- Chắc chứ!

Nếu vậy thì rất nguy hiểm cho chúng ta. Chúng tôi đã nhận ra ánh sáng đèn trên bờ phải và cả bên bờ trái nữa. Lại tiếng còi, lần này hú ba lần. Những ánh đèn tín hiệu từ bờ biển bên phải hướng về chúng tôi. Đằng trước, hai mỏm đá nhọn rất to, đen ngòm nổi trên mặt biển. Chắc vì vậy mà họ hú còi để báo cho chúng tôi biết là có nguy hiểm.

- Ô phao nổi kia! Có cả một chuỗi dài. Sao ta không neo vào một cái để chờ trời sáng nhỉ. Hạ buồm xuống đi Chapar.

Y hạ ngay những mẩu quần và áo sơ mi mà tôi gọi một cách hợm hĩnh là buồm. Tôi dùng giềng hãm thuyền, cho mũi tiến sát gần một cái “phao” đầu mũi thuyền, may còn một đoạn thừng buộc chắc vào vòng sắt nên bão không dứt dứt được. Chúng tôi đã neo xong thuyền không neo vào cái phao kỳ cục này vì nó nhọn thín chẳng có chỗ nào để buộc, mà neo vào sợi dây cáp nổi nó với một phao khác. Thuyền chúng tôi đã được buộc chắc vào sợi cáp hẳn là dùng để phân ranh giới một luồng nước gì đó. Chẳng bận tâm đến những tiếng còi từ bờ bên phải cứ tiếp tục réo lên, tất cả chúng tôi nằm trong lòng thuyền, dùng buồm đắp lên người để che gió. Người tôi bị gió lạnh ban đêm làm tê cóng đã ấm dần lên, rất dễ

chịu, và chắc tôi là một trong những người đầu tiên đã ngáy lên như sấm.

Khi tôi thức dậy, trời đã sáng rõ và rất quang đãng. Mặt trời đang mọc, sóng hơi to, và nước biển trong vắt màu xanh ve chúng tỏ đáy biển toàn san hô.

- Ta làm gì bây giờ nào? Phải lên bờ chứ? Tớ chết vì đói và khát mất thôi.

Đây là lần đầu tiên có người phản nản sau những ngày nhịn nhục, đến hôm nay đúng là bảy hôm.

Chúng ta ở quá gần bờ, nên có lên bờ cũng chẳng có tội! - Chapar nói vậy.

Ở chỗ tôi ngồi, trông xa về phía trước, qua hai tảng đá to từ dưới biển nhô lên, tôi thấy rất rõ chỗ bờ biển bị nứt đôi. Như vậy bên phải đúng là Trinidad rồi, và bên trái là Venezuela. Hẳn là chúng tôi đang ở trong khu vực vịnh Paria, và nếu nước màu xanh chứ không phải vàng do đất phù sa của dòng sông Orenoque, thì như thế tức là chúng tôi ở trong luồng nước của cái lạch chảy giữa hai quốc gia rồi đổ ra biển.

- Ta làm gì bây giờ? Các cậu biểu quyết đi, việc này rất quan trọng nên tôi không dám tự quyết một mình. Bên phải là đảo Trinidad của Anh, bên trái là Venezuela. Các cậu muốn đi phía nào? Căn cứ vào tình trạng thuyền của bọn ta và tình hình sức khỏe chung, chúng ta phải lên bờ càng sớm càng tốt, trong chúng ta có hai người đã được tự do là Le Guittou và Corbière còn lại ba người: Chapar, Deplanque và tớ có thể gặp nhiều nguy hiểm nhất, cho nên chúng tớ phải quyết định. Các cậu thấy thế nào? Đến Trinidad là khôn ngoan hơn, Venezuela là xù lạ.

- Chúng ta chẳng cần phải tự quyết định đâu: chiếc hải thuyền kia sẽ quyết định cho chúng ta, - Deplanque nói.

Đúng là có chiếc hải thuyền đang tiến nhanh về phía chúng tôi. Nó đã dừng lại cách chúng tôi ngoài năm mươi mét. Một người trên thuyền đó cầm loa. Tôi trông thấy một lá cờ, không phải là cờ Anh. Lá cờ có nhiều sao rất đẹp, cả đời tôi chưa thấy nó bao giờ.

Chắc đây là cờ Venezuela. Sau này là “cờ của tôi”, cờ của tổ quốc mới của tôi, đối với tôi và đối với bất cứ người bình thường nào khác đó là vật tượng trưng cảm động nhất, tập trung trong một mảnh vải những đức tính cao quý nhất của một dân tộc lớn, dân tộc tôi.

- Quien son vosotros? (Các anh là ai?)
- Chúng tôi là người Pháp
- Es tan locos? - (Các anh có điên không?)
- Sao vậy?
- Porque son amarados a minas (Vì sao anh neo thuyền vào mìn)
- Vì thế mà các ông không dám đến gần phải không?
- Phải, cởi dây ra ngay đi.
- Xong rồi đây.

Trong nháy mắt, Chapar đã cởi dây thừng ra. Chúng tôi đã neo thuyền vào một chuỗi mìn nổi, không hơn không kém.

- Phúc tổ các anh không bị nổ tung lên đấy, - thuyền trưởng chiếc hải thuyền sang kéo thuyền của chúng tôi, giải thích với tôi như vậy. Rồi từ hải thuyền, họ chuyển cho chúng tôi cà phê, sữa hộp và thuốc lá.

- Các anh đến Venezuela đi, các anh sẽ được đối xử tử tế tôi bảo đảm với các anh như vậy. Chúng tôi không thể nào kéo các anh vào tận bờ được, vì chúng tôi phải cấp tốc đi đón một người bị thương nặng ở hải đăng Barimas. Nhưng các anh nhất thiết đừng có đến Trinidad, vì mười phần chắc chín là các anh sẽ va phải mìn, thế là...

Sau câu tạm biệt “Adios, buena suerte” (chúc các anh may mắn) chiếc hải thuyền quay đi. Họ để lại cho chúng tôi hai lít sữa. Chúng tôi sữa sang lại buồm. Đã mười giờ sáng rồi, dạ dày chúng tôi đã phồng phao lên, do có cà phê và sữa, rồi phì phèo điếu thuốc trên môi, tôi cho thuyền xô ào vào bãi cát mịn, ở đó độ năm mươi

người đã tụt tập để xem những ai đi trên chiếc thuyền kỳ lạ: cột buồm thì cụt, buồm là áo sơ mi, áo vét và quần ghép lại với nhau.

XIII. Nước Venezuela - Các ngư dân ở Irapa

Tôi đã khám phá ra một thế giới mới, những con người, một nền văn minh hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Những phút đầu tiên trên đất Venezuela vô cùng cảm động, và phải một tài năng hơn hẳn cái vốn liếng chữ nghĩa ít ỏi của tôi mới giải thích, diễn đạt, vẽ lên nổi cái không khí tiếp đón nồng nhiệt mà những người dân hào hiệp ở đây đã giành cho chúng tôi. Đàn ông, da trắng hay da đen, nhưng đa số là da màu sáng như màu da trắng bị rám nắng vài ngày, hầu hết mặc quần xắn đến đầu gối.

- Tôi nghiệp, sao trông các ông thảm hại đến vậy - cánh đàn ông nói.

Làng dân chài nơi chúng tôi đến là làng Irapa, một công xã thuộc một bang tên là Sucre. Các cô gái và các thiếu phụ, hơi nhỏ người nhưng duyên dáng vô cùng, và cả các bà già nữa không trừ một ai, đều biến thành nữ y tá, xơ từ thiện hay mẹ bảo trợ chúng tôi

Họ tập hợp ở một căn nhà đã mắc sẵn năm cái võng len, kê sẵn bàn cho chúng tôi, họ lấy dầu ca-cao xoa lên thân thể chúng tôi từ đầu đến chân, không bỏ sót một centimét da bị tróc. Chúng tôi lả đi vì đói và mệt, vì phải nhịn ăn quá lâu ngày nên bị mất nhiều nước. Những người vùng ven biển này biết là chúng tôi cần ngủ nhưng cũng phải cho ăn chút ít mệt.

Mỗi đứa chúng tôi nằm trên võng, vừa ngủ, vừa được các nữ y tá bất ngờ bón cho ăn từng miếng. Tôi quá mệt mỏi, khi được đặt lên võng, những chỗ da bị trơ thịt ra được xoa dầu ca-cao rồi, sức lực của tôi đã hoàn toàn tan biến đâu mất và tôi cứ mơ mơ màng màng ngủ, ăn và uống mà không biết gì hết.

Một món gì giống cháo bột sắn ở quê tôi không được dạ dày rỗng tuếch của tôi tiếp thu. Mà không phải chỉ mình tôi như vậy.

Tất cả chúng tôi đã nhiều lần nôn ra một phần hay tất cả những món ăn mà các bà các chị đã đưa vào mồm chúng tôi từng muốn nuốt.

Dân trong làng này nghèo xác xơ. Nhưng tất cả mọi người, không trừ một ai, đều giúp đỡ chúng tôi. Ba ngày sau, do được tập thể này săn sóc và do tuổi còn trẻ, chúng tôi đã gần lại người. Chúng tôi ngồi dậy hàng giờ dưới mái lán lợp bằng lá dừa râm mát, các bạn tôi và tôi đã trò chuyện với người làng. Họ không dư dả để lo chúng tôi có quần áo mặc ngay một lúc. Và những nhóm nhỏ đã được hình thành. Nhóm này chuyên lo cho Guittou, nhóm nọ, cho Deplanque. Độ gần mười lo cho tôi.

Những ngày đầu, họ cho chúng tôi mặc đủ thứ đồ hủ hạc, cũ kỹ nhưng rất sạch. Bây giờ, mỗi khi có điều kiện, họ mua cho chúng tôi chiếc áo sơ-mi mới, cái quần dài, sợi thắt lưng hay đôi giày vải. Trong số phụ nữ săn sóc tôi có những cô gái trẻ, dân tộc Anh-điêng pha trộn với máu Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha. Một cô tên là Tibisay, cô kia là Nenita. Các cô đã mua cho tôi một cái áo sơ mi, một cái quần dài, một đôi giày vải mà họ gọi là “aspargate”, đế giày bằng da, không có gót, phần che chân là sợi vải tết lại. Chỉ có cổ chân và gót chân được bao bọc còn ngón chân thì để hở.

- Không cần hỏi các anh từ đâu đến. Cứ trông các anh xăm mình, chúng tôi cũng biết là các anh đã vượt ngục từ trại giam của Pháp.

Điều đó lại càng làm tôi cảm động hơn. Chao ôi! Biết chúng tôi là tù vì đã phạm tội nặng, lại vượt khỏi một trại tù mà sách báo đã mô tả tình trạng khắc nghiệt của nó, những người dân bình thường này cho việc cứu trợ, giúp đỡ chúng tôi là tự nhiên sao? Khi người ta giàu có hay khá giả mà đi cho quần áo, khi gia đình và bản thân mình không thiếu thốn gì mà cho một người lạ ăn uống, thế cũng đã là tốt lắm rồi. Đằng này chia đôi một mẩu bánh ngô hay bánh sắn nướng lấy ở lò nhà, trong lúc chính mình và gia đình mình cũng chưa đủ ăn, rồi chia sẻ bữa ăn đạm bạc không đủ nuôi sống được gia đình mình, với những người xa lạ, hơn thế nữa, với

những kẻ trốn tránh. công lý như chúng tôi, lại càng đáng khâm phục.

Sáng nay, tất cả mọi người, đàn ông lẫn đàn bà, đều nín lặng. Họ có vẻ bức bối và lo âu. Có chuyện gì vậy? Tibusay và Nenita đang ở cạnh tôi. Sau mười lăm ngày, lần đầu tiên tôi đã có thể cạo râu. Chúng tôi ở cùng những con người hết sức tận tình này đã được tám ngày. Các vết bỏng của tôi đã lên da non cho nên tôi mới dám cạo. Vì bộ râu của tôi, các cô các bà chẳng biết tuổi tác của tôi ra sao. Khi thấy tôi còn trẻ. Họ rất mừng và nói thẳng điều đó ra một cách chất phác. Tôi đã ba mươi lăm tuổi nhưng trông chỉ độ hăm tám, ba mươi. Phải, đúng là những người đàn ông, đàn bà mến khách này có chuyện gì lo lắng cho chúng tôi, tôi cảm thấy thế.

- Có chuyện gì vậy Tibusay, nói cho tôi nghe, có chuyện gì vậy?

- Các quan chức ở bên Quiria sắp tới đây: ở đây không có ủy viên dân sự. Chẳng hiểu tại sao, nhưng cảnh sát ở bên ấy đã được tin các anh ở đây. Họ sắp tới.

Một người phụ nữ da đen, cao và đẹp, đi với một thanh niên mình trần, quần xắn tới đầu gối, đã đến gặp tôi. Anh thanh niên có một thân hình lực sĩ cân đối, chị da đen, “La Negrita” (ở Venezuela không hề có phân biệt chủng tộc hay tôn giáo và đây là một lời gọi âu yếm rất thông dụng đối với phụ nữ da màu) đã hỏi tôi:

- Ông Henri ơ (Senor Enriquez) cảnh sát sắp đến đây. Tôi không biết họ sẽ làm điều tốt hay xấu cho ông. Ông có muốn trốn một thời gian vào núi không? Em tôi có thể dẫn ông đến một căn nhà nhỏ mà không ai tìm được ông. Tibusay, Nenita và tôi có thể hàng ngày đem thức ăn cho ông và tin cho ông biết tình hình.

Cảm động đến tột độ, tôi muốn hôn tay người con gái cao thượng này nhưng chị đã rút tay lại, và chị nhẹ nhàng giả dối hôn má tôi.

Lát sau, một tốp người ngựa phi nước đại đến. Tất cả đều mang một con dao dài, loại dao đẵn mía, đeo bên trái như đeo kiếm, một thắt lưng to bản đựng đầy đạn và một khẩu súng ngắn to đựng trong bao đeo bên phải. Họ xuống ngựa. Một người mặt như Mông Cổ mắt xéch kiểu người Anh-điêng, da màu đồng đỏ, cao và gầy, chừng bốn mươi tuổi, đầu đôi mũ rơm to, tiến về phía chúng tôi.

- Chào các ông. Tôi là xếp dân sự, cảnh sát trưởng đây

- Chào ông.

- Còn các người kia, sao các người không báo cho chúng tôi biết là có năm người dân Cayenne vượt ngục đến ở đây? Người ta nói là họ ở đây đã được tám ngày. Trả lời đi!

- Chúng tôi chờ khi nào họ đi lại được và các vết bồng của họ lành đã.

- Chúng tôi đến để dẫn họ về Guiria đây. Sẽ có xe tải đến ngay.

- Ông uống cà phê nhé?

- Được, cảm ơn ông.

Tất cả ngồi thành vòng tròn uống cà phê. Tôi nhìn cảnh sát trưởng và các nhân viên của ông. Họ không có vẻ ác. Tôi có cảm giác là họ phải làm theo lệnh của cấp trên mà không tán thành lệnh đó.

- Các ông vượt ngục từ Đảo Quỷ phải không?

- Không, chúng tôi từ Georgetown ở Guyane thuộc Anh đến.

- Tại sao các ông không ở đây?

- Chỗ ấy kiếm ăn cực lắm.

Ông ta mỉm cười nói:

- Các ông cho là ở đây dễ chịu hơn là ở với người Anh?

- Phải, vì chúng tôi cũng gốc La-tinh như ông.

Một nhóm bảy, tám người tiến lại vòng tròn của chúng tôi. Đứng đầu là một người trạc năm mươi tuổi, tóc bạc trắng, cao hơn một mét bảy mươi lăm, da màu sô-cô-la rất sáng: Đôi mắt to đen biểu lộ trí thông minh và một sức mạnh tinh thần khác thường. Tay phải ông ta đặt trên cán con dao dài đeo bên đùi.

- Ông cảnh sát trưởng định làm gì đối với những người này?

- Tôi sẽ giải họ về nhà tù ở Guiria.

- Sao ông không để họ sống với gia đình chúng tôi? Mỗi gia đình sẽ nhận một người.

- Không thể được, vì đây là lệnh của tỉnh trưởng.

- Nhưng họ có phạm tội gì trên đất Venezuela đâu?

- Tôi công nhận điều đó. Dù sao đây cũng là những người rất nguy hiểm vì họ phạm tội rất nặng mới phải đi đây ở nhà tù khổ sai. Ngoài ra họ còn vượt ngục không có giấy tờ căn cước, chắc chắn cảnh sát nước họ sẽ đòi họ khi biết họ ở Venezuela.

- Chúng tôi muốn giữ họ lại với chúng tôi.

- Không thể được, vì đây là lệnh của tỉnh trưởng.

- Cái gì cũng có thể được. Ông tỉnh trưởng biết gì về những con người khôn khổ này? Không có ai là đồ bỏ. Dù có phạm tội gì, đến một lúc nào đó trong đời người ta, cũng có cơ hội phục hồi nhân phẩm để trở thành người tốt, có ích cho xã hội, có phải thế không các ông, các bà?

- Đúng vậy - đàn ông, đàn bà đều đồng thanh đáp - các ông cứ để họ ở lại với chúng tôi, chúng tôi sẽ giúp họ làm lại cuộc đời. Tám ngày qua, chúng tôi đã hiểu họ khá đủ : chắc chắn đây là những người tốt.

- Có những người văn minh hơn chúng ta đã giam họ vào ngục để họ không làm gì có hại, - viên cảnh sát trưởng nói.

- Theo ông thì thế nào là văn minh, thưa ông cảnh sát trưởng? - Tôi hỏi - ông tưởng có thang máy, máy bay, xe điện ngầm, là người Pháp chúng tôi văn minh hơn những người đã tiếp đón và săn sóc chúng tôi? Ông nên biết rằng theo ngụ ý của tôi,

văn minh của nhân loại là có được một tâm hồn cao thượng, sự thông cảm với con người. Ở làng này, sống giữa thiên nhiên, đúng là người ta thiếu những lợi ích của nền văn minh máy móc, nhưng đối với con người, người ta lại có tâm hồn cao thượng hơn, có sự thông cảm hơn; tuy không được hưởng lợi ích của sự tiến bộ, họ lại có ý thức về lòng kính Chúa thương người cao hơn tất cả những kẻ tự nhận là văn minh ở trên đời này. Tôi quý một người thất học ở xóm này hơn là một cử nhân văn học tại trường Sorbonne ở Paris, nếu anh cử nhân kia một ngày nào đó đầu óc giống như viên biện lý đã kết tội tôi. Một đằng là con người thật sự còn kẻ kia đã quên mất mình là người rồi.

- Tôi hiểu anh. Nhưng tôi chẳng qua cũng là cái phận chỉ đâu đánh đấy. Xe đến rồi. Tôi xin tất cả hãy giúp tôi sao cho mọi việc đều êm đẹp.

Mỗi nhóm phụ nữ ôm hôn người mà họ chăm sóc, Tibusay, Nenita La và Negrita vừa hôn tôi vừa khóc như mưa như gió. Đàn ông đều bắt tay chúng tôi, biểu lộ nỗi đau khổ của họ khi thấy chúng tôi phải vào tù.

- Xin tạm biệt, dân làng Irapa, giòng giống cực kỳ cao thượng đã can đảm đương đầu với chính quyền của nước mình để bảo vệ những kẻ khốn khổ hôm qua còn xa lạ với mình. Miếng bánh mà tôi ăn ở nhà các vị, miếng bánh mà các vị đã dám nhin để dành cho chúng tôi, miếng bánh tượng trưng cho tình nhân loại anh em, đối với tôi là tấm gương cao cả của thời xưa: “Không được giết người, hãy làm điều lành cho những người đang đau khổ dù có vì vậy mà phải thiếu thốn, hãy luôn luôn giúp người bất hạnh hơn mình”.

Sau này nếu có ngày tôi được tự do, tôi sẽ cố sức giúp đỡ người khác, như những người đầu tiên tôi gặp ở Venezuela đã dạy tôi. Tôi còn gặp nhiều người như thế trong tương lai.

Nhà lao El Dorado

Hai giờ sau, chúng tôi đến một khu làng lớn ở cửa biển, tự xưng là thành phố và lấy tên là “Guiria”. Xã trưởng đích thân trao chúng tôi cho cảnh sát địa phương. Tại Sở cảnh sát chúng tôi được đối xử cũng tạm được, nhưng lại bị hỏi cung, và người hỏi cung, chẳng hiểu biết gì, nhất định không công nhận là chúng tôi từ Guyane thuộc Anh, nơi chúng tôi đã được tự do, đến đây. Ngoài ra khi y bảo chúng tôi giải thích cho y biết tại sao chúng tôi đến Venezuela trong tình trạng cùng quẫn và kiệt lực đến thế này, sau chuyến đi ngắn ngủi từ phố George đến vịnh Paria, y cho là chúng tôi đã giở mặt y khi chúng tôi kể chuyện gặp bão ở biển.

- Hai tàu chở chuối đã bị đắm mất tiêu cả người lẫn hàng, trong cơn gió lốc, một tàu hàng chở bóc-xít cũng bị đắm, tất cả thủy thủ đều chết, thế mà các anh trên cái thuyền dài có năm mét, bị mưa bão vùi dập, lại thoát được? Ai tin nổi chuyện này? Ngay người điên đi ăn xin ở chợ cũng không nghe được. Các anh nói dối. Có một cái gì ám muội trong những điều các anh vừa kể.

- Xin ông cứ hỏi tin tức ở thành phố George thì biết.

- Tôi không muốn người Anh cười tôi.

Viên thư ký hỏi cung dần dộn và ương bướng, đa nghi và kiêu căng, không biết đã báo cáo thế nào, và gửi báo cáo đi cho ai. Dù sao thì một buổi sớm kia, chúng tôi cũng bị gọi dậy từ năm giờ, bị xích tay và đưa lên xe đến một địa điểm xa lạ.

Làng Guiria nằm trong vịnh Paria, đối diện với Trinidad như tôi đã nói. Nó còn có lợi thế là ở cửa sông Orenoque một con sông rất lớn, gần bằng sông Amazon. Năm đứa chúng tôi bị xích trong một chiếc xe tải trên đó còn có mười cảnh sát viên, đi về hướng Ciudad Bolivar, thủ phủ quan trọng của bang Bolivar. Chuyến đi trên những con đường đất hết sức nhọc nhằn cảnh sát cũng như tù, bị xóc lên xóc xuống, xô đi xô lại như những bao tải đựng hồ đào trên mái xe, còn lắc lư hơn ngồi trên cộ lết, cuộc hành trình kéo dài năm ngày. Đêm thì mọi người ngủ trên xe, sáng hôm sau lại tiếp tục phóng như điên đến một nơi nào chẳng biết. Cuộc hành trình đến sụn xương sống này, vượt qua hơn một ngàn ki-lô-mét

cách bờ biển đến một vùng rừng nguyên thủy, theo một đường lộ bằng đất từ Guidad Bolivar đến El Dorado. Khi đến làng El Dordo, thì cả lính lẫn tù đều phờ phạc.

Nhưng El Dorado là gì? Trước hết đó là niềm hy vọng của dân Tây Ban Nha đi chinh phục Châu Mỹ, thấy dân Anh-điêng ở vùng này có vàng, đã chắc mẩm là ở đây có một núi vàng, hay ít ra cũng là núi nửa đất, nửa vàng. Cuối cùng, El Dorado chỉ là một làng nằm trên con sông đầy những giống cá chuyên ăn thịt, chỉ trong vài phút có thể ăn nghiền ngấu hết một con người hay một con thú, những con cá điện, gọi là *trembladores*, cứ lượn quanh mồi, người hay vật, truyền điện rất nhanh vào mồi để rồi hút máu của nạn nhân mà thịt xương đã bị giòng điện phân hủy. Ở giữa sông có một hòn cù lao, và trên cù lao có một trại giam. Đó là nhà tù khổ sai El Dorado của xứ Venezuela. Khu giam tù khổ sai này là nơi cực nhọc, man rợ và vô nhân đạo nhất mà tôi được thấy trong đời, vì ở đây tù nhân bị đánh đập tàn nhẫn. Đó là một khuôn đất vuông vắn mỗi bề dài một trăm năm mươi mét lộ thiên, có dây thép gai bao quanh. Gần bốn trăm nhân mạng nằm giữa trời trong mưa nắng vì quanh khu đất này chỉ có vài tấm tôn kẽm.

Không nghe chúng tôi nói lấy một lời, không giải thích gì về quyết định này, họ tống chúng tôi vào trại giam El Dorado, ba giờ trưa, khi chúng tôi còn chết mệt vì chuyến đi xa và bị xích trong xe. Ba giờ rưỡi, chúng hỏi tên và ghi tên chúng tôi, họ gọi chúng tôi lại giao cho hai đứa trong bọn tôi mỗi đứa một cái xẻng, ba đứa kia mỗi đứa một cái cuốc. Năm tên lính, súng và roi gân bò trong tay, có một hạ sĩ chỉ huy, đứng vây quanh chúng tôi, buộc chúng tôi phải đến nơi làm việc, nếu không sẽ bị đánh. Chúng tôi hiểu ngay rằng đây là do chỉ huy trại giam muốn ra oai với chúng tôi. Lúc này mà kháng lệnh là rất nguy hiểm. Cứ làm đã, rồi sau sẽ hay.

Đến chỗ làm việc của tù nhân, họ bắt chúng tôi đào một đường hào ra phía đường giao thông mà họ đang mở ở giữa rừng. Chúng tôi làm tùy theo sức từng người, không nói gì, cũng không ngẩng đầu lên. Chúng tôi nghe thấy tiếng chửi rủa và những tiếng đánh đập đã man mà tù nhân luôn luôn phải chịu đựng. Không một ai trong bọn chúng tôi bị đánh một roi gân bò.

Buổi làm việc ngay khi vừa đến trại giam là để cho chúng tôi thấy rõ các tù nhân bị đối xử ra sao. Hôm ấy là thứ bảy. Sau giờ làm, còn đầy mồ hôi và bụi đất, chúng tôi bị đưa vào trại, vẫn không qua một thủ tục nào.

- Năm thằng dân Cayenne lại đây. - Tên hạ sĩ giám thị gọi. Tên này là người lai, cao một mét chín mươi, tay cầm một cây roi gân bò. Nó là một tên đàn độn thô lỗ chỉ chuyên giữ trật tự ở bên trong trại giam. Họ chỉ cho chúng tôi chỗ mắc võng ở nơi trống trải gần cổng ra vào trại giam, nhưng tại đây cũng có một cái mái tôn, ít ra chúng tôi cũng được che nắng che mưa.

Đa số tù nhân là người Colombia, số còn lại là dân Venezuela. Không một trại cải hối nào của tù khổ sai có thể ví với cái cảnh ghê tởm của trại lao động khổ sai này. Một con lừa bị đối xử như những người ở đây chắc phải chết mất. Nhưng gần như tất cả mọi người đều khỏe mạnh, vì thức ăn thức uống ở đây rất dồi dào và ngon lành.

Bọn chúng tôi họp ngay một cuộc hội nghị quân sự nhỏ. Nếu có ai trong bọn chúng tôi bị lính đánh, tốt nhất là chúng tôi ngưng làm việc, nằm ra đất và dù bị đối xử ra sao cũng không đứng dậy. Thế nào cũng phải có một người chỉ huy đến và chúng tôi sẽ hỏi tại sao chúng tôi không phạm tội gì mà lại phải ở trong trại giam khổ sai này? Hai người đã mãn hạn tù là Guittou và Barrière đã lên tiếng đòi phải trả họ về Pháp. Rồi chúng tôi quyết định gọi hạ sĩ giám thị đến. Tôi sẽ nói chuyện với y. Y được mệnh danh là Negro Blanco (Mọi Trắng). Guittou đi kiểm y. Tên đao phủ tới, tay vẫn cầm roi gân bò. Cả năm chúng tôi vây quanh y.

- Các anh muốn gì?

Tôi nói:

- Chúng tôi chỉ nói với anh một lời thôi, chúng tôi sẽ không phạm một lỗi gì trái với quy chế ở đây, do đó anh không có lý do gì để đánh bất cứ ai trong chúng tôi. Vì chúng tôi thấy anh đánh bất kể ai, đôi khi chẳng có lý do gì, chúng tôi mời anh đến để nói với anh rằng ngày nào anh đánh một người trong bọn chúng tôi anh sẽ chết ngay. Anh hiểu chưa?

- Rồi, - tên Mọi Trắng nói.
- Một kiến nghị cuối cùng nữa.
- Gì thế - Y nói, giọng nghe dùng dưng.

- Nếu những gì tôi vừa nói với anh cần được nhắc lại cho người khác, thì người đó phải là một sĩ quan chứ không thể là lính được.

- Đồng ý, - y nói rồi đi. Sự việc này xảy ra ngày chủ nhật là ngày mà tù nhân không phải đi làm. Một sĩ quan tới.

- Tên anh là gì?
- Papillon.
- Anh chỉ huy những người dân Cayenne này à?
- Chúng tôi có năm người, ai cũng là chỉ huy cả.
- Thế thì tại sao người nói chuyện với giám thị lại là anh?
- Vì tôi nói tiếng Tây Ban Nha khá hơn mọi người kia.

Đây là một đại úy quân cảnh vệ quốc gia. Y nói với tôi rằng y không phải là chỉ huy đơn vị này. Có hai sĩ quan cao cấp nhưng họ không có mặt ở đây. Kể từ khi chúng tôi đến, y giữ quyền chỉ huy. Hai viên sĩ quan kia thứ ba mới về.

- Anh đã nhân danh anh và nhân danh các bạn anh, dọa giết giám thị nếu các anh bị y đánh. Có đúng thế không?

- Đúng thế đấy, và lời đe dọa đó cần được coi là một lời hứa chắc. Bây giờ tôi nói thêm cho ông biết là chúng tôi sẽ không bao giờ tạo ra lý do để các ông trừng phạt thể xác chúng tôi. Đại úy cũng biết là không có tòa án nào xét xử chúng tôi vì chúng tôi không phạm tội gì ở Venezuela cả.

- Tôi không biết. Các ông đến trại không có giấy tờ gì hết, chỉ có một giấy của giám đốc ở làng viết là “những người này phải làm việc ngay sau khi đến nơi”.

- Vậy thì ông hãy đòi xử cho công bằng, vì ông là quân nhân, và ông phải đợi cấp chỉ huy của ông đến đã. Ông phải báo cho lính của ông biết và đối xử với chúng tôi khác với các tù nhân khác. Tôi

nhắc lại để ông biết chúng tôi không phải và không thể là những kẻ bị đem ra tòa xử vì chúng tôi không hề phạm tội gì ở Venezuela.

- Được, tôi sẽ ra lệnh như vậy. Tôi mong rằng các ông không nói dối tôi.

Tôi có thì giờ nghiên cứu các tù nhân suốt buổi chiều chủ nhật đầu tiên này. Điều thứ nhất làm tôi ngạc nhiên là tất cả tù nhân đều khỏe mạnh về thể xác. Điều thứ hai là họ bị đánh như cơm bữa nên họ quen chịu đựng đến nỗi ngay cả chủ nhật là ngày nghỉ, họ có thể dễ dàng tránh được việc đó bằng cách giữ mình cẩn thận, nhưng hình như họ đi tìm một khoái cảm bệnh tật trong khi đùa với lửa một cách ngông cuồng. Họ không ngừng phạm những điều cấm kỵ: chơi xúc xắc, vào nhà tiêu hôn hít một cậu pê-đê, ăn cắp của bạn, ăn nói thô tục với những người đàn bà trong làng vẫn mang quà bánh hay thuốc lá cho tù nhân. Một số người đàn bà này cũng trao đổi hàng hóa với họ. Một cái rổ đan, một đồ vật chạm được đem đổi lấy ít tiền hay vài bao thuốc lá. Thế mà cũng có những tù nhân tìm cách cướp giật qua hàng rào dây thép gai những thức mà các bà đưa ra mời chào rồi chạy biến lẫn vào đám đông, không chịu đưa ra món hàng mà lẽ ra họ phải đem đổi. Kết quả là những hình thức roi vọt, được áp dụng bữa bãi chẳng đâu vào đâu đã làm cho da thịt họ chai lì, tạo nỗi khiếp sợ trong trại giam mà chẳng có lợi gì đối với trật tự xã hội, cũng như chẳng cải tạo được những con người khôn khổ này.

Nhà giam cấm cố ở đảo Sant-Joseph với cảnh im ắng của nó còn ghê rợn hơn thế này. Ở đây, sự sợ hãi chỉ trong chốc lát, tù nhân có thể nói chuyện với nhau ban đêm, ngoài giờ làm việc và ngày chủ nhật, lại được ăn uống đầy đủ, cho nên rất có thể chịu đựng được án tù của mình, vốn không hao giờ quá năm năm. Chúng tôi hút thuốc, uống cà phê và trò chuyện với nhau cho qua ngày chủ nhật. Vài tù nhân người Colombia mon men đến gần. Chúng tôi gạt họ đi một cách nhã nhặn nhưng kiên quyết, phải để cho mọi người thấy chúng tôi là một loại tù đặc biệt, nếu không thì hỏng hết.

Sáu giờ sáng hôm sau, ngày thứ hai, ăn xong bữa sáng thịnh soạn, chúng tôi đi làm cùng các tù khác. Sau đây là cách khởi đầu công việc, hai hàng người đứng đối diện với nhau, năm mươi tù nhân, năm mươi lính, mỗi tên lính phụ trách một tù nhân. Giữa hai hàng người là năm mươi dụng cụ, cuốc, xẻng hay rìu.

Hai hàng người theo dõi nhìn nhau. Hàng tù nhân thì lo lắng, hàng lính thì hung hãn.

Viên đội hô: “Tên Mỗ... lấy cuốc”.

Kẻ khốn khổ đó hồi hả vác cuốc lên vai, và đâm đầu chạy đi làm việc. Viên đội lại hô “numéro” có nghĩa là (đội viên số một, hai ba v.v....” tên lính mang số đó lao theo người tù và lấy roi gân bò quất y. Cảnh tượng hãi hùng này diễn ra mỗi ngày hai lần. Trên đường từ trại giam đến nơi làm việc, người ta có cảm giác đây là những kẻ chần lừa chạy theo đánh con lừa của mình chần.

Chúng tôi chờ đến lượt mình, lo sợ đến lạnh người. May thay, nó không như thế.

- Năm người Cayenne, lại đây! Các anh trẻ, cầm cuốc, còn hai người già kia cầm hai cái xẻng đây.

Chúng tôi bắt đầu đi không phải chạy nhưng cùng là rảo bước, có năm tên lính và một tên cai giám sát, và cứ thế chúng tôi đến công trường lao dịch của trại. Ngày lao động hôm nay dài và nản hơn ngày đầu tiên. Những người bị chú ý nhiều nhất đã kiệt sức, la hét như điên và quỳ xuống lạy van, xin lính đừng đánh họ. Buổi chiều, họ phải gom những mớ củi cháy dở thành một đống lớn. Một số phải quét dọn ở phía sau. Mỗi tên lính dùng roi gân bò quất người tù y phải giám sát để người này nhặt các mảnh vụn rồi chạy đem đến khu trung tâm trại. Phải chạy như ma đuổi, một số tù phát điên thật sự và trong lúc vội vã đôi khi họ cầm củi ở đầu còn cháy đỏ. Tay bị bỏng, bị quất roi tới tấp, nhiều khi họ dẫm cả bàn chân đất lên đống than hồng hay một cành củi còn bốc khói ở dưới đất, cảnh tượng quái dị này kéo dài ba giờ. Không ai trong bọn tôi phải tham gia việc dọn sạch bãi đất mới khai quang này. Cũng là may, vì chúng tôi vừa cầm đầu cuốc đất, vừa nhún nhau bằng những câu ngắn gọn là mỗi đứa chúng tôi sẽ nhảy xổ vào

nắm tên lính, kể cả giám thị, cướp súng của chúng và bắn vào lũ man rợ đó.

Hôm nay thứ tư, chúng tôi không ra chỗ làm việc. Hai sĩ quan chỉ huy đội cảnh vệ quốc gia gọi chúng tôi lên bàn giấy. Hai quân nhân này rất ngạc nhiên khi thấy chúng tôi đến El Durado mà không có tài liệu gì chứng tỏ là có một tòa án nào đã gửi chúng tôi đến đây. Họ hứa với chúng tôi là ngày mai sẽ hỏi lên giám đốc cơ quan hình sự. Cũng không lâu la gì, hai viên thiếu tá chỉ huy đội cảnh vệ trại giam này quá là nghiêm khắc, có thể nói là trấn áp, nhưng lại đứng đắn, vì họ đòi giám đốc trại phải đích thân đến giải thích cho chúng tôi rõ. Ông ta đã đến, cùng đi với người em rể tên là Russian và hai sĩ quan đội cảnh vệ quốc gia:

- Francese. Tôi là giám đốc trại El Dorado đây. Các anh muốn nói với tôi điều gì vậy?

- Trước hết, tòa án nào đã ra lệnh giam chúng tôi vào trại lao động khổ sai này? Bao nhiêu lâu và về tội gì? Chúng tôi đến Irapa ở Venezuela bằng đường biển. Chúng tôi không phạm một tội nhỏ nào. Vậy thì chúng tôi ở đây vì lẽ gì? Và các ông bắt chúng tôi phải làm khổ sai là nghĩa lý gì?

- Trước hết, hiện nay đang là thời chiến, vậy chúng tôi phải biết rõ các anh là ai.

- Đúng, nhưng điều đó không giải thích được việc chúng tôi bị tống vào trại giam này.

- Các anh đã trốn tránh pháp luật của nước Pháp vì vậy chúng tôi cần phải biết rõ họ có đòi lại các anh không.

- Tôi thừa nhận điều đó, nhưng tôi vẫn cứ hỏi: tại sao lại đối xử với chúng tôi như chúng tôi đang phải chịu án?

- Bây giờ các anh tạm ở đây căn cứ vào điều luật về “vagueset maleantes”* (*vagueset maleantes (tiếng Tây Ban Nha): luật đối với những người vô cư đi lang thang) trong khi còn điều tra thêm về các anh.

Cuộc tranh luận sẽ còn kéo dài nếu một sĩ quan không đưa ý kiến riêng của mình ra để cắt đứt vấn đề.

- Thưa ông giám đốc, thật ra chúng ta không thể đối xử với năm người này như các tù nhân khác. Trong khi chờ báo cáo về Caracas về hoàn cảnh đặc biệt này, tôi đề nghị sử dụng những người này vào việc khác chứ đừng bắt họ làm đường.

- Những người này nguy hiểm lắm, họ đe dọa sẽ giết giám thị nếu họ bị đánh. Có đúng không?

- Thưa ông giám đốc, chúng tôi không chỉ đe dọa người đó đâu: chúng tôi sẽ giết ngay bất cứ kẻ nào đại dốt đánh một người trong chúng tôi.

- Nếu là lính thì sao?

- Cũng vậy thôi. Chúng tôi không làm gì để phải chịu một chế độ như thế này. Luật lệ và chế độ lao tù của nước chúng tôi có thể khủng khiếp và vô nhân đạo hơn của các ông, nhưng bị đánh như súc vật, chúng tôi quyết không chấp nhận.

Viên giám đốc đắc ý quay về phía các sĩ quan của mình: “Các ông đã thấy họ là những người nguy hiểm chưa?” Viên thiếu tá lớn tuổi hơn ngáp ngừng một chút rồi kết luận, làm mọi người kinh ngạc:

- Những người Pháp vượt ngục này nói có lý, không điều gì ở Venezuela chứng minh được là họ phải chịu đựng các hình phạt tuân theo luật lệ của trại giam này. Tôi công nhận họ nói đúng. Cho nên có hai diện, thưa ông giám đốc: hoặc ông cho họ làm việc gì khác với các tù nhân thường, hoặc họ không đi làm việc. Để họ chung với mọi người, có ngày họ sẽ bị lính đánh thôi.

- Chúng ta sẽ xét việc đó sau. Bây giờ, cứ để họ ở lại trại. Mai, tôi sẽ cho các ông biết phải làm gì.

Viên giám đốc cùng người em rể ra về.

- Tôi cảm ơn các sĩ quan.

Họ cho chúng tôi thuốc lá và hứa trong buổi điểm danh tối sẽ thông tri cho sĩ quan và binh lính là tuyệt đối không được đánh chúng tôi bất cứ vì lý do gì.

Chúng tôi ở đây đã được tám ngày. Chúng tôi không phải làm việc. Hôm qua chủ nhật, đã xảy ra một sự việc khủng khiếp. Những người tù Colombia đã rút thăm để xem ai phải giết tên giám thị Mọi Trắng. Thăm rơi vào một người trạc ba mươi tuổi. Họ đã làm cho anh ta một cái muỗng bằng sắt, cán được mài trên nền xi-măng thành một mũi xiên rất nhọn, hai cạnh đều sắc. Người ấy đã can đảm nhận lời cam kết. Anh đâm tên Mọi Trắng ba nhát ở gần tim. Viên giám thị được cấp tốc đưa đi bệnh viện, thủ phạm giết người bị trói vào một cây cột ở giữa trại. Bọn lính đi tìm các vũ khí khác Như một lũ điên, chúng dùng roi vọt quất tứ tung.

Trong cơn tức giận sôi sục, do tôi chưa cởi quần kịp cho nó soát, một tên lính đã quật một roi gân bò vào đùi tôi. Barrière liền cầm một chiếc ghế dài và giơ lên toan phang vào đầu nó. Một tên lính khác dùng lưới lê đâm suốt qua cánh tay anh trong lúc tôi cũng đá vào bụng tên lính đã đánh tôi làm y nằm sổng soài ra đất.

Tôi vừa nắm lấy khẩu súng rơi dưới đất thì một có tiếng hô lớn:

- Ngừng lại tất cả! Không được đụng đến mấy người Pháp. Anh người Pháp cũng bỏ súng xuống! - Đó là đại úy Floran đã gặp chúng tôi hôm đầu tiên chúng tôi đến trại.

Ông ta can thiệp đúng vào lúc tôi sắp bắn vào đám lính. Không có ông, chúng tôi chắc có thể giết được một hai tên lính, nhưng chúng tôi cũng bỏ xác một cách ngu ngốc ở cái xứ Venezuela sơn cùng thủy tận này, trong khi chúng tôi đã đi gần tới đích.

Nhờ có sự can thiệp kiên quyết của viên đại úy, bọn lính rời nhóm chúng tôi để đi hành hung chỗ khác. Và đến đây chúng tôi đã chứng kiến một chuyện ghê tởm cực kỳ khó lòng có thể tưởng tượng được.

“Tội nhân” bị trói vào một cái cột ở giữa trại giam và bị ba người, một tên giám thị và hai tên lính, đánh liên tục đến như tử, từ năm giờ chiều đến sáu giờ sáng hôm sau. Đánh đập một con người cho đến chết cũng mất khá nhiều thời gian. Những lúc ngừng đánh (chỉ mấy giây thôi), là để hỏi tội nhân xem tòng phạm là những ai, ai đã đưa cái muỗng, ai đã mài sắc nó. Anh ta không

tổ giặc ai, mặc dầu người ta đã hứa với anh là hễ anh nói ra, cuộc tra tấn sẽ ngưng ngay. Anh ta ngắt đi nhiều lần. Họ đổ hàng xô nước cho anh tỉnh lại. Mức độ cao nhất là lúc bốn giờ sáng. Những kẻ tra tấn thấy da thịt nạn nhân không phản ứng nữa dù chỉ là co lại khi bị đánh, nên họ đã dừng lại.

- Nó đã chết chưa? - Một sĩ quan hỏi.

- Không biết nữa.

- Cởi trói ra, bắt nó quỳ sấp xuống

Bị bốn tên lính giữ chặt, người tựa quỳ ở tư thế gằn như bò bốn chân. Bảy giờ một tên đao phủ lấy roi gân bò quất một phát thẳng theo các khe giữa hai móng đít, đầu ngọn roi chắc còn đi xa tới quá bộ phận sinh dục. Cú đánh của kẻ tra tấn điêu luyện này làm tội nhân cuối cùng phải rên lên một tiếng. Viên sĩ quan nói:

- Tiếp tục đánh. Nó chưa chết.

Anh ta bị đánh cho đến sáng. Trận đòn xứng đáng với thời Trung Cổ này, có thể làm chết một con ngựa, lại không làm tội nhân chết hẳn. Sau khi họ để anh ta yên một giờ không đánh, và sau khi họ dội vài xô nước vào người, anh ta vẫn còn sức để đứng dậy, tuy cũng được bốn lính đỡ thêm. Anh ta đứng thẳng một lát, không cần tựa vào ai, viên y tá đến cạnh, tay cầm một ly nước:

- Uống tí thuốc xỏ đi, mày sẽ hồi lại, - một sĩ quan ra lệnh.

Tội nhân do dự rồi uống liều thuốc một hơi. Một phút sau, anh ta ngã vật ra, vĩnh viễn nằm xuống. Trong cơn hấp hối, từ miệng anh thốt ra một câu: “Đồ ngốc, chúng nó đầu độc mày rồi”.

Tất cả các tù nhân, kể cả chúng tôi, không có ý định làm gì, dù động đậy một ngón tay. Mọi người, không trừ ai, đều khiếp sợ. Đây là lần thứ hai trong đời, tôi muốn chết đi cho xong. Trong khoảng vài ba phút, tôi chú ý đến khẩu súng của một tên lính đứng gần tôi cầm hờ hững. Tôi chỉ tìm lại được khi nghĩ rằng có thể chưa kịp lên qui-lát và bắn vào đám lính thì mình đã chết rồi.

Một tháng sau. Mọi Tráng lại trở về, và hơn bao giờ hết vẫn là nỗi khiếp sợ của trại giam. Tuy nhiên số nó đã được định đoạt là

phải chết ở El Dorado. Một đêm, một người lính gác đã chìa súng vào nó khi thấy nó đi qua.

- Quỳ xuống, - người lính ra lệnh.

Mọi Trắng tuân theo.

- Cầu kinh đi, mày sẽ chết.

Người đó để nó cầu một bài kinh ngắn rồi hạ nó bằng ba phát súng. Có những tù nhân nói rằng người lính kia ghê tởm thấy tên dao phủ này đánh các tù nhân quá ư man rợ nên đã giết nó. Lại có người kể rằng Mọi Trắng đã tố giác người lính nọ với cấp trên của anh ta, nói rằng nó đã biết anh ta từ hồi ở Caracas trước lúc đi quân dịch theo nó hồi ấy anh ta là một thằng kẻ cắp. Nó đã được chôn cất gần người tù tội nhân, chắc hẳn đã từng là kẻ cắp nhưng cũng là một con người có lòng dũng cảm và một phẩm giá khác thường.

Tất cả những sự việc ấy đã làm cho quyết định về chúng tôi bị chậm lại. Các tù nhân khác cũng không được đưa đi làm việc trong mười lăm ngày. Barrière được một bác sĩ trong làng chữa cho khỏi vết thương do lưỡi lê đâm.

Lúc này chúng tôi đã được kính nể. Hôm qua Chapar đã đi làm đầu bếp cho giám đốc ở trong làng. Guittou và Barrière đã được trả tự do vì tin tức về chúng tôi đã được thông báo từ Pháp. Vì hai người đã mãn hạn tù nên họ được thả. Tôi đã khai một tên ý. Tên thật của tôi cùng với dấu tay và án tù chung thân của tôi đã được thông báo. Deplanque với án hai mươi năm cũng như án của Chapar đều được thông báo, vị giám đốc có vẻ tự hào khi cho chúng tôi biết tin tức nhận được từ bên Pháp, ông nói:

- Tuy nhiên, vì các anh không làm việc gì xấu ở Venezuela, nên các anh chỉ bị giữ một thời gian, sau đó các anh sẽ được trả tự do. Nhưng muốn được vậy, các anh phải làm việc, có thái độ tốt: các anh đang ở trong thời kỳ cần theo dõi.

Nhiều lần nói chuyện với tôi, các sĩ quan phàn nàn về việc khó kiếm ra rau tươi ở trong làng. Trại có một khu nông nghiệp nhưng không có rau, mà chỉ trồng lúa, bắp, đậu đen thôi. Tôi đề

nghe sẽ trồng cho họ một vườn rau nếu tôi có hạt giống. Ý kiến được chấp thuận ngay.

Điều lợi nhất: Deplanque và tôi được ra khỏi trại, và vì có thêm hai người tù biệt xứ bị bắt giữ ở Luidad Bolivar, nên họ đã nhập bọn với chúng tôi. Một người tên Toto, là dân Paris, người kia dân Corse. Bốn chúng tôi đã làm hai căn nhà nhỏ bằng gỗ tốt, mái lợp lá cọ Deplanque và tôi ở một căn, hai cậu nọ ở căn kia.

Toto cùng tôi làm những cái bàn cao, bốn chân bàn đặt trong những cái lon đổ đầy dầu hôi để kiến không lên ăn hạt giống. Chúng tôi đã có ngay những cây cà chua, cà tím, dưa tây và đậu xanh. Chúng tôi bắt đầu cấy lên trên những tấm ván vì cây con đã đủ sức chống được kiến. Để trồng cà chua mới, chúng tôi đào một cái hố lúc nào cũng có nước ở bên vườn. Làm như vậy cho cây luôn có độ ẩm và ngăn cách loại ký sinh vốn rất nhiều ở nơi đất chưa được khai thác này.

- Cái gì thế này nhỉ,- Toto gọi tôi. - Anh thử xem hòn đá cuội này, nó sáng biết chừng nào.

- Cậu rửa sạch đi xem.

Rửa xong cậu ta đưa cho tôi coi. Đó là một viên thạch anh, to bằng gạt đậu. Rửa sạch rồi, mặt cắt của nó bóng hơn nhiều vì nó có một lớp vỏ kết rất cứng bao quanh.

- Có phải là kim cương không nhỉ?

- Cầm miệng đi Toto, nếu là kim cương thì không phải ba hoa, mà không thấy nếu chúng ta may mắn vớ được một cái mỏ kim cương thì sẽ ra sao à? Giấu đi, để tôi về xem sao.

Buổi chiều, tôi dạy toán cho một viên hạ sĩ đang chuẩn bị thi lên cấp sĩ quan. Con người rất mực cao thượng và thẳng thắn ấy (anh đã chứng tỏ những đức tính ấy trong tình bạn dài hai mươi lăm năm với tôi), bây giờ là đại tá Frsnciseo Bolsgno Utrera.

- Francisco, có biết cái gì đây không? Có phải thạch anh không?

- Không phải - Sau khi xem xét rất tỉ mỉ anh nói - - Đây là kim cương. Anh giấu kỹ đừng cho ai trông thấy. Anh tìm thấy nó ở đâu?

- Dưới gốc cà chua.

- Là thật. Có phải anh lấy nước ở sông lên tưới cà chua không? Khi mức nước sông anh có cao xuống đáy làm cho cát lẫn vào nước không?

- Rất có thể như vậy.

- Vậy thì đúng rồi. Viên kim cương này anh đã mang từ dưới sông Rio Caroni lên đây. Anh có thể tiếp tục kiếm dưới sông đi, nhưng cũng để ý xem trong vườn có còn những viên khác không, vì không bao giờ người ta lại chỉ tìm được có một viên đá quý. Đã kiếm ra một viên ở đâu thì thế nào cũng còn những viên khác.

Toto bắt tay ngay vào việc.

Chưa bao giờ cậu ta làm nhiều như vậy, đến nỗi hai anh bạn kia, vốn không được chúng tôi kể lại việc này, phải nói:

- Làm vừa vừa thôi Toto, xách nước sông kiểu đó thì chẳng bao lâu sẽ lao lực mà chết. Đã thế lại còn tha cả cát về nữa.

- Để cho đất tươi hơn các cậu ạ, - Toto đáp, - Đất có lẫn cát, lọc nước tốt hơn.

Mặc cho chúng tôi trêu chọc. Toto cứ tiếp tục xách nước không ngừng. Một hôm vào lúc giữa trưa cậu ta bị ngã ngay trước chỗ chúng tôi đang ngồi ở bóng râm. Trong đồng cát vắng tứ tung, có một viên đá to bằng hai hạt đậu. Một lần nữa lớp vỏ bọc bị vỡ, nếu không cũng chẳng ai biết. Cậu ta vò lấy viên đá một cách quá vội vã.

- Đây, có phải kim cương không? - Deplanque nói bọn lính bảo là dưới sông có kim cương và vàng đấy.

- Bởi vậy tôi mới xách nhiều nước thế chứ. Các anh cũng thấy là tôi không ngốc chứ. - Toto nói, mãn nguyện vì đã biện minh được cho sự hăng hái của mình.

Nói tóm lại trong sáu tháng Toto đã có được sáu bảy ca-ra kim cương. Tôi có độ mười hai ca-ra cộng thêm hơn ba chục viên đá nhỏ, và như vậy đã là hàng kinh doanh được rồi, theo lối nói lóng của dân thợ mỏ. Nhưng một hôm tôi kiếm được một viên hơn sáu ca-ra sau này đưa về Caracas dũa đi còn được gần bốn ca-ra. Hiện tôi vẫn còn giữ nó và đeo thường xuyên ở tay. Deplanque và Antartaglia cũng gom góp được vài viên đá quý. Tôi vẫn còn cái plan trong nhà giam cũ, và tôi đã cắt cả vào đấy. Bọn họ thì lấy những khúc sừng trâu nhọn đầu để làm chỗ giấu các vậ báu nhỏ nhỏ ấy.

Chẳng ai biết gì về việc này, trừ ông đại tá tương lai, lúc này đang là hạ sĩ Francisco Bolagno. Cà chua và các cây khác mọc đều, các sĩ quan trả tiền rất sòng phẳng số rau mà hàng ngày chúng tôi đem lên bếp của họ.

Chúng tôi được tương đối tự do. Không có ai canh gác khi chúng tôi làm việc và ngủ ở hai căn nhà nhỏ. Chúng tôi không bao giờ đi vào trại giam. Chúng tôi được kính nể và đối xử tử tế. Tất nhiên mỗi lần gặp giám đốc là chúng tôi lại năm nỉ để ông cho chúng tôi được hưởng tự do. Lần nào ông cũng đáp: “Sắp sửa rồi”. Nhưng chúng tôi ở đây đã được tám tháng mà vẫn chẳng có gì thay đổi. Tôi đã bắt đầu tính chuyện trốn đi. Toto không chịu, cả mấy cậu kia cũng vậy. Để nghiên cứu giòng sông, tôi kiếm được một cuộn dây và cái lưỡi câu.

Tôi bán cá cá, đặc biệt loại cá Caribes chuyên ăn thịt, có con nặng đến một ký, hàm răng bố trí như răng cá mập, và cũng khủng khiếp như thế.

Hôm nay, có chuyện náo động, Gaston Duranton, còn gọi là thằng Khoèo, đã trốn biệt mang theo bảy mươi ngàn bolivar trong két sắt của giám đốc. Câu chuyện về gã giang hồ này khá độc đáo.

Khi còn nhỏ, nó đã ở nhà trườn giới ở đảo Cleron, làm thợ ở xưởng giày tại đó. Một bữa, sợi dây cu-roa dùng để chuyển chiếc giày đặt trên đầu gối đưa xuống dưới chân nó bị đứt. Nó bị gãy xương hông. Vì chữa chạy không chu đáo, cái xương hông chỉ liền có một nửa: suốt quãng đời niên thiếu và một phần tuổi trưởng

thành chân nó cong queo, người nó vẹo một bên. Nhìn nó đi thật là khổ tâm. Thằng nhỏ gầy ốm, thân hình vẹo vọ, khó nhọc kéo lê cái chân không còn điều khiển được nữa. Nó vào trại giam năm hai mươi lăm tuổi. Vì phải sống những thời gian dài ở các trại cải tạo, nên không có gì lạ khi ra khỏi đây, nó trở thành kẻ cắp.

Ai cũng gọi nó là thằng Khoèo. Không mấy người biết tên nó là Gaston Duranton. Nó khoèo, vậy người ta gọi nó là thằng Khoèo có sao đâu. Tuy vẹo vọ như vậy, nhưng nó cũng vượt ngục ra khỏi trại giam và đến được Venezuela. Chuyện ấy xảy ra dưới thời lão độc tài Gomez. Rất ít tù khổ sai thoát khỏi sự đàn áp của lão ta. Chỉ có vài trường hợp ngoại lệ, trong đó phải kể đến trường hợp bác sĩ Bougrat vì bác sĩ đã cứu được tất cả dân chúng đảo ngọc trai “Margarita” khỏi bệch dịch sốt vàng da.

Thằng Khoèo bị bọn “Sagrada”, tức đội cảnh sát đặc biệt của Gomez bắt và đưa đi làm đường ở Venezuela. Các tù nhân Pháp và Venezuela bị xích vào những hòn lê có in lõm hình hoa huệ Toulon. Mỗi khi tù nhân khiếu nại điều gì, thì người ta lại nói với hắn: “Nhưng mà những thứ dây xích, xì ga ma-ni, hòn lê này là từ trước của mày đem sang đây chứ? Trông bông huệ kia!”>(*Hoa huệ vốn là biểu trưng của Vương quốc Pháp kể từ triều đại nhà Capet)

Tóm lại, thằng Khoèo trốn khỏi trại lưu động làm đường. Vài ngày sau, nó bị bắt, và bị đưa trả về nơi giam lưu động nó. Trước tất cả tù nhân, nó phải nằm sấp trần truồng để chịu một trăm roi gân bò.

Rất hiếm người chịu đựng nổi trên tám mươi roi. Điều may cho nó là nó gầy ốm, và khi nó nằm bụng sát đất roi không đánh vào gan, bộ phận dễ bị dập nếu bị đánh mạnh. Lệ thường ở đây, sau mỗi lần bị roi vọt hai móng út bị bấm nát, là phải xát muối vào vết thương rồi để nằm ngoài nắng. Nhưng người ta cũng lấy lá cây dày để che đầu cho nó, vì người ta chấp nhận chơ nó chết vì đòn roi chứ không thể để cho nó chết nắng được.

Thằng Khoèo lại sống sót được sau nhục hình kiểu thời Trung cổ này và lần đầu tiên nó đứng lên, thì lạ thay, nó không còn “khoèo” nữa. Trận đòn đã làm cho chỗ xương nổi lệch lại trật

khớp và trở về đúng chỗ. Lính và tù đều reo lên coi đó là một phép màu, và chẳng còn ai hiểu ra sao nữa. Ở cái đất nước mê tín này, người ta cho là Chúa đã thưởng cho nó và đã chịu đựng sự tra tấn một cách xứng đáng. Từ ngày ấy, nó không bị xích, cũng không phải đeo hòng lê nữa. Nó được che chở và chuyển sang việc phân phối nước cho các tù khổ sai. Thân hình nó đã mau nhơn nhừ nang và ăn được nhiều, nó trở thành một thanh niên cao lớn như lực sĩ. Nước Pháp biết là có những tù khổ sai phải làm đường ở Venezuela. Cho rằng những năng lực này sẽ được áp dụng tốt hơn hết ở Guyane thuộc Pháp, thống chế Franchet d'Esperey được cử đi công cán để đề nghị với vị độc tài đang vui vì không phải bỏ tiền và cũng có nhân công - trả lại những người đó cho nước Pháp. Gomez chấp nhận, và một chiếc tàu đã cập bến Puerto Cabelle để đón những người này về. Ở đây, có những pha hài hước kinh khủng vì có những người từ các nông trường làm đường ở khắp nơi đến chưa biết chuyện thằng Khoèo.

- A! Marcel khỏe chứ!

- Cậu là ai nhỉ?

- Thằng Khoèo.

- Cậu rớn mặt với tôi đấy hả! - Tất cả những ai được Gaston chào hỏi đều trả lời như vậy khi thấy chàng trai cao đẹp vững vàng trên đôi chân thẳng tắp này. Thằng Khoèo còn trẻ và thích đùa nên luôn miệng gọi những ai nó quen trong khi mọi người xuống tàu, và dĩ nhiên, không ai thừa nhận là thằng Khoèo lại có thể đứng thẳng dậy được. Ở trại tù khổ sai, tôi được chính nó và những tù khác ở đảo Royale kể lại chuyện này.

Nó lại vượt ngục năm 1943, và trôi giạt về El Dorado. Vì nó đã sông ở Venezuela rồi, nên dĩ nhiên nó không để lộ chuyện nó còn là tù, và nó được giao việc nấu bếp thay cho Chapar chuyển sang làm vườn. Nó ở trong làng cùng với giám đốc, nghĩa là ở bên kia sông.

Trong phòng làm việc của giám đốc có một cái két sắt đựng tiền của trại. Ngày hôm đó, nó lấy cắp bảy mươi ngàn bolivar, tương đương với gần hai mươi ngàn đô-la lúc bấy giờ. Do đó xảy ra

chuyện náo động ở khu vườn chúng tôi: ông giám đốc, ông em rể và hai viên chỉ huy đội cảnh vệ làm rum beng lên. Ông giám đốc muốn đưa chúng tôi vào trại. Hai viên sĩ quan không chịu. Họ bảo vệ chúng tôi cũng là bảo vệ việc tiếp tế rau xanh của họ. Chúng tôi cuối cùng cũng thuyết phục được ông giám đốc là chúng tôi không cung cấp được cho ông tin tức gì cả; nếu chúng tôi biết được thì chúng tôi có thể cũng đã đi với nó, rằng mục đích của chúng tôi là được tự do ở Venezuela chứ không phải ở Guyane thuộc Anh, địa điểm duy nhất mà nó có thể đến được. Lần theo vết đàn kèn kèn đã ăn xác nó, người ta tìm thấy thằng Khoèo chết trong rừng cách trại bảy mươi ki-lô-mét, rất gần biên giới Guyane thuộc Anh.

Cách giải thích thứ nhất, cách giản tiện thứ nhất, là nó đã bị người Anh-điêng giết. Về sau, có một người bị bắt ở Giudad bolivar trong khi đang đổi những tờ giấy bạc năm trăm bolivar mới tinh. Nhà Ngân hàng đã phát số tiền cho giám đốc trại El Dorado nắm được số hiệu của tập giấy bạc và thấy đấy chính là số tiền bị mất cắp. Tên kia thú nhận và tố giác hai tên khác. Nhưng không sao bắt được hai tên này. Đó là câu chuyện về cuộc đời và cái chết của anh bạn thân của tôi, Gaston Durantou, còn gọi là thằng Khoèo.

Một số sĩ quan lén lút dùng tù nhân vào việc mò vàng và kim cương ở dòng sông Rio Caroni. Cũng có kết quả khả quan, không nhiều lắm nhưng cũng đủ để kích thích những kẻ đi tìm kim cương. Phía dưới vườn tôi có hai người làm việc suốt ngày với cái nón kiểu Tàu lật ngửa, đầu nhọn ở dưới, vành tròn ở trên. Vì kim cương nặng nhất nên nó lắng xuống đáy nón. Đã có một người chết vì đã lấy cắp của “chu”. Chuyện tai tiếng này làm việc khai thác “mỏ” lén lút phải chấm dứt.

ở trại có một người, xăm khắp cả thân trên. Tay phải y bị liệt. Miệng y méo xệch và cái lưỡi to thương thè lè ra, dớt dãi chảy dòng dòng làm ai cũng thấy là y bị chứng liệt nửa người. Y là người ở đâu? Không ai biết. Y đến đây trước chúng tôi. Y ở đâu tới? Có điều chắc chắn y là tù khổ sai hay là dân bị biệt xứ đã vượt ngục. Trên ngực y có xăm dòng chữ Bat d’Af (tức Bataillon d’Afrique - tiểu đoàn Phi châu viết tắt). Dòng chữ cái đó cũng như

“Đù mẹ thợ cắt tóc” ở phía gáy, làm người ta biết ngay mà không sợ lắm rằng y là tù khổ sai.

Lính và tù đặt tên cho y là Picolino. Y được đôi xử tử tể và ngày ngày nhận ba lần xuất ăn chu đáo, có cả thuốc lá. Đôi mắt xanh của y rất sinh động, và cái nhìn của y không phải lúc nào cũng buồn. Khi y nhìn người nào y mến, đồng tử mắt y long lanh lên vì vui thích. Ai nói gì với y, y hiểu hết, nhưng y không nói được, cũng không viết được; tay phải y bị liệt còn bàn tay trái của y lại mất ngón cái và hai ngón khác nữa.

Cái thân tàn ma dại này đứng bám lấy hàng rào dây thép gai hàng giờ liền, đợi tôi mang rau đi ngang, vì đây là con đường ngày ngày tôi qua lại để mang rau đến bếp của sĩ quan. Buổi sáng, mỗi lần đem rau đến đó, bao giờ tôi cũng dừng lại nói chuyện với Picolino. Y đứng dựa vào dây thép gai, nhìn tôi bằng đôi mắt xanh rất đẹp, đầy sức sống, trong một thân thể gần như đã chết. Tôi ôn tồn nói chuyện với y, và y dùng đầu và mi mắt để lộ cho tôi thấy là y đã hiểu chuyện của tôi. Bộ mặt tê liệt của y lóe sáng lên một chút, và đôi mắt long lanh ấy muốn nói với tôi biết bao nhiêu điều. Bao giờ tôi cũng cho y một vài món quà: một mớ cà chua, rau diếp, hay dưa leo, ăn ngay được với nước sốt dầu giấm, hay một quả dưa bở nhỏ, một con cá nướng lò than. Y không đói, vì thức ăn ở nhà tù Venezuela rất dồi dào, nhưng những món của tôi cũng lạ miệng so với bữa ăn chính thức. Cùng với quà tặng đó, bao giờ tôi cũng kèm theo vài điều thuốc. Việc thăm hỏi ngắn ngủi của tôi với Picolino đã trở thành một thói quen cố định làm cho lính và tù gọi y là “Con trai của Papillon”.

Tự do

Điều lạ thường, người dân Venezuela có sức lôi cuốn và hấp dẫn tôi đến mức tôi quyết định tin tưởng họ. Tôi không vượt ngục nữa. Là tù nhân, tôi chấp nhận hoàn cảnh bất thường này, hy vọng có ngày tôi sẽ được là một phần tử trong dân tộc họ. Nói ra có vẻ ngược đời. Tuy cách họ đối xử với tù nhân man rợ như vậy

không khuyến khích tôi sống chung với họ được nhưng tôi hiểu rằng họ coi các hình phạt đối với thể xác là bình thường với tù nhân cũng như với lính. Lính phạm lỗi cũng bị quất roi gân bò. Rồi vài ngày sau, vẫn người lính đó lại nói chuyện với viên giám thị, cai đội hay sĩ quan đã đánh mình bình thường như không có chuyện gì xảy ra.

Chế độ tàn bạo ấy là do tên độc tài Gomez thống trị nhiều năm trường đã để lại cho họ. Tập quán này còn tồn tại đến mức một người đứng đầu một đơn vị dân sự cũng phạt dân chúng trong phạm vi của mình bằng cách cho vài roi gân bò.

Nhờ một cuộc cách mạng mà tôi đã đến gần với tự do hơn. Một cuộc đảo chính nửa dân sự, nửa quân sự đã làm tổng thống nước Cộng hòa, tướng Angarita Medina, một trong những người theo chủ nghĩa tự do lớn nhất của Venezuela, phải rút khỏi vị trí của mình. Ông ta quá tốt và quá dân chủ, đến nỗi không biết cách hay không nỡ chống lại cuộc đảo chính. Hình như ông dứt khoát không chịu để xảy ra một cuộc đổ máu giữa những người Venezuela với nhau chỉ để ông duy trì được chức vị của mình. Chắc chắn là người quân nhân dân chủ lớn này không hay biết những gì diễn ra ở El Dorado. Dù sao thì một tháng sau ngày Cách mạng, tất cả các sĩ quan đều được thay đổi. Một cuộc điều tra về cái chết “của tội nhân” do thuốc xổ được tiến hành. Ông giám đốc cùng người em rể của ông biến mất, và một nhà cựu luật sư kiêm nhà ngoại giao đến thay thế.

- Được rồi, Papillon, ngày mai tôi sẽ trả tự do cho anh, nhưng tôi muốn anh đem cậu Picolino khôn khổ ấy theo anh vì anh vẫn lo cho cậu ấy. Cậu ta không có giấy căn cước, tôi sẽ cấp. Còn giấy căn cước (cédula) của anh đây là hợp lệ, với tên thật của anh. Điều kiện như sau: anh phải sống một năm ở một làng nhỏ rồi mới được đến ở một thành phố lớn. Đây không phải là quản thúc mà là để người ta có thể xem anh sống ra sao và xem cách anh chống chọi với đời như thế nào. Nếu trong vòng một năm, người chủ sự hành chính ở vùng đó cấp cho anh giấy chứng nhận về hạnh kiểm tốt thế là ông ta đã chấm dứt tình trạng cư trú bắt buộc (confinamiento) của anh. Tôi cho rằng Caracas sẽ là một thành

phổ lý tưởng đối với anh. Dù sao anh cũng được phép cư trú hợp pháp ở nước này. Chúng tôi không cần biết quá khứ của anh. Chỉ cần anh chứng minh với mọi người là anh xứng đáng được trở thành một người đáng kính nể. Tôi hy vọng trong năm năm nữa, anh sẽ là đồng bào của tôi do anh xin nhập tịch để có một tổ quốc mới. Cầu Chúa sẽ ở bên anh! Cảm ơn anh đã cáng đáng cái thân tàn ma dại của Picolino. Tôi chỉ có thể trả tự do nó nếu có ai ký nhận sẽ đảm nhận nó. Mong rằng nếu được nằm bệnh viện nó sẽ khỏi được.

Thế là bảy giờ ngày mai, Picolino và tôi được trả tự do thật sự. Tim tôi nóng ran lên, tôi đã vĩnh viễn chiến thắng “Con đường của sự thối nát”, lúc đó là tháng 8 năm 1944. Tôi chờ đợi ngày này từ mười ba năm. Tôi lui về căn nhà nhỏ ở khu vườn. Tôi xin lỗi các bạn tôi, tôi muốn được ngồi lại một mình. Cảm xúc của tôi quá mãnh liệt, quá đẹp đẽ nên tôi không thể bộc lộ trước mặt người khác được. Tôi xem đi xem lại tấm căn cước mà ông giám đốc trao cho tôi: hình của tôi ở góc trái, trên là số 1728629, cấp ngày 3 tháng 4 năm 1944. Đứng giữa là tôi, phía dưới là tên tục. Phía sau là ngày sinh: 10 tháng 11 năm 1096. Giấy căn cước hoàn toàn hợp lệ, còn được giám đốc Sở Căn cước ký tên và đóng dấu đảng hoàng. Tình trạng: là “cư dân”. Từ “cư dân” thật là tuyệt vời, thế có nghĩa là tôi được cư trú ở Venezuela. Tim tôi đập mạnh. Tôi muốn quỳ xuống tạ ơn trời. Tôi không biết cầu nguyện, cũng chưa được rửa tội. Tôi cầu trời nào chứ? Vì tôi có theo đạo nào đâu? Chúa lòng lành của những người theo đạo Cơ đốc ư? Hay đạo Tin lành? Hay đạo của người Do Thái? Của người Hồi? Tôi sẽ chọn ông Trời nào để hiến dâng lời cầu nguyện mà tôi phải hoàn toàn tự đặt ra vì tôi không biết trọn vẹn một bài kinh nào? Nhưng tại sao hôm nay tôi lại phải hỏi xem nên cầu ông Trời nào nhỉ? Trong đời tôi đã chẳng luôn luôn cầu nguyện (cũng có lúc nguyện rửa nữa) Đức Chúa hài đồng Giêsu nằm trong cái giỏ cạnh bốn con lừa và con bò? Có phải trong tiềm thức, tôi còn thù oán các xơ bà tốt bụng ở Colombia chẳng? Vậy thì sao không chỉ nghĩ đến Đức giám mục cao cả có một không hai ở Curacao, Đức Cha Irenée de Bruyne, hay xa hơn nữa, vị linh mục nhân hậu ở nhà tù Conciergerie?

Ngày mai tôi sẽ được tự do, hoàn toàn tự do. Năm năm nữa, tôi sẽ nhập quốc tịch Venezuela vì chắc chắn là tôi sẽ không phạm một lỗi nào trên đất nước đã cho tôi nơi ẩn náu và đã tin tôi. Trong đời, tôi phải lương thiện gấp đôi tất cả mọi người.

Quả thật sở dĩ tôi không phạm tội giết người mà vẫn có một ngài chủ quản lý, mấy tên cảnh sát và mười hai viên bồi thẩm bị thít tống tôi đi tù, chẳng qua vì tôi là một kẻ du đảng. Vì tôi thật sự là một kẻ giang hồ nên người ta mới dễ dàng theo dõi quanh nhân cách của tôi một mớ hồ lớn những điều bịa đặt. Mở két bạc của người khác không phải là một nghề đáng tin cậy, và xã hội có quyền cũng như có bốn phận phải tự bảo vệ. Sở dĩ tôi đã có thể ném vào con đường của sự - thối nát, - tôi phải thành thật thú nhận như vậy là vì tôi sống như một kẻ thường xuyên có khả năng rơi vào đấy. Cách trừng phạt tôi như vậy không xứng đáng với một dân tộc như dân tộc Pháp, xã hội có quyền tự vệ chứ không có quyền trả thù một cách hèn hạ như vậy - tất cả những việc đó lại là chuyện khác. Không thể xóa sạch quá khứ của tôi bằng cách lấy một mảnh giẻ lau đi, tôi phải tự khôi phục danh dự của mình đối với bản thân mình trước đã, rồi sau đó, đối với mọi người xung quanh. Vậy thì hỡi Papi, hãy cảm ơn Chúa lòng lành của những người Cơ đốc đi, hãy hứa với Người một điều gì cực kỳ quan trọng.

Lạy Chúa, xin người tha tội cho con nếu con không biết cầu nguyện nhưng Người hãy trông vào con, Người sẽ thấy là con không đủ chữ nghĩa để bày tỏ lòng biết ơn của con đối với Người đã đưa con đến chốn này. Cuộc đấu tranh thật là khó khăn, vượt qua nổi đắng cay mà người ta đã bắt con phải chịu không phải dễ dàng, nếu con vượt qua được tất cả mọi trở ngại và sống khỏe mạnh cho đến người lành hôm nay, chắc chắn là có bàn tay Người đã phù hộ cho con. Con biết làm gì đây để chứng tỏ con thành thật biết ơn Người?

- Từ bỏ việc trả thù.

Tôi đã nghe thấy hay tưởng chừng nghe thấy câu trả lời này? Tôi không rõ, nhưng nó đã tát mạnh vào mặt tôi khiến tôi phải công nhận là hình như tôi có nghe trả lời như vậy thật.

- Không! Điều ấy thì không! Người đừng bắt con làm như vậy. Những kẻ đó đã làm con đau khổ quá nhiều. Làm sao con có thể tha thứ cho bọn cảnh sát gian xảo, cho tên làm chứng điều toa Polein? Thôi không cất lười lão chương lý vô nhân đạo? Không thể được. Không, không và không! Con rất ân hận đã làm trái ý người nhưng bằng bất kỳ giá nào, con sẽ trả thù.

Tôi đi ra ngoài, tôi sợ yếu lòng, tôi không muốn thoái chí. Tôi đi vài bước trong vườn. Toto sửa sang cho thân cây đậu cuốn quanh mấy cái sào. Toto, dân thủ đô Paris chứa chan hy vọng đối với hạ lưu ở đường Lappe, Antartaghia, tên móc túi, sinh ra ở đảo Carse nhưng trong nhiều năm đã nắn túi tiền của dân Paris, và Deplanque, tên sát nhân người Dijon đã giết một thằng cũng làm ma-cô như nó, cả ba người đến gần tôi. Họ ngấm tôi, mặt mày họ rạng rỡ vì thấy tôi cuối cùng đã giành được tự do. Chẳng bao lâu nữa cũng sẽ đến lượt họ.

- Cậu không mang về chai rượu vang hay rượu rum nào để ăn mừng việc cậu đi à?

- Xin lỗi, tớ bị xúc động quá nên quên. Các cậu tha thứ cho tớ nghe.

- Không, Papi ơi, không có gì phải tha thứ cả, tôi sẽ pha cà phê nóng cho tất cả đây!

- Anh Papi, anh bằng lòng nhé, bây giờ anh đã được hoàn toàn tự do sau bao nhiêu năm đấu tranh. Chúng tôi đều mừng cho anh.

- Tôi hy vọng rồi cũng đến lượt các cậu. Chắc chắn là như vậy rồi, - Toto nói. - Đại úy nói với tôi rằng cứ mười lăm ngày, ông lại trả tự do cho một người trong bọn ta. Được tự do rồi, anh định làm gì đây?

Tôi do dự một hai giây, rồi tuy sợ bị những kẻ cùng cảnh tù đầy kia thấy mình lộ bích, tôi cũng can đảm đáp:

- Tớ sẽ làm gì à? Cũng chẳng có gì phức tạp lắm: tớ bắt đầu lao động và sẽ luôn luôn làm ăn lương thiện. Đất nước này đã tin cậy tớ, tớ mà phạm tội gì thì xấu hổ lắm.

Tướng sẽ nhận được một lời mĩa mai, ai dè cả ba người đều cùng thú thật:.

- Tôi cũng vậy, tôi quyết định sẽ sống cho đúng đắn. Papillon ạ, anh nói đúng, sẽ khó đấy, nhưng phải làm như vậy và dân Venezuela cũng xứng đáng được chúng mình kính nể.

Tôi không tin ở tai tôi nữa. Toto, tên lưu manh hạ lưu ở khu Bastille cũng có những ý nghĩ như thế ư? Thật là bất ngờ, Antartaglia suốt đời chỉ đi móc túi người khác cũng phản ứng như vậy sao? Thật tuyệt vời. Và Deplanque mà cô chuyên nghiệp lại không dự định tìm một người phụ nữ nào để lợi dụng khai thác họ ư? Cái đó còn lạ hơn. Tất cả chúng tôi cùng phá lên cười.

- Chà! Lại có chuyện như vậy nữa sao. Thật là đáng giá ngàn vàng, nếu nay mai cậu trở về khu Montmartre, ra Quảng trường Trắng mà kể lại chuyện này thì chẳng ai tin đâu.

- Những tay anh chị trong giới chúng ta sẽ tin đấy. Họ hiểu mà. Chỉ có bọn trưởng giả mới không chịu tin. Đại đa số dân Pháp không chịu thừa nhận rằng một người có quá khứ như chúng ta có thể trở thành người tốt về mọi mặt. Đây là điều khác nhau giữa dân Venezuela và dân chúng ta. Tổ đã kể cho các cậu nghe luận điểm của một ngư dân nghèo ở Irapa: bác ta đã giải thích cho khu trưởng rằng không có người nào là đồ bỏ cả và phải tạo cơ hội cho người ta trở thành lương thiện. Những ngư dân hầu hết là mù chữ ở vịnh Paria, bên lề thế giới, lọt thỏm vào giữa cái cửa sông Orénoque mênh mông, có một triết lý nhân văn mà nhiều đồng bào của chúng ta không có nổi. Quá nhiều tiến bộ về máy móc, một cuộc sống bon chen, một xã hội chỉ theo đuổi một lý tưởng duy nhất là làm sao có được nhiều phát minh về máy móc, tiến tới một cuộc sống ngày càng dễ dãi hơn, tiện nghi hơn. Thường thức các phát minh về máy móc cũng giống như mút kem, chỉ lười cuồn người ta thêm khát nhiều tiện nghi hơn nữa và đấu tranh liên tục để đạt tới cái đích đó. Những cái đó giết chết tâm hồn, lòng trắc ẩn, sự thông cảm, và sự cao thượng. Người ta không còn thì giờ để quan tâm đến người khác, lại càng ít thì giờ hơn để quan tâm đến những kẻ phạm tội. Ngay các nhà cầm quyền ở chốn này cũng

khác ở nước ta, vì họ chịu cả trách nhiệm về sự yên tĩnh công cộng. Dù họ có thể bị gặp nhiều điều phiền phức lớn lao nhưng họ cũng nghĩ rằng cứ phải làm liều một chút để cứu lấy một con người. Và như thế thật tuyệt vời.

Tôi có một bộ đồ xanh nước biển do học trò của tôi bây giờ là đại tá, tặng: Anh ta đã vào trường sĩ quan được một tháng, sau khi lọt vào số ba người đỗ đầu trong cuộc thi tuyển. Tôi sung sướng thấy mình cũng góp phần vào thành công của anh bằng các bài tôi đã giảng cho anh. Trước khi đi, anh đã tặng tôi mấy bộ quần áo còn mới của anh, vừa khít với tôi. Tôi ra đi, ăn vận chững chạc nhờ Francisco Bolagno, hạ sĩ của quân cảnh vệ quốc gia, nay đã là chủ gia đình và đã là bố.

Viên sĩ quan này, ngày nay đã là đại tá, trong hai mươi sáu năm liền đã dành cho tôi một tình bạn chân thành và không bao giờ phai nhạt. Ông là biểu trưng chân chính của tính cương trực, cao thượng, và của những tình cảm cao cả nhất mà một con người có thể có được. Tuy ở một địa vị cao trong thứ bậc quân sự, ông luôn luôn biểu lộ tình bạn trung thành của ông đối với tôi và sẵn sàng giúp tôi bất cứ việc gì. Tôi đã chịu ơn đại tá Francisco Bolagno Utrera rất nhiều.

Phải, tôi sẽ làm hết cách để trở thành người lương thiện và giữ sao cho mình mãi lương thiện. Chỉ có một điều phiền phức là tôi chưa làm việc bao giờ, tôi không biết làm gì cả. Tôi phải làm bất cứ việc gì để kiếm sống. Cũng không dễ, nhưng chắc chắn là tôi sẽ làm được. Ngày mai tôi sẽ trở thành một người như những người khác. Công tố viên! Người đã thua ta rồi: ta đã thoát hẳn ra khỏi con đường của sự thối nát.

Tôi trần trở hồi lâu trên vông, thao thức trong đêm cuối cùng của cuộc đời tù tội long đong. Tôi ngồi dậy, đi ra thăm cái vườn mà tôi đã bỏ biết bao nhiêu công sức để săn sóc trong những tháng qua. Trăng sáng như ban ngày. Nước sông lặng lẽ chảy ra biển. Không có tiếng chim: chúng đang ngủ. Trời đầy sao, nhưng trăng sáng quá, phải đứng quay lưng lại phía trăng mới thấy được sao. Trước mặt tôi là bóng tối của rừng, chỉ có một điểm sáng mờ mờ là

làng El Dorado. Cảnh tĩnh mịch sâu lắng của thiên nhiên làm cho tôi thư thái. Nổi bồng chồn đã lắng dịu dần và đêm thanh vắng đã đem lại cho tôi sự thanh thản mà tôi đang cần. Tôi tưởng tượng thấy rất rõ nơi mà ngày mai tôi từ xa-lan đặt chân lên mảnh đất của Simon Bolivar, người đã giải phóng nước này khỏi sự thống trị của Tây Ban Nha và đã để lại cho các thế hệ sau những tình cảm nhân đạo và sự thông cảm đã làm cho tôi có thể bắt đầu được sống lại.

Tôi đã ba mươi bảy tuổi, tôi còn trẻ. Thể trạng của tôi hoàn hảo. Tôi chưa bao giờ ốm nặng, thần kinh tôi hoàn toàn bình thường. Tôi dám nói vậy. Con đường thối nát mà không để lại trong tôi những dấu vết sa đọa. Tôi cho đó chủ yếu là do tôi không bao giờ thực sự thuộc về nó cả.

Trong những tuần tự do đầu tiên, tôi không những phải tìm cách kiếm sống cho mình, mà còn phải săn sóc và nuôi sống Picohno. Đối với tôi, trách nhiệm ấy thật nặng nề. Tuy cậu ta là gánh nặng đối với tôi, tôi sẽ giữ lời hứa với giám đốc trại giam, cho đến khi nào đưa được Picolino vào bệnh viện, nơi có những người chuyên môn giỏi chữa bệnh cho cậu, mới thôi.

Tôi có nên báo tin cho bố tôi biết là tôi đã được tự do không? Đã nhiều năm, ông cụ không biết gì về tôi. Không biết bây giờ ông cụ ở đâu? Những tin tức duy nhất mà ông cụ có được về tôi là do cảnh sát đến hỏi mỗi lần tôi vượt ngục. Không, tôi không được hấp tấp. Tôi không có quyền làm vết thương có lẽ sẽ đã thành sẹo sau bao nhiêu năm nay, lại rớm máu. Tôi sẽ viết thư cho ông cụ khi nào tôi đã ổn định, đã có một vị trí nhỏ vững vàng, không có vấn đề gì rắc rối, khi tôi đã có thể nói với ông cụ: “Thưa ba, con của ba đã được tự do, đã trở thành một người tốt và lương thiện. Con đã sống như thế này, bằng cách này. Ba không phải cúi đầu khi nghĩ về con nữa, và cũng vì thế cho nên con mới viết thư này để nói với ba là con luôn luôn yêu thương và tôn kính ba”.

Đang có chiến tranh, không biết quân Đức có chiếm đóng làng chúng tôi không? Ardèche không phải là một vùng có chút gì quan trọng về chiến lược của nước Pháp. Chắc chúng cũng chẳng

chiếm đóng hết cả tỉnh này. Ở đây phỏng chúng kiếm được cái gì ngoài hạt dẻ ra? Phải, chỉ khi nào tôi tự thấy mình đã xứng đáng tôi mới viết thư, hay nói cho đúng hơn mới tìm cách viết thư về nhà.

Tôi sẽ đi đâu bây giờ? Tôi sẽ định cư ở một làng gần mỏ vàng tên gọi là Le Callao. Tôi sẽ sống ở đó một năm - thời gian người ta đòi hỏi tôi phải sống trong một cộng đồng nhỏ. Rồi tôi sẽ làm gì? Ai mà biết được: Mi đừng đặt trước những vấn đề như vậy. Dù phải cuộc đất để kiếm miếng ăn, mi cũng phải làm, có thể thôi.

Tôi phải tập sống tự do, việc này sẽ không dễ đâu. Mười ba năm rồi, không kể mấy tháng ở Georgetown, tôi không phải lo đến chuyện kiếm ăn. Dù sao hồi ở Georgetown, tôi cũng đã xoay xở được. Cuộc phiêu lưu vẫn tiếp tục, tôi phải nghĩ ra phương kế để mà sống, dĩ nhiên là không làm hại đến ai. Rồi sẽ tính sau! Nào, cứ đến Le Callao đã.

Bảy giờ sáng. Anh nắng đẹp vùng nhiệt đới, bầu trời xanh không gợn một bóng mây, chim hót líu lo các ngói niềm vui sống. Các bạn tôi đã về tụ ở cổng vườn. Picolino mặc quần áo thường, cạo râu sạch sẽ. Tất cả mọi thứ: cảnh thiên nhiên, vật và người đều toát lên niềm vui và đều mừng cho tôi được tự do. Có một thiếu úy cùng đến với nhóm bạn bè tôi: anh ta sẽ cùng đi với chúng tôi đến làng El Dorado.

- Chúng ta hãy hôn nhau, rồi anh đi đi, - Toto nói. Như vậy sẽ tốt hơn cho tất cả mọi người.

- Từ biệt các bạn thân mến, nếu có dịp đi qua Le Callao các bạn đến tìm tôi nhé. Nếu tôi có nhà riêng thì đó cũng là nhà của các bạn.

- Từ biệt Papi, chúc anh gặp may mắn nhé!

Chúng tôi đi nhanh xuống bến và lên xà-lan. Picolino đi khá vững vàng. Cậu ta chỉ bị liệt từ hông trở lên, chứ chân thì không sao. Mười lăm phút sau, chúng tôi đã qua sông.

- Giấy tờ của Picolino đây. Anh bạn Pháp, chúc anh may mắn nhé. Từ giờ phút này anh được tự do Adios!

Rút bỏ những xiềng xích đeo đẳng mình đã mười ba năm cũng chẳng khó khăn gì. “Anh được tự do từ giờ phút này”. Người ta đã quay mặt đi, không giám sát anh nữa. Chỉ có thế thôi. Chúng tôi leo nhanh con đường đá cuội từ bờ sông đi lên. Chúng tôi chỉ có một gói nhỏ, ở trong có ba cái áo sơ-mi và một cái quần dài để thay đổi. Tôi mặc bộ com-lê màu xanh hàng hải, sơ-mi trắng, thắt ca-vát xanh cùng màu với áo ngoài.

Nhưng dĩ nhiên làm lại cuộc đời không phải như khâu lại chiếc khuy áo. Và nếu giờ đây, hai mươi lăm năm sau, tôi đã có vợ, có một con gái, đã sống sung sướng ở Caracas, đã là công dân Venezuela, thì đó là do trải qua biết bao nhiêu chuyện khác, bao nhiêu thành công và đổ vỡ, nhưng là của một người tự do và một công dân đứng đắn.